English Section PAGE 88

NĂM THỨ SÁU • # 54 • OCTOBER 1993

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

Nói thêm về Trần Đức Thảo • HOÀNG KHOA KHÔI

Trăng có còn đó không • TRẦN CÔNG SUNG

Phạm Duy • NGUYÊN SA

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

NHẠC THÍNH PHÒNG MÙA THU 1993

Dạ tiệc gây quỹ Hội VAALA

FALL 1993 CHAMBER MUSIC
VAALA fund-raising banquet

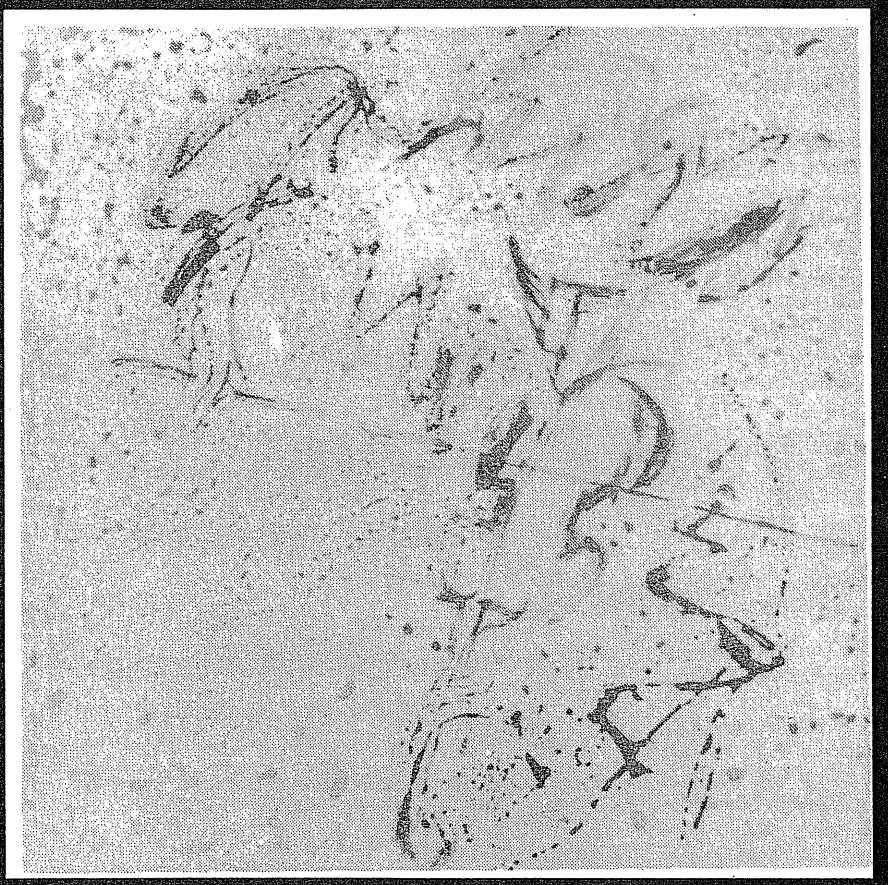

FROM 6:00 TO 10:30 PM
FRIDAY, OCTOBER 15, 1993

GRAND GARDEN RESTAURANT 8894 BOLSA AVE., WESTMINSTER

Liên lạc mua vé tham dự: (714) 894-5630 - Hỏi ông Vũ Duy Tự.
Giá: $25.00 một người. Bàn 10 người: $225.00 (cuối năm khai thuế được khấu trừ)

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

Thư Tòa Soạn

Tháng qua, chúng tôi có gửi thư đến tất cả quý bạn đọc, để thăm hỏi và giữ mối dây liên lạc (nhân thể rà lại xem địa chỉ có thay đổi gì không, nhờ đó mới...phát giác ra nhiều vị đã dọn nhà đi chỗ khác rồi). Một vài bạn tưởng lầm là thư...đòi tiền (!) vì thấy có kèm theo một vài phiếu mua báo dài hạn. Thực ra, đó chỉ là một trong số những việc tòa báo mong được bạn đọc tiếp tay, để tờ báo của chúng ta ngày càng phát triển. Xin quý vị và các bạn giới thiệu Thế Kỷ 21 với thân hữu của mình.

Cũng trong thư đó, chúng tôi đề nghị quý vị và các bạn khuyến khích con em của mình gửi những bài tiếng Anh của các em để tòa báo giới thiệu trong phần Anh ngữ. Chúng ta sẽ "chuyển giao" tờ báo này cho thế hệ con em chúng ta — người của thế kỷ 21 sẽ trông nom săn sóc tờ Thế Kỷ 21!

Trong tiến trình chuyển giao, những người "cũ" (mà không già đâu nhé!) tiếp tục giữ trách nhiệm điều hành tờ báo, với sự hỗ trợ ngày càng đông đảo của các nhà văn, nhà báo xa gần. Từ số này, chúng ta có thêm các bạn Hà Tường Cát, Hoàng Khởi Phong, Vũ Ánh và Lê Thụy viết thường xuyên các mục tin tức cộng đồng, văn học nghệ thuật, quốc tế và Việt Nam. Loạt bài "đối thoại văn học" (tay đôi Võ Phiến / Nguyễn Xuân Hoàng) còn ba kỳ nữa sẽ chấm dứt. Mời các bạn tìm đọc toàn bộ cuộc "đối thoại" này trong cuốn sách của Võ Phiến xuất bản khoảng cuối năm nay. Và đón đọc một loạt "tay đôi" khác.

Về hí họa, TK 21 vẫn có tranh của Vẹt. Vắng bóng Gúc và Kúm, nay có thêm Babui và Hiếu.

Nhà thơ Nguyên Sa, người vẫn thường xuyên góp ý, nhắc nhở toà soạn về việc làm cho tờ báo mỗi ngày một hấp dẫn hơn, vừa đề nghị TK 21 tăng trang và đóng gáy vuông. Đây quả thực là một mơ ước của TK 21. Nhưng thực hiện chắc hẳn còn là một tiến trình dài, vì phải tăng chi! Liệu vào tháng này năm tới, chúng ta thực hiện được không? Chúng tôi đặt câu hỏi với tất cả các bạn, là vì chính các bạn mới là những người có khả năng tạo điều kiện cho những cải tiến cỡ đó — bằng cách giới thiệu thêm độc giả mới cho TK 21! Bạn đồng ý chứ? Thân chào và chúc vui.□

THẾ KỶ 21

Bìa: *Tranh Ngọc Dũng*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Hí họa: *Vẹt, Babui, Hiếu*
Minh họa: *Đinh Cường, Thái Tuấn, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Hữu Nhật*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 54 • Tháng Mười 1993

Phần Anh Ngữ (English section)

NEWS IN BRIEF, 45 * Prospects for Economic Development in Vietnam, BUI DONG TRIEU, 46 * Crosscurrents and the never-ending search for a self-identity, LE NGOC CHAN, 50.

Phần Việt Ngữ

Thư Tòa Soạn, THẾ KỶ 21, 2 * Bạn Đọc viết, 4 * Tòa soạn và bạn đọc, 5 * Thượng Phụ Trần Hưng Đạo và Thái Sư Trần Thủ Độ, HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH, 7 * Vấn đề Việt Nam: Dân Việt Nam có đáng được tôn trọng hay không? NGUYỄN HỮU CHUNG, 9 * Kinh tế Việt Nam, thành quả 92 và nan đề 93, NGUYỄN XUÂN NGHĨA, 14 * Hội chứng tinh thần — Bệnh tự mãn, PHẠM XUÂN ĐÀI, 17 * Lớp Văn Sử tại Quận Cam, 18 * Tiếng vọng: Vài ý kiến thêm về Trần Đức Thảo, HOÀNG KHOA KHÔI, 20 * Thư Paris: Trăng có còn đó không? TRẦN CÔNG SUNG, 23 * Chân dung: Phạm Duy, NGUYÊN SA, 26 * Một hoàn cảnh mới cho sáng tác văn nghệ: Hình ý, ý hình, VÕ PHIẾN/NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 30 * Thơ: Xem tranh Vĩnh Ấn, HỒ TRƯỜNG AN, 30 * Bệnh mù... sách, BÙI BẢO TRÚC, 33 * Âm nhạc: Trò chuyện với Đặng Thái Sơn (tiếp theo), TRUNG CHÍNH, 34 * Thơ: Bài hát người câm, NGUYỄN AN TUÂN, 37 * Khoa học: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, SƠN ĐIỀN NGUYÊN VIẾT KHÁNH, 38 * Tùy bút: Hương Cảng, TRÙNG DƯƠNG, 58 * Thơ: Chiếu hoa, LƯU VĂN VỊNH, 59 * Thơ: Nhớ mưa Cần Đước, HUY TRÂM, 60 * Truyện: Đợi chờ, ĐINH PHỤNG TIẾN, 62 * Thơ: Mùa hạ và trò chơi puzzle, TRẦN MỘNG TÚ, 64 * Thơ CAO XUÂN TỨ, 66 * Truyện: Con khỉ của anh Tư, ĐỖ THÌ KÊNH G, 69 * Truyện: Em về nhà chồng hôm qua, LÊ THỤY VI, 70 * Thơ: Mai bông cúc nở, GIANG HỮU TUYÊN, 72 * Truyện: The Burung, NGUYỄN ĐẠM THỦY & TẠ THÁI, 73 * Thơ HOÀNG CHIÊU NHÂN, 75 * Thư Hà Nội: Cổ Loa Thành, PHẠM CHU, 79 * Thơ: Chỗ hẹn Trên đồi, TRẦN TÚ UYÊN, 80 * Nhật ký của một người về quê ăn Tết, BA LÊ, 81 * Thơ: Paris, người bạn hiền xa lạ, PHẠM XUÂN TÍCH, 83 * Đọc sách: Mảnh đất lắm người nhiều ma, NGUYỄN NGUYÊN THANH, 85 * Vòng chân trời văn học nghệ thuật, HOÀNG KHỞI PHONG, 88 * Thế sự thăng trầm, VŨ ÁNH, 91 * Sách báo trong tháng, LÊ TAM CA và NGUYỄN NAM ANH, 94.

Tranh siêu thực ở Việt Nam

(...)Tôi học tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội (1975-78) và theo trường phái Siêu thực. Nhưng trong chế độ cộng sản mọi họa phẩm phải mang tính chính trị,nên tranh của tôi không được chấp nhận. Tôi bỏ học. Năm 1981 tôi sang làm công nhân nhà máy sợi Guben Đông Đức và năm 1987 tôi chạy trốn trên đường về tại Karachi, Pakistan. Từ 1988 đến nay, tôi định cư tại London, Anh quốc, và tiếp tục vẽ. Hồi tháng Sáu năm nay tôi có triển lãm tranh trong ngày hội văn hóa vùng Surrey, và tháng Bẩy trong South Thames Festival. Nhân đọc bài "Hơn nửa thế kỷ hội họa Việt Nam qua phòng triển lãm Mùa Xuân 93" trên Thế Kỷ 21, tôi muốn nhờ quý báo giúp tôi một việc: tôi muốn gửi tranh tham dự các cuộc triển lãm hội họa Việt Nam ở bất cứ nơi đâu. (...)

Văn Ngọc
London, Anh quốc

Chúng tôi đã sao chuyển thư, và ảnh chụp bức tranh "Trái đất và phương Đông," của anh tới Hội VAALA. Mỗi năm, vào dịp Tết Nguyên đán, Hội này lại tổ chức một cuộc triển lãm quy mô (như năm ngoái có tới hơn 40 họa sĩ Việt Nam khắp nơi gửi tranh). Năm 1994, hình như Hội có ý định tổ chức cuộc "triển lãm Mùa Xuân" dành cho các nữ họa sĩ. Xin anh theo dõi các Bản Tin của Hội, và đề nghị với Hội về việc tổ chức triển lãm cá nhân hoặc nhóm.

Tôi chẳng hiểu gì cả!

Là độc giả dài hạn của TK 21 từ hơn một năm qua, tôi sắp đặt mua tiếp, nhưng trước hết, tôi có câu hỏi này: Tôi là người Việt Nam 100%. Đọc tiếng Việt mà hiểu hết là một niềm vui, nhưng ngược lại, gặp những bài đọc chẳng hiểu gì thì rất khổ. Chẳng hạn bài thơ kèm theo đây [LTS: bài "Xuống Thấp" của DTL, TK 21 số 53, trang 63]. Tôi có nên mua báo để đọc mà không hiểu?

Một độc giả khó tính

Thơ khác văn xuôi ở chỗ ít chữ, có thể có vần hay không, nhưng có nhạc điệu, và người đọc thơ thường "cảm nhận" thơ, có khi không "hiểu" mà vẫn thấy hay. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đồng ý "chẳng hiểu gì thì rất khổ," để nhân đây đề nghị các nhà thơ của chúng ta, trên đường tìm tòi, khai phá ngôn ngữ, xin cho độc giả chúng tôi đi cùng. Đa tạ! Đa tạ!

Văn phạm của thơ

Thơ có văn phạm riêng của nó. Nhưng thực ra thơ có thể bỏ hẳn văn phạm ra ngoài được không? Chúng tôi nghĩ là không. Bài thơ của Duy Lam viết bằng tiếng Anh đăng trên TK 21 số tháng Bẩy, trang 51, có ít nhất hai câu đi ra ngoài những quy luật văn phạm Anh ngữ: Câu thứ 21 "'Cause one've been abandonned." "One" là đại danh từ ngôi thứ ba số ít, động từ theo sau phải là "has been." Câu thứ 35 "Sadness and sorrow came furtive." Sau động từ "came" phải là một trạng từ, ở đây là "furtively." Ngoài ra, mấy dòng cuối cũng có vài lỗi, chưa kể cách viết không thường được dùng trong những đoạn giới thiệu tác giả. Chúng tôi mong những chi tiết trên là những "lỗi typo," và mong nhà báo nên cẩn thận hơn kẻo các tác giả có thể bị hiểu lầm.

Dù sao chúng tôi cũng vẫn thích Duy Lam với "Gia Đình Tôi" bằng Việt ngữ.

Dương Thục Anh
Annandale VA

Cám ơn bà đã lưu ý tòa soạn những chi tiết rất cần cho việc giữ gìn sự chính xác của ngôn ngữ. Chúng tôi nghĩ rằng các tác giả không những không "buồn" khi được nhắc nhở, mà còn thấy vui vì bài của mình được độc giả theo dõi kỹ. Tòa soạn cũng đồng ý là phải đọc kỹ bản thảo, bản vỗ, và xin phép các tác giả cho hiệu đính những lỗi về chính tả và văn phạm.

Kể cả Việt Nam!

(...)Chúng tôi mong TK 21, dù có phải đáp ứng với những nhu cầu khác nhau của độc giả, vẫn giữ được truyền thống hướng dẫn quần chúng của một cơ quan ngôn luận. Kính chúc toàn thể nhóm "chủ biên" TK 21 luôn luôn được sự ủng hộ của người Việt khắp nơi trên thế giới (kể cả Việt Nam!)

Đỗ Linh
Houston TX

Thông cảm

Tôi vốn say mê văn chương, dù không lấy văn chương làm sinh kế. Nhưng tôi rất thông hiểu hoàn cảnh những ngời sống bằng nghề viết văn và làm báo, nhất là ở hải ngoại. Xin gửi lại các bạn cái check tiền nhuận bút, xem nhu tôi phụ với các bạn tiền tem để gởi báo đến những bạn cũng say mê chữ nghĩa như tôi.

Trần Long Hồ
Falls Church VA

Đính chính

Tác giả Nguyên Vũ (Berlin, Đức) cho biết trong bài "Cái chết thê thảm..." trong TK 21 số 51, trang 26, dòng 12 có từ đánh sai: "thanh niên." Phải là "thành viên" mới đúng. Trang 25, dòng 2, đoạn văn

"con một cựu bí thư Tỉnh uỷ Hải Hưng" (không đúng), xin sửa lại là "con một phó ban Nội chính tỉnh Hải Hưng" (lỗi này do tác giả). ■

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tòa báo đã nhận được phiếu mua dài hạn hoặc phiếu gia hạn của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong được quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Minh Châu Gallagher (New York NY), Trần Huỳnh Minh (Tustin CA), Bùi Công Khanh (Walnut CA), Lê Đại Lãng (Richmond VIC), Trần Đức Hiếu (Irvine CA), Kezia Nguyễn (Alhambra CA), Lê Thị Tường Loan (Houston TX), Khương Phương Lan (Vienna VA), SBS Radio (Sydney NSW), Đỗ Trọng Tri (Portland OR), Trịnh Bích Đào (Silver Spring MD), Nguyễn Thị Dung (Montréal PQ), Nguyễn Xuân Nga (Ocean NJ), Vũ Chân (Babylon NY), Huỳnh Thái Bình (Fairfax VA), Trương Thắng (Calipatria CA), Nguyễn Kim Liên (Eagan MN), Vũ Như Hoàng (Hayward CA), Dương Kiền (Klasatjonnvei Nauy), Phạm Thế Trường (Terre Haute IN), Phan Huy Lương (Champaign IL), Hoàng Đống (Tigard OR), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Phạm Cao Dao (Japan), Nguyễn Thị Vân (Raiford FL), Nguyễn Tấn Phú (Orlando FL), Trần C. Ngọc (Madison WI), Hà Dương Dực (Santa Ana CA), Nguyễn Nhật Thăng (Houston TX), Đậu Phương Mai (Vienna VA), Nguyễn Xuân Hiếu (RS Magarita CA), Phạm Chi Lan (Garland TX), Trần Trúc Quang (Falls Church VA), Phan Văn Quang (Fairfax VA), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA), Nguyễn Thị Thanh Phương (Simpsonville SC), Cung Thúc Vấn (Mesquite TX), Joseph N Vinh (San Jose CA), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Nguyễn Trọng Cơ (Downey CA), Nguyễn Tấn Sĩ (Westminster CA), Bùi Đức Lạc (San Jose CA), Bùi Đức Hợp (New Orleans LA), Đặng Phùng Quân (Houston TX), Nguyễn Thành Vân (San Francisco CA), Trần Quang Minh (Tampa FL), Phùng Kim Vy (Canada), Đào Đức Hoàng (Montréal PQ), Nguyễn Hoàng Thịnh (Montréal PQ), Nguyễn Tường Triệu (Montréal PQ), Nguyễn Hoàng Hưng (Melbourne ÚC), Đặng Văn Hiền (Springfield VA), Lê Phục Thủy (San Diego CA), Trịnh Ngọc Bằng (Irving TX), Trần Quang Quyến (Falls Church VA), Hồ Hải Trân (San Jose CA), Trần Ngọc Dung (Oakland CA), Trần Trung Hòa (Copenhagen DM), Hương & Doug Liscum (Diamond Bar CA), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Phạm Bá Tường (Garden Grove CA), Phạm Yên Chi (San Francisco CA), Thiện Hỷ (Carrollton TX), Tôn Thất Thiện (Ottawa CND), Thân & Bích Liên Nguyễn (Irvine CA),

Thư bị trả về: Trăm Con (Canada), Đào Canh (Temple City CA), Việt Phương (Irving TX), Hằng Nga (Moorpark CA), Lê Phước Hòa (Houston TX), Nguyễn Văn Sâm (Houston TX), Nguyễn Văn Chuân (Chicago IL), Dương Mạnh Hùng (Vancouver WA), Đỗ Duy Chí (Garden Grove CA), Nguyễn Hữu Sỹ (Garden Grove CA), Trần Vương Quang (Coltsneak NJ), Vy Thuấn (Westminster CA), Phạm Xuân Tích (Les Lilas FR), Kiều Duy Phong (Montréal PQ),

Xin quý vị cho tòa báo biết địa chỉ mới để liên lạc và gửi báo. Chắc quý vị đã rõ là báo gửi bằng bulk rate "một đi không trở lại!" Thành ra, nếu không được thông báo địa chỉ mới, chúng tôi cứ gửi báo, báo mất, cả tòa báo và độc giả đều không biết.

● **Võ Đông Pha** *(Canada)*: Đại diện của TK 21 ở CND, ông Hoàng Chiêu Nhân, cho biết là ông muốn yểm trợ Hội VAALA trong việc tổ chức lớp Văn Sử, chúng tôi chân thành cám ơn ông và sẽ chuyển số tiền đó cho Hội VAALA. Cũng xin ghi nhận những ưu ái ông dành cho TK 21. Thân chào.

● **Nguyễn Cao Thắng** *(Illinois)*: Cám ơn ông đã có thư thông báo, mong sớm nhận được tin "trở lại" ở địa chỉ mới. Thân chào.

● **Đường Minh Hoàng** *(Westmount CND)*: Đã nhận được ngân phiếu gia hạn báo hai năm do NXH chuyển lại. Rất cám ơn sự ủng hộ tích cực đó. Thân

Đón Đọc

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Hãy đón đọc:

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

chào.

● **Vương Trọng Tài** (*Calgary CND*): Đã nhận được thư và thơ. Xin cứ liên lạc về việc mua báo qua anh HCN. Mong tiếp tục nhận được các sáng tác. Thân ái.

● **Duy Lam** (*Lawndale CA*): Đã nhận đủ thư, thơ và truyện. Xin lỗi anh về việc không gửi báo. Đúng ra, có nhờ người chuyển tay ngay sau khi đăng bài thơ tiếng Anh, nhưng sơ suất là không theo dõi để biết báo có đến nơi hay không. Sẽ có thư riêng về các câu hỏi khác trong thư. Thân ái.

● **Hoài Hương** (*Montréal CND*): TK 21 cũng "hy vọng một ngày không xa..." Chúc vui.

● **Nguyễn Văn Nam** (*San Diego CA*): Nhận được Thiệp Mời dự Đêm Nhạc, nhưng gấp quá không thu xếp để kéo nhau xuống chung vui với bạn được. Xin hẹn một dịp khác. Hoặc bạn sẽ lên quận Cam? Chúc thành công và luôn vui. Thân chào.

● **Phan Thanh Tâm** (*Shoreview MN*): Nhiều anh chị em ở đây đồng ý với nội dung Thư Ngỏ. Sẽ vận động để có thêm chữ ký. Mong tin luôn.

● **Trương Trọng Trác** (*Houston TX*): Đã chuyển mấy tấm ảnh cho các "đương sự." Anh em gửi lời cám ơn nhiều và hẹn gặp. Thân ái.

● **Trần Tường** (*San Diego CA*): Đã gửi thêm số 52 theo thư của ông NVK. Địa chỉ mới của ông chúng tôi nhận được sau khi đã gửi báo đi. Cám ơn ông đã dành cho những lời chúc tốt đẹp. Kính chào.

● **Trần Huỳnh Mính** (*Tustin CA*): Đã nhận được thư và chi phiếu của anh do anh PPM chuyển. Cám ơn anh đã chúc "báo TK 21 vững mạnh và đến thế kỷ 21 thì số độc giả sẽ hàng triệu (!) và địa bàn hoạt động sẽ là toàn thế giới." Thân chào.

● **Trần Quí Phiệt** (*Kerrville TX*): Cám ơn anh đã cho bản sao bài báo tiếng Anh (để tham khảo). Đã gửi báo TK 21 các số 52 và 53. Mong tin luôn.

● **Nguyễn Đức An** (*Arlington TX*): Có nhận được thiệp mời ra mắt tuyển tập thơ nhạc "Tình Liễu (Liêu?) Trai." Xin chúc mừng. Thân chào.

● **Đỗ Ngọc** (*Đức*): Đã nhận được thư thông báo về việc trao đổi báo. Bài về TĐT rất công phu. Đã có thư riêng đề nghị cách sử dụng. Mong tin luôn. Thân ái.

● **Gia Du** (*Cabramatta UC*): Nhận được điện thư, rất vui. Viết gửi lại ngay cũng bằng điện thư mà máy đầu đó không chịu nhận! Đã chuyển thư cho các anh Y và H. Bên đó sẽ điều chỉnh địa chỉ để báo tới nơi. Chúc thành công.

● **Nguyễn Văn Nam** (*Munich Đức*): Đã nhận được cả hai điện thư, gửi lại không được, không hiểu tại sao. Đã gửi thư bằng đường bưu điện, nói rõ thể lệ bán báo. Mong tin luôn.

● **Hà Mai Phương** (*San Jose CA*): Đã nhận được đặc san Dòng Việt, chủ đề "Ngôn ngữ văn tự Việt Nam," và một số tài liệu liên hệ đến việc giới thiệu tập san. Có lẽ đây là "biến thể" của "VN Tập Chí," hay người viết sử muốn "hai tay hai súng?" Hẹn gặp. Thân ái.

● **Trần Tuấn** (*El Paso TX*): Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ cũng mới được thành lập gần đây thôi (từ năm 1991). Như tên của Hội cho thấy, Hội không hoạt động xã hội, mà chuyên về văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật (thế cũng đã là...tham lam rồi, phải không?) Không cứ phải là văn nghệ sĩ mới gia nhập Hội được. Và ở ngoài tiểu bang Cali cũng cứ "nhào vô" được như thường. Anh liên lạc thẳng với Hội qua địa chỉ sau đây: VAALA, 14901 Moran St., Westminster CA 92683. ĐT (714) 894-5630.

● **Đan Uyển Dung** (*Costa Mesa CA*): Xin xem trả lời Trần Tuấn, phần liên quan đến Hội VAALA. Lớp Báo Chí hiện tạm ngưng (sau sáu khóa từ năm 1986 đến 1991), nếu có sẽ thông báo rộng rãi để các bạn tham dự cho vui. Đã gửi tặng cuốn "kỷ yếu 1988" (cuốn 1986 hết rồi). Vụ tặng sách cho độc giả dài hạn năm ngoái là do nhã ý của ông Võ Thắng Tiết (giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ). Đang liên lạc với các nhà sách khác xem có vị nào có...nhã ý như thế nữa không. Cuốn cô nhờ mua dùm quả thật khó tìm, xin chờ thêm ít lâu, chúng tôi cố hỏi thêm các tiệm sách khác. Thân chào.

● **Phấn Baker** (*Hawaii*): Có mua dùm bà ba cuốn sách, gửi đi, bị trả về, xem kỹ hóa ra nhãn địa chỉ bị nhòe (không rõ vì đâu). Sẽ gửi lại. Cám ơn bà đã ủng hộ TK 21 nồng nhiệt. Chúc vui.■

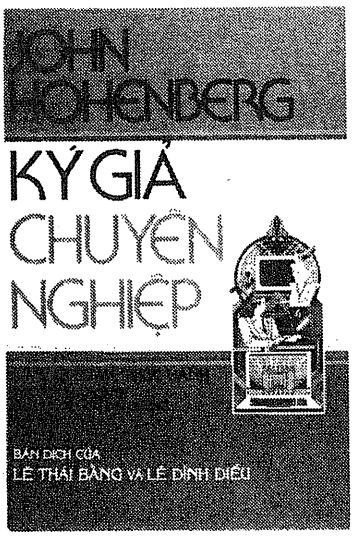

Tìm đọc: *Ký Giả Chuyên Nghiệp*, do Lê Thái Bằng và Lê Đình Điểu dịch từ bản Anh ngữ *The Professional Journalist* của John Hohenberg, là một bộ sách giáo khoa căn bản nhằm đào tạo các phóng viên, biên tập viên, ký mục gia và bình luận gia cho các ngành báo chí, truyền thanh và truyền hình. (Có thể mua tại các nhà sách. 636 trang. Giá $19.50).

"Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ"

THƯỢNG PHỤ TRẦN HƯNG ĐẠO và THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ

HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH

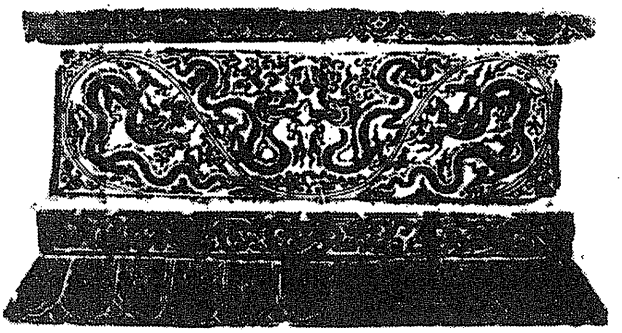

Hai lời nói - hai nhân cách anh hùng

Năm 1257 quân Mông Cổ xâm lăng nước ta lần thứ I, Thái Sư Trần Thủ Độ lúc ấy đã ở tuổi 60-70 (1) và Trần Quốc Tuấn đang vừa đúng 29 tuổi được cử thống lĩnh binh mã lên miền Bắc chống cự. Cột trụ của nhà Trần và của đất nước lúc ấy là Thái Sư Trần Thủ Độ, ông đã nói với vua Trần một câu nói lịch sử:

"*ĐẦU TÔI CÒN*, xin Bệ hạ đừng lo."

Năm 1284, hai mươi bảy năm sau, Mông Cổ xâm lăng qui mô lần thứ II, lúc này Trần Hưng Đạo đã 56 tuổi và Thái Sư Trần Thủ Độ chắc đã mất, vua Trần Nhân Tôn phân vân giữa kẻ chiến người hòa, đến hỏi Trần Hưng Đạo, và với tinh thần sát thát cương quyết, vị lão anh hùng có 26 năm kinh nghiệm điều binh khiển tướng này đã trả lời:

"Bệ hạ muốn hàng, xin hãy *CHÉM ĐẦU TÔI* trước!"

Hai lời nói lịch sử cách nhau một phần tư thế kỷ mang hai ý nghĩa khác nhau: "*Đầu tôi còn...*" rõ là lời của nhà chính trị, tự tin vào "cái đầu" của mình, đầu chưa rời thì hy vọng vẫn còn, mưu sự vẫn có cơ thành, mưu trí vẫn đủ mãnh lực để duổi giặc. Trần Thủ Độ nổi tiếng là người cương quyết, năm 1224 mới vào cung ít lâu làm Điện tiền chỉ huy sứ cho Lý Huệ Tôn, ông đã nắm ngay mọi giềng mối và sửa soạn kế hoạch dựng Trần diệt Lý, chỉ một năm sau, 1225, ông đã đạt mục đích và trở thành Thái Sư triều Trần. Sau khi "nhổ cỏ nhổ cho tận rễ" diệt tới tận cùng nhà Lý (2), ông một tay cáng đáng quốc sự, chỉnh đốn triều chính, luyện binh tuyển tướng, quân số thời đó lên tới 200,000 người (3), nên khi Mông Cổ sang ta đã có sẵn quân lực để đánh.

Trần Hưng Đạo ít nhất kém Trần Thủ Độ 30 tuổi, trong gia tộc Ngài đứng vào hàng cháu của Trần Thủ Độ. Sử gia thường cho Ngài giữ trọn chữ Trung với Vua với Nước nên đã không theo lời cha là An Sinh Vương Trần Liễu để đoạt lấy cơ nghiệp vì mối hận của Trần Liễu đã bị Trần Thủ Độ ép vợ (Trần Liễu) đang mang thai lấy Trần Thái Tông (Trần Cảnh) là anh em với Trần Liễu.

Ngoài chữ Trung, còn phải kể tới tương quan giữa Trần Thủ Độ và Trần Hưng Đạo: trong tinh thần gia tộc, Trần Hưng đạo phải kính nể Trần Thủ Độ, trong tinh thần ái quốc Trần Hưng đạo không thể phủ nhận lòng ái quốc chân chính của Trần Thủ Độ. Thật vậy, Trần Thủ Độ có thủ đoạn tàn nhẫn với nhà Lý và chỉ với nhà Lý mà thôi, còn việc đảo ngược luân thường đạo lý ép người này lấy người kia cũng chỉ xảy ra trong nội bộ họ Trần với dụng ý xây dựng cơ đồ vững chãi cho họ Trần (4).

Truyện kể lại cho ta một vài nét khác về nhân cách Trần Thủ Độ: một tên lính canh dinh vô tình chặn cửa không cho bà Thái Sư vào dinh, Trần Thủ Độ nghe chuyện không trách người lính canh vô lễ mà còn khen là làm đúng lệnh. Trong triều có kẻ tâu vua là quan Thái Sư chuyên quyền, đi kiệu qua Hoàng Cung không xuống kiệu, Trần Thủ Độ nghe, khen phải, và từ đó đi qua Hoàng Cung ông đều xuống kiệu.

Một người văn võ toàn tài như Trần Hưng Đạo chắc đã cân nhắc những điều đó và đã quán triệt rộng rãi chữ Trung với chữ Hiếu, nên Ngài đã tận trung báo quốc, giữ phẩm cách hoàn toàn của một binh lược gia, nên câu nói lịch sử: "Nếu Bệ hạ muốn hàng xin *chém đầu tôi trước*" phản ảnh cái hào khí của một vị Nguyên Soái, ý chí hùng mạnh dứt khoát như đường gươm. Ở Trần Hưng Đạo, trắng, đen, chiến, hòa, phải trái rõ ràng minh bạch tựa mặt trời mặt trăng. Một bậc đại trượng phu như vậy hoàn toàn phù hợp với đạo lý Đông phương, và như Quan Vân Trường của Tàu, Ngài đã được thờ phụng ngang hàng Thần Thánh, ngay khi còn sống đã được thờ ở sinh từ và khi chết

(1300) Ngài trở thành vị Thần oai linh. Bình dân tin rằng Ngài trừ được yêu quỷ ma quái và nếu Chử Đồng Tử là vị Chủ Đạo Tiên, thì Đức Thánh Trần trở thành vị Thần của Đạo Nội, là nguyên lý Cha, bên cạnh nguyên lý Mẹ (Chúa Liễu Hạnh), là hai nguyên lý hòa hợp Trời Đất của tín ngưỡng bình dân Việt Nam từ 700 năm nay:

"Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ"

nhắc nhở ta công đức của đấng Cha Mẹ độ trì dân tộc vậy.

Những yếu tố làm thăng hoa Việt sử đời Trần

Được thừa hưởng 216 năm kiến quốc của chín đời vua Lý, nhà Trần đã tiếp tục kiến quốc, cứu quốc và phát triển quốc gia tới đỉnh thăng hoa lịch sử.

Không phải tự nhiên "Trời cho" mà hai đời Lý Trần nảy sinh vô kể lương tướng tôi hiền như vậy. Suốt 400 năm hai đời Lý Trần đã thành công vì giữ được ba cơ sở tinh thần dân tộc sau đây:

1- Cơ sở tinh thần dân bản Hùng Vương

Tuy bị Tàu đô hộ gần ngàn năm, tinh thần *dân bản* Văn Lang vẫn kiên thủ ở làng xã và tới Lý, Trần tinh thần này lại có dịp vươn lên. Các vua quan thời Lý, Trần rất gần gũi với dân, vua Lý lấy áo đắp cho người già yếu, vua Trần và hoàng thích "gá chân nhau nằm ngủ," tướng sĩ coi nhau như cha con anh em (đặc biệt là Phạm Ngũ Lão), lúc quốc biến thì Vua cẩn trọng hội ý bô lão toàn quốc (*trọng lễ*), lúc tuyển tướng chọn quân thì dựa trên đức độ hiền tài (*trọng hiền*) nên những người áo vải dân đen như Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt, Trần Khánh Dư bán than, Nguyễn Khoái, Yết Kiêu, Dã Tượng... đều có dịp lập công với nước. Tinh thần dân bản này đã huy động được toàn dân từ làng xóm thôn quê, từ tận *"đáy" dân tộc*, nên Lý Thường Kiệt mới phá Tống bình Chiêm, Hưng Đạo mới ba lần đại phá Mông Cổ, bằng tự lực tự cường không có ngoại bang nào trợ giúp đằng sau.

2- Cơ sở giáo dục văn ôn vũ luyện

Cái học của đời Lý Trần là đạo học làm người quân bình văn và võ, không chuộng hư văn khoa bảng, nên đời Lý mới xuất ra những bậc văn võ toàn tài như Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Lý Đạo Thành... đời Trần như Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão... Các vua đời Lý, Trần là người chịu học đạo thánh hiền và dũng lược, lúc quốc sự đều thân chinh đi dẹp giặc, vào sinh ra tử với quan quân, chứ không ngồi hưởng ngai vàng ngâm hoa vịnh nguyệt như các đời sau.

Truyền thống *văn ôn vũ luyện* đúng là truyền thống giáo dục thích hợp với xã hội Việt Nam, luôn luôn tao loạn và toàn dân phải thường trực phòng vệ tổ quốc. Truyền thống này, đi song song với bao chiến công hiển hách, hiển nhiên là cơ sở giáo dục đúng nhất cho con người Việt Nam. Thời loạn, nó cung ứng cho dân tộc những chiến sĩ thao lược, thời bình nó hun đúc tinh thần thượng võ, ngay thẳng và quả cảm, có thể ngăn ngừa được kẻ gian ác độc tài hại dân hại nước. *Một xã hội trọng văn, một lớp sĩ "trói gà không chặt", khó chống được giặc trong thời loạn, khó cản được tà trong thời bình.*

Tiếc thay truyền thống giáo dục cao đẹp này từ thế kỷ 15 trở đi (sau Nguyễn Trãi) bắt đầu bị khoa cử hư văn làm lu mờ dần bằng tiêu chuẩn giáo dục "Tiên học lễ hậu học văn".

3- Cơ sở tinh thần dung hóa khai phóng

Nhà Lý đã đủ thế lực để xác định với phương Bắc:

"Nam Quốc sơn hà Nam đế cư"
(Lý Thường Kiệt)

thì nhà Trần cũng thừa khả năng để huy động toàn quốc vào đại cuộc:

"Thái bình tu nỗ lực
Vạn cổ thử giang san"
(Trần Quang Khải)

"Tu nỗ lực" ở đây là công trình *tổng hợp văn hóa* tư tưởng Đại Việt bắt nguồn từ truyền thống *dân bản nhân chủ Văn Lang*, trọng hiền trọng lễ từ hơn 2000 năm, *với Tam giáo* Phật, Nho, Lão đã hiện diện được 1000 năm trên đất nước tính đến thế kỷ 12-13.

Bốn trăm năm thịnh trị Lý, Trần đã nhào nặn đúc kết một nền văn hóa bền vững, nằm trong đại khối văn hóa Đông phương nhưng vẫn mang sắc thái đặc biệt dân tộc. Phật giáo được xiển dương theo hướng "Phật tại *tâm*" của Thiền môn Vạn Hạnh, Trúc Lâm, Nho giáo được phát huy theo tinh thần "cùng lý chính *tâm*" của Chu Văn An, Lão giáo phối hợp với nội đạo Thần Tiên và cùng với Phật, Nho, bổ túc cho đạo sống quân bình xuất xử, tình và lý, thiên nhiên và tâm linh.

Nhà Trần đã kết tạo được một *"cốt cách"* văn hiến, một *bản lãnh trí thức* cho kẻ sĩ Việt, bền chặt đến nỗi trải bao thăng trầm thử thách, nó vẫn tiềm tàng trong một Nguyễn Trường Tộ theo mới mà không bỏ gốc, trong một Phan Chu Trinh sâu rễ bền gốc để thâu hóa tân trào, một Nguyễn Thái Học "không thành công thì thành nhân" phản ảnh rõ rệt cái bản lãnh truyền thống Đại Việt mà nhà Trần đã di lại.■

(1) Năm 1225 khi lập Trần Cảnh lên ngôi (Trần Thái Tông), Thái Sư Trần Thủ Độ lúc ấy phải ở tuổi 30-40, và nhà vua mới có 8 tuổi, nên mọi việc chính sự đều một tay Trần Thủ Độ lo liệu. Không thấy sử sách ghi rõ ngày sinh và ngày mất của vị khai quốc công thần nhà Trần này.

(2) Tuy vậy vẫn có người họ Lý trốn thoát, như Bàng Bá Lân vốn dòng dõi họ Lý, Tiến Sĩ Nguyễn Tư Giản (đời Nguyễn), nhà văn Nguyễn Triệu Luật... đều là dòng dõi họ Lý.

(3) Theo ước lượng, dân số Việt Nam thời Trần chỉ độ ba triệu người.

(4) Nhà Trần dùng khoa Tử Vi vào quốc sự nhân dụng, có thể vì thế Trần Cảnh 8 tuổi được tuyển lựa lên ngôi, vợ Trần Liễu có mang được đưa vào làm Hoàng Hậu... Môn phái Tử Vi đời Trần còn truyền tới nay.

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

Tel: (714) 894-9021

DÂN VIỆT NAM CÓ ĐÁNG ĐƯỢC TÔN TRỌNG HAY KHÔNG?

NGUYỄN HỮU CHUNG

Năm 1967 tôi có tham dự vào quốc hội lập hiến của miền Nam Việt Nam. Quốc hội này có nhiệm vụ soạn thảo hiến pháp cho nền đệ nhị cộng hòa và, sau khi hiến pháp được ban hành, kiểm soát và chuẩn y cuộc bầu cử tổng thống. Tôi có lãnh trách nhiệm làm thuyết trình viên của "Ủy ban kiểm soát và chuẩn y cuộc bầu cử tổng thống," vì vậy tôi đã kiểm soát tất cả các biên bản bầu cử tổng thống từ Bến Hải đến Cà Mau và phỏng vấn nhiều người liên hệ tới cuộc bầu cử. Những bằng chứng hiển nhiên mà tôi đã trình cho ủy ban đã khiến ủy ban bỏ phiếu bác bỏ cuộc bầu cử. Nhiều quan sát viên ngoại quốc, nhất là người Pháp và người Mỹ, được sự chấp thuận của ông Chủ tịch quốc hội Phan Khắc Sửu, đã vào văn phòng quốc hội để ghi nhận những chứng tích về sự bất hợp lệ hiển nhiên của cuộc bầu cử. Sau đó, trong một phiên họp khoáng đại quốc hội kéo dài từ 9 giờ sáng đến 11 giờ đêm, tôi đã trình bày những bằng chứng về sự bất hợp lệ của cuộc bầu cử và đề nghị quốc hội bác bỏ kết quả cuộc bầu cử, nhưng quốc hội đã bỏ phiếu chuẩn y vì có những cuộc buôn bán, trao đổi vào giờ chót giữa các thế lực chánh trị khiến một số dân biểu đã thay đổi lập trường (có thể thấy chuyện này trong những diện văn của đại sứ Bunker gửi TT Nixon, được đại học Berkeley xuất bản thành sách dưới tên *The Bunker Papers*).

Lúc đó tôi 28 tuổi, không đảng phái và tôi có thể tự hào nói rằng tôi có một tâm hồn trong sạch và coi việc làm chánh trị như một sứ mạng đối với quốc gia khiến nhiều lãnh tụ đảng phái lớn tuổi cho tôi còn quá "thơ ngây chánh trị." Tôi đã không thể quan niệm được rằng dân miền Nam chống Cộng sản để có tự do dân chủ trong khi quyền tự do chánh trị tối thiểu của họ là quyền bầu cử đã bị tước đoạt (bằng gian lận). Tôi thấy chế độ dân chủ mà hiến pháp và cuộc bầu cử thành lập chỉ là một chế độ độc tài quân phiệt trá hình. Tôi mất tin tưởng hoàn toàn và có ý định bỏ đi. Tôi đem ý định này nói với ông Trần Văn Hương, một đàn anh của tôi. Ông ngăn cản tôi, bảo rằng phải cương quyết và bền chí trong cuộc tranh đấu, thua keo này, bày keo khác. Ông bảo rằng ông hy vọng là tôi có thể thấy ngày thắng lợi của dân chúng, vì *"thời của em bây giờ, em còn có thể thấy ánh sáng, thời của qua, khi qua bằng tuổi em, chỉ thấy tối om."* Nghe lời ông Hương, tôi tiếp tục cuộc đấu tranh bằng cách ứng cử vào quốc hội lập pháp.

Trong quốc hội lập pháp, tôi tranh đấu gắt gao bảo vệ quyền dân chủ của người dân, vì vậy phải tranh đấu gắt gao chống lại hành pháp, nghĩa là chánh phủ của TT Nguyễn Văn Thiệu. Một hôm, một người bạn Mỹ (có thể gọi là bạn) mời tôi ăn cơm và trong cuộc chuyện trò thân mật của bữa cơm, ông bạn đã nói với tôi rằng *"các anh (tôi và dân chúng miền Nam) phải lựa chọn giữa ông Thiệu hay cộng sản."* Đó là cái lối lập luận lừa người khác vào chân tường. Lập luận này sau đó rất phổ biến ở miền Nam và được nhiều người thuộc giới tuyên truyền coi như là một lối biện luận tuyệt hảo. Nhưng tôi đã xì nẹt và trả lời ông bạn rằng: "Tôi không chọn ông Thiệu mà cũng không chọn cộng sản, và nếu anh bắt tôi phải chọn một trong hai thứ đó thì tôi cũng sẽ không chọn anh là bạn." Ông bạn tôi đã khoát tay nói rằng ông không có ý bảo tôi phải chọn lựa ai cả, ông chỉ có ý nói rằng trước hiểm họa cộng sản dân chúng phải chấp nhận ngay bây giờ chế độ ông Thiệu để miền Nam chiến thắng cộng sản rồi từ từ tiến bộ trên con đường dân chủ. Tôi nói với ông bạn rằng tôi không đồng ý với ông về quan điểm của ông. Tôi không đồng ý rằng phải có một chế độ độc tài để chiến thắng cộng sản rồi từ từ có dân chủ. Ngược lại, trong cuộc chiến này, phải dùng dân chủ để huy động toàn dân miền Nam vào cuộc chiến đấu thì mới hy vọng thắng.

Trên lý thuyết, có một sự khác biệt lớn lao giữa quan điểm của tôi và của ông bạn về chiến lược chánh trị và quân sự ở Việt Nam. Nhưng trên thực tế, sự khác biệt chỉ là một sự khác biệt về nhân sinh quan. Tôi quá coi trọng nhân dân Việt Nam, coi trọng mạng sống, coi trọng sự tự do và quyền chánh trị của họ, coi trọng nhân

phẩm, coi trọng danh dự của những người trí thức và những lãnh tụ chánh trị v.v..., để coi nhẹ cái thực tế lúc bấy giờ là miền Nam cần sự trợ giúp của Hoa Kỳ hơn bất cứ thứ nào hết, và một điều thực tế tới tận đất đen là nếu mình không thể thích nghi được với người Mỹ thì không thể có chánh quyền. Trong khi đó thì người Mỹ ở Việt Nam hay người Mỹ ở Mỹ thì chẳng coi trọng người Việt Nam một chút nào cả, chẳng coi trọng quyền chánh trị của dân chúng Việt Nam, chẳng coi trọng ý kiến hay danh dự của những chánh trị gia hay trí thức Việt Nam. Họ chỉ cần những người lính đánh giặc và những người chỉ huy những người lính đó, những người mà họ có thể chỉ huy mà không phải mệt nhọc tham khảo ý kiến về chiến lược hay chiến thuật.

Người Mỹ đã sống trong nghịch lý. Một mặt, họ rất âu lo vì sợ thua cộng sản. Mặt khác, họ lại không chịu khó vận dụng mọi phương tiện để chiến thắng. Chiến lược của Mỹ là chiến lược dấp đê, dựa hoàn toàn trên quân sự mà thành quả thấy được trong cuộc chiến tranh Cao Ly. Nhưng cuộc chiến ở Việt Nam không giống cuộc chiến Cao Ly và điều đáng tiếc là các chiến lược gia Mỹ đã không rút ra được một bài học nào trong cuộc chiến Cuba. Việc ủng hộ những chánh trị gia có quần chúng, có danh dự và có tinh thần độc lập và phải thỏa hiệp với những người này để có những kế hoạch chung là một điều mà người Mỹ (nhất là những công chức ngoại giao mà nhiệm kỳ chỉ có vài ba năm) không chịu khó làm. Đó là chưa nói tới việc nhiều nhà ngoại giao hành động sống sượng như được mô tả trong phim *The Ugly American.*

Vì không chịu khó, họ phải dùng những người dễ sai bảo, và vì hiểu rõ khả năng và đạo đức của những người này, họ không muốn giao phó trọng trách chỉ đạo chiến tranh để rốt cuộc chính họ phải trực tiếp làm chiến tranh. Sự thất bại của miền Nam trong cuộc chiến vừa qua rõ ràng là ở chỗ người Mỹ đã trực tiếp làm chiến tranh, từ việc trực tiếp hoạch định chiến lược đến việc trực tiếp bắn viên đạn và nhận viên đạn kẻ thù vào cơ thể. Khi cho đổ quân vào Việt Nam năm 1965, các chiến lược gia Mỹ đã nghĩ rằng với hỏa lực của họ, cuộc chiến sẽ sớm kết thúc. Nhưng cuộc chiến đã kéo dài và, đến khi cơ thể nước Mỹ (qua những thanh niên của họ) cảm thấy không nhận nổi những viên đạn nữa thì họ bỏ cuộc.

Ngoài ra, sự thất bại cũng do chỗ miền Bắc có chánh trị, miền Nam không có, nghĩa là miền Bắc huy động được dân chúng (dù bằng tuyên truyền lừa dối), miền Nam thì không. Do đó, lý do thất bại của miền Nam là một lý do chánh trị, nói chống cộng vì dân chủ mà lại sợ, không dám đem dân chủ ra khỏi thành phố Saigon. Không dùng dân chủ để huy động quần chúng, cũng không có khẩu hiệu nào khác để mê hoặc họ, chỉ có những đồng đô la được chia nhau giữa gian thương và tham nhũng.

Sở dĩ tôi nhắc lại câu chuyện giữa tôi và ông bạn Mỹ cách nay 26 năm là vì trong những ngày gần đây tôi lại được nghe một lý luận tương tự như vậy. "*Cần có ổn định chính trị để phát triển kinh tế — Đổi mới chánh trị, tức là có dân chủ, sẽ tạo bất ổn chánh trị — Vì cần phải phát triển kinh tế nên không thể có dân chủ.*" Khi Hà Nội hô hào đổi mới kinh tế thì cái tam đoạn luận này được chánh quyền cộng sản đưa ra. Tôi nghe lần đầu từ ông Trần Bạch Đằng, được tạp chí *Time* của Mỹ ghi lại một cách trân trọng, trong một bài viết có chủ ý muốn dân chúng Mỹ bỏ quên chuyện dân chủ và nhân quyền để bang giao với CSVN. Trong ba năm qua, lập luận này càng ngày càng phổ biến và đã trở nên khẩu hiệu của Hà Nội. Trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, nó được biến thể thành lập luận như sau: "*Việt Nam quá nghèo, dân quá khổ, cần phải phát triển kinh tế — Dân chúng không cần dân chủ, chỉ cần tiền để đủ ăn, đủ mặc — Việt Nam bây giờ tự do lắm, muốn chửi cộng sản cũng được — Vì vậy, không cần và cũng không nên chống chánh quyền cộng sản nữa, trái lại nên giúp đỡ họ phát triển xứ sở.*" Lý luận này nghe có vẻ xuôi tai tuy rằng nó không còn mang hình thức vững chắc của một lý luận Descartes nữa. Cái hay của nó là nó biểu lộ được lòng yêu nước, yêu dân, đồng thời biện minh cho thái độ "xét lại" của những người từng một thời chống cộng hết ra lửa. Nhưng về phương diện lý luận, nếu suy nghĩ một chút thì người ta thấy nó rất hời hợt, vì nó dựa trên tiền đề thô thiển là dân chúng khổ quá nên họ không cần tự do dân chủ, vì vậy ta nên ủng hộ độc tài. Tệ hại nhất là nó muốn đưa người ta vào chân tường để "*phải lựa chọn giữa độc tài để phát triển hoặc dân chủ để nghèo đói.*" Lý luận này đang nhan nhản trên báo chí Saigon và được một số Việt kiều hồi hương thu nhận và lập lại ở ngoại quốc như là một sự khám phá, giống như hồi ông Archimède khám phá ra được sức đẩy của nước. Nhưng đó chỉ là một lập luận ngớ ngẩn vì không một dân tộc nào lại chấp nhận một sự chọn lựa như vậy. Dân chúng phải có cả hai thứ dân chủ và phát triển, và bỏ vô thùng rác độc tài và nghèo đói. Trong lịch sử loài người không có chuyện dân chủ sanh ra nghèo đói, chỉ có độc tài sanh ra nghèo đói. Trong những trường hợp cực đoan nhất, người ta cũng chấp nhận đói khổ (và cả tù đày) để tranh đấu cho tự do dân chủ. Nên nhớ là dân miền Nam đã từng bỏ ruộng, đốt lúa (chịu nghèo) để phản đối chánh sách kềm kẹp của cộng sản khi miền Nam mới bị chiếm đóng. Trong 70 năm của lịch sử cộng sản thế giới, đây là lần đầu tiên cộng sản đã phải lùi bước, không thể thi hành chánh sách tập thể hóa nông nghiệp và biến nông dân thành nô lệ. Ở Ukraine, cách nay 60 năm, nông dân cũng đã chống đối như vậy nhưng đã thất bại. Những người nông dân đó đáng được tôn trọng và có khả năng xây dựng một chế độ tự do dân chủ. Việc đòi hỏi dân chủ của nhân dân Việt Nam càng ngày càng tiến mạnh tuy hiện nay nó không thể biểu lộ bằng phong trào tranh đấu hay bằng các cuộc biểu tình. Bảo rằng vì thấy họ nghèo tội nghiệp mà ta ủng hộ độc tài thì nên... coi chừng.

Hãy công nhận rằng mọi người đều có lòng yêu nước, yêu

dân và mỗi người có quyền thực hiện điều đó bằng phương cách của mình. Ngoài ra, ai cũng có quyền xét lại thái độ của mình, và trên phương diện trí thức, đó là một điều nên làm nếu lý trí của mình nhận thức được điều sai và điều đúng. Nhưng trong cái tam đoạn luận của Hà Nội cũng như trong lý luận của những người "xét lại", có một sự ngụ ý lường gạt hoặc một sự sai lầm vô tình để đi tới cái kết luận gạt gẫm là ở Việt Nam *dân chủ đối nghịch với phát triển kinh tế*. Đó là một vấn đề cần phải được làm sáng tỏ.

Chuyện Việt kiều về nước thăm bà con hay buôn bán, ăn chơi là chuyện đã trở nên bình thường và không còn là chuyện để người chưa muốn về đặt vấn đề với người muốn về hay đã về, bởi vì theo chỗ tôi biết, trong số những người đã về có những người chống cộng gay gắt, về để quan sát hay để làm một cái gì có ích. Mỗi người có hoàn cảnh của mình, danh dự của mình và sự suy nghĩ của mình để hành động. Chúng ta không đặt vấn đề Đi-Về, chỉ đặt vấn đề **Độc tài, Dân chủ và Phát triển.**

Độc tài: Theo ý tôi, bảo rằng phải duy trì chế độ độc tài hiện nay mới phát triển được kinh tế là một sự đối gạt. Bảo rằng hãy bỏ quên việc tranh đấu đòi dân chủ để phát triển kinh tế là một sự đối gạt. Đối gạt người khác và đối gạt chính lương tâm mình, và một điều quan trọng (đối với người Việt di cư đi tìm và đã có tự do, dân chủ) là chà đạp sự hy sinh của những người ở trong xứ đang ở tù vì tranh đấu cho dân chủ.

Tôi không muốn nêu lên sự sụp đổ của khối cộng sản để chứng minh một cách đơn giản sự thất bại kinh tế của chế độ độc tài cộng sản. Tôi không muốn nêu lên sự giàu có của các nước dân chủ để chứng minh một cách đơn giản sự thành công kinh tế của các nước dân chủ. Nước Việt Nam có những vấn đề phức tạp riêng biệt của nó và phải giải quyết những vấn đề đó nếu muốn phát triển. Vì vậy, tôi thấy cũng không thể dùng trường hợp Singapore hay Trung Quốc để suy rằng Việt Nam phải duy trì chế độ độc tài để phát triển kinh tế.

Tôi thấy trong trường hợp Singapore, hòn đảo nhỏ bé này không phải là một quốc gia mà chỉ là một xí nghiệp. Phải công nhận rằng ông Lý Quang Diệu là một quản trị viên lỗi lạc, nhưng những vấn đề của một dân tộc 70 triệu dân khác với những vấn đề ở một công trường một triệu người. Chỉ ở một công trường hay một trại lính, nơi mà những cá nhân đã biến dạng để trở thành những đơn vị thuần nhất mới có thể áp dụng một thứ kỷ luật độc đoán một cách thành công. Dân tộc Việt Nam có những nhu cầu phức tạp mà những trú dân ở hòn đảo Singapore không có.

Trong trường hợp của Trung Quốc, phải hiểu rằng 90% đầu tư ngoại quốc là của người Tàu hải ngoại, một yếu tố mà Việt Nam không có. Tuy có phát triển kinh tế mạnh mẽ ở vùng duyên hải đông nam nhưng mọi người đang chờ sự bùng nổ của xứ này vì tình trạng hỗn độn và chia rẽ gây nên bởi phát triển trong độc tài và tham nhũng. Báo chí vừa rồi có loan tin rằng các quan chức Trung Cộng đã chuyển ra ngoại quốc mấy mươi tỷ đô la làm của riêng và nhiều quan chức đang đi xe mercedes trong khi hàng trăm triệu gia đình nông dân không đủ ăn. Đừng quên vụ Thiên An Môn!

Trong trường hợp Việt Nam, sự "phát triển" trong hai năm vừa qua dựa trên hai yếu tố:

Thứ nhất là hiện tượng thẩm thấu. Vì dung dịch tiền bạc ở Á Châu hiện nay rất đậm đặc nên khi cái màng "tế bào Việt Nam" bị lủng lỗ hay bị mỏng đi thì tiền bạc thấm vào Việt Nam. Nhưng nên thấy rằng đó là tiền bạc của những người mà phương cách làm ăn phù hợp thân thiết với độc tài và tham nhũng. Một nền kinh tế dựa trên phương cách làm ăn phù hợp với độc tài tham nhũng chắc chắn sẽ tạo ra khủng hoảng xã hội và khủng hoảng môi sinh chứ không tạo phát triển lành mạnh. Một chế độ dân chủ với luật pháp phân minh sẽ có khả năng tiếp nhận đầu tư ngoại quốc nhiều hơn, và phát triển xứ sở nhiều hơn. Tôi đã viết và tôi xin lập lại là tôi thấy hình ảnh người Việt Nam sẽ ngồi cạnh một đống rác và ăn một miếng thịt thiu nếu "phát triển" theo kiểu hiện nay.

Thứ hai là ở Việt Nam, mọi người, từ cán bộ cộng sản tới thường dân, ai ai cũng đang sống với ảo vọng về phép lạ của việc bỏ cấm vận. Ai cũng biết rằng trong bất cứ xứ nào, yếu tố tâm lý là yếu tố quan trọng nhất tạo phát triển hay tạo khủng hoảng kinh tế. Tâm lý hồ hởi này sẽ tan biến nếu cấm vận được bãi bỏ mà chẳng thấy phép lạ xảy ra, hoặc không có hy vọng rằng sẽ bỏ cấm vận (như trường hợp Cuba).

Về phương diện kinh tế, hiện tượng phát triển trong hai năm qua ở Việt Nam chỉ là một hiện tượng thời cơ (*conjoncturel*) chớ không phải là một hiện tượng cơ cấu (*structurel*). Nếu không phải là một sự phát triển tự cơ cấu thì không thể chờ đợi gì nhiều ở tương lai. Chúng ta có thể thấy hiện tượng này một cách rõ rệt trong lãnh vực sinh học. Ở Canada, sau năm tháng mùa đông, khi tuyết vừa tan thì có những loại hoa cỏ có thể mọc lên hằng chục cm trong vòng hai-ba ngày. Nhưng đừng thấy đó mà nghĩ rằng những loài hoa cỏ đó có thể cao lên hằng trăm cm trong vòng hai-ba mươi ngày. Muốn cao lên 100 cm hay 100 m thì mỗi loại cây cỏ phải có cấu trúc riêng biệt của nó để đạt tới độ cao đó. Kinh tế cũng vậy. Điều khác biệt là các sinh vật có những cấu trúc di truyền và bất biến trong khi các nền kinh tế có những cấu trúc có thể thay đổi. Việt Nam hiện nay không có một cấu trúc kinh tế có khả năng kiến tạo những phát triển mong đợi. Có chăng là một ít tài nguyên, mồ hôi lao động và gái tơ rẻ tiền.

Bằng mọi giá, các nhà lãnh đạo ở Hà Nội đang tìm cách duy trì quyền lực của mình, nhưng chế độ này càng kéo dài thì khủng hoảng càng to lớn. Tôi thấy viễn tượng một sự bùng nổ và đổ máu. Nếu tiền bạc được ồ ạt đổ vô dưới chế độ này thì sẽ có bùng nổ vì lý do xã hội và lý do địa phương và nó sẽ cuốn trôi đi hết. Nếu tiền bạc không đổ vào thêm thì những hy vọng mà mọi người đang ôm ấp sẽ tiêu tan để nhường chỗ cho những bất mãn biểu lộ. Tôi thấy cần một sự thay đổi chánh trị, không phải để gây bất ổn và phá vỡ an ninh trật tự, mà tạo lập một trật tự thiên nhiên phù hợp với nhân loại của thời kỳ cách mạng truyền thông, và một trật tự phù hợp với xã hội Việt Nam và được người Việt Nam chấp nhận.

Dân chủ: Có hai chuyện căn bản cần thấy rõ là:

1- Tất cả mọi người, kể cả Hà Nội, đều đồng ý rằng phải phát triển Việt Nam trong một nền kinh tế thị trường (KTTT). Nhưng KTTT là một sản phẩm của chế độ dân chủ. Căn bản của nó là quyền tư hữu, quyền tự do mua bán những sở hữu, quyền tự do thông tin và phát biểu, và quan trọng nhất là quyền tự do chánh trị để thay đổi chánh phủ hầu thay đổi một chánh sách kinh tế đang bị tắc nghẽn. Một nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải được điều chỉnh thường xuyên, vì vậy cần phải thay đổi thường xuyên chánh sách kinh tế nghĩa là thay đổi thường xuyên chánh phủ qua những cuộc bầu cử. Động lực của những sự thay đổi là xã hội và hướng đi của những thay đổi và nhu cầu của cộng đồng. Ở bất cứ nước nào, hằng trăm luật lệ và định chế điều hành nền kinh tế thị trường đều được diễn dịch từ những nhu cầu của cộng đồng nhưng tuyệt đối phải tôn trọng những quyền tự do căn bản của người dân. Nếu có một chánh quyền nào đó, trong một giai đoạn nào đó, giới hạn một phần nào một trong các quyền công dân thì đó cũng chỉ là một sự trộm cắp giai đoạn và luôn luôn bị lên án. Không nơi nào trên trái đất có một nền kinh tế thị trường được diễn dịch từ một ý thức hệ độc tài, độc đảng, trừ những chế độ phát xít. Kinh tế thị trường và chánh trị dân chủ tuy hai mà một vì cả hai đều là những thành phần của chung một cơ thể và cái này sanh ra cái kia.

2- Dân chủ có gây bất ổn hay không? Bất cứ chế độ nào không giải quyết được những bất mãn của đại đa số dân chúng cũng tạo nên bất ổn. Đó là những bất ổn về kinh tế, xã hội, văn hóa (tôn giáo), chủng tộc và địa phương. Trong một chế độ dân chủ, bất mãn được biểu lộ. Trong một chế độ độc tài, nó bị bưng bít và đàn áp, nhưng không phải vì nó bị đàn áp mà nó tan biến. Trái lại, nó tích lũy để có dịp là bùng nổ.

Tôi có đọc một bài báo ở Việt Nam trong đó có người viết nêu lên sự chia đôi của nước Tiệp Khắc và chiến tranh ở Nam Tư để đổ lỗi cho dân chủ và ca ngợi độc tài như là một liều thuốc cho sự ổn định. Tác giả đã không biết hay cố tình quên lịch sử chủng tộc và chánh trị của nước Tiệp Khắc và của vùng Balkans và quên rằng 50 năm cai trị của chế độ cộng sản đã không đem lại sự hòa hợp của những sắc dân cùng chung sống trong một nước, trái lại đã gây thêm những sự chia rẽ trầm trọng đến đỗi chỉ trong vòng mấy tháng sau khi các chế độ độc tài sụp đổ là đã có chia rẽ và có chiến tranh. Chánh trị theo lối gãi ghẻ, ghẻ mọc khắp cơ thể, ngứa đâu gãi đó, không biết cần phải tắm rửa sạch sẽ để không có ghẻ, đó là chánh trị của những chế độ độc tài.

Cũng trên báo chí Việt Nam và trên một vài tờ báo Mỹ, tôi thấy người ta đem nước Nga ra để chứng minh rằng có cải tổ chánh trị, có dân chủ nên không thể phát triển kinh tế. Đây cũng là một loại chứng minh võ đoán vì người ta cố tình không hiểu rằng nước Nga còn đang mang gánh nặng một quốc hội bầu lên trong

thời kỳ cộng sản, trong đó đa số dân biểu là những quan chức nhà nước cộng sản nên họ chống đối tất cả mọi cải tổ kinh tế vì những cải tổ kinh tế sẽ làm mất quyền lợi của họ. Trái với nước Nga, ở Ba Lan tất cả các định chế chánh trị đã được đổi mới và nền kinh tế ở đây đã có những phát triển vững chắc, tuy rằng sự chuyển đổi kinh tế đã gây nhiều đau đớn. Việc "Liên minh dân chủ tả phái" (SLD) (gốc gác là đảng CS Ba Lan) đã thắng trong cuộc bầu cử quốc hội vừa qua là do dân chúng đã mệt mỏi với thất nghiệp và lạm phát tạo ra do cuộc chuyển đổi từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường. Việc nầy không phải là một tai họa cho nền dân chủ vì nền dân chủ vẫn còn đó và không có chuyện trở lại chế độ độc tài, độc đảng. Chính vì biết không thể trở lại chế độ như xưa mà dân chúng đã bình tĩnh bầu đảng cựu CS để trừng phạt đảng cầm quyền đã quên lãng vấn đề an sinh xã hội. Liên minh tả phái sẽ đặt trọng tâm vào vấn đề an sinh, nhưng nền kinh tế Ba Lan vẫn nằm trong cơ chế kinh tế thị trường và chế độ chính trị vẫn là một chế độ dân chủ, với luật lệ phân minh. Nếu đảng nầy thất bại trong việc phát triển kinh tế Ba Lan thì họ sẽ bị loại trong kỳ sau. Điều quan trọng là chế độ dân chủ hay độc tài, việc thay đổi đảng cầm quyền là một chuyện không quan trọng.

Về phương diện tổ chức công quyền, việc có nhiều đảng phái trong một xứ không phải là một sự bất ổn chánh trị. Một nước như Việt Nam chắc chắn sẽ có nhiều đảng chính trị trong những năm đầu của nền dân chủ, vì hậu quả của lịch sử cận đại. Nhưng sau một vài cuộc bầu cử, các đảng phái không quần chúng sẽ biến mất và các đảng phái địa phương sẽ chỉ đóng vai trò địa phương. Sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông đại chúng trong một bầu không khí thật sự dân chủ sẽ giúp dân chúng nhìn thấy rõ và phân biệt những vấn đề quốc gia và những vấn đề địa phương và sử dụng lá phiếu một cách có ý thức. Trên phương diện hiến định, để tránh việc có thể có thay đổi chánh phủ thường xuyên như ở Ý, người ta có thể chọn tổng thống chế thay vì đại nghị chế. Tóm lại, dân chủ không đồng nghĩa với bất ổn chánh trị nếu dân chủ được thi hành đến nơi đến chốn, với kỹ thuật tinh vi và luật lệ phân minh. Cũng nên cần hiểu và phân biệt bất ổn chánh trị và khủng hoảng chánh trị. Một cách đơn giản, bất ổn chánh trị là chuyện hay xảy ra trong một chế độ dân chủ đại nghị, khi mà những chánh phủ thường bị thay đổi vì không có đa số tuyệt đối trong quốc hội. Khủng hoảng chánh trị là khi hiến pháp không được tôn trọng hoặc không còn thi hành được nữa, và đa số dân chúng chống chế độ. Nigeria đang có khủng hoảng chánh trị. Congo đang có khủng hoảng chánh trị. Việt Nam đang có khủng hoảng chánh trị. Sở dĩ ở Việt Nam cuộc khủng hoảng không thể bùng nổ là vì có 300 ngàn công an và một triệu lính ngày đêm rình rập dân chúng. Nếu có phát triển kinh tế, đem lợi tức đầu người từ 200 lên 400 đô la thì có giải quyết được cuộc khủng hoảng hiện nay hay không? Câu trả lời của tôi là không. Không, vì chế độ càng ngày càng mục nát vì độc tài và tham nhũng. Không, vì sự cách biệt xã hội càng ngày càng rộng lớn, những tệ đoan xã hội càng ngày càng phát triển và luân lý quần chúng càng ngày càng suy đồi. Không, vì những chia rẽ địa phương càng ngày càng sâu đậm. Không, vì người dân không được tôn trọng.

Chế độ hiện tại không tôn trọng người dân, chỉ có đảng viên và người ngoại quốc có tiền mới được tôn trọng. Chúng ta, những người Việt đi cư đang sống ở những nước dân chủ tân tiến nhất thế giới, nếu chúng ta không học được gì nhiều thì chúng ta cũng phải học được điều tối thiểu, đó là tôn trọng người dân, tôn trọng quyền chánh trị của họ, quyền của họ lựa chọn người cai trị họ. Không nên khinh khi dân bằng cách bảo rằng họ chưa trưởng thành, chưa biết lựa chọn và bắt họ phải lựa chọn ông Mít thay vì ông Xòai, vì lý do này hay lý do khác. Theo ý tôi, người dân Việt Nam đáng được tôn trọng. Nhưng cũng có những người vì quá thương dân mà thấy không nên tôn trọng dân như cha mẹ thời xưa đối với con cái, bảo lấy ai thì phải lấy, làm bé ông trọc phú già thì có tiền ăn suốt đời! Một lần nữa, đây là một vấn đề nhân sinh quan. Đây không nhất thiết là vấn đề chống cộng hay không chống cộng, vì có nhiều người chống cộng mà lại không muốn dân chủ. Nhiều người chống cộng hùng hổ nhất, luôn miệng tố cáo người này, người kia là cộng sản nhưng lại hợp tác làm ăn với cán bộ cộng sản, bảo rằng dân chúng Việt Nam không cần dân chủ. Nhiều người nói muốn dân chủ mà lại muốn loại trừ những người có quá khứ khác mình, ngay cả những người đang bị tù ở Việt Nam.

Lịch sử cận đại Việt Nam phức tạp. Dân tộc Việt Nam phức tạp. Xã hội Việt Nam ngày hôm nay rất phức tạp. Nhưng những khuynh hướng chánh trị thì chỉ có hai: những người muốn tôn trọng người dân, muốn giải quyết những vấn đề Việt Nam trong dân chủ, một cách trong sáng; và những người không tôn trọng quyền dân. Chuyện phát triển kinh tế là một vấn đề ưu tiên của xứ sở, nhưng nó là một sự lựa chọn hoàn toàn lệ thuộc vào sự lựa chọn chánh trị, và sự lựa chọn chánh trị đó là... người dân Việt Nam có đáng được tôn trọng hay không?■

Montreal 11 tháng 9 năm 1993

Viết tặng đứa con gái của tôi vừa vào đại học, không hề biết nước Việt Nam, và tặng em Hoàng Duy Hùng, 32 tuổi, đã về Việt Nam tranh đấu và vừa từ ngục tù CSVN trở về Mỹ.

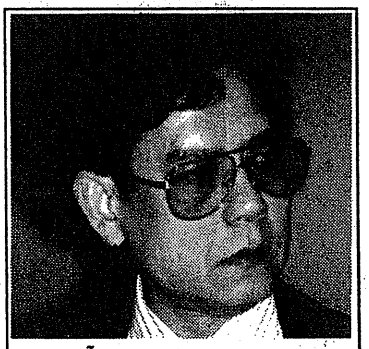

Nguyễn Hữu Chung

KINH TẾ VIỆT NAM, THÀNH QUẢ 92 VÀ NAN ĐỀ 93

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Theo dõi tình hình kinh tế Việt Nam, những người thận trọng không khỏi có cảm giác như nhìn sự thể qua kính mờ. Ta có thể thấy một số chuyển động lớn, nhưng khó thấy được những nguyên nhân và chiều hướng của những chuyển động nói trên. Ngoài ra, khác với những năm tương đối "bất biến" trước 1987, tình hình vài năm qua đã thay đổi ngày một nhanh hơn. Một số nhận định cho tới 1991 đã không còn cập nhật, trong khi nhiều vấn đề khác nảy sinh ra lại chưa được thấy rõ ở bên ngoài. Một trong những điển hình của trạng thái này chính là kết luận về tình hình kinh tế 1992.

Với tất cả những giới hạn nói trên, và với sự dè dặt cần thiết khi lượng định vấn đề từ bên ngoài, bài viết sẽ cố gắng đưa ra một tổng kết ngắn về tình hình kinh tế 1992 và một vài nhận định về những nan đề sẽ đưa tới những chuyển động mạnh vào cuối năm nay, bất kể tới lệnh cấm vận của Hoa Kỳ có còn hiệu lực hay không. Kết luận của bài viết là ngược lại với những dữ kiện "nổi" cho thấy những thành quả không chối cãi, tình hình kinh tế không khả quan như người ta nghĩ, mà những động lực "chìm" còn đưa đất nước vào một thời kỳ thay đổi gắt gao hơn, về cả mặt kinh tế lẫn chính trị.

Thành quả 1992

Những định chế quốc tế theo dõi tình hình Việt Nam đều đồng ý là năm 1992 vừa qua là một mốc thành công đáng khen, kể từ khi "đổi mới kinh tế." So sánh với tình hình khủng hoảng ở Nga hay bất ổn kinh tế ở Đông Âu, hoặc được đặt bên thành quả của Trung Quốc, sự thể trên càng hỗ trợ cho mô thức "cải cách kinh tế không cần dân chủ hóa."

Những chỉ dấu thành công được nhà cầm quyền ở cấp cao nhất công bố ngay từ đầu năm. Vào giữa năm, các chuyên gia quốc tế và cơ quan trong nước đã công bố những dữ kiện đầy đủ hơn, được xác nhận bởi các phái bộ của Ngân Hàng Thế Giới hay Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế.

Về mức tăng trưởng: Theo những thống kê mới nhất của các định chế trên, trong năm qua, tổng sản lượng gộp nội địa của Việt Nam đã tăng khoảng 8%, nhờ sản lượng công nghiệp tăng 12% (dữ kiện khác là 15%), nông nghiệp tăng 6%. So với những tỷ lệ khoảng 2% của Tây phương, mức tăng trưởng trên là một thành tích được quốc tế ngợi khen, càng làm nhiều người tin tưởng rằng Việt Nam đang sắp thành cường quốc kinh tế.

Về tình hình giá cả: Trong năm 1992, tỷ lệ lạm phát tính từ năm này qua năm khác cũng giảm xuống còn khoảng 17% và tính trung bình chỉ số giá cả của toàn năm là 37.7%. So với tỷ lệ lạm phát từng năm khoảng 770% năm 1988 hay 67% năm 1991 (hoặc trung bình toàn năm là 330% năm 1988 và 82% năm 1991), tỷ lệ của 1992 cho thấy Việt Nam có tăng trưởng trong ổn định. So với lạm phát 2,000% của Nga, thành tích của Việt Nam không phải nhỏ!

Về tình hình chi phó: Trong năm 1992, xuất cảng của Việt Nam tăng khoảng 25% (dữ kiện khác là 19%), mạnh nhất là nhờ dầu thô, gạo, ngư hải sản (khoảng 72% cán cân mậu dịch) và sự phục hồi của kỹ nghệ nhẹ. Nhờ đó, ngoại thương đạt mức thặng dư 80 triệu hay 50 triệu (theo nhiều xuất xứ khác nhau). Mặt khác, nhờ tích cực ổn định giá cả và trị giá đồng bạc bằng biện pháp tiền tệ và hối đoái, hối suất bạc Việt Nam tính bằng Mỹ kim đã tăng, khoảng 10,350Đ/US$ so với 12,000Đ năm ngoái.

Về quân bình ngân sách: Trong năm 1992, số thu ngân sách đã tăng 114% (hơn gấp đôi) nhờ những cải thiện về thuế biểu và về hệ thống hành thâu. Dù có được điều chỉnh với mức lạm phát toàn năm là gần 40%, số thu trên cũng là một tiến bộ sau nhiều năm thường xuyên khiếm hụt. Kết quả là lần đầu tiên từ nhiều năm, ngân sách nhà nước đã có một khoản tăng chi về đầu tư lên tới 87% so với 1991. Một kết quả không tốt khác là nhà nước đã tạm hoãn nỗ lực giảm chi các khoản điều hành và còn có biện pháp tăng lương. Tóm lại, dù ngân sách chưa quân bình mức khiếm hụt cũng có chiều hướng suy giảm so với 1991.

Về đầu tư ngoại quốc: Trong năm 1992, đầu tư ngoại quốc được thực sự tháo khoán đã lên tới 600 triệu, so với 200 năm 1991. So với dự phóng là 250 triệu, mức 600 triệu nói trên cũng là một thành tích đáng kể. (Nhà cầm quyền thường nói tới những con số đầu tư ngoại quốc là 2 tỷ rưỡi hay 3 tỷ là tổng giá trị của các dự

án đầu tư được chấp thuận, nhưng số tiền thực sự được bỏ ra theo diễn tiến đầu tư luôn luôn thấp hơn tổng số nói trên).

Nói chung, nhà cầm quyền có nâng cao được mức dự trữ về vàng, ngoại tệ, gạo và phân bón nên có ổn định được tình hình vật giá và hối đoái. Ở trong nước người ta có một ấn tượng lạc quan về tình hình, được nhà nước đề cao qua những biểu hiện là ngoại quốc đầu tư vào nhiều hơn (liên doanh khai thác dầu khí), đường dây cao thế 500 KV đang dẫn điện từ Bắc vào Nam, ngân hàng ngoại quốc đang ồ ạt tham gia (hiện có tám ngân hàng mở chi nhánh, ba ngân hàng liên doanh, 14 ngân hàng lập văn phòng đại diện, trong đó có Citicorp và Bank of America của Hoa Kỳ), và trong khi đồng Mỹ Kim bị tụt giá khắp nơi thì đồng bạc Việt Nam lại tăng giá... Trong bối cảnh màu hồng đó, việc Hoa Kỳ giảm áp lực phong tỏa dễ làm nhiều người hồ hởi.

Tái lượng định

Thực ra, tình hình 1992 có tiến triển, nhưng không tới mức khả quan như người ta nghĩ và lại là nguyên nhân của nhiều yếu tố khách quan hơn là do thành tích quản lý kinh tế của nhà nước. Trong khi đó, những vấn đề phức tạp khác bắt đầu gây ra những chấn động ngầm.

Trước hết, về thành tích ngoại thương, sau những ước lượng lạc quan đầu tiên được công bố, người ta bắt đầu có những chi tiết bổ túc và điều chỉnh, cho thấy một mức khiếm hụt mậu dịch khoảng 30 triệu và khiếm hụt chi phó 150 triệu Mỹ Kim. Về ngân sách, một số xí nghiệp quốc doanh có đóng góp nhiều hơn, tăng 125% (và vì vậy vị trí độc quyền lại càng được bảo vệ nhiều hơn) nhưng vẫn thua kém phần đóng góp của khu vực ngoài quốc doanh, tăng 165%. Tuy nhiên, trong khi số thu có tăng thì các mục chi điều hành cũng tăng gần gấp đôi (hơn 90%), đi cùng một mức gia tăng đáng kể về ngân sách đầu tư (gần gấp ba). Kết quả là ngân sách vẫn bị khiếm hụt khoảng hơn 1,000 tỷ (chưa kể tiền lời quốc trái). Kể cả tiền lời, ngân sách 1992 bị khiếm hụt khoảng 200 triệu Mỹ Kim. Khi điều chỉnh những dữ kiện sơ khởi, người ta thấy trong năm 1992, phần gia tăng đầu tư được quân bình bởi tiết kiệm của tư doanh và khoản tiết kiệm này có tăng được 17.4% thì cũng chỉ xấp xỉ tỷ lệ tăng trưởng của 1991 (17.5%) mà thôi. Trong khi đó, cũng vì sự tăng giá của đồng bạc so với đồng Mỹ Kim, giới xuất cảng đã bị nhiều thiệt hại, những ước tính sơ khởi cho thấy lợi tức nông dân đã bị sụt khoảng 50%.

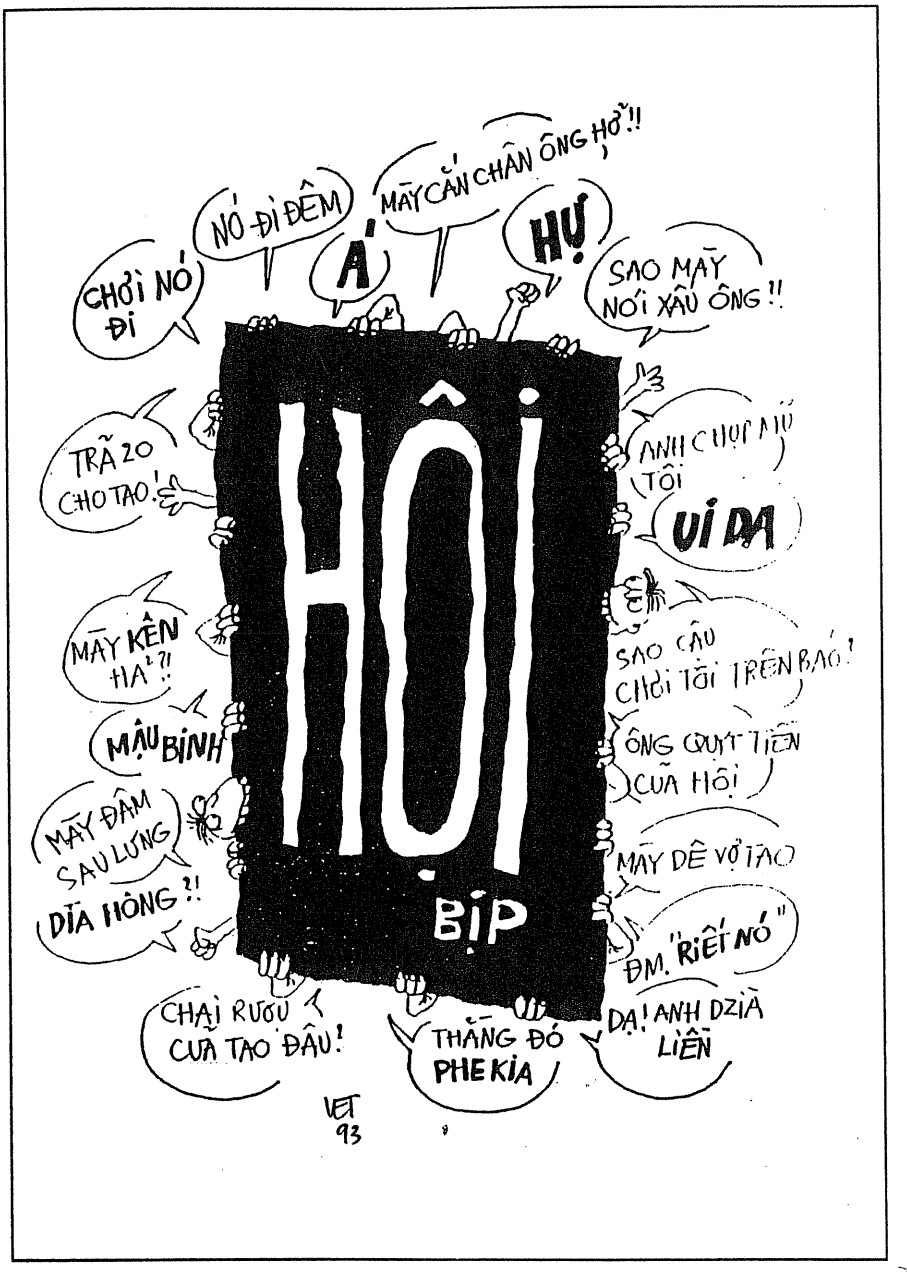

Đằng sau những con số kinh tế vĩ mô nói trên, người ta còn cần nhìn thấy những yếu kém có tính định phẩm, sáu năm sau khi nhà cầm quyền tiến hành đổi mới kinh tế:

Về mặt cơ chế quốc gia điều hành toàn bộ sinh hoạt kinh tế quốc dân, người ta vẫn chưa xây dựng được một bộ máy hữu hiệu. Ngay trong khuôn khổ "kinh tế xã hội chủ nghĩa thị trường" có sự điều tiết của nhà nước, những bộ phận có trọng trách "điều tiết" là Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước (chỉ đạo về đường lối), Bộ Tài Chính (về tài nguyên ngân sách), Ngân Hàng Nhà Nước (về tín dụng và tiền tệ) cũng chưa có khả năng tương xứng mà còn thường mâu thuẫn với nhau. Ủy Ban KHNN hiện đang tìm một hướng đi và một chức năng mới mà chưa ra, Bộ TC còn đang tranh đấu với Ngân Hàng NN về vấn đề chuyển ngân các khoản thuế của các công ty quốc doanh, Ngân Hàng NN thì chưa thực sự là một ngân hàng trung ương... ba năm sau khi hai Pháp lệnh căn bản về ngân hàng được ban hành. Trong khi đó, các bộ chuyên môn và các cấp chính quyền địa phương vẫn giữ chắc những cơ sở kinh doanh hái ra tiền và thường theo đuổi những mục tiêu kinh tế riêng bất kể tới trung ương.

Nan đề nghiêm trọng nhất vẫn là vai trò của các công ty quốc doanh. Người ta đang chứng kiến hiện tượng "doanh nghiệp hóa" hay "thương mại hóa" các cơ sở quốc doanh, mà thực chất là một tiến trình "tư nhân hóa công sản". "Tư nhân" ở đây chính là những cán bộ viên chức quản lý các cơ sở này (mà báo chí trong và ngoài nước gọi là "tư sản đỏ"). Chính vì vị trí và ảnh hưởng của các đảng viên trong các công ty trên mà việc quản lý kinh tế của nhà nước đã bị rối loạn và các chánh sách đã không được chấp hành đúng đắn.

Năm 1992 là cao điểm của mâu thuẫn giữa nhu cầu phối hợp chánh sách kinh tế cấp quốc gia (vai trò cần thiết của mọi chính quyền) với tình trạng phân hóa của hệ thống quốc doanh ở địa phương mà từ ngoài người ta có thể hiểu lầm là một tiến trình phân quyền.

Viễn ảnh 1993

Khi chọn lựa mô thức cải tổ kinh tế không cần dân chủ hóa về chính trị, nhà cầm quyền đã có cảm tưởng như đã chủ động thay đổi trong "ổn định". Thực ra, những quy luật khách quan của thị trường đang bắt đầu tác động, với hệ thống doanh nghiệp nhà nước là những tác nhân mạnh nhất mà ít được nhà nước kiềm chế nhất vì đang trở thành những cơ sở làm ăn của các thành phần đảng viên, người nào cũng có công trạng và cũng chờ đợi được đền bù xứng đáng. Việc "tách đảng ra khỏi nhà nước" là một yêu cầu khách quan và sẽ ngày một cần thiết hơn với những vận hành phức tạp của nền kinh tế thị trường. Giữa tiến trình này, nhà nước đang bị bó tay trong chức năng phối hợp và điều động, một phần vì thiếu khả năng chuyên môn và một phần vì cường lực của hệ thống đảng trong các cấp địa phương và các doanh nghiệp nhà nước có nhiều quyền hạn hơn cả tư doanh lẫn nhà nước.

Khi không thể kiểm soát nổi các hoạt động của hệ thống quốc doanh đang được thương mại hóa rất mạnh, và lại tùy thuộc vào nguồn thu thuế khóa của hệ thống này, nhà nước cũng sẽ khó kiểm soát được nạn lạm phát có thể tái phát trong vài tháng tới. Sau những năm đầu đạt thu hoạch cao về nông nghiệp, mức tăng trưởng sẽ không còn cao như trước và tình hình lương thực và giá cả sẽ căng thẳng hơn. Nếu có được viện trợ hay đầu tư ngoại quốc, một giả thuyết vẫn còn lạc quan, người ta cũng không thể quên phần kinh phí nội địa cũng tương ứng với phần ngoại viện, phần kinh phí này tùy thuộc ở tiết kiệm và đầu tư nội địa và là một nguồn tài nguyên vẫn còn giới hạn trong tương lai trung hạn sắp tới.

Tình hình kinh tế vào cuối năm 1993 vì vậy sẽ không có chiều hướng khả quan như người ta có thể hy vọng sau khi tưởng 1992 là một năm xuất sắc. Trong khi đó, sự vận hành rối loạn của nền kinh tế thị trường vô luật pháp và tình trạng thụ động của guồng máy nhà nước sẽ tạo ra những thách thức mới ngày một gay gắt hơn. Những nguồn tin về những chuyển động chính trị từ mấy tháng qua hay về những phiên họp quan trọng trong vài tuần hay vài tháng tới sẽ có thể là chỉ dấu của những thay đổi lớn mà chưa ai biết trước sự thể và kết quả.

Trong những năm qua, nhờ những khích lệ đáng ngờ của một số doanh nhân hay tổ chức quốc tế, nhiều giới chức trong nước đã ước mơ Việt Nam sớm thành một tiểu long Đông Á và đánh giá thấp một quy luật của... Marx: khi hệ thống kinh tế thay đổi mà thượng tầng chính trị không xoay chuyển kịp, mâu thuẫn sẽ xảy ra. Muốn thành một nước giàu tại Đông Á nước ta cần một chính quyền mạnh và hữu hiệu, không là con tin của những thế lực kinh tế, quốc doanh hay tư doanh hay quốc tế: toàn là những điều kiện tương phản với hiện trạng.

So với trạng thái "loạn" đang chuyển ra "trị" tại Đông Âu, với cơ chế nhà nước dân chủ và hữu hiệu hơn nhờ những thay đổi chính trị căn bản từ ba bốn năm trước, người ta có thể tin rằng nước ta đang đi vào những chuyển biến ngược lại. Sự thể đó đã đành sẽ phủ nhận giá trị của mô thức cải cách kinh tế không cần dân chủ hóa mà còn có thể gây ra những thách đố vượt quá khả năng giải quyết của nhà cầm quyền. Thiên tai, mất mùa, lạm phát, tranh chấp nội bộ hay... lệnh cấm vận được Hoa Kỳ bãi bỏ dẫn tới tranh giành quyền lợi và trách nhiệm, v.v... là những biến cố có thể châm ngòi cho những chuyển biến nói trên.■

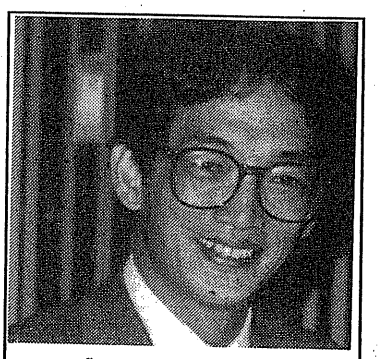

Nguyễn Xuân Nghĩa

HỘI CHỨNG TINH THẦN

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Bài 4)

BỆNH TỰ MÃN

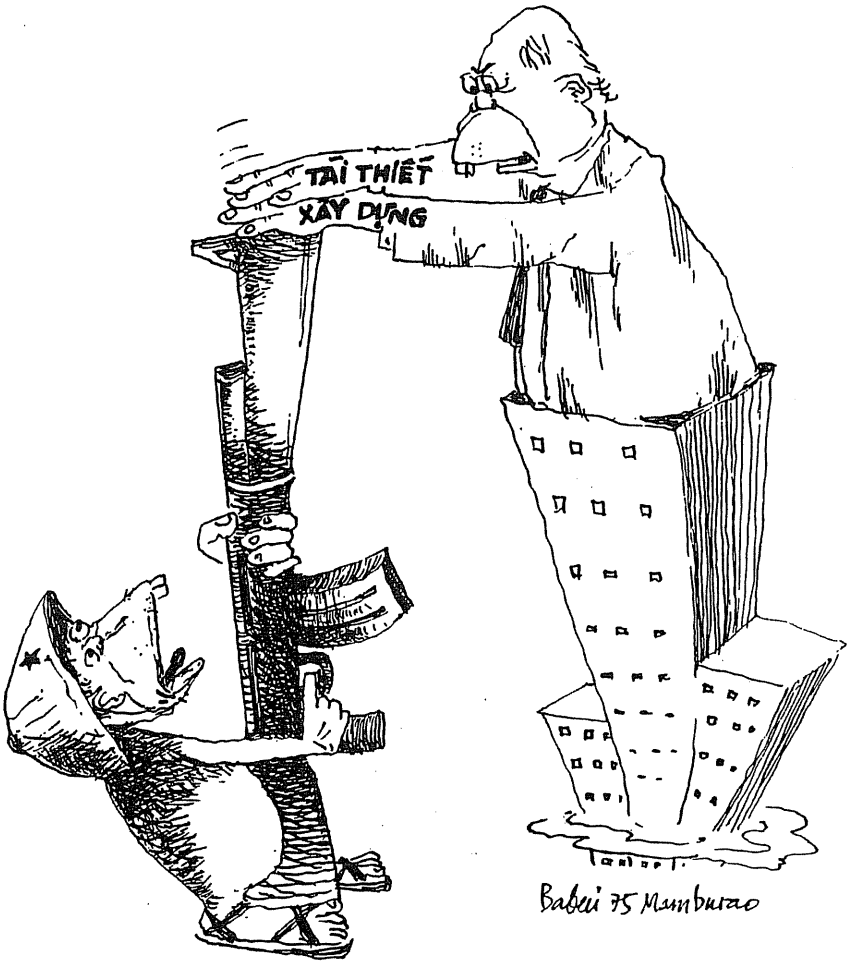

Một bạn trẻ tốt nghiệp đại học ở Việt Nam đã nói với một Việt kiều về thăm quê: "Em nghĩ về trình độ người Mỹ cũng chả hơn gì người Việt Nam trong nước chúng ta. Họ chỉ hơn ta cái máy. Họ có nhiều máy móc hiện đại quá nên có thể tiến xa về khoa học, chứ còn về đầu óc thì..." Một ý kiến rất tốt cho tự ái dân tộc, nhưng thật nông cạn. Anh bạn trẻ ấy quên tự hỏi: Cái máy của người Mỹ do đâu mà ra? Dĩ nhiên do họ làm ra chứ không phải tự trên trời rớt xuống, và để chế tạo được đủ thứ máy móc tối tân ấy họ phải có một nền học vấn và một nền sản xuất ở trình độ rất cao từ lâu đời rồi và ngày càng tiến mãi. Cái điều đơn giản ấy anh bạn trẻ đã không nhìn ra, chỉ vì nhãn quan của anh ta bị che mờ bởi một lòng kiêu căng ngầm, chỉ mong tìm cách biện minh rằng mình không thua người ta chứ không chịu nhìn ra cái chỗ người ta hơn mình.

Ông Trần Bạch Đằng, trong một bài báo đăng trên tờ Thanh Niên ở Saigon khoảng năm 1990, kể lại cuộc trò chuyện của ông với một nhà báo Tây Phương về nền kinh tế Thái Lan cũng có một thái độ tương tự. Sau khi cùng nhau phân tích các tiến bộ của Thái Lan, ông đi đến một kết luận chắc nịch, đại khái là: họ hơn chúng tôi về phương tiện sản xuất và do đó sản phẩm phong phú và năng suất cao, chứ ngoài ra họ không hơn chúng tôi về bất cứ phương diện nào. Cũng lại cái tinh thần "không chịu thua" cố hữu. Ý ông ta muốn nói Việt Nam không hề thua Thái Lan về chế độ chính trị, về hệ thống giáo dục, đào tạo, về trí thông minh... Giống như hai người chạy đua, chạy xong người thua bảo người thắng: "Mày thắng tao chẳng qua vì mày chạy nhanh hơn tao, chứ thật ra tao đâu có thua gì mày" mà quên mất

rằng muốn chạy nhanh thì người đó phải tập luyện như thế nào, phải qua một chế độ dinh dưỡng và giữ gìn sức khỏe kỹ lưỡng ra sao...

Cái tật đơn giản hóa mọi chuyện như thế, chỉ biết nhìn cái ngọn mà không nhìn cái gốc, bắt nguồn từ một tình trạng thiếu lương thiện trí thức kéo dài đã lâu. Thật ra phía cộng sản phủ nhận những ý niệm đạo đức truyền thống như lương thiện, thật thà, khiêm tốn... mà họ cho là thuộc thế giới cũ, hay tệ hơn, là sản phẩm của đời sống tư sản giả dối. Họ nghĩ là họ đang tạo ra những phẩm chất khác cho con người, một con người mới mang nội dung cách mạng vô sản, phải có lòng căm thù để gây sức mạnh, và phải dùng bạo lực để giành phần thắng về cho mình. Cho nên khi nói đến "lương thiện trí thức" là ta dùng cái thước đo truyền thống của nhân loại để mà thẩm định phẩm chất của con người nói chung, chứ còn chính người cộng sản thì họ không công nhận "hệ thống đo lường"... phản động ấy. Khi đã hiểu như thế thì người ta không ngạc nhiên khi gặp một xã hội không có tiếng *cám ơn* và không có lời *xin lỗi*, là miền Bắc Việt Nam. Trong giao tiếp hàng ngang không ai hơn ai, tất cả mọi thứ ơn huệ trên đời chỉ phát xuất từ một chỗ, là đảng. Vẫn trong giao tiếp hàng ngang, không ai có lỗi với ai, và cũng không ai có quyền thẩm định lỗi phải, ngoài đảng. Đã có người tưởng rằng vì đời sống cơ cực quá mà người dân quên các thứ lễ nghĩa rắc rối (theo nguyên tắc phú quí sinh lễ nghĩa), lý do ấy chỉ đúng một phần, cái chính là đảng đã cố tâm định đặt lại cả một "nếp sống văn hóa mới" cho toàn xã hội. Ngay tháng 5-1975 tờ báo Saigon Giải Phóng đã khẳng định: trong báo chí chúng ta không thông tin "sự thật" theo lối tư bản, chúng ta có sự thật của chúng ta, dựa trên lập trường chuyên chính vô sản.

Với các quan niệm căn bản như thế, xã hội cộng sản tạo ra những con người *không biết đến các giá trị*. Đây là nói về các giá trị chân thật của loài người. Giá trị duy nhất mà anh ta mang trong lòng là xã hội tương lai và phẩm chất khá đơn giản của con người cộng sản để thực hiện xã hội ấy: hăng hái hồ hởi, một lòng tin vào sự dẫn dắt của đảng. Chấm hết. Vì không biết gì về các giá trị chân thật trên đời ngoài những ảo tưởng, những nạn nhân trẻ tuổi trong xã hội ấy mang niềm kiêu hãnh rất đơn sơ của những con ngựa chiến, sẵn sàng lao thẳng vào bãi chiến trường khi có những cú thúc bàn đạp. Vì không biết gì về các giá trị chân thật trên đời, những người cộng sản đã phá hoại biết bao là công trình văn hóa của Việt Nam, đã dốn đến cạn kiệt tất cả cây rừng, đã khai thác đến cạn kiệt từng con tôm con cá, đã vùi dập biết bao tinh hoa của dân tộc. Cái hố

Lớp Văn Sử tại Quận Cam

TRỞ LẠI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Khóa Hội thảo Lịch Sử và Văn Học Việt Nam đang được tổ chức, hàng tuần diễn ra vào ngày Chủ Nhật, từ 1 giờ đến 3 giờ trưa tại câu lạc bộ VAALA, số 14891 đường Moran, Westminster, California.

Khóa hội thảo này được tổ chức là do nhu cầu thôi thúc của các bạn trẻ người Việt Nam muốn tìm hiểu về đất nước mình. Các bạn học hành và lớn lên ở Mỹ, cảm thấy nơi mình có một khoảng trống khi nghĩ về dân tộc, văn hóa và lịch sử Việt Nam, và các bạn đã đi tìm đặt vấn đề với các "người lớn" trong cộng đồng người Việt xin giúp đỡ. Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức Việt Nam tại hải ngoại, hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, một số vị có lòng thiết tha với tương lai văn hóa của con em đã cùng với các bạn trẻ ngồi lại bàn bạc phương thức làm công tác văn hóa này. Khóa hội thảo về lịch sử và văn hóa Việt Nam đã được thành hình từ đó, khai giảng vào ngày 8 tháng 8, 1993 và dự trù sẽ kết thúc vào ngày Chủ Nhật 7 tháng 11, 1993. Thuyết trình viên của các buổi hội thảo là quí vị giáo chức, các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ... được ban tổ chức mời để nói về các đề tài văn học nghệ thuật, lịch sử, văn hóa Việt Nam. Tính cho đến ngày Chủ Nhật 19 tháng 9, đã có sáu buổi hội thảo đã được tổ chức với các đề tài về lịch sử và văn học do các giáo sư Lưu Trung Khảo, Phạm Cao Dương, Nguyễn Trung Quân, Cao CaoThanh Tùng, Vũ Ngọc Mai, Phạm Quân Hồng v.v... phụ trách. Thời gian còn lại của khóa sẽ còn tám buổi với các đề tài về tín ngưỡng, âm nhạc, hội họa, văn học hiện đại Việt Nam.

Thành phần tham dự các buổi hội học nói trên hầu hết là trẻ tuổi, học sinh, sinh viên, có cả các bạn đã tốt nghiệp và đã đi làm. Có bạn nghe và nói rành tiếng Việt, có bạn không hiểu hết những gì được thuyết giảng. Tuy nhiên tất cả đều có một tấm lòng ham học hỏi về nguồn cội của mình, về lịch sử và văn hóa của nước Việt Nam. Trong các buổi thảo luận có bạn đặt những câu hỏi rất uyên bác, cũng có bạn chỉ xin giải thích một số từ ngữ mà các bạn không hiểu được. Tất cả đều biểu lộ niềm thao thức muốn khẳng định cái "yếu tố Việt" trong con người của mình tại một đất nước xa lạ, ở đó mình đang được nuôi dạy và lớn lên.

Đó có lẽ cũng là niềm thao thức của cả cộng đồng người Việt đang tìm cách truyền lại cho thế hệ thứ hai và các thế hệ kế tiếp những gì đẹp đẽ mà thế hệ thứ nhất đã mang theo trên bước đường lưu vong của mình.■

đã tạo ra, cái lòng kiêu hãnh ấy, thì chẳng dùng được gì trong thế giới chân thật, thế giới của khoa học, của sự lương thiện trí thức và tâm hồn.

Giữa lúc chủ nghĩa xã hội đã phá sản trên thế giới, đáng lẽ những người cộng sản Việt Nam phải dùng trí tuệ duyệt xét một cách khách quan cái đúng cái sai của chủ nghĩa ấy thì trong đại hội VII đảng đã khẳng định một câu thế này: "Con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội là duy nhất đúng đắn vì đã do Bác Hồ lựa chọn." Một lối nói hoàn toàn vô nghĩa về phương diện lý luận đối với một đầu óc bình thường. Ông Bùi Tín gọi đó là cách "nói lấy được." Nó chỉ may ra có nghĩa trong một thế giới riêng trong đó các niềm tin và trật tự đã được tạo sẵn một cách đặc biệt.

Lối "nói lấy được" đã được dùng rất rộng rãi trong khắp các lãnh vực, trong suốt lịch sử của đảng cộng sản. Nó có công dụng để củng cố những gì người ta *muốn* tin là có, mà thực sự là không có, hoặc có rất ít. Về sau tình trạng này được nhìn ra và được đặt cho một cái tên khá kêu là *duy ý chí*, nôm na thì đó là nói điều giả dối để tự lừa mình và lừa người.

Tự mãn trong thế giới bưng bít của mình là một điều nguy hại, đó là tình trạng ếch ngồi đáy giếng. Chứng bệnh ấy đã lây lan từ cấp lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam xuống đến các lớp trẻ, có học hay ít học. Cấp lãnh đạo tự mãn trong việc cai trị thành công một cách khốc liệt học theo kiểu Stalin hay Mao Trạch Đông. Họ muốn dân chúng cũng mang một niềm tự hào về cái xã hội tương lai mà họ dự kiến — có tự hào mới hết lòng xây dựng nó một cách tự giác. Họ đã cố gắng tạo ra một loại tinh thần kiêu căng trong toàn xã hội, đem đến cho mọi người, nhất là lớp trẻ cái cảm tưởng mình là sứ đồ đang trên đường tạo ra cái đẹp đẽ nhất cho nhân loại, ngoài con đường sáng mình đang đi, cả thế giới đang chìm ngập trong nỗi đau thương, tăm tối, đồi trụy. Vì hoàn toàn bị bưng bít, đã có thời hầu như toàn xã hội miền Bắc được tiêm cho một liều thuốc có tác dụng một cuộc lên gân tinh thần liên tục.

Liều thuốc phấn khích ấy có thể có lợi ích nhất thời, trong việc tiến hành chiến tranh, áp đặt các biện pháp khắt khe để đưa cuộc sống cả thể vào tập thể..., nhưng về lâu về dài nó làm cho người dân mất khả năng nhận định cái xấu, cái tốt một cách khách quan, nói cách khác, mang một não trạng quá đơn sơ, cho cái gì của mình cũng là nhất, tạo ra một chứng tự mãn dỏm kinh niên.

Trình độ trung bình của một người miền Bắc vào Nam năm 1975 rõ ràng là thấp, mặc dù thoạt mới gặp thì người miền Nam lấy làm ngạc vì thấy người miền Bắc nói rất hay, lý luận đâu ra đó, chữ nghĩa đầy vẻ thuyết phục. Đó là kết quả của việc thường xuyên được học tập chính trị. Nhưng dần dần mới thấy là kiến thức phổ thông về trình độ văn minh nhân loại vào năm thứ 75 của thế kỷ 20 thì hầu như họ chẳng biết gì. Những hiểu biết về tiện nghi của đời sống thành thị, đối với những người trước kia đã từng ở thành thị, thì dừng lại hoặc từ năm 1945 hoặc 1954. Họ dùng chữ "frigidaire" để chỉ cái tủ lạnh đã rất phổ biến ở miền Nam, khiến người miền Nam ngậm ngùi nhớ lại nhiều chục năm xưa có thời mình đã gọi cái dụng cụ tối tân hiếm hoi ấy bằng cái tên như thế. Một kỹ sư điện vào tiếp quản công ty điện lực đã hỏi nồi cơm điện là gì. Hiểu biết của những người có học trước kia về văn học nghệ thuật thế giới cũng dừng lại ở chỗ những gì họ đã đọc đã nghe cho đến thời điểm đi theo cách mạng. Rất nhiều người hễ nói đến các tác phẩm âm nhạc danh tiếng thế giới thì chỉ nhắc đến hai bản Beau Danube Bleu và Sur Un Marché Persan phổ biến thời Tây thuộc địa. Người dân miền quê ngoài Bắc vào không thể tưởng tượng nổi người nông dân trung bình miền Nam lại sở hữu cái máy cày, cái xuồng đuôi tôm, xe gắn máy, máy cassette, TV... Máy cày, họ có biết, nhưng đó là một cái gì lớn lao, một loại quyền lực, tượng trưng và là niềm hãnh diện của chủ nghĩa xã hội, không bao giờ họ có ý nghĩ một nông dân bình thường lại được sử dụng nó để đem lại no ấm cho bản thân và gia đình. Các lãnh vực khoa học như đường sá cầu cống, xây cất, y khoa, máy móc... đều lạc hậu nhiều so với trình độ của miền Nam.

Nhưng đấy là đánh giá của người miền Nam đã quen xem xét sự việc với đầu óc khách quan, chứ người miền Bắc vào thì sẵn sàng coi tất cả tiến bộ của miền Nam chỉ là cái giả tạo, sản phẩm tự nhiên của thế giới tư bản xấu xa. Họ đã quen nghĩ rằng tất cả kết quả tốt đẹp của "lao động" chỉ có trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Những hàng hóa tốt của tư bản thì họ hiểu lơ mơ là do bóc lột mà có, chứ không phải là kết quả của sự làm việc độc lập và sáng tạo. Mà thật ra làm việc độc lập và sáng tạo cũng là cái xa lạ đối với họ, vì họ chỉ quen làm việc theo lối dựa dẫm chung chung.

Dĩ nhiên một mặt họ vẫn say mê cái đồng hồ, cái radio transistor... như là những cám dỗ trần thế, nhưng niềm tin tôn giáo nơi họ, một loại thiên đường đẹp đẽ xa xôi vẫn không thể một sớm một chiều mà gột rửa khỏi tâm trí họ được. Cuồng tín là một thứ bịnh, nó thành hình nơi con người không phải do sự tỉnh thức của trí tuệ mà do các phương cách hắc ám, do đó ngay cả khi thần tượng của niềm tin sụp đổ nó vẫn không mất đi mà sẽ biến chứng thành các tác hại khác. Ngày xưa những người bị ma ám, dân gian thường chữa bằng cách đưa lên chùa nghe kinh, tức là nghe những lời lẽ thiện để cái ma mị tan biến đi. Đó có lẽ là cách chữa rốt ráo hơn là mời thầy phù thủy, tức là dùng một lực có khi là cũng hắc ám để đương đầu với một cái hắc ám khác.

Ngày nay dù tình hình trong nước đã thay đổi nhiều, cả xã hội vẫn chưa được chính thức nghe lời kinh của cái thiện. Nền kinh tế thị trường rừng rú trong tình trạng gọi là mở cửa mới chỉ là ông thầy phù thủy hắc ám cho nên cái ma mị nó biến chứng ra thành nhiều thứ bệnh khác, trong đó chứng tự mãn dỏm vẫn còn dây dưa. Tâm thức cần được "giải oan" trong bầu không khí lương thiện, tự do và hiền hòa, những thứ chưa có trong chế độ chính trị ngày nay tại Việt Nam.■

VÀI Ý KIẾN THÊM VỀ TRẦN ĐỨC THẢO

HOÀNG KHOA KHÔI

Nhân đọc bài "Cái chết lần thứ hai của triết gia Trần Đức Thảo", đăng trong tạp chí *Thế Kỷ 21* và *Trăm Con*, tôi thấy tác giả Phạm Trọng Chánh có nói tới tên tôi để viện dẫn ông Thảo không phải là người trôtskýt, tôi xin phép được góp thêm một vài ý kiến:

1/ Ông Thảo không những không phải là trôtskýt mà ông còn là người đã từng đối lập triệt để với trôtskýt trong những năm 1947-1951.

Năm 1947, trong bài "*Vấn đề Việt nam dưới con mắt phái trôtskýt*" đăng trên tạp chí *Thời Mới (Temps Moderne)* của Jean Paul Sartre, Trần Đức Thảo kịch liệt bác bỏ quan niệm của trôskýt về *tính chất* của cuộc cách mạng Việt Nam. Theo ông, cách mạng Việt Nam không thể tái diễn theo mô hình cách mạng Nga năm 1917. Không những ở Việt Nam mà bất kể xứ nào ở Đông Phương đều không thể có cách mạng vô sản. Ông tán thành Việt Minh đã biết "*ngừng cuộc tranh đấu giai cấp*" và tán thành đảng Cộng Sản Việt Nam đã biết "*tự động giải thể.*" Ông viết: "*Từ Ma-rốc đến Nam dương... không có một đảng cộng sản nào đáng kể. Lời kêu gọi vô sản Việt Nam, nếu làm cách mạng, sẽ mất đi trong bãi sa mạc... "Nếu vô sản Việt Nam nắm chính quyền, hành động của họ cũng chỉ là tượng trưng, nhất là họ sẽ bị đè bẹp ngay."*

Đối với Trần Đức Thảo, cuộc cách mạng Việt Nam muốn đi đến thành công, phải là một cuộc

Photo DONG DUC THANH

Trần Đức Thảo

"*cách mạng tiểu tư sản, do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo.*" Ông trách cứ trôtskýt đã "*khinh thường một cuộc cách mạng tiểu tư sản* (Việt Nam) *như thế, kết cục là ủng hộ gián tiếp những mưu mô của thực dân.*" Ám chỉ trôtskýt, ông nói: "*Rõ ràng là cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mạng*" (Coi bản dịch tiếng Việt đăng trong tạp chí Văn Hóa Liên Hiệp số 15 tháng 7-1949).

Tôi nhắc lại giai đoạn này để chứng thực sự cách biệt tư tưởng giữa ông Thảo và Trôtskýt là sự cách biệt rộng, trên những vấn đề căn bản. Tuy thế, đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn cứ tiếp tục chụp cho ông cái mũ "trôtskýt," rồi viện cớ trù dập ông một cách vô lý.

2/ Năm 1951, sau khi đảng Cộng sản Đông Dương tái lập dưới hình thức đảng Lao Động Việt Nam và sau khi Mao Trạch Đông giành được chính quyền ở Trung Quốc, quan niệm của ông Thảo hoàn toàn đổi ngược. Trong cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu*" do nhà xuất bản Minh Tân ở Paris ấn hành, ông khẳng định cách mạng ở Việt nam cũng như Trung Quốc, "*biểu lộ đặc biệt ý nghĩa một cuộc cách mạng vô sản.*" Theo quan niệm mới này của ông Thảo, cách mạng vô sản không những thành công ở Việt Nam và Trung Quốc mà sẽ thành công ở các xứ Đông Phương. Ông viện lẽ: "*Tư tưởng Đông Phương, từ xưa tới nay, không phân ly vật thể và tinh thần, tự nhiên và ý niệm, vậy hiểu một cách dễ dàng phương pháp duy vật biện chứng*" của chủ nghĩa Mác-xít. Ngược lại, trái với Các Mác, ông phủ nhận cách mạng vô sản ở Âu Tây. Bởi vì, theo ông, "*tư tưởng Âu Tây đã từ lâu đi vào con đường trụy lạc,*" "*hoàn toàn hư nát,*" "*chủ nghĩa Mác-xít tương phản với hình thức văn minh Âu Tây.*" Đề cao cách mạng vô sản ở Đông Phương, ông viết: "*Đông Phương thực hiện chủ nghĩa Mác-xít, đã thành một khối dân chủ thống nhất 700 triệu người, từ Đông Âu đến Thái Bình Dương, sống một đời chứa chan hy vọng...*"

Các Mác đặt cơ sở lý luận của mình trên căn bản của sự phát triển kinh tế và sự tiến bộ kỹ thuật và khoa học là những yếu tố cơ bản tạo điều kiện cho sự thành công cách mạng vô sản và cho sự xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên lúc sinh thời, Mác không đề cập vấn đề cách mạng vô sản ở Đông Phương. Đến thời Lênin, tư bản chủ nghĩa trở thành đế quốc chủ nghĩa, Lênin, mặc dầu chủ

trương cách mạng vô sản ở Nga, nhưng toàn bộ chiến lược cơ bản của Lênin là đặt hy vọng vào sự bùng nổ cách mạng vô sản ở các xứ tiền tiến Châu Âu (như Đức, Pháp, Anh, v.v...). Trần Đức Thảo coi "tư tưởng" là yếu tố chủ yếu của sự biến đổi các chế độ xã hội. Cho nên ông đã đi đến kết luận "*chỉ có Đông Phương mới thực hiện được chủ nghĩa Mác-xít.*" Nếu cần phải đánh giá đúng mức quan niệm của ông Thảo, ta có thể nói đó là quan niệm duy tâm của các trường phái duy tâm chủ nghĩa. Ông Thảo gần gũi với chủ nghĩa duy ý chí của Mao hơn là chủ nghĩa duy vật và khoa học của Mác.

3/ Từ 1947 đến 1951, sự thay đổi tư tưởng của ông Thảo là một điều khó hiểu. Thoạt nhìn, tưởng như ông có lập trường khác biệt với đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận xét kỹ, tư tưởng ông gắn liền với đường lối "*từng giai đoạn*" của đảng này.

Đảng Cộng sản Việt Nam phân chia cách mạng làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu là "cách mạng tư sản" (ông Thảo gọi là cách mạng tiểu tư sản). Giai đoạn thứ hai là cách mạng vô sản. Những gì đảng coi là chiến thuật, sách lược v.v... ông Thảo nêu thành nguyên lý và chân lý. Riêng có một điều ông hiểu sai là khi ông nói "*cách mạng tiểu tư sản do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo.*" Thực tế, do đảng Cộng sản, mệnh danh thay mặt cho giai cấp vô sản, lãnh đạo!

Viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu,*" ông Thảo nhắm đưa vai trò của Stalin và Mao lên hàng những người kế nghiệp chính đáng của chủ nghĩa Mác. Thái độ này cũng là thái độ của đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng đã ghi "tư tưởng" Mao vào Hiến Pháp, văn phẩm của ông Hồ Chí Minh, trong giai đoạn này, đều mang dấu vết của chủ nghĩa Mao).

Thế nhưng tại sao đảng vẫn gán cho ông Thảo cái nhãn hiệu "Trôtskýt"? Đây là một "thủ thuật" mang tính tâm lý mà đảng đã từng sử dụng rất có hiệu quả. Ban lãnh đạo đảng thừa biết ông Thảo không phải là trôtskýt, nhưng họ vẫn đem cái gông đó tròng vào cổ ông, vì họ vẫn không

tha thứ một số những hành động của ông mà họ coi là xung khích với đường lối của đảng. Cái hồ sơ lý lịch của ông họ đã nắm giữ, từ lúc ông nhập đảng! Thứ nhất, năm 1944-46, ông đã cộng tác với trôtskýt ở Pháp thành lập Tổng Ủy Ban Đại diện Việt Kiều (Délégation Générale des Indochinois en France) thay mặt cho 20,000 Việt Kiều ở Pháp. (Tổ chức này không những đứng ngoài vòng của đảng Cộng sản Pháp (PCF) mà còn có những hành động đối nghịch). Thứ hai, vào năm 1946, ông Thảo bất đồng ý kiến với Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng Ba và ông đã tuyên bố công khai chống cuộc đổ bộ của quân đội Leclerc ở Việt Nam. [Thái độ này chống với đường lối của đảng, nhưng lại giống thái độ của trôtskýt]. Thứ ba, năm 1956, ông Thảo đã cộng tác với nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm*, đòi dân chủ, phê bình đảng. Bằng ấy chứng cớ cũng đủ cho đảng không thể tin cậy ở lòng trung thành của ông. Họ buộc ông phải hoàn toàn nhắm mắt theo đảng. Cái "tội" của ông là chỉ nhắm mắt một nửa.

Trù dập ông Thảo bằng cách gán cho ông cái nhãn hiệu "trôtskýt", đảng còn nhắm mục đích cảnh cáo đội ngũ trí thức của đảng chớ có dại mà theo gương ông Thảo. Hai chữ "trôtskýt" tạo ra tâm lý cho mọi người sợ nó. Vì nó đồng nghĩa với "gián điệp," "Việt gian," "tay sai cho thực dân, đế quốc," nếu không phải là "sát nhân," "giết hại đồng bào"! Hai chữ "trôtskýt" được treo lửng lơ trên đầu ông Thảo, như cái lưỡi kiếm của Đamôclètlet (Damoclès), gây cho cân não ông một mối lo sợ thường xuyên. Kết quả, có lúc ông Thảo nhìn đâu cũng thấy gián điệp và trôtskýt. Hồi ông vừa qua Pháp, một người cựu đại biểu Công binh (lính thợ Việt Nam), bạn cũ của ông, gặp ông hỏi ông đang viết sách gì, được ông trả lời: "*Có viết gì được nhiều đâu, bọn trôtskýt nó phá quá.*" Ông bạn cựu công binh hỏi lại: "*Anh cho biết*

trôtskýt đó là ai?" Ông nói: "*Bọn Althuser chứ còn ai?*" Hai chữ "*trôtskýt*" đã ám ảnh ông Thảo đến nỗi ông đã nhầm lẫn Althuser với trốtskýt! (Althuser là triết gia, cựu đảng viên của đảng cộng sản (PCF) Pháp).

5/ Vào cuối đời mình, ông Thảo đã biểu lộ sự cố gắng sửa đổi một số sai lầm, đặc biệt về sự nhận định vai trò lịch sử của Stalin và Mao. Đối với Stalin, ông đã thanh toán bằng cuốn sách nhan đề "Triết lý của Stalin," trong đó, ông hạ bệ Stalin như một người thiển cận không am hiểu gì về thuyết biện chứng của chủ nghĩa Mác-xít. Đối với Mao, ông viết một loạt bài đả kích nhà triết lý Althuser mà ông coi là môn đồ của Mao và chủ nghĩa mao-ô-ít. Một điều đáng chú ý: Ông cũng như ông Nguyễn Khắc Viện, sửa sai nhưng không bao giờ tự phê bình là mình đã sai và vì sao đã sai. Hai ông hình như cho rằng sự sai lầm của các ông là do lỗi ở đảng!

Thái độ chỉ trích Stalin và Mao của ông Thảo gây thêm sự nghi ngờ của đảng đối với ông. Cứ theo cái đà ấy, biết đâu, một ngày kia, ông lại chẳng dụng đến Hồ Chí Minh, một điều cấm kỵ của đảng! Trong đám trí thức có óc phê phán như ông Thảo, nhiều người đều biết Hồ Chí Minh, từ 1950 tới 1965, đã viết bài hoặc đã có lần tuyên bố đặt Mao ngang hàng với Các Mác và coi Mao là nhà lý thuyết bậc nhất, không ai có thể thay thế nổi. Nói đến Stalin, nói đến Mao mà không nói đến Hồ Chí Minh, đó là một điều còn thiếu sót trong quá trình tiến triển của ông Thảo!

Theo lời kể lại của những bạn bè xung quanh ông Thảo, đảng vẫn cảnh giác, đề phòng những việc ông làm, những bài ông viết tại quán trọ Le Verrier. Thậm chí nhiều người còn đặt nghi vấn về cái chết bất ngờ và nhanh chóng của ông.

Hết thời hạn hộ chiếu, đảng đòi ông phải về nước, không muốn ông ở lại Paris thêm một ngày nào nữa. Ông cưỡng lại không chịu về. Bạn bè ông phải lập hội quyên tiền giúp cho ông sống. Tóm lại, đảng vẫn nghi ngờ ông. Đảng chỉ được yên tâm khi ông đã nhắm mắt.

6/ Trong bài "*Cái chết lần thứ hai của Trần Đức Thảo*," ông Phạm Trọng Chánh ghi cái chết lần thứ hai của ông Thảo vào năm 1958, nghĩa là sau vụ án *Nhân Văn Giai Phẩm* (1956). Theo tôi, cái chết của Trần Đức Thảo lần thứ nhất phải kể từ 1951, năm ông viết cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu*," nhầm lẫn chủ nghĩa Mao và Stalin với chủ nghĩa Mác-xít. Bắt đầu từ năm ấy, ông đã dấn mình vào một thế giới — thế giới Staliniên — xa lạ với bản chất con người ông. Những ai đã quen biết ông Thảo, những năm 1944-46, khi ông còn là một thanh niên ngụ tại số nhà 10 Phố Sorbonne, quận Năm, Paris, đều biết ông là người "kiêu hãnh" (fier), tự tin, tự trọng. Ông không kiêng sợ ai và không ai làm ông phải khâm phục. Con người ngang tàng và thông minh ấy đã bị bộ máy Staliniên bẻ gãy, nghiền nát. Con người ấy đã phải sống khuất phục hàng chục năm, dưới một chế độ đầy quyền lực, tôn ti trật tự, sùng bái lãnh tụ. Hỏi làm sao chịu đựng nổi lâu ngày mà không công phẫn, thỉnh thoảng cất lên tiếng nói. Nhưng mỗi lần cất lên, tiếng nói của ông bị đập tan. Không những thế, người ta còn bắt ông thú nhận những tội lỗi mà ông không làm. Người ta đã áp lực bạn bè ông viện những bằng chứng bịa đặt, tố cáo ông như một tội phạm. Trong vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*, đảng sai mà ông đúng, nhưng ông đã phải "*xin lỗi trước đảng và trước nhân dân.*" Trong việc cộng tác với trôtskýt, để huy động phong trào Việt Kiều ở Pháp chống chế độ thực dân, ông đúng mà đảng sai, nhưng đảng đã ghi vào hồ sơ lý lịch của ông: "*Thỏa hiệp với bọn trôtskýt phản động, tay sai của đế quốc!*" Có hiểu bản chất con người ông Thảo mới hình dung được những đau khổ của ông, đứng trước những oan trái mà ông đã âm thầm gánh chịu. Những oan trái đó, ông đã mang theo cho đến khi tắt hơi thở cuối cùng.

Cái chết lần thứ hai của ông Thảo, theo tôi, là khi đảng gắn trên quan tài ông tấm huy chương, ngụ ý nói đảng thương công "cho người con yêu quí trung thành của đảng"! Còn sự chua chát nào hơn đối với hương hồn một người như ông! Khi ông còn sống đảng đã bội bạc, vùi dập ông. Khi ông chết, đảng vẫn không tha mà còn tìm cách "chiếm lãnh" (récupérer) con người ông, làm lợi khí tuyên truyền cho đảng.

7/ Tôi được biết ông Thảo trong thời kỳ (1944-46), cộng tác với ông, gây dựng phong trào Tổng Ủy Ban Đại Diện Việt Kiều tại Pháp (Délégation Générale des Indochinois en France). Chúng tôi cùng ở xóm la-tanh (Paris V), nhà tôi cách nhà ông Thảo chừng năm phút đi bộ. Chúng tôi gặp nhau luôn, coi nhau là bạn. Năm 1946, ông Hồ Chí Minh qua Pháp, lôi kéo trí thức quốc gia rời bỏ sự đoàn kết với trôtskýt. Từ ngày ấy ông Thảo và tôi chia tay nhau. Ông đứng về lập trường Stalin và Mao, chống trôtskýt. Tôi bênh vực trôtskýt, chống chủ nghĩa Mao và Stalin. Trong những năm 1947-51, tôi có viết nhiều bài đăng trên mặt báo *Vô Sản* và *Tiếng Thợ* công khai tranh luận với ông Thảo. Với sự hăng say của tuổi trẻ thời đó, phía trôtskýt cũng như phía ông Thảo, đôi khi đã dùng những chữ, những câu "quá lời"! Nhưng nội dung vẫn giữ được phong cách một cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị. Về phần tôi, tôi không bao giờ coi ông là "kẻ thù" (ennemi) mà chỉ coi là người đối lập (adversaire). Truyền thống phong trào lao động coi sự bất đồng tư tưởng là thường. Chỉ tới thời đại Stalin nó mới bị coi là tội ác, cần phải diệt trừ!

Đối với tôi, về mặt tư tưởng, ông Thảo ngày nay không còn là ông Thảo thời xưa nữa. Nhưng xưa cũng như nay, tôi vẫn tôn trọng ông là người đã từ bỏ công danh ở Pháp, can đảm trở về quê hương, với hoài bão đem tài năng cống hiến cho cuộc giải phóng dân tộc.

Ngày đám tang ông, tôi có mặt ở nghĩa địa Père Lachaise, giữa đám bạn bè cũ của ông. Tôi không giữ nổi cảm xúc khi nhớ lại quãng đời chông gai của ông mà tôi được chứng kiến.■

Paris, Août 1993

TRĂNG CÓ CÒN ĐÓ KHÔNG?

TRẦN CÔNG SUNG

Anh T. thân,

Anh dặn đi Hoa Kỳ về, thế nào cũng phải viết cho anh. Vậy lá thư Paris này là lá thư Mỹ.

Điều ngạc nhiên đầu tiên khi đặt chân đến California: cả nước Việt Nam, ít nhất là nước Việt Nam mà tôi quen biết, đang sống ở Mỹ. Qua thư từ, tin tức từ bên phải bên trái, tôi vẫn biết nhiều bạn bè đã sang đó. Nhưng không ngờ ở Quận Cam (California), tôi gặp lại đủ mặt văn võ bá quan: từ bạn bè hoạt động sinh viên hồi trẻ, bạn bè hoạt động xã hội, bạn bè văn nghệ văn gừng, không thiếu một mạng nào.

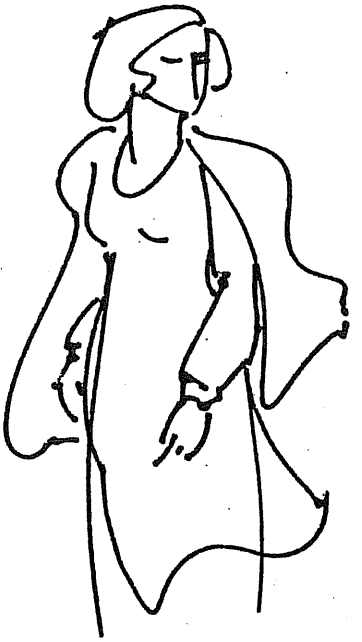

Tôi nói với một người bạn: bây giờ mình qua bên này cả rồi, phải tính chuyện sang lại Saigon cho người Tàu. Anh bạn cười hề hề, cho là tôi nói đùa. Chẳng phải nói giỡn đâu nhé: anh thừa biết rằng bây giờ, người Tàu, với hàng bao dollars Mỹ, dollars Hồng Kông, đã mua gần hết nước Việt Nam. Từ những mảnh đất mầu mỡ ở Thủ Đức, Biên Hòa, đến những khu vườn ở trại Hầm Đà Lạt; Đà Lạt thơ mộng của những mối tình đầu, Đà Lạt của ly cà phê thơm ngọt ngào ngày gió lạnh, Đà Lạt với những gò má hây hây đỏ của các cô em nữ sinh đã từng làm chúng mình quên cả đường về.

Quận Cam là Phú Nhuận, Gia Định. Người Mỹ duy nhất mà tôi gặp là ông Cảnh Sát công lộ, đứng lạc lõng. Hãy tưởng tượng một anh bộ đội Mỹ giữ trật tự xe cộ ở Quận Cái Vồn hay Củ Chi.

Quận Cam là một thị trường sầm uất. Tiệm ăn, tiệm sách, tiệm bảo hiểm, nhà địa ốc và hàng trăm thứ tiệm hầm bà lằng khác, nhan nhản, san sát. Những tấm bảng luật sư, bác sĩ bằng Việt ngữ to tổ bố, giăng đầy đường như hồi xưa ta giăng biểu ngữ xuống đường. Ở bên Pháp, nếu anh luật sư, bác sĩ nào trương biểu ngữ kiểu đó, chắc chắn sẽ bị hội đồng kỷ luật triệu hồi trong vòng 48 giờ. Văn phòng luật sư, bác sĩ không phải là một tiệm chạp phô. Nhưng anh đang ở Mỹ: cái gì cũng lớn, cũng to tổ bố, cũng ào ạt, ầm ầm, cũng đập vào mắt.

Thị trường văn hóa

Tôi ngạc nhiên trước cái năng lực làm văn hóa của bà con mình. Ngồi ở tiệm ăn, anh nghe đài phát thanh Việt ngữ quảng cáo lao xao cho một tiệm uốn tóc, một tiệm vàng, một tiệm ăn mới mở. Những nhà in chạy đều, những tiệm sách Việt Nam đầy ứ sách vở và băng nhạc. Người ta hát, người ta in sách loạn cào cào, những cuốn sách có giá trị bên cạnh những cuốn sách nội dung rất khả nghi, nhưng sách nào cũng in rất đẹp. Anh có nhớ ngày xưa, chúng ta chạy khắp Saigon không tìm ra một thếp giấy để in truyền đơn đòi... cách mạng, hay in một tập thơ đầu tay.

Ở California, ai cũng làm báo. Có bao nhiêu tờ báo Việt Ngữ: 30, 40, 50? Gặp bất cứ một ông bạn cũ nào, sau vài câu thăm hỏi, anh cứ yên trí là thế nào ông ấy cũng hùng hổ nói về tờ báo ông ấy đã làm, đang làm hay sẽ làm. Tôi yêu nghề báo bổ, anh biết đấy, nhưng vừa vừa, phải phải thôi. Cũng muốn tiếp xúc với một người làm cái gì khác. Tôi bèn đi kiếm một ông không phải là chủ báo. Cái ông hiếm hoi đó, kiếm mãi cũng ra. Tôi hài lòng, thảo luận với ông ấy về chính trị, quê hương, về ba cái lăng nhăng khác. Lúc chia tay, đột nhiên đương sự trở ra nghiêm trọng:

"À, mình sắp ra một tờ báo. Cậu về bên ấy, phải gởi bài cho mình. Cậu hứa chứ?"

Tôi hứa, cố nhiên. Như đã hứa với 21 ông chủ báo khác. Sự thực thì các ông ấy cũng cóc cần bài vở của mình. Bởi vì báo ở California, đa số, không phải

viết để đọc mà để lấy quảng cáo. Quảng cáo của tiệm ăn, tiệm giầy, tiệm nữ trang. Đó là một hiện tượng mới: hiện tượng báo không độc giả. Nguyễn Văn Trung gọi chiến tranh Việt Nam là chiến tranh không có tiếng hát. Cuộc kháng chiến chống Pháp có Phạm Duy, Văn Cao, làm cho cuộc kháng chiến trở thành lãng mạn, hào hùng, bừng bừng khí thế. Chiến tranh gần đây không có nghệ sĩ ca tụng, nó buồn nản, nhạt nhẽo, không sinh khí. Cũng có nghệ sĩ đấy, như Trịnh Công Sơn, nhưng hình ảnh chiến tranh của Sơn, "đại bác đêm đêm vọng về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe," về mặt nghệ thuật thì đẹp thật, nhưng làm người ta càng nản hơn. Đánh đấm gì nữa? Báo chí Việt Ngữ là báo không có độc giả, liệu có thể phát triển được không. Ông nào cũng mãi đọc báo của mình, thì giờ đâu đọc báo của hàng xóm?

Chắc chắn là tôi nói quá. Nhiều tờ báo ở đây đứng đắn và đủ khiến ta tin tưởng ở tương lai. Ra được những tập san văn hóa, ra được nhật báo ở xứ người là một công trình đáng kể. Vả lại, thà nhiều báo còn hơn không có. Sinh hoạt tấp nập là một điều hay. Đào thải và gạn lọc đã có thời gian đảm nhận. Nói theo kiểu lẩm cẩm của cụ Phạm Quỳnh: tiếng Việt còn, nước Việt còn... Bèn xin ngả mũ chào.

Nếu phải phê bình, tôi nêu điều này: tiếng Việt trong nhiều tờ báo khó hiểu quá. Hoặc là tác giả dịch nguyên con từ tiếng Anh, nghe nó lủng củng như gặm xương. Hoặc người viết phạng nhiều chữ Hán Việt quá, anh độc giả nào không đậu cử nhân Việt-Hán đành ngọng. Tôi nói với một người bạn: mình sang bên này, nếu mở một cửa tiệm chuyên dịch sách báo Việt Ngữ sang tiếng Việt, chắc sống được.

Nhưng chắc các tác giả ấy có lý: tội gì viết đơn giản trong khi có thể viết rất lôi thôi, cầu kỳ, lủng củng.

Cơm Tây, cơm Mỹ

Ăn cơm Việt Nam ở California ngon và rẻ hơn ở Pháp. Với 5, 6 dollars, anh có thể ăn chết thôi. Và những món ăn rất cầu kỳ: canh ốc nhồi, bún bung, giò heo giả cầy, phở ngầu pín. Những món ăn phải là người Việt Nam chính cống mới ngồi mà bày vẽ ra được. Mỹ, người ta chỉ để miếng thịt lên lò lửa, nướng chín lên, ăn. Cùng lắm, nghiền miếng thịt ra thành hamburger đã là tế nhị tối đa. Cũng chẳng trách họ được: họ mới có hơn 200 năm văn hiến. Phải có hàng ngàn năm văn minh mới kiếm ra hột vịt lộn, thêm vài trăm năm nữa mới khám phá ra hột vịt lộn phải ăn với rau răm. Hột vịt lộn không thể "đi" với rau muống, rau mùng tơi, rau tía tô, hay rau húng. Biết bao nhiêu thế hệ An Nam đã tìm tòi, đã nếm, đã thử, để đi đến kết luận là nước chấm bánh cuốn chỉ có thể "đi" với cà cuống. Còn nhiều đường đất lắm người Mỹ mới đi đến trình độ thưởng thức được món ngầu pín, xôi lạp xưởng...

Tiệm cơm Việt Nam ở California cầu kỳ hơn ở Pháp, vì cơm Việt Nam ở Mỹ chỉ dành cho người Việt, còn tiệm ăn ở Pháp đa số là Tây Đầm. Bán cơm cho Tây Đầm vừa dễ, vừa kiếm tiền nhiều. Dễ vì Tây Đầm họ hài lòng với vài món ăn quen biết: chả giò, cơm chiên. Các người nghĩ rằng vào tiệm ăn Việt Nam không kêu chả giò sẽ bị ông chủ ông ấy cười. Làm như ở Việt Nam, chúng ta chỉ ăn chả giò, cơm chiên tối ngày. Kiếm tiền nhiều, vì Tây hễ ăn là phải có rượu: một chai rượu đủ lời hơn một bữa cơm; mà chẳng phải mệt xác. Mỹ, người ta không uống rượu. Anh hãy tưởng tượng một bữa cơm không có rượu. Lấy cái gì để đưa cay? Khổ hơn nữa là không có cà phê. Hãy kêu một ly cà phê. Người ta mang cho anh một cái ly to tướng, người ta đổ vào đó một số lượng nước sôi đủ để tắm một cái, đủ để gội đầu. Cái ly nước nâu nâu, màu giặt vớ, với cái mùi rất kỳ cục, rất khả nghi, rất thiếu nghiêm chỉnh ấy, người ta gọi là cà phê. Với tất cả sự kính trọng đối với Hillary và Bill Clinton, với tất cả niềm ưu ái đối với đồng bào ở Mỹ, tôi xin lỗi, cái ly nước nâu nâu đó không phải là cà phê.

Cùng lắm thì họ mang cho anh một ly cà phê phin. Cái *filtre* dùng từ hồi đệ nhị thế chiến; phải ngồi chờ hàng giờ cho từng giọt nhỏ xuống. Tốc, tốc, tốc. Đến khi đầy ly thì cà phê đã nguội. Cà phê nguội, nó cũng nhạt như nụ hôn của một người đàn bà vô tình.

Tiệm cơm ở Quận Cam "Ghetto" chỉ dành cho người Việt Nam. Tại sao người Mỹ không mò đến thưởng thức như người Pháp. Ở Pháp, ngay cả các siêu thị Tây cũng có hẳng quầy dành riêng cho món ăn Việt và Tàu. Tại sao những khu có người Việt, Mỹ họ chạy hết? Ở Quận Cam, người Việt ta lẩn quẩn với nhau, buôn bán với nhau, thưa kiện lẫn nhau, trị bệnh cho nhau. Đó là một xã hội khép kín, tiêu biểu cho hiện tượng "ghetto" ở Mỹ: Đen ở với Đen, Trắng với Trắng, Vàng với Vàng và Mễ với

Mễ. Không anh nào chạy đi chạy lại. Phải chăng người Mỹ kỳ thị hơn người Pháp? Trong khi chờ đợi câu trả lời, một điều chắc chắn là nấu cơm ở bên Mỹ khổ hơn ở bên Pháp. Bởi vì một ông Việt Nam vào tiệm, ông ấy không uống rượu, không ăn tráng miệng, ông ấy kêu một tô phở 5 tì, và ông ấy đòi hỏi lôi thôi: giá sống, rau thơm, ớt hiểm. Phải tận tụy lắm, phải yêu nghề lắm, mới có thể mở tiệm ăn ở Hoa Kỳ. Không như ở Pháp, cứ mua thịt cá về xào nướng loạn lên, chờ Tây Đầm đến ăn và khen ngợi rối rít.

Ở Quận Cam vài ngày, tôi đủ thấy cái sinh khí của người mình, sẵn sàng làm lại, xây dựng lại, băng băng đi tới. Ở New York cũng vậy. Cả con đường Canal Street, người Việt, cùng với người Tàu, đã biến thành một khu sầm uất, tấp nập, sôi động suốt ngày đêm, một khu thương mại không thể không thăm viếng. Trong cuốn sách chỉ dẫn về du lịch tôi mua ở Paris, ông tác giả Tây ông ấy dặn: đến New York, muốn thăm gì thì thăm, không thể thiếu Canal Street.

Người nuôi cá vàng

Tôi đã gặp lại bạn bè cũ. Có cảm tưởng như thời gian đã ngừng lại. Có cảm tưởng như mình đang ngồi nhậu ở An Nhơn hay chợ Vườn Chuối.

Hình ảnh tôi giữ lại là hình ảnh chị Giác lúc nào cũng cười đùa. Chị nói lo buồn cứ gác lại bên cạnh, cười cho vui cái đã. Phải chăng đó là sức mạnh của người đàn bà Việt. Tôi so sánh với mấy cô bạn Pháp, lúc nào cũng khổ tâm vì những chuyện lĩnh kỉnh: không ghi được chỗ nghỉ hè ở CLUB MED cũng rầu rĩ, xe hơi bị trầy một chút cũng than thở như trời sắp sập đến nơi.

Hình ảnh tôi giữ lại là hình ảnh họa sĩ NĐ nói về chị NĐ. "Tôi sang bên này, bà ấy nuôi như người ta nuôi cá vàng để làm cảnh." Và chị NĐ cười rất tươi. Bà Tú Xương ngày trước nuôi nổi năm con với một chồng, *quanh năm buôn bán ở mom ông*; tận tụy thì tận tụy thực, nhưng không hiểu có đủ sức để cười. Tại sao tôi cứ tưởng tượng bà Tú Xương âm thầm chịu đựng, tất tả ngược xuôi, nhưng lúc nào cũng buồn thiu, thiếu nụ cười đồng lõa với một ông chồng tài tử? Trong một xã hội đảo lộn tận cùng, mọi giá trị cũ lật nhào, giá trị mới chưa có, hình ảnh những người nuôi cá vàng tươi cười đủ làm cho anh thấy an tâm.

Hình ảnh tôi giữ lại là hình ảnh Viễn ở New York. Viễn Cận lôi tôi đi khắp khu phố Greenwich Village từ 8 giờ tối tới 7 giờ sáng, suốt đêm, để nghe anh ta đọc thơ. Thơ của đương sự sáng tác từ mấy chục năm nay, mà không có ai để đọc. Đêm vắng, Viễn ngâm thơ bô bô làm những người Mỹ đen ngủ ngoài đường giật mình ngồi dậy, càu nhàu. Thơ Viễn không phải là thơ để đời, nhưng cái vẻ đam mê của anh chàng làm tôi quên (một phần nào) đôi chân đau vì suốt đêm đi bộ. Bởi vì suốt ngày, đi đâu cũng nghe chuyện làm ăn, chuyện dollars, sang nhượng, riết phát mệt.

Làm ăn, đồng ý. Kinh doanh, xin cứ tiếp tục. Nhưng thỉnh thoảng cũng nên ngửng lên xem trăng có còn đó không, thỉnh thoảng ngồi ngắm giọt sương đọng trên ngọn cỏ, thỉnh thoảng đọc lại Nguyễn Du để chia sẻ nỗi lòng của nàng Kiều.

Trên đường về, tôi gặp M. ở phi trường JFK. Quả đất tròn, anh thấy không? M. nói "nghe anh qua chơi bên Cali, đi thăm bạn bè khắp nơi mà không liên lạc với em." Tôi không biết trả lời ra sao. Tôi có thể nói láo. Đại khái không có địa chỉ của M. Hay có gọi mà không gặp M. ở nhà. Nhưng tôi không nói gì, lúng túng. M. nói: "Em hiểu anh. Em cũng vậy. Em tính gọi anh mấy lần rồi ngần ngại, lại thôi."

Tôi nói M. không thay đổi, vẫn như ngày xưa. Khi nói câu đó, tôi thành thực. M. vẫn như vậy: trẻ, đẹp, thanh nhã. Nhưng tôi nhận ra một điều thay đổi: nét mặt, khuôn mắt, nụ cười rất xinh của M. đã đượm một nỗi buồn vời vợi. Chúng tôi ngồi hàng giờ, nói chuyện cũ. Tôi biết M. lấy chồng có địa vị, có cơ sở làm ăn phát đạt. Trước khi chia tay, tôi buột miệng: "M. có hạnh phúc không?"

Câu hỏi ngu muội. M. không trả lời. M. cười buồn. Nụ cười như một lời trách móc. M. nói "Em đi nhé." Và đi, không ngó trở lại.

Tôi nhìn hình vóc M. nhỏ bé giữa một đám người Mỹ to lớn lềnh kềnh. Bờ vai M. mảnh mai như chĩu nặng. Tôi cám ơn M. đã không ngó trở lại.

Lữ khách ven trời nghe muốn khóc
Tiếng buồn cô động, tiếng hờn câm. (1)■

Paris 5 tháng Chín 1993

(1) Thơ Thâm Tâm

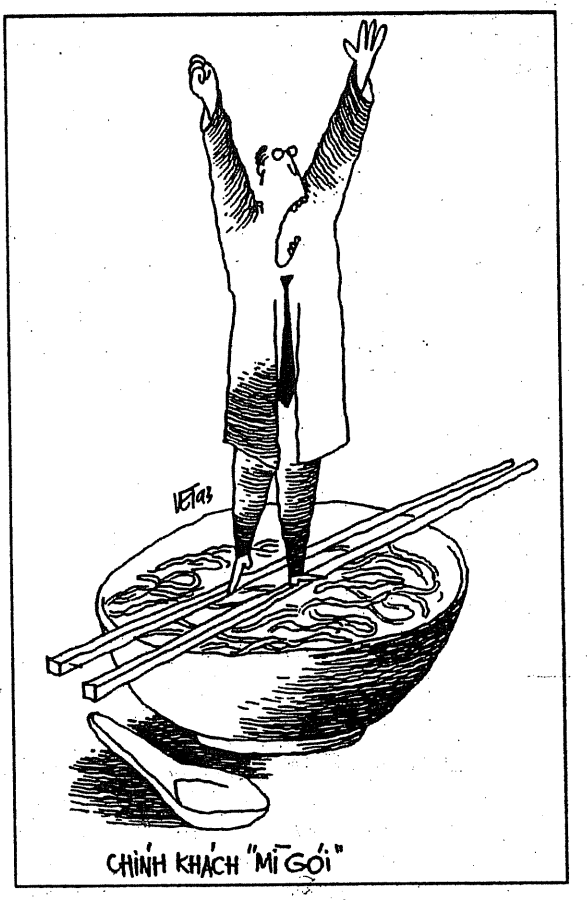

PHẠM DUY

NGUYÊN SA

Nhà văn Nguyễn Tuân, tác giả những cuốn văn xuôi chất ngất mộng giang hồ "Thiếu Quê Hương," "Một Chuyến Đi," thường thích viện dẫn Paul Morand, "Khi tôi chết, xin hãy mang da tôi ra làm chiếc va ly." Để cho bộ da của người suốt đời say mộng phiêu bồng được tiếp tục di chuyển. Giả thuyết da của những người thường xuyên nay đây mai đó được tôi luyện bởi nắng gió trên khắp hoàn vũ mang sử dụng làm va li tốt hơn da của những cậu con nhà lành không bao giờ vượt thoát được ra khỏi thị trấn của mình trong suốt một đời người, những bộ da của Paul Morand, của Nguyễn Tuân sẽ được những người làm va li mua ưu tiên để thực hiện những chiếc va li hiếm quý. Ngay như trên căn bản của giả thuyết này, và nếu như làm nghề thuộc da làm va li, tôi cũng sẽ chỉ mua hai bộ da của Nguyễn Tuân và Paul Morand với ưu tiên hạng hai. Tôi biết có một bộ da còn hiếm quý gấp bội, không thể không dành ưu tiên một cho việc tạo mãi và chế biến nhằm hoàn thành chiếc va li hiếm quý. Đó là bộ da của Phạm Duy. Nếu như vị ác thần có trong tay ba bộ da một nhà văn Pháp, một nhà văn Việt Nam và một của nhạc sĩ Việt Nam vừa được nhắc tới, vị ác thần sẵn sàng cho tôi lấy da của ba người văn học nghệ thuật này để làm va li, nhưng chỉ được chọn một trong ba bộ da quý mà thôi, tôi sẽ không ngần ngại chọn bộ da Phạm Duy.

Phạm Duy

Phạm Duy di chuyển nhiều ở mức kỷ lục, không một nghệ sĩ Việt Nam nào ở trong cũng như ngoài nước có thể so sánh được, mà ngay cả Paul Morand và Nguyễn Tuân cộng lại cũng còn ở dưới cả mức kỷ lục đó rất xa.

Ba cuốn Hồi Ký Phạm Duy đã xuất bản của trọn bộ bốn cuốn đã vẽ ra cho người yêu mến nhạc Phạm Duy và quan tâm đến cuộc đời tác giả những di chuyển liên tục của người nghệ sĩ. Những chuyến đi Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Móng Cái, những chuyến đi Hà Nội, Thanh Hóa, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài gòn, đi từ Bắc vào Nam, đi từ Nam ra Bắc. Đi cùng khắp những vùng kháng chiến các liên khu Một, Hai, Ba và Bốn. Đi từ Việt Nam sang Pháp, từ Pháp đi các nước Âu Châu. Đi bằng xe lửa, xe hơi, đi bộ, đi xe đạp, đi bằng máy bay, tàu biển... Cuộc đời di chuyển của Phạm Duy trước tháng Tư 75 mô tả trong ba cuốn Hồi Ký đã xuất bản đã kinh khủng, cuộc đời của người nghệ sĩ tỵ nạn Phạm Duy kể từ 30 tháng Tư, 1975 còn kinh khủng hơn nữa. Tính đến ngày 13 tháng Bảy năm 1993, ngày tôi đến gặp Phạm Duy trước khi viết bài này, Phạm Duy đã lên đường tất cả 269 lần, gồm chung cả những chuyến đi trong nước Mỹ và những chuyến đi tới những vùng đất ngoài Mỹ quốc. Hai trăm sáu mươi chín lần, nói

theo Nguyễn Tuân, "gió đã lên!" Tác giả Vang Bóng Một Thời lâu lâu mới lên đường một lần, cho nên chuyến đi khi được khởi đầu có không khí trường đình "gió đã lên" đầy nghiêm trọng, với người nghệ sĩ Phạm Duy, chỉ mười tám năm "gió đã lên" tới 269 lần, có nhiều hy vọng "gió đã lên" có tiếng thở dài "gió lại lên!"

Năm 1975, khi nhiều người tỵ nạn còn nằm trong trại, những người được người bảo trợ đón ra ngoài, phần lớn chưa có chuyến đi lớn nào khác hơn là đi từ trại đến nơi ở của người bảo trợ, không gian mênh mông còn hiện ra như một sức nặng đe dọa, Phạm Duy đã di chuyển tất cả 15 lần, trong khoảng thời gian kể từ tháng Sáu năm 1975 đến tháng Chạp cùng năm.

Phạm Duy đi Pensacola ở Florida, anh đi Fort Walton Beach ở Florida, Phạm Duy đi Montgomery ở Alabama, rồi anh đi Petersburg, New York. Tháng Mười đi Pensylvania, Arkansas, Texas. Tháng Mười Một, đi Maine, New York, New Jersey, North Carolina, New York, Washington D.C., rồi lại trở về New York. Tháng Chạp anh trình diễn ở Masland, Pensylvania.

Trong thời gian 18 năm, Phạm Duy trình diễn ở California 55 lần, ở Texas 11 lần, Illinois 13 lần, New York 10 lần. Những vùng đất như Hoa Thịnh Đốn, Louisiana, Pensylvania đều không dưới sáu lần. Những tiểu bang miền Đông nước Mỹ ngoài New York, Washington D.C. và Pensylvania như Maine, Florida, Virginia, Massachusette, Maryland, những tiểu bang miền Trung nước Mỹ từ Kansas tới Missouri, từ Wisconsin tới Georgia..., nhưng tiểu bang miền Tây, phía Bắc Cali, Oregon, và Washington đều hơn một lần nghênh đón nhạc sĩ họ Phạm. Hành trình của Phạm Duy không giới hạn trong biên giới của Hiệp Chủng Quốc, còn phóng lên Bắc Mỹ, trước sau 15 lần trình diễn ở Gia Nã Đại, phóng sang bên kia bờ Đại Tây Dương, Phạm Duy trình diễn ở Pháp 19 lần, Thụy Sĩ bảy lần, Đức 11 lần, Bỉ năm lần, Na Uy hai lần. Chưa hết. Có khi đi trình diễn Âu châu xong, Phạm Duy bay sang Úc châu ngay, có khi về nhà được vài ngày anh lại lên đường và Úc châu 18 buổi trình diễn, Nhật Bản bảy lần, những vùng đất Úc châu có Brisbane, Sydney, Melbourne, Adelaide, Perth, Nhật Bản thì trong số bảy nơi trình diễn có Tokyo và Osaka.

Bảng tổng kết số lần trình diễn của Phạm Duy trong những ngày tháng ở hải ngoại tính đến nay, năm nhạc sĩ 72 tuổi, lên tới 269 lần. Có chuyến anh đi gần, những chuyến đi miền Nam Cali chỉ năm mười *miles* nếu trong vùng quận Cam, năm chục *miles* khi đi lên Los Angeles, gần trăm nếu xuống San Diego. Nhưng cũng trong tiểu bang Cali, những chuyến đi lên miền Bắc Cali, như lên Cựu Kim Sơn, lên Thung Lũng Hoa Vàng San José, là thấy sáu bảy trăm dặm Anh. Mỗi *miles* gần hai cây số ngàn. Đi từ bờ biển bên này nước Mỹ, bờ biển miền Tây, sang bờ biển bên kia, bờ biển miền Đông để trình diễn ở những Boston, D.C., New York, St Paul là trên hai ngàn *miles* rồi, băng qua luôn Đại Tây Dương dù cho đi Luân Đôn, Paris, Brussells, Munchen, Berlin... năm ngàn có dư cho một lượt. Bảng tổng kết hành trình của Phạm Duy anh cung cấp cho tôi có ghi tháng năm và nơi chốn trình diễn, không tổng kết tổng số không gian đo lường, dù cho bằng đơn vị dặm Anh hay đơn vị cây số ngàn mà người nghệ sĩ đã băng qua. Tôi nhẩm tính, tôi thấy không phải một lần mà cả chục lần vòng quanh trái đất.

Hành trình trình diễn là một kỷ lục của Phạm Duy. Mỗi lần đi chuyển đi trình diễn là một lần mang lại tác phẩm mới, là một thành tích độc đáo khác của người nhạc sĩ. Giới nhạc sĩ sáng tác thường ít đi chuyển. Những nghệ sĩ trình diễn, những ca sĩ, tôi nghĩ, đi chuyển nhiều hơn Phạm Duy cũng khó lòng, nghiêng ngửa, có thể, nhưng mỗi lần đi là một lần trình diễn sáng tác mới, chắc chắn chỉ có một mình Phạm Duy. Năm 1987, Phạm Duy không đi trình diễn bất cứ một nơi nào và anh cho biết lý do rõ ràng "không đi lưu diễn trong năm này vì không có sáng tác mới." Năm 79, có sáng tác mới, Tỵ Nạn Ca, năm 82, Ngục Ca, 84, 85, 86 Hoàng Cầm Ca, 89 Rong Ca. Thập niên chín mươi khởi đầu năm đầu tiên với Bầy Chim Bỏ Xứ, 92 đã bắt qua Con Đường Cái Quan. Ngay đầu năm 93, Con Đường Cái Quan đã nhường chỗ cho Thiền Ca. Lần trước tôi tới thăm Phạm Duy, anh cho tôi nghe Hoàng Cầm Ca vừa soạn xong. Lần này, giữa năm 1993, trong lúc Thiền Ca còn âm vang khắp nơi, Phạm Duy cho tôi nghe Hàn Mặc Tử Ca. Phạm Duy nói Trường Ca Hàn Mặc Tử phổ thơ Hàn Mặc Tử trình bày bởi hai giọng ca hàng đầu là Tuấn Ngọc và Thái Hiền, nhưng tôi nghe thấy "Lâu Quá Không Về Thăm Thôn Vỹ" Thái Hiền trình bày, tôi hiểu những ngày tháng cuối năm 93 này và khởi đầu 94 kia là những ngày tháng của HÀn Mặc Tử Ca. Thái Hiền có uốn lưỡi đẩy vào âm nhạc những nhịp cầu Tràng Tiền nhưng Trường Ca Hàn Mặc Tử cũng như những sáng tác của Phạm Duy nơi hải ngoại đã rời bỏ cách xa khuôn khổ ngũ cung. Mười bài Rong Ca, Phạm Duy sang New Age, Bầy Chim Bỏ Xứ là "Mini Opéra," Con Đường Cái Quan sang Nhạc Giao Hưởng, Thiền Ca là thánh ca. Phạm Duy di chuyển quá nhanh, trong không gian của trái đất cũng như trong không gian của âm nhạc. Tưởng Phạm Duy đi Arizona trình diễn, anh đã qua tới New York, nghe tin Phạm Duy tới Pháp, chờ anh về trên chuyến bay Paris-Los Angeles để trò chuyện, anh trở về bằng chuyến Japan Air Lines khởi đi từ Tokyo. Người thưởng ngoạn còn đang say mê với nhạc kháng chiến của Phạm Duy, anh đã sang Tình Ca, tìm anh trong Ngậm Ngùi, Phạm Duy đã sang dân ca, sang đạo ca, sang tục ca, sang nhạc phản chiến. Có những khoảng thời gian, tôi thấy cùng lúc, nhạc Phạm Duy vút lên ở nhiều phía với nhiều thể loại khác biệt. Chỗ này người ta hát Phạm Duy mới nhất Mùa Thu Chết, chỗ kia Phạm Duy mới nhất lại là Huyền Thoại Một Người Mang Tên Quốc. Cơn say "lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế" chưa kịp nguôi ngoai đã tiếp

nối bởi màu áo "hồng đào rơi." Việt Nam Việt Nam còn trên những lồng ngực kiêu hãnh có một nền âm thanh "giết người đi ta ở với ai." Nhạc Phạm Duy, những ngày tháng Việt Nam đó, từ 1945 đến 1975 là những ngọn sóng lớn khi thì đó là những ngọn sóng lớn tiếp nối ngọn sóng lớn, khi thì đó là những ngọn sóng lớn này chưa chạy tới bờ, chưa tan đi, ngọn sóng lớn kế tiếp đã xô tới ào ạt. Nhạc Phạm Duy những ngày tháng lưu vong sóng nhồi sóng không giảm sút, new age còn làm chới với, mini opéra đã dồn dập tới, mini còn âm vang, nhạc giao hưởng đã kín một bầu trời, giao hưởng chưa tan đi, những ngọn gió thánh ca đã thổi tới. Phạm Duy nói với tôi thời kỳ tỵ nạn anh sáng tác mạnh gấp ba thời kỳ ở trong nước. Tôi có một chục người bạn yêu nhạc Phạm Duy. Long broker mê thơ phổ nhạc của Phạm Duy, Việt kỹ sư bộ quốc phòng Pháp sang. Pháp từ năm 1949 sống vĩnh viễn trong thế giới nhạc kháng chiến, Đỗ Long Vân thích nhất Mùa Thu Chết, Trần Đình Hòa trước câu hỏi nếu lạc vào một hoang đảo anh chỉ mang được theo có một bản nhạc để nghe anh chọn bản nào, đã trả lời không ngần ngại "Huyền Thoại Một Người Mang Tên Quốc." Hòa là một cựu Trung Tá Không Quân.

Hôm nay, có những người thích Rong Ca, có những người mê Bầy Chim Bỏ Xứ, có những người ngất ngây với Hoàng Cầm Ca, có những tín đồ của Thiền Ca. Có những người yêu Phạm Duy của new age, của nhạc giao hưởng, của mini opéra và của thánh ca hơn Phạm Duy của Tình ca, Phạm Duy của dân ca, Phạm Duy của Kháng chiến ca, Phạm Duy của thơ phổ nhạc. Và ngược lại, có những người, với họ, chỉ có Phạm Duy của Tình ca mới là Phạm Duy. Chỉ có Phạm Duy Kháng Chiến Ca. Chỉ có Phạm Duy thơ phổ nhạc. Chỉ có Phạm Duy, chỉ có Phạm Duy... Nhưng đó, bạn thích Phạm Duy nào, tùy bạn. Cũng vậy thôi. Viên kim cương có một ngàn mặt. Khác biệt với tấm gương chỉ có một mặt. Cho nên phải chọn lựa, phải bàn cãi, phải bất đồng, phải suối ngàn dâu, sông trăm nhánh chảy về vĩnh viễn một đại dương.

Nhạc Phạm Duy hay, đa dạng, dài hơi. Trong tác phẩm đã in thành sách của anh có cuốn *Ngàn Lời Ca*. Thật ra anh có ít nhất Hai Ngàn Lời Ca. Từ hôm Ngàn Lời Ca đến nay đã có thêm gần ngàn. Ngàn Lời Ca chỉ gồm ngàn lời nhạc Việt của Phạm Duy, còn ngàn nhạc ngoại quốc lời Việt cũng Phạm Duy. Ngàn Lời Ca sao

Phạm Duy

được, số bản nhạc đã tới con số trên ngàn, chưa kể những trường ca lúc sau này, một trường ca Bầy Chim Bỏ Xứ là cả chục bài, một trường ca Con Đường Cái Quan, một Hoàng Cầm Ca đều có kích thước của một chục bài tình ca thời kỳ thập niên bảy mươi trở về trước.

Hãy tưởng tượng sân khấu là một vận động trường, âm nhạc có một "thế nhạc hội" tương tự như thế vận hội, trên đài cao tưởng thưởng, Phạm Duy phải được mời lên cả chục lần, lãnh nhận đủ thứ huy chương vàng. Huy chương vàng kháng chiến ca cho Tiếng Hát Trên Sông Lô, cho Bà Mẹ Gio Linh... Huy chương vàng cho Tình Ca. Không ai quên được *Con đường Duy Tân cây dài bóng mát*. Huy chương vàng dân ca. Huy chương vàng thơ phổ nhạc. Huy Cận. Vũ Hữu Định. Cung Trầm Tưởng. Phạm Thiên Thư... Huy chương vàng đạo ca. Huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng. Rong ca. Ngục ca. Thiền ca... Huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng... Người lực sĩ âm nhạc di chuyển nhiều nhất, Phạm Duy. Gia đình âm nhạc, huy chương vàng Phạm Duy. Thái Hằng lẫy lừng. Duy Quang, Duy Cường, Thái Hiền, Thái Thảo, Thái Hạnh đều là những tên tuổi sáng chói. Số lượng sáng tác phẩm nhiều nhất, Phạm Duy. Số lượng lời Việt cho những bản nhạc ngoại quốc, Phạm Duy. Huy chương vàng cho chạy tốc độ, Phạm Duy, chạy đường trường, Phạm Duy, chạy tiếp sức, Phạm Duy, ném lao, ném sào, nhảy cao, nhảy xa, giải thưởng hồi ký, huy chương vàng, huy chương vàng, huy chương vàng... Phạm Duy là một đại lực sĩ.

Hồi Ký Phạm Duy gồm bốn cuốn, ba cuốn đã in ra, cuốn bốn đã viết xong nhưng chưa in. Ba cuốn đầu, tính tròn, một ngàn hai trăm trang, hơn bù kém, bốn trăm trang một cuốn. Cuốn bốn có một chiều dầy tương tự làm thành bộ sách một ngàn sáu trăm trang. Hồi Ký Phạm Duy là một cuốn sách kỷ lục. Xét về chiều dầy, Hồi Ký Phạm Duy là cuốn sách dầy nhất trong số những cuốn Hồi Ký của văn chương Việt Nam. Hồi Ký Đỗ Mậu trước đây dầy nhất, nhưng Hồi Ký Phạm Duy, khi in xong hết, sẽ vượt Việt Nam Máu Lửa, Hồi Ký Đỗ Mậu, trên nửa vòng bánh xe. Hồi Ký Phạm Duy bỏ xa những Hai Mươi Năm Hai Mươi Ngày, những Hồi Ký của tướng Kỳ, tướng Đôn, những Hồi Ký Bảo Đại, những Hồi Ký dỏm Ông Cố Vấn của Vũ Ngọc Nhạ, xét về mặt kích thước. Hồi Ký Phạm Duy so với Hồi Ký De Gaulle và Hồi Ký Churchill có phần nhẹ hơn, Hồi Ký De Gaulle hai ngàn năm trăm trang, năm cuốn trên dưới năm trăm trang, Hồi Ký Phạm Duy có phần nhẹ hơn, nhưng trong làng Hồi Ký Việt ngữ, rộ nở nhiều những năm gần đây, Phạm Duy lãnh huy chương vàng.

Tôi thì tôi muốn tặng luôn cho Hồi Ký Phạm Duy huy chương vàng về cả lượng và phẩm. Hồi Ký Phạm Duy là cuốn Hồi Ký viết bằng Việt ngữ làm tôi khoái trá

nhất. Hồi Ký Bảo Đại dẹp như làn sương mù trên núi đồi Hoàng triều cương thổ. Có phần trầm lặng, xa xôi. Hồi Ký Vũ Ngọc Nhạ dỏm, một cuốn Hồi Ký nói dối, nhắm mục đích tuyên truyền. Hồi Ký Nguyễn Cao Kỳ ngắn gọn, ngập ngừng. Hồi Ký Đỗ Mậu có lửa, nhưng ngọn lửa phẫn nộ không nguôi ngoai làm lôi cuốn, làm trọng nể, không làm khoái trá. Hồi Ký Phạm Duy gần gũi, sống động, dọc khoái như điên vì tác giả viết với một tâm hồn đầy sảng khoái. Những chuyện nhỏ anh ném sang một bên, những chuyện buồn nhìn lại anh thấy cũng đẹp như nhạc như thơ, những chuyện tình anh kể ra đầy thống khoái. Phạm Duy là người của nghệ thuật, cái gì anh có to lớn nhất là tác phẩm của anh, đã phơi bày thanh thiên bạch nhật, viết Hồi Ký để chơi vui, không viết để chơi ai, để đánh ai, để trả một mối cựu thù, những hòn đá nhỏ anh ném xuống ao, tay anh chỉ để cầm bông hoa cho người ở Móng Cáy, người ở Hà Nội, ở Nha Trang, ở Sài gòn... Tôi đếm trong ba cuốn Hồi Ký đầu của Phạm Duy được bốn chục mối tình. Và tình yêu của Phạm Duy không phải là tình yêu "áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc," không phải là "yêu mà chẳng nói, có nói cũng không cùng." Phạm Duy nói ngay, cầm tay, trao đổi nụ hôn, những nụ hôn dịu dàng rồi những nụ hôn bốc lửa, lửa của những ổ rơm to, lửa của dọc đường gió bụi, của căn phòng hò hẹn. Mỗi chặng dừng chân dọc đường đi từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, một chặng dừng chân dọc những con đường đất nước của những liên khu một, hai, ba, bốn, là một kỷ niệm trùng trùng, một cuộc tình bốc lửa.

Tôi hỏi Tạ Tỵ, con số ba chục, năm chục, sáu chục những mối tình của Phạm Duy, trong ba cuốn Hồi Ký đã in, có chính xác không. Nếu không thì nhiều hơn hay ít hơn. Nhiều hơn là bao nhiêu, ít hơn là bao nhiêu.

Tạ Tỵ trả lời:

"Theo moa ba chục thì hơi ít!..."

Tôi hỏi:

"Năm chục?"

Tạ Tỵ:

"Phạm Duy không thể chỉ có năm chục đào..."

Tôi hỏi bảy chục, Tạ Tỵ lắc đầu.

Họa sĩ trầm ngâm:

"Theo moa..."

"..."

"Theo moa, Phạm Duy phải có ít nhất hai trăm mối tình..."

Hai trăm đào. Hai trăm người, đủ loại tuổi, đủ mọi loại thành phần, có khi hai người là hai mẹ con, hai chị em, đã cùng Phạm Duy đi vào những cơn đam mê tình ái bốc lửa, không cùng.

Tôi hỏi thẳng Phạm Duy:

"Ông Tạ Tỵ nói ông có đến hai trăm mối tình, ông không thể kể ra hết được vì kể hết thì hồi ký phải cả chục cuốn..."

Phạm Duy gật đầu:

"Tạ Tỵ bạn thân của moa, Tạ Tỵ biết rõ moa..."

Tôi hỏi về một khuôn mặt nữ đã là xúc tác cho một số bài ca nổi danh của Phạm Duy, trong Hồi Ký, Phạm Duy bảo là không có gì cả, Tạ Tỵ thì lại nói là có, Tạ Tỵ bảo không thể có em nào đi qua cuộc đời Phạm Duy lại có thể đi qua khơi khơi như xe lửa đi qua ga không dừng lại như thế được. Người mang lại nguồn cảm hứng trong một khoảng đời người hồi đó, có hay không? Phạm Duy không trả lời bằng âm thanh. Anh cầm tay tôi đặt vào gian phòng làm việc của anh. Phạm Duy bật máy cho tôi nghe Hàn Mặc Tử Ca. Tiếng Thái Hiền vang vọng tuyệt vời:

"Lâu quá không về thăm thôn Vỹ

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên..."

Bản nhạc dứt, Phạm Duy mang cho tôi coi cuốn sách, anh lật bìa sau, hiện ra hai tấm hình người thiếu nữ dán ở mặt trong bìa sau cuốn sách. Tôi nhìn Phạm Duy, Phạm Duy gật đầu. Anh nói "cách đây mấy năm có gặp lại, có chồng con hiện ở đây, thành ra moa không viết lên sách. Vẫn đẹp..."

Tôi hỏi:

"Vẫn đẹp?"

Phạm Duy gật đầu:

"Vẫn đẹp!..."

Phạm Duy nói gặp moa khóc như mưa. Tôi không hỏi nói chuyện gì ở đâu, bây giờ làm gì, chồng là ai... Hỏi làm gì? Khóc như mưa, được rồi. Đủ rồi.

Tôi vẫn tưởng tôi là một điệp viên thượng thặng, cất giấu cuộc đời riêng tư của mình trong những khu rừng mật mã của tế bào óc não, trong những tủ sách riêng tư, một cách vô địch. Tôi vẫn tưởng chỉ có mình tôi biết dán lá thư tình cũ lẫn trong cuốn tự điển, gắn tấm hình Áo Lụa Hà Đông trong mặt bìa sau của cuốn Lịch Sử Triết Học. Phạm Duy còn điệp viên hàng đầu nghề hơn tôi nhiều. Anh thâm niên công vụ trong ngành nghề điệp viên cũng hơn tôi. Anh trên bảy mươi hai, tôi mới sáu mươi hai thời điểm chúng tôi gặp nhau.

Tôi đi về với hình ảnh đó.

Tôi không biết người ta sẽ giữ lại hình ảnh nào của Phạm Duy cho tương xứng với kích thước của cuộc đời đại lực sĩ. Tôi thì tôi có hình ảnh đó. Hình ảnh một thanh niên mất mộng mơ lấy ra trong tủ sách tấm hình người yêu cất giấu nơi mặt bìa trong cuốn sách cho người bạn tuổi hai mươi coi trong bầu không khí huyền hoặc của "giấy phong kỹ mang thầm trong túi áo, mãi ngàn lần viết lại mới đưa đi..."

Tôi nói:

"Đẹp!"

Phạm Duy ngất ngây:

"Đẹp!"

Tôi nói:

"Đẹp tuyệt vời!"

Phạm Duy gật đầu lặng lẽ.

Tôi biết con người thật của Phạm Duy là con người đó. Hình ảnh của Phạm Duy chính là hình ảnh đó. Hình ảnh một người thanh niên ngàn năm hai mươi tuổi.■

(Trích "Nghệ Sĩ Việt Nam ở Hải Ngoại")

Nguyên Sa

HÌNH Ý, Ý HÌNH

VÕ PHIẾN / NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG.- Trước khi tiếp tục câu chuyện ông nghĩ có nên tạm dừng lại, tự kiểm điểm một chút chăng? Nửa năm trôi qua...

VÕ PHIẾN.- Nên lắm, nên lắm. Người xưa mỗi ngày tự xét mình mấy bận. Chắc ông đang có ý kiến nào đó về tôi chứ gì?

N.X.H.- Không hẳn. Về cả hai chúng ta thì đúng hơn. Đối với một số vấn đề, chúng ta có thái độ giống nhau. Thái độ ấy tự biểu lộ ở một giọng... ai oán.

V.P.- Ấy chết!

N.X.H.- Ai oán đối với cái mới. Người ta ăn nhanh đọc nhanh: mình kêu trời!

V.P.- Có thế. Thành ra mình nói chuyện với nhau như một đám "đàng cựu" ngồi than vãn về những đổi thay của thời thế. Nhưng thực ra chúng ta chỉ có giọng *ai*, làm gì có được giọng *oán*? Oán trách ai? Chính mình cũng hớt ha hớt hải, cũng đọc nhảy lóc ca lóc cóc như ai, mình đóng góp vào sự phá hủy những giá trị cũ nhiều chứ ông.

N.X.H.- Nếu không làm thế mình sẽ bị công việc, bị sách báo nó ào ào xông tới chôn sống mấy hồi. Mình không oán thời thế lắm đổi thay thì thôi, sao thời thế lại dám oán trách mình à?

V.P.- Phải lắm. Hùng dũng lắm. Như thế, tại sao ông lại đâm ngần ngại về giọng này giọng nọ?

N.X.H.- Thì nói thế để tự bào chữa, chứ thực tình chúng ta có giọng ai, ông ạ. Nghĩa là ai cách... quá đáng. Những kẻ theo dõi sáu buổi chuyện trò vừa qua chắc phải để ý đến chỗ ấy và lo rằng không khéo chúng ta dâm lỗi thời.

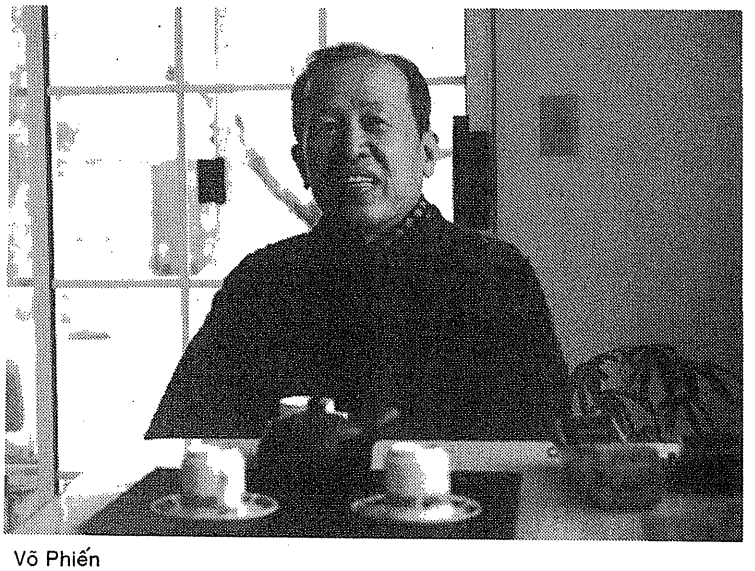

Võ Phiến

V.P.- Thường tình thôi. Tâm lý người ta, ai chẳng thế. Khi một thời đại đang tàn lụi, ta ngoái đầu trông theo, con mắt có đuôi, tiếc nuối ngẩn ngơ, nhưng... Cái nhìn lại đầy lưu luyến của Nguyễn Tuân trong *Vang bóng một thời* đẹp đẽ chứ. Nhìn chiếc ấm trà Thế đức thấy hay đáo để, nhưng điều ấy không cản Nguyễn Tuân vồ vập chụp lấy lũ chai cốc *cognac* nhấm nháp thích như điên.

Này, cụ Socrate ngày xưa lý luận rành rẽ là thế mà thái độ cũng có lúc lẩm cẩm đấy. Khi cụ xuất thế thì ở Hi-lạp chữ viết ra đời sơ sơ cũng được mấy trăm năm. Vậy mà cụ cứ còn luyến tiếc thời đàng cựu, cứ yêu lời nói hơn chữ viết. Đây đó cụ có những nhận định tai hại đối với chữ viết. Chẳng hạn cho rằng có chữ để ghi chép rồi thì con người ỷ lại vào tài liệu, trí nhớ không sử dụng đến sẽ suy kém dần đi. Lại chẳng hạn cho rằng phép học trong sách không hay bằng phép học với thầy: kẻ đọc sách chỉ lặng lẽ tiếp nhận một chiều, người học thầy được đối thoại để biện bạch đến nơi đến chốn cho ra lẽ phải v.v...

Đám hậu thế vô lễ thỉnh thoảng không khỏi bụm miệng cười khe khẽ về những nỗi lo bò trắng răng của cụ Socrate. Chúng ta chỉ kêu là nếp sống mới giết nghệ phẩm cũ, chứ đâu đã dám tiên đoán rồi nó sẽ làm suy nhược trí óc con người hay làm sụt lùi văn hoá gì đâu. Trong khi ấy sự xuất hiện của các phương tiện truyền thông điện tử thời nay làm đảo lộn nếp sống con người có thua gì sự xuất hiện chữ viết trước kia. Đảo lộn sâu xa và cấp kỳ hơn trước nhiều chứ. Máy móc điện tử ra đời chỉ được mấy chục năm mà ngay bây giờ trên thế giới đã có đến 80 triệu máy vi tính; cái máy

nó tràn lan nhanh hơn con chữ ngày xưa kinh khủng. Dăm ba chục năm tới đây thôi, ông tưởng tượng coi, nếp sống chúng ta khác trước đến chừng nào, số phận của cuốn sách tờ báo nó thay đổi đến đâu! Chúng ta có "ai" tí chút, nhưng coi vậy mà vẫn chì hơn cụ Socrate đấy, không sao. (Nói vụng thôi. Ai có hỏi, xin ông bảo là tôi không hề phát ngôn bừa bãi như

Nguyễn Xuân Hoàng

thế nhé.)

N.X.H.- Yên trí, tôi sẽ kín như bưng. Ông dừng ngại bị cụ Socrate quở, hãy ngại chuyện khác: bị độc giả quở.

V.P.- A, quở về chuyện gì?

N.X.H.- Đi xa đề tài. Chúng ta nhằm vào những thay đổi có thể ảnh hưởng đến sự sáng tác văn nghệ. Vừa rồi ông bảo phương tiện truyền thông điện tử thay đổi sâu xa nếp sống. Đồng ý. Nhưng mặc nó chứ. Cái muốn biết là nó có thay đổi lề lối sáng tác, quan niệm sáng tác...

V.P.- Tất nhiên.

N.X.H.- Nhưng có tức thời không?

V.P.- Sao ông nóng nảy vậy?

N.X.H.- Xin lỗi ông. Ý tôi muốn bảo: cái ảnh hưởng của những phát kiến mới này đến sự sáng tác văn nghệ có trực tiếp không, có nhanh chóng mạnh mẽ không? Nếu nó chỉ ảnh hưởng đến nếp sống , rồi dần dà dăm bảy chục năm sau, nếp sống ấy mới từ từ ảnh hưởng đến sự sáng tác văn nghệ, thì bây giờ chúng ta vội vàng gì lo âu cho vất vả.

V.P.- Các phương tiện điện tử không phải chỉ thay đổi nếp sống, chúng nó thay đổi luôn cách cảm nghĩ của chúng ta nữa. Thay đổi cấp kỳ.

Xin nói về cái ti-vi. Xem ti-vi không như xem sách báo, tuy cùng là "xem". Một đàng xem hình, một đàng xem chữ. Xem hình thì thấy người thấy vật (và nghe cả tiếng nói tiếng cười của người, tiếng kêu tiếng động của vật phát ra); xem chữ chẳng nghe chẳng thấy gì ráo. Chẳng nghe chẳng thấy, vậy lấy gì làm ta xúc động? Bởi xem thơ xem truyện vẫn có người khóc thút thít có kẻ khóc mùi mẫn, có người lây buồn mà thẫn thờ, có kẻ phát lên cười sằng sặc v.v... Con người ta không thể bỗng dưng nổi buồn nổi vui vì những ký hiệu ngoằng ngoèo vô hồn, vì một mớ lá bùa phơi ra trước mắt. Sở dĩ xúc động là vì từ những ký hiệu ấy chúng ta dựng nên cả một thế giới trong đầu, có người có vật hẳn hoi, có gió thổi chim kêu, có kẻ xinh người xấu... Xem ti-vi, ta tiếp nhận những hình tượng cụ thể; xem sách chúng ta được gợi để tự mình dựng lên bằng trí tưởng tượng của chính mình một hoàn cảnh, một câu chuyện. Mỗi đàng vận dụng những quan năng khác nhau của con người...

N.X.H.- Đọc truyện phải vận dụng đến trí tưởng tượng, còn xem ti-vi thì có cần vận dụng đến cái gì đâu? Hình ảnh âm thanh xuất hiện trước mặt, cứ mở mắt vểnh tai ra tiếp nhận, như đối diện với cuộc sống ngoài đời thôi.

Một cuốn truyện nằm trên bàn là một đống giấy có nét mực loằng ngoằng. Đối với đứa trẻ con, đối với người mù, đối với kẻ dốt, với ngoại nhân bất đồng ngôn ngữ, thì nó không phải là truyện triếc gì ráo. Truyện chỉ hiện ra dần dần trong trí óc một độc giả có trình độ thôi. Phải có trình độ nhận thức, mới đọc ra truyện: đứa trẻ lớp năm lớp tư, cậu trai người Rhadé vừa ở núi cao xuống, dù biết chữ, cầm cuốn Bướm trắng chẳng hạn, đọc vẫn không ra truyện. Một tác giả từng nói rằng văn phẩm là một con vụ kỳ cục: còn quay còn là con vụ, lăn kềnh ra, không phải vụ việc gì nữa, chỉ còn là cục gỗ. Sách có đọc mới ra sách, mà đọc lại còn phải do kẻ "biết" đọc nữa mới được. Thành thử cuốn truyện chỉ thành ra cuốn truyện do sự hợp tác giữa kẻ viết và người đọc. Vai trò của người đọc không nhỏ. Đó là một vai trò tích cực.

Trái lại, tôi nghĩ trong sự ngồi xem ti-vi không có vai trò đóng góp. Có người xem hay không có người xem, mở ti-vi lên một câu chuyện vẫn xuất hiện đầy đủ âm thanh hình ảnh, vẫn tiếp tục diễn tiến từ đầu đến cuối. Thái độ xem ti-vi là một thái độ tiếp nhận thụ động.

V.P.- Đại khái có thể nghĩ như thế. Nhưng tế suy vật lý, e không hẳn là xem ti-vi không có sự "cộng tác" nào.

Truyện viết: *"Trông chừng thấy một văn nhân"*. Viết thế truyện không vẽ ra trước mắt hình vóc văn nhân ấy cao bao nhiêu thước, nặng mấy "pao", màu da hồng hào hay nhợt nhạt v.v... Người đọc truyện căn cứ vào câu văn và vào hình ảnh những văn nhân trai trẻ cụ thể mình đã từng biết qua, đã trông thấy, nghe thấy, vào mớ kinh nghiệm tích lũy trong đời mình để tưởng tượng nên một chàng Kim Trọng thích hợp với nàng trưởng nữ nhà họ Vương. Cái đóng góp của người đọc sách là hình tượng hoá các ý niệm nêu ra bằng ký hiệu trên trang sách.

Phần đóng góp của kẻ xem ti-vi là việc làm ngược lại. Trên màn ảnh xuất hiện một chàng thanh niên mặc chiếc áo màu xanh non, cưỡi con ngựa trắng, người buông lỏng cương, ngựa đi thong thả, theo sau có vài đứa tiểu đồng... Trên màn ảnh, thanh niên ấy vóc vạc cao thấp gầy béo ra sao, mặt mũi tóc tai xấu đẹp thế nào, màu da đậm nhạt ra sao, mọi cái rõ ràng cả; nhưng không có ghi chú hướng dẫn nào để kẻ xem ti-vi biết được đó là một văn nhân hào hoa, đa tình, tư cách đường hoàng chung thủy. Trong khi ấy người đọc sách được mách bảo tường tận:

"Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.

Nền phú hậu bậc tài danh,

Văn chương nết đất thông minh tính trời.

Phong tư tài mạo tuyệt vời

HỒ TRƯỜNG AN

XEM TRANH VĨNH ẤN

Màu nguội màu chìm hay sắc đạm
Trải trên khung vải đêm bao la
Giáo đường dưới bóng trăng trong trẻo
Như thấm nhiệm màu ý thánh ca

Kết hợp trên nền nâu xám đậm
Những màu chổi dậy như chuông ngân
Đêm trên tranh vải, đêm huyền diệu
Vời vợi lòng đêm sáng rực dần

Ơi trong đường nét gây hòa điệu
Những ý tình câm đẹp tuyệt vời
Như giọng kinh cầu trong tịch mạc
Mơ về thế giới của Ba Ngôi

Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa."

Kẻ xem ti-vi thiếu hướng dẫn có thể không nhận ra như thế, mà lại thấy văn nhân nọ trông không có gì khác với Mã Giám Sinh, hay hơn nữa, với Sở Khanh chẳng hạn, thì kẻ xem hại nhà đạo diễn nặng rồi. Cái đóng góp của khán giả ti-vi là từ hình tượng âm thanh, từ cái cụ thể trước mắt phải tiến tới một ý niệm, một cảm tưởng thích hợp nào đó.

Xem gì thấy nấy, nghe sao hay vậy, không tiến tới thối lui gì ráo, là chết cả phim. Thấy nhân vật láu lỉnh mà không nhận ra sự láu lỉnh, thấy phong cảnh u tịch mà không nhận ra vẻ u tịch, thấy cái gì cũng xêm xêm cả: như thế là không đóng góp. Đối với hạng khán giả như vậy, người làm phim lạy cả tới cả nón mà chào thua thôi, không cách nào gây được sự xúc cảm.

Nói chung, các bộ môn nghệ thuật sử dụng hình ảnh hay âm thanh đều cần sự hợp tác kiểu ấy ở giới thưởng thức. Tác phẩm chỉ gợi ra, kẻ thưởng ngoạn phải nhận ra.

Hội họa truyền thống Trung hoa không nhằm tả chân, không chú ý diễn tả tỉ mỉ cho đúng thực tại, mà chỉ cốt gợi ý, chỉ phác qua đơn sơ, mở lối cho sự suy diễn của người xem. Có nhiều giai thoại ngộ nghĩnh về điểm này.

Một chuyện kể trong một cuộc tranh tài hồi đời nhà Tống, các họa sĩ thi nhau minh họa câu thơ: *"Đạp hoa qui khứ mã đề hương"* (Giẫm lên hoa mà về, móng chân ngựa còn thơm mùi hoa). Bức tranh đoạt giải nhất là bức vẽ một con ngựa bước đi, có đàn bướm bay theo chung quanh các móng chân.

Lại một chuyện khác nói về bức họa diễn tả ý thơ: *"Dã độ vô nhân chu tự hoành"* (chỗ bến đò giữa đồng vắng vẻ, có chiếc đò bị nước chảy xoay ngang). Bức họa ấy vẽ ở nơi mũi đò có mấy con chim, con này dậu con nọ đang sà cánh xuống. Thấy hình chim đến đậu tự do, nên nhận ra cái ý vô nhân, tịch liêu hoang vắng. Thấy hình bướm xúm xít lao xao, nên nhận ra cái ý hoa thơm.

Một đàng đi từ hình đến ý, một đàng đi từ ý đến hình.

N.X.H.- Ông bảo rằng ti-vi và tranh ảnh trình bày hình tượng cụ thể để người xem tự nhận ra cái ý bao hàm trong đó. Tôi nghĩ văn chương cũng đề cao phương pháp ấy thôi. Nhất Linh từng nói không nên viết: "cử chỉ ông X thật là điềm đạm" hoặc "cậu Y táy máy luôn tay"; mà phải tả những cử chỉ để cho người đọc tự nhận thấy ông X điềm đạm hay cậu Y táy máy.

Như vậy, đâu khác gì vẽ bướm cho người ta thấy hương, vẽ chim cho người ta thấy cái "vô nhân"?

V.P.- Có thể. Có sự kiện bên này với sang bên kia. Bên ti-vi, kịch tuồng, hội họa, chỉ trình bày được cái cụ thể, thì lo rằng kẻ thưởng ngoạn không vươn tới ý niệm đúng, nên cố tìm cách gợi ý niệm. Bên tiểu thuyết chỉ có chữ nghĩa, ký hiệu, lại lo rằng kẻ thưởng ngoạn không hình dung ra sự vật cụ thể, nên cố tìm ra cách diễn đạt cụ thể nhất. Có người cẩn thận đã đếm thử, thấy ông cụ Tolstoi từng trình bày nét mặt Anna Karénine với trăm diễn biến khác nhau. Nhưng rốt cuộc đâu là khuôn mặt thực sự cụ thể của Anna? Nàng Anna trong trí tôi khác Anna trong trí ông, càng khác với vẻ mặt Anna trong trí

Tolstoi chứ.

Vả lại, nói chi xa xôi: Hãy nói ngay trường hợp ông Nhất Linh. Ông tả bà Ký Ân ngồi nói chuyện với cô Mùi: "Bà Ký chăm chú nghe". Chữ "chăm chú" là một nhận định, không phải là một mô tả. Vẻ chăm chú của bà Ký Ân, ông Nhất Linh tinh ý nhận thấy; nhưng đưa lên màn ảnh, một khán giả hời hợt vô tình có thể không nhận thấy. Thế là mất một chỗ lý thú của câu chuyện. (Bởi chính cái chăm chú ấy là bí mật nghề nghiệp của bà Chủ Nhật Trình: gặp ai nói tin gì mới, bà chăm chú nghe, ghi nhận, để sau đó chạy đi chỗ khác loan báo.)

Lại ở một đoạn khác, nói về chuyện anh Nhớ nằm ngủ trên ổ rơm nhà cô Mùi. "Suốt một đêm kéo lưới, chân tay mỏi mệt của chàng được đặt trên ổ rơm, chàng thấy êm ái lạ thường. Một lát sau chàng ngủ đi lúc nào không biết." Chàng "thấy êm ái lạ thường" là một nhận định, "ngủ đi lúc nào không biết" cũng lại là một nhận định. Mô tả cụ thể cách nào cho người ta trông thấy được những cái ấy? Cho nên Nhất Linh nói là nói thế thôi. Ai mà làm được? Mỗi bộ môn nghệ thuật có những hạn chế của nó chứ ông.

N.X.H.- Tiểu thuyết gia ao ước cái cụ thể mà không đạt được cái cụ thể. Trong khi ấy trên ti-vi lồ lộ toàn hình tượng cụ thể...

V.P.- Cái cụ thể hỗn độn không qui hướng thì không nói lên được gì, không gây được cảm xúc, không thành tác phẩm nghệ thuật. Cho nên người làm phim, soạn tuồng, có nỗi khổ tâm của họ. Và do đó ngoài đời người say cố gắng đi đứng ngay ngắn cho giống người tỉnh, thì trên sân khấu, trên màn ảnh, người say ít cố xiêng xẹo ngả nghiêng thêm nhiều; do đó ngoài đời kẻ buồn thở ra nhẹ nhàng thì trên màn ảnh lại ra sức thở dài thườn thượt. Cái vui cái buồn đều quá lố, cái gian giảo, say sưa, lém lỉnh v.v... mọi sự đều được phóng đại, cho dễ nhận thấy. Bộ môn càng hướng về quần chúng đông đảo thì chủ tâm phóng đại, nhấn mạnh v.v... càng lộ liễu. Rốt cuộc, trông rẻ tiền.

N.X.H.-, Cái cao cái thấp, cái đắt cái rẻ, lúc nào không thành vấn đề. Đôi bên khác nhau, đường ai nấy đi. Bộ môn nào trau đồi kỹ thuật thích hợp cho bộ môn ấy. Vấn đề của chúng ta là: liệu cái mới có thay đổi quan niệm sáng tác văn nghệ không?

V.P.- Ông lại trở về cương vị chủ tọa, lại lo chúng ta vui miệng đi xa, lạc đề!

Xin yên trí. Chúng ta vẫn bám đề sát sạt. Ti-vi phải thay đổi tiểu thuyết ông ạ. Hàng ngày nó thu hút một số lượng quần chúng lớn lao, hướng họ về một cách thức thưởng ngoạn trái ngược với cách thưởng ngoạn văn chương, tập dượt cho họ phát triển một khả năng trái hẳn với khả năng cần thiết để thưởng thức văn chương. Ý tôi muốn nói thử văn chương theo quan niệm sáng tác của chúng ta hiện nay. Như vậy, một là văn phẩm sẽ bị bỏ rơi gấp; hai là muốn sống còn, văn phẩm phải chuyển hướng cho thích hợp với quần chúng thưởng ngoạn. Làm sao khác được? Ngày này sang ngày nọ, tháng này tiếp tháng kia, liên tu bất tận người khán giả ti-vi luôn luôn phải vận dụng khả năng chuyển hình sang ý; riết rồi khả năng ấy được trau đồi tinh vi, thành thói quen trong tâm lý khán giả. Thỉnh thoảng trở lại với cuốn sách, đụng đầu với các ký hiệu, phải vận dụng trí tưởng tượng dữ dội, họ không thấy thích thú, thoải mái. Dần dần, họ lười nhác, hời hợt. Họ thành những độc giả tồi!

Thử nghĩ: tiểu thuyết của Marcel Proust,của Claude Simon, giá tình cờ có đôi cuốn bỗng nhiên xuất hiện vào thời trung cổ, thì ai đọc? Không phải vì người xưa ... tối dạ. Nhưng chính vì những tác phẩm "thần đồng" nọ chúng ra đời quá sớm, bất phùng thời. Bấy giờ độc giả chưa kịp trau đồi những khả năng tiếp nhận thích hợp với loại tiểu thuyết ấy. Phải chờ mấy trăm năm lặng lẽ miệt mài với những trang chữ dày kìn kịt, người ta mới sẵn sàng thưởng thức chúng.

Bây giờ, này! đừng quên là bây giờ không phải chỉ có tâm lý độc giả thay đổi, mà chính tâm lý các tác giả cũng thay đổi nữa. Thì các thi sĩ, văn sĩ, ai mà không xem ti-vi? Tự nhiên dần dà thói quen thưởng ngoạn của chính họ cũng thay đổi thôi.

Kẻ viết người đọc đều thay đổi, làm sao sáng tác phẩm vẫn như xưa!■

Tháng 6 - 1993

Bệnh mù... sách

Một số học giả Hoa Kỳ cho rằng rất nhiều người Mỹ đang bị truyền hình cám dỗ, mê hoặc nên họ đã ly dị sách vở và bỏ hẳn chuyện đọc sách. Các học giả đã dùng một danh từ mới, "*aliteracy*," để nói về trường hợp của những người lớn tuy biết đọc, nhưng không chịu cầm lấy cuốn sách lên nữa. Người ta quăng hẳn cái thú đọc sách đi để ngồi trước cái máy truyền hình.

Nhưng đọc sách để làm gì khi chỉ cần biết những kết quả của các trận đấu bóng tối hôm trước là người ta vẫn có thể trở thành một người nói chuyện cực kỳ duyên dáng tại cái *bar* rượu buổi chiều, và thần tượng của họ, những thứ như Michael Jordan, là những người mà khả năng và trình độ học chỉ ở lớp 4 hay lớp 5, trong khi tiền bạc kiếm được thì gấp trăm, gấp ngàn lần hai ông Võ Phiến và Nguyễn Xuân Hoàng, là hai người đang bàn chuyện đọc sách trên tờ *Thế Kỷ 21*.■

(Bùi Bảo Trúc)

TRÒ CHUYỆN VỚI ĐẶNG THÁI SƠN

TRUNG CHÍNH *thực hiện*

(tiếp theo)

Nhờ giáo sư Natanson rèn luyện kỹ thuật cho, từ ngày đầu khi anh bước chân vào nhạc viện Tchaikowsky, Đặng Thái Sơn đã tiến nhanh và tiến rất xa. "Ông Natanson bây giờ đã mất rồi, nhưng mình vẫn thư từ thăm hỏi bà cụ luôn." Còn ông Katz? "Isaac Katz thì đã di cư sang ở Israel. Nếu không có ông ấy thì mình cũng không biết có dịp đi học ở Moscow hay không nữa."

Vì Isaac Katz gốc Do Thái cho nên ông ta không được các bạn đồng nghiệp ưa. Việc ông ta phải sang Hà Nội dạy đàn cũng giống như một vụ đi dày vậy. Nhưng cũng nhờ sự có mặt tình cờ của ông ở Hà Nội mà ông khám phá ra một "thần đồng."

"Hồi còn nhỏ Sơn có nổi tiếng là thần đồng hay không?"

"Không. Những người nổi tiếng thần đồng thì phải tập và biểu diễn những bài rất khó ngay từ khi còn nhỏ. Làm như vậy mới được mọi người khâm phục là thần đồng. Má mình là giáo sư đầu tiên của mình, bà không có chủ trương như vậy. Bà chỉ bắt mình tập những bài căn bản, không tập các bài khó để biểu diễn."

Theo Đặng Thái Sơn thì trẻ em có năng khiếu về âm nhạc cũng không nên biểu diễn lấy tiếng nhiều quá, có thể vì thế mà sinh ra tự lấy làm hài lòng về trình độ của mình. Khi hỏi anh có biết một nhạc sinh người Việt nhỏ tuổi nào hiện nay có triển vọng hay không, anh nói: "Mình bận rộn và ở xa nên không biết được hết cả mọi người. Nhưng nghe nói ở lứa tuổi lên mười, có cháu của Nguyệt Minh. (Chị Nguyệt Minh là một dương cầm thủ nổi tiếng hiện dạy âm nhạc ở Berlin, Đức). Bố mẹ cháu Quỳnh biết săn sóc việc giáo dục con về dương cầm, không ép buộc cháu phải nổi tiếng như một thần đồng. Gia đình cháu hiện ở California bên Mỹ. Những một trẻ em có năng khiếu cũng cần phải được thầy dạy giỏi thì mới có triển vọng được."

Đặng Thái Sơn

Thuở nhỏ, Đặng Thái Sơn không có cuộc sống sung sướng của những trẻ em thần đồng được xã hội chung quanh nuông chiều. Nhà giáo sư Đặng Đình Hưng ở phố Kỳ Đồng, gần Cửa Nam. Nhà ở ngay trên gác một cửa hàng thịt chó. "Lâu lâu có bạn bè đến, ông cụ vẫn sai mình đi mua rượu. Ông cụ rất thân với Lê Yên. Sau vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*, chỉ có Lê Yên là dám đến thăm ông cụ luôn luôn, không sợ gì cả. Tại sao không sợ? Vì ông Lê Yên rất nghệ sĩ, chẳng quan tâm đến chính trị bao giờ cả, chuyện đó ai cũng biết."

Trong vụ "đánh *Nhân Văn Giai Phẩm*," Đặng Đình Hưng bị

trù dập mạnh nhất, vì ông bị coi là "đứng đằng sau giật dây," nghĩa là nguy hiểm hơn hết. Ông tổ chức các cuộc diễn thuyết, có khi ông còn viết cả bài cho các diễn giả nói, và tập với họ sửa chữa giọng nói và điệu bộ trước khi ra trước cử tọa. Bà Thái Thị Liên, vợ ông, cũng được ông yêu cầu đi diễn thuyết về quyền tự do trong nghệ thuật trong thời đó.

"Khi *Nhân Văn Giai Phẩm* bị dẹp, má mình may mắn không bị "đánh" như bố mình, vì có lẽ ai cũng biết rằng bà chỉ bị ông cụ vận động. Xưa nay bà nổi tiếng là người ngây thơ, hồn nhiên, chỉ biết đến nghệ thuật chứ không dính vào chính trị."

Không những nổi tiếng là hồn nhiên, bà Thái Thị Liên còn nổi tiếng là một người dẹp khi bà đi học âm nhạc ở Paris, rồi ở Praha, Tiệp Khắc. Người chị của bà, bà Thái Thị Lang, một nhạc sư nổi tiếng, hiện đang còn dạy học ở Paris. Hai bà sinh trong một gia đình khá giả miền Nam và các anh em bà nhiều người đã đi hoạt động cách mạng chống Pháp từ trước chiến tranh. Có lần, bà kể lại, năm 1975 bà đã vào Sàigòn, chỉ đến nhìn lại căn nhà cũ của gia đình mình, một biệt thự trên đường Phan Đình Phùng.

Nhưng khi Đặng Thái Sơn lớn lên ở Hà Nội thì anh chỉ ở với mẹ trong một căn hộ chật hẹp. Ông Đặng Đình Hưng không được phép chính thức sống ở Hà Nội, không có trong hộ khẩu. Có hồi ông Hưng thực sự ở dưới gầm cầu thang nhà một người bạn. "Một người bạn của ông cụ bảo: gầm cầu thang nhà tôi còn trống, ảnh về ở tạm." Thế là nhà thơ, nhạc sĩ Đặng Đình Hưng, người tranh đấu cho tự do văn nghệ, đã sống nhờ dưới gầm cầu thang.

"Khi ông Katz đề nghị cho mình sang Nga học, họ đâu có chịu. Con của Đặng Đình Hưng là cái lý lịch quá xấu, ai cho đi? Những người bênh vực mình, phải nói rằng: "Thằng này nó ăn tiêu chuẩn bà Liên chứ đâu có dính đến ông Hưng?"

Việc đánh Đặng Đình Hưng không phải chỉ vì ông là một đầu tàu trong *Nhân Văn Giai Phẩm*, mà có thể còn vì tư thù. Người có tư thù với ông, cũng là người đứng ra chỉ huy vụ đánh *Nhân Văn Giai Phẩm*, là Tố Hữu. Với ông trùm văn nghệ này, Đặng Đình Hưng gây hai mối thù riêng. Thứ nhất là ông không giữ mồm, giữ miệng, lâu lâu mở miệng chê thơ Tố Hữu dở. Thứ hai là vì người đẹp. Trong lúc Tố Hữu cũng tán tỉnh người đẹp thì Đặng Đình Hưng lại chiếm được tình yêu của nàng.

Việc Đặng Thái Sơn được đi học ở Moskva cũng nhờ mưu kế của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, hội trưởng hội Nhạc. Ông Thương bảo "đằng nào thì ông bà cũng ở xa nhau rồi. Bây giờ ông, bà làm giấy ly dị đi cho nó chính thức, như vậy thằng Sơn nó ăn tiêu chuẩn của bà, không dính líu gì đến ông Hưng cả."

Ở Moskva Đặng Thái Sơn được phát 60 đồng rúp một tháng. Mỗi tháng anh để ra 10 rúp để mua hàng gửi về cho bố bán lấy tiền độ nhật. Số còn lại, trị giá chừng 10 đôla, không đủ dùng, anh phải đi làm thêm. "Mình làm ở một hãng ráp đồ điện, làm nhiều quá đến nỗi bàn tay của mình nó chai ra. Một hôm ông thầy hỏi: tay mày làm sao thế này? Khi biết mình đi làm ông ấy la: tại sao đi làm cho nó hư cả tay đi? Nhưng không đi làm thì sống làm sao?"

Trong tình cảnh đó, việc tập dương cầm của Đặng Thái Sơn vẫn tiến triển và được các giáo sư ở nhạc viện Tchaikowsky chú ý. Vì thế, năm 1980, khi có kỳ thi tuyển để chọn thí sinh đi thi giải Chopin ở Varsovie, Đặng Thái Sơn xin dự kế vào đó và được chấp nhận. Thực ra đó là một kỳ thi của người Liên Xô với nhau, để chọn vài chục người, đi dự giải. Sơn là người ngoại quốc được dự vì là học trò xuất sắc của nhạc viện. Không ngờ anh lại được điểm cao nhất trong kỳ thi toàn quốc này, nhờ vậy anh được nhận cho dự thi giải Chopin.

"Giải Chopin năm đó có 149 thí sinh trên thế giới đến dự. Trong đó ai cũng phải từng đoạt các giải quốc tế, có chừng 100 người trong đó đã đoạt nhiều giải quốc tế nổi tiếng. Mình thì chưa được đi dự một giải âm nhạc quốc tế nào cả. Kỳ thi với các nhạc sĩ toàn nước Nga đó là kỳ thi lớn duy nhất mình được dự. Và cũng nhờ kỳ thi đó nên mình mới có dịp đánh concerto với giàn nhạc giao hưởng, lần đầu tiên biểu diễn với giàn nhạc. Thường thì các thí sinh khác họ có tiền thuê giàn nhạc để tập chơi concerto, nhưng mình làm gì có tiền."

Các thí sinh người Nga đáp máy bay sang Varsovie dự thi. Thí sinh Việt Nam là Đặng Thái Sơn thì chỉ có tiền đi xe lửa. Trước khi đi, anh còn phải mượn quần áo. Bạn bè Việt Nam ở Moskva họp lại để giúp anh. Nhưng vóc người anh nhỏ thó (lúc đó anh cân nặng 40 kg, hơn 80 pounds) nên chỉ mượn được quần áo của Đỗ Hồng Quân (nhà soạn nhạc nổi tiếng, con Đỗ Nhuận). Đấy là lần đầu tiên anh được mặc cái quần bò (quần jeans) mượn của bạn. Sung sướng lắm. Vì ở Nga thì cái quần bò là đồ sang trọng, giấc mơ của các cô cậu thanh niên.

"Trước khi đi mình có liên hệ với tòa đại sứ Việt Nam ở Motskva, hỏi họ có giúp đỡ được mình không. Đằng nào cũng phải có phép họ thì mình mới được đi khỏi nước Nga và chỉ có họ mới xin visa cho mình sang Ba Lan được mà thôi. Mấy ông ở Motskva bảo cứ tự túc sang Varsovie, sẽ có tòa đại sứ ở đó lo cho. Sang đến nhà ga Varsovie thì chả có ai cả. Mình xách vali đi bộ, hỏi đường. May là ban tổ chức đài thọ tiền khách sạn và khách sạn lại ở ngay gần nhà ga. Đối với dân Ba lan thì Chopin là một niềm hãnh diện, một anh hùng. Cho nên họ bỏ ra nhiều công, của để tổ chức giải Chopin. Khi mình thi vòng đầu, cũng chả có ông nào ở tòa Đại sứ đến cả. Đến lúc mình vào được đến vòng ba, trong số mười mấy người lọt vào một người Việt Nam, báo chí ở Ba Lan đăng tin, bàn tán, các ông ấy mới đến hỏi thăm."

Theo truyền thống, giải Chopin có một ban giám khảo quốc tế. Kỳ thi năm 1980 các giám khảo thuộc 26 nước trên thế giới, từ phía Đông Âu, Tây Âu và Mỹ Châu. Trong số 149 thí sinh, từ nhiều quốc gia, có cả một số thí sinh Nhật.

Khi các thí sinh thi vòng ba để vào chung kết thì dư luận ồn ào vì một thí sinh người Nam Tư nổi

tiếng bị loại. Thí sinh đó là Ivo Povogelich, cùng trạc tuổi với Đặng Thái Sơn, cùng học ở nhạc viện Tchaikowsky, có lúc cùng ở một ký túc xá. Mùa hè năm 1980, Povogelich lại vừa chiếm huy chương vàng trong cuộc tranh tài quốc tế ở Montréal. Giải âm nhạc Montréal cũng được coi là một trong mười giải quan trọng nhất thế giới. Khi Ivo Povogelich bị loại, một giám khảo người Argentina nổi giận, tuyên bố từ chức để phản đối. Đó là bà Martha Argerich, người đã chiếm giải Chopin năm 1965, bà là nhạc sĩ mà Đặng Thái Sơn đã nghe trên đĩa lần đầu tiên năm 1970, một đĩa nhạc Chopin. Sơn tâm sự: "Khi nghe tin mình chiếm giải, Martha có gửi điện sang chúc mừng, rất vui vẻ, thân thiện."

Vụ từ chức của Martha Argerich và chuyện Povogelich bị loại ở vòng bán kết khiến cho không khí kỳ thi căng thẳng. Báo chí khắp thế giới loan "tin âm nhạc" này, vì giải Chopin uy tín lớn quá. Ngay một nhạc sĩ dương cầm như Askanezy, hiện nay lừng danh thế giới, khi ông đi dự giải Chopin, cũng chỉ chiếm giải ba. Không khí căng thẳng, với những tin đồn về âm mưu phá lẫn nhau, hại nhau ở hậu trường. Ban tổ chức giải Chopin đã yêu cầu tòa đại sứ Bắc Việt ở Varsovie lo "bảo vệ" cho Đặng Thái Sơn. Nhân viên tòa đại sứ đã đến yêu cầu Sơn về ở với họ, nhưng anh từ chối.

"Anh không sợ bị người ta đầu độc hay gây tai nạn cho anh sao?"

"Không, bởi vì mình nghĩ chắc mình không có gì nguy hiểm đối với các bạn khác. Chỉ có một lần ba người bạn Nga, được vào chung kết cả, rủ mình đi ăn. Đi ăn về hôm ấy mình bị đau bụng, tưởng ngộ độc nặng. May quá, cô bạn người Nhật mới quen và mẹ cô ta đã mang thuốc Nhật đến cho mình uống ngày hôm sau. Thuốc Nhật tốt thật, uống cái khỏi ngay. Nhưng mình chắc không ai có ý định đầu độc mình cả. Cô bạn này cũng đi dự giải Chopin nhưng không vào được chung kết, có lẽ mẹ con cô ấy quí mình vì cùng giống da vàng."

"Có phải Sơn đã lấy vợ Nhật khi sang dạy đại học Kinitachi ở Tokyo?"

"Thì mình cũng nghe người ta đồn như vậy, ở Việt Nam cũng đồn mình có nhiều vợ Nhật nữa cơ. Nhưng người ta đồn thì cứ đồn, làm sao được!"

Khi được vào chung kết với sáu thí sinh khác, mối lo chính của Đặng Thái Sơn không phải là sợ bị ám hại, mà anh chỉ băn khoăn không có quần áo. Vào chung kết, thí sinh phải mặc smoking, áo đuôi tôm để chơi cùng dàn nhạc mà từ bé đến lớn anh chưa có, chưa mặc smoking bao giờ.

"Ban tổ chức có liên hệ với sứ quán yêu cầu kiếm cho mình một bộ smoking, nhưng sứ quán từ chối! Sau mình nói với họ cho mình vay tiền để may một bộ. Mình nói là các thí sinh vào chung kết đều có tiền thưởng, dù đứng hạng bét trong số bảy người thì cũng đủ tiền để trả nợ. Thế là họ cho vay. Nhưng có tiền rồi mà đi may cũng khó. Vì lúc đó Ba Lan còn là Cộng Sản, cửa hàng may là quốc doanh cả. May một bộ smoking phải chờ một tháng là ít. Sau cũng nhờ ban tổ chức họ can thiệp, vì thể diện quốc gia của Ba Lan, không thể để một thí sinh vào chung kết giải Chopin mà mặc quần jeans ra chơi với giàn nhạc giao hưởng, trong đó từ nhạc sĩ đến nhạc trưởng ai cũng mặc lễ phục dạ hội. Mà mình thì nhỏ lại gầy còm, đâu có đi mượn hay đi thuê được quần áo. Thế là nhờ họ can thiệp mình mới có được bộ smoking bằng nhung, đẹp lắm, chỉ trong vòng một, hai ngày may xong."

Đêm đầu tiên của vòng chung kết, các thí sinh chưa bắt đầu ra sân khấu thì cả hội trường lại náo động vì Povogelich. Anh này bị loại, nhưng đến hội trường nghe vòng chung kết. Khi anh bước vào là bao nhiêu người xúm lại, báo chí, truyền hình vòng quanh phỏng vấn. Không khí rất căng thẳng. Hai thí sinh đã rút thăm phải ra thi đầu tiên, một anh người Pháp và một cô người Nga, lấy cớ sức khỏe, từ chối không chịu ra sân khấu. Người bốc thăm ra thứ ba là Đặng Thái Sơn, khi người ta hỏi anh có chịu ra thi ngay không, anh bằng lòng ra.

"Mình không tính chuyện kỳ này đi thi để lấy giải, chỉ nghĩ là thi cho có kinh nghiệm thôi, nên mình rất bình tĩnh. Họ hỏi có ra biểu diễn ngay không thì mình nhận lời. Vả lại, có bộ quần áo mới đẹp quá, được diện vào ra chơi với giàn nhạc giao hưởng, còn gì vui hơn!"

Trong kỳ thi năm 1980 ở Varsovie, Đặng Thái Sơn không những chiếm huy chương vàng, anh còn được tặng 11 giải chuyên

Phải có ngay trong tủ nhạc của bạn: những tiếng hát tuyệt vời của Mai Hương, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Thiên Phượng, Thái Hiền, Duy Trác, Tuấn Ngọc, Trọng Nghĩa, trong

Tình Ca Phạm Anh Dũng
với CD "ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG"
và Tập Nhạc "TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG"

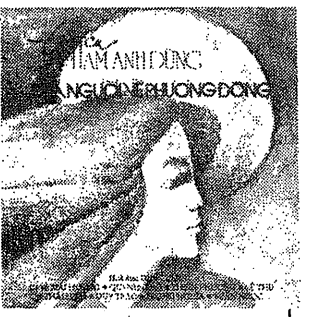

☐ CD $12.00 ☐ Tập nhạc $6.00 ☐ Mua cả hai $15.00 .
Mua nhiều có giá sỉ. Ngoài nước Mỹ xin trả bằng USD International Money Order.

Mọi thư từ, tiền bạc xin gửi về:
DAN PHAM, 4697 Stillwell Rd.,
Santa Maria CA 93455. ĐT (805) 937-7655.

NGUYỄN AN TUÂN

BÀI HÁT NGƯỜI CÂM

Đứng bên đường
người câm im lặng hát
bài hát kỳ lạ
không có nhạc
không có lời
mà trời xanh nghe run rẩy.
Người câm đứng dậy
chẳng cầu khẩn
van xin
chỉ nhìn
và hát
bằng cặp mắt
mở to
buồn bã
bàn tay vươn ra
như chiếc lá
đã rũ xuống rồi
vẫn khát xanh tươi.
Trong đám đông
lại qua
có bao nhiêu người
nghe được bài hát?
người câm đi rồi
bài hát người câm
vẫn còn ngân còn ngân
không tắt
không tắt

biệt khác, trong đó có giải trao tặng cho người biểu diễn các bài Mazurkas, các bài Polonaises hay nhất (hai thể điệu riêng của Ba Lan), và biểu diễn các bài Concerti hay nhất. Anh cũng chiếm giải đặc biệt do Nhật Bản tặng kè vào kỳ thi này. Tính ra tiền mặt thì giải của Nhật lớn hơn trăm lần số tiền của huy chương vàng. Trong số ba thí sinh Nga vào chung kết, hai người chiếm huy chương bạc và huy chương đồng, một người đứng hạng sáu. Dân Ba Lan vốn ghét Liên Xô. Báo chí Ba Lan hoan hô Đặng Thái Sơn, không phải chỉ vì anh chiếm huy chương vàng, mà còn vì anh đã "đánh bại" các đối thủ người Nga!

Nhưng ngay sau khi anh được giải, cùng với bức điện tín chúc mừng của ông Phạm Văn Đồng, Thủ tướng, một bức điện tín của gia đình anh đánh sang báo về ngay, bố anh bệnh trầm trọng. Ông Phạm Văn Đồng cũng điện sang yêu cầu tòa đại sứ không được bắt Đặng Thái Sơn "đóng thuế" trên số tiền thưởng anh nhận được. Vì vậy, sau khi trả nợ món tiền may áo smoking, Đặng Thái Sơn đã về nước. Ông Đặng Đình Hưng đang được đưa vào bệnh viện, một bệnh viện ở cấp thấp nhất, ông bị đau phổi, vì ung thư. Ở bệnh viện, ông nằm trong một căn phòng chung với mấy chục người, không có bác sĩ nào hỏi tới, không có thuốc thang. Gia đình ông xin mổ cho ông, nhưng không đủ tiêu chuẩn. Cũng vì vậy, khi được tin Đặng Thái Sơn được giải, bà Thái Thị Liên đã gọi con về ngay "để cứu bố".

Quả nhiên, khi Sơn về nước, anh đã xin cho ông Hưng được đổi qua bệnh viện Việt Đức. Ông được mổ, và nhờ thế sống thêm được mười năm nữa. Năm 1990 ông bệnh nặng trở lại, nhưng viết thư sang Nhật cho con, dặn dò dù trong trường hợp nào cũng không được về. Cho nên khi ông mất chỉ có bà Thái Thị Liên về lo đám tang chồng.

"Nhưng bây giờ thì anh có sợ bị giữ lại nếu anh trở về Việt Nam không?"

"Không sợ nữa. Mình có về thì cũng đi với nhạc trưởng người ngoại quốc, có quốc tế trông vào, họ không dám giữ mình lại đâu. Mà mình thì cũng muốn về thăm mộ bố mình. Năm 1980 khi mình gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng, sau khi chuyện trò rồi, ông ấy mới hạ thấp giọng, hỏi một câu: "Cháu có thích làm chính trị không?" Chắc ông ấy vẫn sợ cái *gene* của bố mình. Mình trả lời: "Cháu chỉ thích nghệ thuật thôi." Ông ấy hài lòng là thằng bé này chắc giống mẹ hơn.■

Đón đọc: *Trò chuyện với Đặng Thái Sơn về âm nhạc*

KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Lại thêm một người Mỹ nữa mất tích (MIA) vì ông Thần Chiến Tranh. Tháng Tám, 1993, cả giới khoa học thiên văn Mỹ buồn, vì một phi thuyền không gian có tên là Mars Observer đã mất tích.

Sự thiệt hại đau đớn này, gần một tỷ đô la, không phải là người, mà là máy. Đó là một tên lính robot của Mỹ, được phóng lên thám hiểm Hỏa tinh (Mars) nhưng khi đến gần Hành tinh này thì mất luôn liên lạc. Việc này báo chí đã nói đến nhiều chi tiết.

Chúng tôi chỉ muốn nhân dịp này trình bày với bạn đọc một vài mẩu chuyện Thiên văn, xưa và nay.

Chiêm tinh cổ Ả Rập và Hy Lạp

Từ thời xưa Hỏa tinh đã ảnh hưởng mạnh đến tâm linh của con người. Những nền văn minh cổ kính nhất của nhân loại, như văn minh lưỡng hà ở Trung Đông của các dân tộc tiền thời Ả Rập, hay văn minh Kim Tự Tháp của người Ai Cập, các vị chiêm tinh gia theo những tín ngưỡng sơ khởi đã gọi vị "tinh" này là biểu hiện của tàn phá và chết chóc. Đến thời các nhà hiền triết Hy Lạp, khoảng 500 năm trước Công Nguyên, người ta gọi đó là "Thần Chiến Tranh" (Mars). Tại sao vậy?

Chúng ta hãy bắt đầu bằng ngành Chiêm tinh nguyên thủy. Việc nhìn lên trời ban đêm, thấy bỡ ngỡ, lạ lùng và kinh hoàng trước hàng ngàn ngôi sao lấp lánh, có lẽ đã bắt đầu từ khi loài người có trí khôn và sống tập hợp với nhau thành xã hội.

Những dân du mục ở Trung Đông thời xưa, sống giữa sa mạc với những con lạc đà, dĩ nhiên là những sắc tộc dễ ngắm nhìn bầu trời ban đêm nhất. Ở thời đại 6000 năm trước đây, khi hãi hùng pha với dị đoan, và tín ngưỡng đa thần, người ta dễ bị khuất phục trước những hiện tượng lạ của thiên nhiên. Cứ thấy lạ là sợ rồi. Sợ gió sợ bão, sợ Mặt Trời, sợ Mặt Trăng, sợ các vì tinh tú trên Trời và nhiều sắc tộc đã liên kết sự xuất hiện những gì lạ lùng trên bầu Trời với những tai họa xảy ra cho họ trên trần thế này. Người ta gọi đó là các vị Thần.

Có một ngôi sao đỏ thường xuất hiện ở chân trời, khác hẳn các ngôi sao khác màu trắng hay xanh. Ngôi sao này không lấp lánh, mà đỏ lợt trông như mắt quỷ. Người ta sợ và cho đó là dấu hiệu của tàn phá, chết chóc.

Đến thời văn minh Hy Lạp khoảng 2500 trước đây, sự am hiểu của con người đã tiến lên một bước nhờ một phương pháp có lẽ là tiên khởi cho khoa học ngày nay: đó là phương pháp quan sát, so sánh, và nhận định bằng triết lý.

Người Hy Lạp quan sát và nhận định rằng ban đêm, ngoài Mặt Trăng (nếu có Trăng) bầu trời gồm toàn những chấm sáng gọi là tinh tú, và các tinh tú này chia ra làm hai loại: một loại thì bất cứ đêm nào, vào giờ đó lúc đó, vẫn ở nguyên một chỗ, giữ nguyên một phương vị, không thay đổi. Cố nhiên cả bầu trời di chuyển (ngày nay ta biết đó là vì trái đất quay), nhưng cũng giống như một tấm phông di chuyển, các chấm sáng gắn chặt, dính luôn trên đó, nên khi bầu trời (tấm phong) di chuyển, tất cả đều chuyển theo, nằm im ở một phương vị chớ không bao giờ thay đổi. Người Hy Lạp gọi đó là những định tinh, mà ngày nay ta gọi là "*star*" (ngôi sao).

Còn một loại thứ hai thì cứ tuần tự di chuyển, chớ không hề gắn chặt lên cái phông lớn của bầu trời, nghĩa là đêm nay nó ở chỗ này, đêm mai, cũng giờ đó nó ở chỗ khác xa hơn một chút, không ở hẳn vào một phương vị nào nhất định. Người Hy lạp gọi đó là "*planet*". Tiếng Hy Lạp chữ "*planet*" có nghĩa là kẻ lang thang. Ngày nay chúng ta đều biết đó là những hành tinh.

Nếu các định tinh đếm ra thật nhiều, có thể đến hàng ngàn hàng vạn chấm sáng, mờ tỏ khác nhau, thì các hành tinh rất sáng, chỉ đếm được có năm ngôi.

Năm vị lang thang này được người Hy Lạp lấy tên các vị thần trong thần thoại Hy Lạp đặt tên. Đó là Mercire (thần Sứ giả), Venus (thần Sắc đẹp, ta gọi là thần Vệ nữ), Mars (thần Chiến tranh), Jupiter (thần Chúa trên Trời), Saturn (thần gieo hạt).

Chúng ta đã biết theo Thiên văn học ngày nay, hệ Mặt trời (Thái dương hệ), có chín hành tinh, kể cả Địa cầu, quay xung quanh Mặt trời. Tại sao người Hy Lạp chỉ đếm được có năm hành tinh. Nếu trừ Trái Đất mà người xưa không biết cũng chỉ là một hành tinh, thì còn ba hành tinh nữa ở đâu, sao không được kể đến?

Đó là vì thời xưa, mắt thường chỉ nhìn thấy năm chấm sáng lang thang, là năm hành tinh ở gần Trái Đất nhất. Còn ba hành tinh kia ở quá xa, mắt thường không nhìn thấy. Về sau này, từ thế kỷ thứ 17 trở lại đây, người ta chế

tạo được thiên lý kính (*telescope*), nên mới thấy thêm ba hành tinh nữa, nên người ta đành phải dựa theo thần thoại Hy Lạp (và cả La Mã cổ nữa) để đặt tên cho ba vị sau là Uranus (thần coi về đất), Neptune (thần coi về biển) và Pluto (thần coi về Địa ngục).

Nhưng chúng ta hãy trở lại khoa Thiên văn cổ... ở phương Đông.

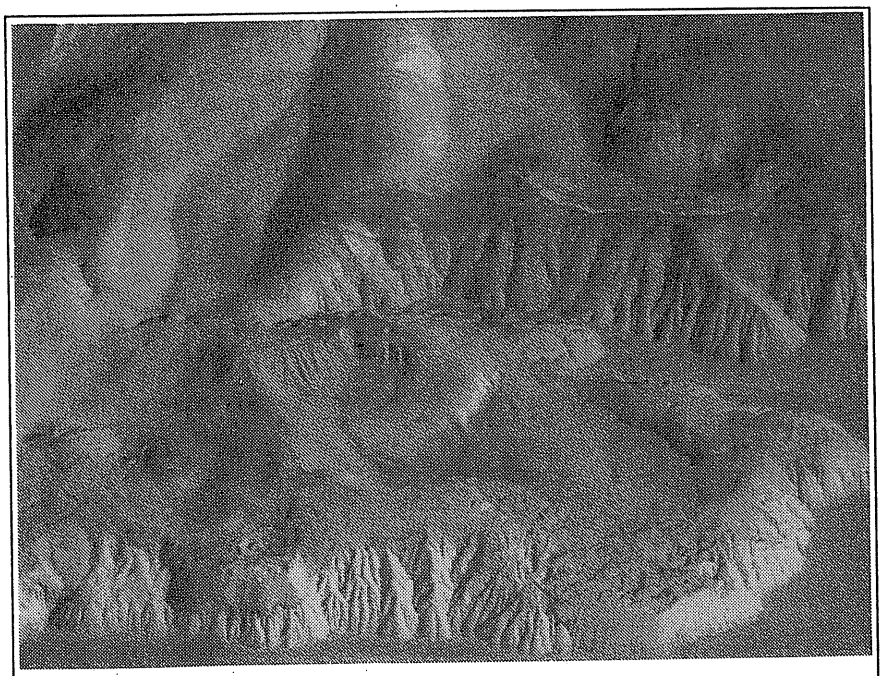

Những hang (canyon) dài 2,500 dặm, sâu 5 dặm, như hang được đặt tên là Valles Marineris trong hình trên, cho thấy mặt Hỏa Tinh đã từng bị nước xói mòn.

Định lý Ngũ hành của phương Đông

Câu hỏi đầu tiên đặt ra là tại sao chúng ta lại gọi Mars là Hỏa tinh, hay sao Hỏa?

Từ thời nhà Chu bên Tàu (khoảng 1000 năm trước Công Nguyên), Kinh Dịch đã ra đời, nghĩa là vấn đề vũ trụ quan đã phát triển rất mạnh. Thời đó Đông Tây chưa gặp nhau, mỗi quan niệm về Vũ Trụ quan lại đi về một hướng khác.

Sau thời Tần Thủy Hoàng, Đông và Tây đã bắt đầu tiếp xúc với nhau qua con đường buôn bán tơ lụa. Đến thời nhà Đường, ngành hàng hải phát triển mạnh, văn hóa Đông Tây bắt đầu trao đổi.

Riêng về Thiên văn, vào thời nhà Tống, khoảng 1000 năm trước đây, người Trung Quốc đã có những môn Chiêm tinh rất khoa học về tính quan sát tinh vi của nó.

Cũng như phía Tây phương, người Trung Quốc nhìn thấy năm vị lang thang. Họ đặt tên là gì? Dựa vào triết lý Kinh Dịch, họ đặt tên năm vị đó theo ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Sự đặt tên này không những dựa theo thuyết Ngũ hành mà còn dựa trên hiện tượng quan sát nữa. Có hai hành tinh ở gần Trái Đất nhất là Venus và Mars. Ở gần nên nhìn thấy rõ và rất sáng. Venus quay ở quỹ đạo vòng trong, còn Mars quay theo quỹ đạo vòng ngoài, vì chúng ta đã biết chín hành tinh (kể cả Trái Đất) đều quay xung quanh Mặt Trời theo những đường tạm coi là vòng tròn, được gọi là quỹ đạo.

Theo sự vận chuyển của cơ học thiên thể (*celestial mechanics*), các vòng quỹ đạo hầu như đều nằm trên mặt phẳng, nên Venus và Mars chỉ có thể hiện ra thấp là ở chân trời, đến 45 độ là cùng, chớ không thể nào lên trên đỉnh đầu được.

Sao Hôm Sao Mai của Việt Nam

Sự kiện này ảnh hưởng mạnh đến sự quan sát tinh tú của người thời xưa.

Người Tàu thấy sáng rõ nhất, dễ nhận nhất là Venus, vì ngôi hành tinh này sáng trắng như bạc trông rất đẹp, tựa hồ như một mảnh kim khí bóng loáng. Họ bèn đặt tên luôn cho Venus là Kim Tinh.

Thế tại sao các vị bói toán còn nói đến Thái Bạch Kim Tinh?

Các vị chuyên về Tử Vi Đông Phương đều biết sao Thái Bạch không có trong các vị sao của môn Tử Vi. Thái Bạch chỉ nằm trong phép bói toán theo lịch của Tàu, cũng như các sao La Hầu, Kế Đô v.v... mà thôi, chớ không dính dáng gì đến Kim Tinh cả. Nhị Thập Bát Tú không liên quan gì đến Tử Vi, và lại càng không liên quan gì đến Chiêm tinh hay Thiên văn học. Có lẽ người ta thấy Kim Tinh sáng trắng, nên người ta gán luôn cho "cụ" Thái Bạch hai chữ Kim Tinh cho đẹp.

Tưởng cũng nên nhớ rằng ở nước Việt chúng ta, trước khi bị ảnh hưởng bởi khoa Chiêm tinh cổ bên Tàu, nhất là trước khi chúng ta học được khoa Thiên văn hiện đại của Tây phương, người Việt bình dân có tên rất giản dị để gọi vị lão thần "Thái Bạch Kim Tinh" đó. Chúng ta gọi đó là Sao Hôm và Sao Mai.

Tại sao lại có những hai tên lận? Kim Tinh (Venus) quay ở quỹ đạo vòng trong, nghĩa là gần Mặt Trời, khi thì nó nằm trên mặt trời, khi thì nó nằm dưới mặt trời, nhìn theo góc độ nghiêng. Quỹ đạo của Kim Tinh, cũng giống như một cái đĩa nằm nghiêng mà ta nhìn, thành ra có vành ở trên và có vành ở dưới so với trung tâm đĩa (Mặt Trời). Kim Tinh quay xung quanh Mặt Trời cứ 225 ngày thì được một vòng. Trái Đất là 365 ngày.

Khi Kim Tinh ở trên Mặt Trời, lẽ tự nhiên ta thấy ông cụ Thái

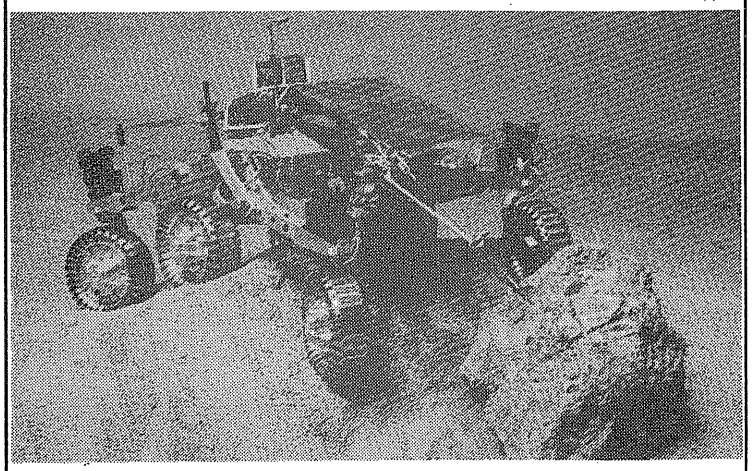

"Rocky" - xe "cải tiến" dùng để thám hiểm đất đá, khí hậu trên mặt Hỏa Tinh - sẽ được NASA đưa lên sao Hỏa vào năm 1997.

Bạch này "mọc" trước ông Mặt Trời, nên ta gọi là Sao Mai. Một đấng "đa tình" Nho phong nào đó, nhớ người yêu, thức suốt đêm không ngủ được, đến lúc trời gần sáng, cho nên đã đặt ra câu thơ bất hủ của người dân Việt:

"Buồn trông chênh chếch Sao Mai"...

Đúng là gần sáng rồi mới nhìn thấy Sao Mai xuất hiện sáng quắc đầy vẻ huyền ảo, khi lòng dạ chàng đa tình càng thấy nao nao.

Nhưng cũng vị Thái Bạch Kim Tinh đó vài tháng sau khi theo quỹ đạo đi vào chỗ phía dưới của Mặt Trời, thì buổi chiều, Mặt Trời chưa lặn, đã thấy ông cụ này hiện lên ở chân Trời, và chuẩn bị "lặn" xuống trước Mặt Trời. Thời xưa người ta tưởng đó là hai ông sao, nên mới đặt tên cho ông sau này là Sao Hôm. Thật ra chỉ là một vị Kim Tinh mà thôi.

Sao Hỏa lạnh lắm

Còn Hỏa Tinh thì sao? Hỏa Tinh (Mars) ở xa Mặt Trời hơn Trái Đất, vì nó chạy theo quỹ đạo ở vòng ngoài, nên thấy được ít ánh sáng Mặt Trời, và cũng phản chiếu ánh sáng yếu hơn. Ta thấy một ngôi sao màu đỏ, đôi khi khá rõ, tuy không rõ bằng Kim Tinh, là là ở chân trời buổi chiều... Đó là Hỏa Tinh vậy.

Màu đỏ thì đúng là lửa rồi. Bởi vậy theo thuyết Ngũ hành, người Tàu đặt tên vị sao (hành tinh) này là Hỏa Tinh.

Cố nhiên ở trên hành tinh này chẳng có hỏa hay lửa gì cả. Vì nó ở xa Mặt Trời hơn chúng ta, nên Hỏa Tinh lạnh hơn Địa Cầu rất nhiều. Ở xích đạo Hỏa Tinh vào mùa hè nóng nhất, nhiệt độ cao nhất là 68 độ F. Nhưng ở hai cực Hỏa Tinh mùa lạnh xuống đến -220 độ (âm) F.

Hỏa tinh rút cuộc là một hành tinh lạnh. Từ mấy chục năm nay, nhờ kính thiên văn, nhờ các phi thuyền không gian chở dụng cụ bay quanh Hỏa Tinh hay đã từng hạ hẳn xuống Hỏa Tinh, người ta đã biết khá nhiều về hành tinh này. Mặc dù chuyến bay mới nhất của phi thuyền chở dụng cụ tối tân Mars Observer bị thất bại, các nhà khoa học vẫn tiếp tục đặt kế hoạch khác để thăm dò hành tinh này, nó gần Trái Đất và giống Trái Đất, chỉ nhỏ hơn Trái Đất một chút thôi.

Năm 1997 tới đây, Hoa Kỳ có kế hoạch đưa lên Hỏa Tinh một phòng thí nghiệm nhỏ có thể di động để điều tra kỹ càng về Hỏa Tinh.

Trên Hỏa Tinh chắc chắn là không có người, có thể có những sinh vật loại sơ đẳng. Hỏa Tinh già hơn Trái Đất, có một bầu khí quyển mỏng bao bọc, nên có giả thuyết cho rằng loài người trên Hỏa Tinh nay đã bị tiêu diệt, vì hành tinh này đã trở thành cằn cỗi.

Dù sao trong tương lai, nếu loài người cần "di dân" lên một hành tinh khác, Hỏa Tinh sẽ là mục tiêu đầu tiên, vì Kim Tinh ở gần Mặt Trời nên quá nóng.

Câu chuyện thiên văn cổ và mới không thể kết thúc nếu không nói sơ qua về ba hành tinh tìm thấy trong những năm sau này.

Tây phương theo nếp cũ đã đặt ba hành tinh ở ngoài cùng Thái Dương hệ là Uranus, Neptune và Pluto. Người Á Đông gọi là gì?

Mars là Hỏa Tinh, Venus là Kim Tinh. Phép ngũ hành của Tàu còn có Mộc, Thủy, Thổ nữa mới đủ bộ.

Bởi vậy tính từ Mặt Trời trở ra, Mercure là Thủy Tinh, Venus là Kim Tinh, Trái Đất là... Địa Cầu, Mars là Hỏa Tinh, Jupiter là Mộc Tinh, còn Saturn là Thổ Tinh.

Ngũ hành đã hết. Bởi vậy khi lòi ra ba vị hành tinh nữa, dân Trung Quốc và sau này cả Nhật Bản, đành phải... dịch theo thần thoại La Mã, Hy Lạp. Bởi thế Uranus được gọi là Thiên Vương Tinh, Nepture gọi là Hải Vương Tinh còn Pluto được gọi là Diêm Vương Tinh.

Thiên văn học hiện đại cho biết ở xa hơn nữa tức là quỹ đạo vòng ngoài cùng, có thể còn có hai ba hành tinh nữa nhỏ xíu.

Người ta chưa biết rồi đây các nhà Thiên Văn sẽ đặt tên như thế nào.■

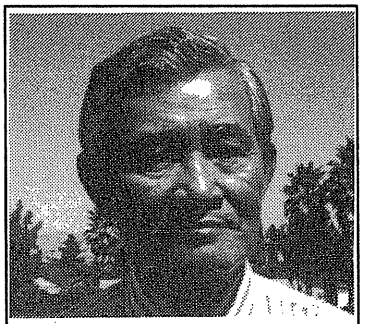

Nguyễn Viết Khánh

Đêm NGÀN KHƠI 1993

một chương trình nhạc hòa tấu và hợp xướng đặc sắc

do **BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI** tổ chức
với Nhạc trưởng **LÊ VĂN KHOA** và Nhạc trưởng **TRẦN CHÚC**
điều khiển dàn nhạc hòa tấu Festival Symphony Orchestra

- Lần đầu tiên toàn bộ trường ca **CON ĐƯỜNG CÁI QUAN** của **Phạm Duy** với hòa âm của **Trần Chúc** được trình diễn hòa tấu và hợp xướng.
- **KIM TƯỚC - VŨ ANH - BÍCH LIÊN - NGUYỄN THÀNH VÂN** trong những ca khúc bất hủ của Việt Nam.
- **Tứ Ca** và **Ngũ Ca** Ngàn Khơi trình bày **Dân ca Việt Nam** với hòa âm độc đáo cho dàn nhạc hòa tấu cùng hai **Hòa Tấu Khúc** sáng tác và điều khiển bởi nhạc trưởng **Lê Văn Khoa**.

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON , CA.
ĐÚNG 8:00pm Thứ Bẩy 13 tháng 11 năm 1993
(Vui lòng đến trước 7:30pm để sắp xếp chỗ ngồi)

Donation : 50$ - 25$.

Checks xin đề tên : NGAN KHOI CHORUS và gửi về địa chỉ : 14265 Brookhurst St. Garden Grove Ca 92643 . Tel (714) 531-2773

Vé có bán trước tại :

Nhà Sách Tự Lực 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290 * Nhà sách Tú Quỳnh 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
Nhà sách Văn Khoa - 9200 Bolsa Ave. Suite 123 Westminster (714) 892-0801 * Trung Tâm Băng Nhạc Bích Thu Văn 9200 Bolsa Suite 137 Westminster (714) 897-4519

● BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI là một hội đoàn bất vụ lợi (non-profit organization). ●

THẾ KỶ 21
PO BOX 2228-260, WESTMINSTER, CA 92683
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

The Company You Keep®

Pascal Dung Gia Nguyen
Agent
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst St. #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 Fax 714 964-0545
Pager 714 568-5006

Registered Representative for NYLIFE Securities Inc.
1 City Blvd. West, #1121
Orange, CA 92668

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I	VIỄN ĐÔNG II
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644	1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(714) 539-4614	(818) 571-6807
8:30 AM - 8:30 PM	9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

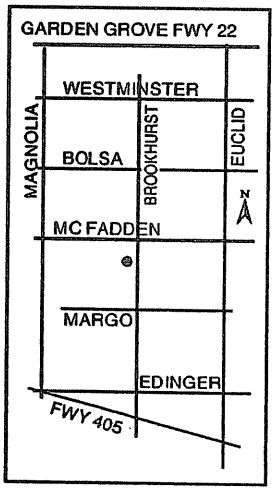

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Trung Tâm Hải Âu và Tình Nhớ xin hân hạnh giới thiệu

HẢI ÂU 74 Kính gởi về: Ba Mẹ

Để Nhớ Đến "Ơn Nghĩa Sinh Thành"

Mặt A

1. Tình Cha	Lệ Hằng
2. Mẹ Tôi	Mỹ Huyền
3. Lạy Mẹ Con Đi	Dalena
4. Bông Hồng Cài Áo	Lệ Hằng
5. Lòng Mẹ 1	Randy

Mặt B

1. Lòng Mẹ 2	Tuấn Vũ
2. Tám Điệp Khúc Dâng Mẹ	Lệ Hằng
3. Ơn Nghĩa Sinh Thành	Chung Tử Lưu
4. Quê Mẹ	Mỹ Huyền
5. Bụi Phấn Trên Tóc Thầy	Lệ Hằng

Thực hiện: Lê Phu Cường
Trung Tâm Hải Âu
độc quyền sản xuất và phát hành

TRUNG TÂM HẢI ÂU SẮP PHÁP HÀNH ƠN NGHĨA SINH THÀNH 2

Công Cha Như Núi Thái Sơn
Nghĩa Mẹ Như Nước Trong Nguồn Chảy Ra

Hai câu lục bát này không biết tự bao giờ đã thấm sâu vào tâm tưởng của mỗi người chúng ta, giản dị, chất phát như tuổi ấu thơ, gần gủi như chính hơi thở của mình, tha thiết như hồi chuông ngân giữa giờ tĩnh mịch và rất thật như sự hiện hữu của đất trời.

Người xưa đã thử khái quát công Cha nghĩa Mẹ bằng những ngôn từ mộc mạc nhưng đầy hình tượng lớn lao như thế đó; hai câu thơ đã trở thành ca dao là lời ru nồng nàn, lưu truyền từ đời này sang thế hệ khác, nhưng những người con của cha mẹ yêu dấu vẫn cảm thấy nó chưa thật đầy đủ, vẫn muốn tô vẽ thêm cho càng tuyệt đẹp chân dung của hai đấng đã tạo nên và nuôi dưỡng con cái bằng chính máu thịt của mình, bằng vô vàn nỗi gian truân, hy sinh không bờ bến - Ngôn từ của lòng hiếu thảo dù thô sơ hay hoa mỹ như thế nào đó, tựu chung vẫn là những tình khúc chân thật nhất của nhân loại, bởi nó bắt nguồn tự đáy tâm hồn của chúng ta.

** Xin kính dâng lên Bố Mẹ những tình khúc yêu thương này như chứng vật của lòng hiếu thảo đã xuất phát từ tự đáy tâm hồn của chúng con.*

Trung Tâm Hải Âu và Tình Nhớ
* Để kỷ niệm Vu Lan, Mùa Báo Hiếu

TÌNH NHỚ 28

MẶT A
1. Tình Sâu Nghĩa Nặng
2. Tâm Hương Dâng Mẹ
3. Công Cha Non Thái Sao Bằng
4. Giọt Lệ Buồn
5. Mẹ Thương Con

MẶT B
1. Cơn Gió Bồi Hồi
2. Tạm Biệt Cha và Quê Hương
3. Ngày Về Quê Mẹ
4. Mẹ Thánh Thoát
5. Hoài Niệm

Trung Tâm Băng Nhạc Tình Nhớ
độc quyền sản xuất và phát hành
Công Cha Như Nui Thái Sơn
Nghĩa Mẹ Như Nước Trong Nguồn Chảy Ra

TT TÌNH NHỚ SẮP PHÁT HÀNH: TÌNH CHA NGHĨA MẸ 2

1ST AMERICA HOME LOANS

14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

HOME LOANS

CẦN VAY TIỀN

MUA NHÀ | **APARTMENT**

CONDO | **COMMERCIAL**

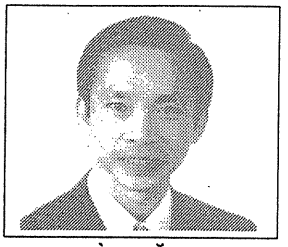

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: (714) 565-9809

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: **REFINANCE**

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

ĐẶC BIỆT:

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

Parents in American Society — a free seminar

During the back-to-school season, Nguoi Viet News along with the Coalition for Children, Adolescents and Parents (CCAP), Vietnamese American Scholarship, Orange County Child Development Center, Westminster School District and the City of Westminster are organizing a seminar titled "The Role of Parents in the Education of Their Children in American Society."

Speakers for the event are:

Tony Doan, former counselor and Youth Program manager for the Vietnamese Community of Orange County, now in charge of the Parent Education Program for the Westminster School District, and **Mrs. Mai Nguyen**, a specialist on Family Psychology and member of CCAP.

The seminar took place at 7 p.m., Thursday, September 9, in the VAALA Club. (NV)

Awards for outstanding students

An award ceremony for 257 Vietnamese students ranging from 7th to 12h grades was sponsored by the Vietnamese PTA at Kearny High School earlier this month. Among the high school graduates, seven of the Vietnamese students were valedictorians and five were salutatorians in the San Diego School District.

The award ceremony is a yearly ceremony given by the Vietnamese PTA to encourage Vietnamese students. Many school staff members attended the ceremony, and gave speeches in praise of the accomplishments of Vietnamese students and the support of their parents.

The award for the most outstanding student went to Le Thi Ngoc Phuc, who resettled in the United States five years ago. A student of Chula Vista High School with a GPA of 5.025, she was also teaching Vietnamese at the Van Lang center in San Diego and planned to study medicine at Brown University in Rhode Island. Her acceptance speech emphasized her gratitude to her parents and teachers for their contribution. (NV)

Little Saigon protests thaw

Hundreds of people took to the streets of the bustling Little Saigon shopping district Sunday to protest a thaw in US-Vietnamese relations. The demonstration involved mainly Vietnamese-Americans and some Vietnam War veterans and attracted about 1,000 people, said police Lt. Bill Lewis.

"It is a group of people who are not in favor of normalizing relations with Vietnam," he said.

Protesters were especially concerned about the treatment of Buddhist monks in Vietnam, and want the United States to hold off on improving relations until the Vietnamese government addressed the issue, Lewis said.

Human rights groups have reported many arrests of Budhists since a church leader denounced the Vietnamese government's efforts to control the Buddhist church. About three-quarters of the country's 72 million people are Buddhist.

Sunday's protest, in one of the largest Vietnamese shopping districts outside Vietnam, took place without incident.

The United States has taken several steps in recent months that appeared to be improving relations with Vietnam. In July, Assistant Secretary of State Winston Lord visited the country, and in August, for the first time since the Vietnam War, an American diplomat took a posting in Hanoi.

But State Department officials denied the moves signal a change in formal relations with Vietnam, which were severed in 1975. (AP)■

PROSPECTS FOR ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM

by BÙI ĐÔNG TRIỀU

Introduction

In the early 90's, against the backdrop of dwindling Soviet aid, further aggravated by an unrelenting trade embargo imposed by the US, Vietnam managed to record a sustained GDP growth rate of 6% per year. In 1992, the country even enjoyed a positive trade balance.

By all accounts, these were dramatic achievements. However, to keep things in perspective, these achievements need to be assessed against the challenges Vietnam still faces on her path toward development. This will be the topic of the present paper which analyzes the prospects for economic development in Vietnam.

The paper is structured into three sections. Section I provides a brief update on recent economic developments. Section II analyzes the limits of current reform efforts. Section III reviews the possibilities for future development.

I.- Situation update

Until 1986, a rigid centrally planned economy had only succeeded in bringing out economic stagnation, soaring inflation, and budgetary and balance of payments imbalances. The Sixth Congress of the Vietnamese Communist Party, convened in 1986, had then recognized the need for (a) economic stabilization and (b) economic adjustment.

Stabilization. Economic stabilization addresses the budget and balance of payments deficits. In practical terms, this involves spending less and increasing tax revenues on one hand, and importing less and exporting more, on the other hand. As painful as they may be, stabilization measures contribute to reinforcing the economic foundation, on which future improvement can be promoted. To that extent, stabilization is a pre-requisite to long-term structural adjustment policies.

In Vietnam, stabilization efforts were undertaken, rather belatedly, in 1989. The focus was on the public sector's budget deficit, long considered the source of rapid monetary expansion, hence of inflation. In that year, the budget was consolidated, with the elimination of budgetary subsidies, cut-backs in hiring, and a freeze in governmental wages.

At the same time, administered interest rates were sharply raised, with the effect of slowing down bank credit to state owned enterprises (SOEs). Stabilization efforts also included a drastic devaluation of the official exchange rate to the level of the parallel market rate. These measures, coupled with the raise in interest rates, helped increase the demand for local-currency assets which had mitigating effects on the inflation rate. In consequence, from a value of 400% per year in 1988, inflation(1) fell to an annual rate of 40% in 1989 and in 1990. In 1991, the discontinuation of Soviet budgetary aid, and the high level of lending to SOEs, contributed to a fiscal deficit estimated at 6% of GDP(2). As the latter was financed by monetary expansion, inflation sped up to reach an annual rate of 70% - 75%. In 1992, the inflation rate was maintained at less than 40%, as the government resorted to the issuance of compulsory government bonds to finance its deficit.

Adjustment. Adjustment efforts aim at removing all "distortions" present in the economy, with a view to promoting more efficiency in the workings of the economic system. The key element is to mobilize and allocate scarce domestic (and foreign) resources to their most effective uses. Since the rigid central plan failed to achieved this goal, Vietnamese authorities have turned to market-oriented mechanisms.

Adjustment efforts in Vietnam began as early as 1987 with the adoption of a liberal foreign investment law.

The following year was marked by a return to household-based farming. In April 1988, land tenure was assured for a minimum of 15 years, planning obligations of farmers abolished, and marketing freedom secured.

In the same year, reform of the banking sector resulted in the divestiture of all commercial banking functions of the State Bank (i.e. Central Bank) to four independent specialized banks, with each of the latter constrained to lending to its assigned sector: Foreign Trade, Agriculture, Industry & Commerce, and Construction and Investment.

By a series of decrees issued in 1988, Vietnamese authorities ac-

knowledged the existence of various "sectors"(3) in the economy and ensured their rights for equality of access to inputs and credit. As a result, hundreds of small scale private enterprises were established in major urban areas.

The expansion of the non state sector led to a pressing need for capital and loans. The State Bank accordingly issued a temporary statute in 1988 allowing non-state credit centers to operate. Five hundred (500) credit centers were thus established between 1988 and 1989, and succeeded in mobilizing VN Dong billion 780.

In March 1989, the 6th Plenum of the Central Committee confirmed the importance of market mechanisms, ceased to differentiate between an "organized market" and a "free market" and pushed for further decontrol of domestic prices. State enterprises were also freed from the production and pricing obligations of central planning and given autonomy in investment, production and pricing policies according to the so called "self balance, self settlement" principle.

In 1989, the State Bank of Vietnam eliminated the system of multiple exchange rates. The unified exchange rate was subsequently devaluated to help remove the bias against exports. Following this adjustment, the government has maintained the policy to minimize the spread between the official and the parallel market rates.

Trade was also liberalized, with the elimination of most import and export quotas, the rationalization of import tariffs and lowering of export duties, the elimination of foreign trade monopolies, and the granting of direct foreign trading rights to domestic exporters.

The reforms were sustained into the early 1990's. Two decree-laws were issued to provide the legal framework for a market-oriented and "universal" type of banking system, with a view to mobilize savings and allocate resources to the most efficient domestic uses. Corporate, and real property laws were also issued.

New tax laws (Profits Tax, Special Consumption Tax, and Turnover Tax, etc) were passed. Tax obligations were defined in a transparent fashion for all economic agents.

Foreign exchange trading floors were also set up in main urban centers.

Results of Economic Reforms. In many aspects, the effects of the reforms were striking. Agriculture production is estimated to have grown, on average by 4% - 5% per year, from 1988 to 1992, as a result of higher production prices, and more autonomy for farmers. In conjunction with the devaluation of the Vietnamese currency, this has transformed Vietnam into the world's third largest exporter of rice, as early as 1989.

In 1989, industrial output dropped by 7%. Reasons for this disappointing performance were many. On one hand, small enterprises serving the domestic market have been hard hit since the devaluation of the VN Dong had raised the costs of imported inputs. At the same time, competition from Chinese and Thai manufacturers has increased following trade liberalization. On the other hand, state owned enterprises (SOEs) in the industrial sector were especially affected by the reduction of governmental subsidies, a raise in interest rates, and an influx of cheaper, higher-quality competing imports. To date, there are indications that industrial production has recovered, owing to the dynamism of a rapidly expanding private sector composed mainly of small businesses. In 1989 and 1990, industrial output was reported to increase by 4% per year. In 1991 and 1992, it was widely believed that industrial output grew by 10% per year.

Foreign investors have responded positively to the foreign investment law. At the present time, hundreds of joint ventures are in operation. Largest investments are in the oil sector, and in hotels.

Exports to the convertible area (mainly rice, crude oil, and seafood) doubled in 1989. And in 1992, for the first time ever, Vietnam recorded a positive trade balance of US$ million 200.

II. - Unfinished reform efforts

Notwithstanding the economic achievements in recent years, the restructuring of the Vietnamese economy has proved to be an unfinished task. In both areas of stabilization and adjustment, further improvements are needed, as will be shown below.

Stabilization. With an inflation rate of 40% per year, Vietnam is still threatened by macroeconomic instability. This situation can be traced primarity to a weak fiscal administration; the inflationary financing of the budget deficit; and the subsidization of SOEs.

In recent years, the budget deficit has remained high, at about 6% - 7% of GDP. Under these circumstances, the temptation to resort to printing money to fill the budgetary gap is strong. In Vietnam, this temptation is made even stronger by the absence of a clear delineation between monetary and budgetary authority.

Adjustment. With respect to adjustment efforts, there still are many loose ends to tie up.

First, a major impediment to the promotion of sustained economic growth can be found in the lack of a transparent legal and institutional framework. As mentioned earlier, a series of decrees issued in 1989 has contributed to expand the non-state sector. Faster economic growth, to be supported by further expansion of the private sector, can still be expected in the future. This will materialize if private property and private initiative are clearly approved by legal texts, and promoted by appropriate institutional settings.

Second, in reference to the foreign investment law promulgated in 1987, the legislative infrastructure governing joint ventures or wholly owned subsidiaries is not clear. Furthermore, the regulations concerning the implementation of the laws issued, especially at the level of the provinces and districts, need to be specified. These deficiencies have contributed to discourage foreigners from investing in Vietnam.

Foreign investment is also restrained by the poor condition of Vietnam's physical infrastructure. Major improvements are needed in roads, ports, airports, communications systems and

power and water services(4).

Third, another bottleneck to economic development lies in the low domestic saving rate (estimated at less than 10% of GDP). Further reforms in the banking system are required to mobilize domestic savings and promote investment.

Fourth, the government has yet to come up with a comprehensive plan to deal with the state owned enterprises. To date, many "piecemeal" measures have been taken to ease the difficulties facing state owned enterprises. These measures included "adjustments to credit loan interest rates," "non collection of overdue debts," "reduced loans terms," etc. and can be considered as subsidies that led in larger government budget deficits, resulting in higher inflationary pressures. Many virtually bankrupt SOEs are still in existence, although workers have been suspended.

In recent years, the suspension of SOE workers, coupled with the retrenchment of the civil service, and the partial demobilization of the armed forces, resulted in a high unemployment rate (estimated at 20% - 25% of the labor force). So far, the expansion of private businesses has not been sufficient to absorb the mass of job-seekers, which is expected to increase quickly in the future, since it is estimated that 1 million of new workers will enter the job market each year.

Finally, there seems to be little coordination in the design and implementation of on-going reform programs. One has the impression that most reform measures were introduced on a more or less ad-hoc basis, without prior analysis. Individual measures were not integrated into a overall and well thought out program.

III.- Prospects for future development

The above arguments lead to question the sustainability of Vietnam's current economic growth. Unless further efforts in reform program design and implementation will be provided, prospects for future development are decidedly not bright.

Without trying to establish an axhaustive list of reform requirements, one can point to three major problem areas: (a) promotion of macroeconomic stability (b) creation of an environment conductive to private sector led economic growth; and (c) investment in human resources development.

The rationale underlying these three choices is quite straightforward. First, stabilization provides the foundation on which further adjustment policies can be built. Second, past the "stabilizing" stage, the next challenge will be promoting economic growth, which will likely be private sector led, given the proven dynamism of this sector in Vietnam. More can be expected from private initiatives, if these would not have to depend on the subjective interpretation of rules, as is now the case. Finally, human resources are widely believed to be the main factor of growth, and as such, deserve better attention.

Reform, unfortunately, takes time, and no immediate miracle should be expected in the near future. It will be decades before efforts in institutional and in human resources development come to fruition. With this caveat in mind, let us now turn to the three problem areas at hand.

Macroeconomic Stabilization. The macroeconomic imbalances can be traced primarily to poor management of the public sector. Corrective measures should focus on the following areas: the Government Budget; Monetary and Credit Management; and the restructuring of SOEs.

Since inflationary pressures arise from the budget deficit, the latter needs to be improved. Budgetary improvements will have to come from the revenue side, since public spending in infrastructure and social sectors have been low in the past, and it is difficult to rationalize further cuts. Efforts should be geared toward increasing the efficiency of the revenue system, by enhancing the efficiency and equity of the tax system; broadening the tax base; raising the level of tax compliance; and improving tax administration.

Concerning Monetary and Credit Management, the government would be wise to refrain from availment of central bank financing to cover its budgetary deficit, and explore other non-inflationary source of funding, such as the issuance of market competitive (and non compulsory) debt instruments to the general public. The expansion of domestic credit should be carefully monitored. The operational autonomy of the State Bank should be assured. Further improvements in the banking system such as the development and installation of appropriate and adequate bank accounting system, and provisions for annual independent audits should be sought after.

Concerning SOEs, although their contribution to GDP in Vietnam can be qualified as marginal (20% of GDP), it should be nevertheless pointed out that 70% of central-level SOEs, and an even higher share of provincial and district enterprises are loss making. A comprehensive plan for restructuring this sector is much needed. However, experience elsewhere shows that restructuring SOEs is a slow process and cannot be rushed. Keeping this in mind, there are two main thrusts to restructure SOEs. On one hand, those SOEs without any "strategic" value will have to be closed down, divested, or privatized through an appropriate machinery. On the other hand, those SOEs which are retained by the government should be strengthened with respect to their managerial capabilities, and trained to operate efficiently and economically.

Institution Strengthening. A supportive and sympathetic administrative and institutional framework will smooth out the transition from a centrally directed ecomony to a market oriented economy.

In this light, it is necessary to establish a program to build up a knowledgeable and sympathetic government bureaucracy which will assist in the transition into a market economy. With a view to improve the efficiency and effectiveness of the government, the reorganization of certain ministries and departments should be undertaken, and the phasing out of other government agencies initiated.

In addition to a supportive government bureaucracy, the legal framework will have to be

improved, with particular reference to administrative procedures; necessary legislation; and judicial mechanisms.

Restructuring the public sector is, however, not synonymous with a total rejection of the state. In areas where market mechanisms cannot be relied upon, interventions of the government would be still required. The government will have an active role in providing a stable macroeconomic foundation; in investing in education, health, nutrition, family planning; in building social, physical, administrative, regulatory and legal infrastructure; and in protecting the environment.

IIuman Resources Development. Production gains are of little relevance until and unless the benefits of such advances trickle down to the majority of the people, through the provision of more and better social services.

In that light, an immediate concern would be the establishment of a social safety net to cushion the negative effects of reform measures on the most adversely affected groups in Vietnam.

In a longer time frame, there should be a conscious and sustained effort from the Government in investing in human resources development. This is so, since at the present time, the latter has suffered from widespread neglect from the authorities. An adequate delivery of educational services would be made effective through investment efforts in the fields of general education, and technical and vocational training. These efforts would not only provide the skills requirements in support of economic growth, but would, as well, impact future generations in a most positive manner. In the same vein, investments in the fields of public health, nutrition, and housing should also be stressed upon.

Conclusion

Succeeding in economic stabilization and adjustment is the most pressing issue that now confronts Vietnam. In this regard, unless the economy is stabilized, the institutional framework strengthened, and the focus put on human resources development, the on-going economic "miracle" may soon run out of steam.

It should not be also forgotten that at the end of the road toward economic growth, lies the challenge of social development. And social development will not be achieved if it does not rest solidly on the foundation of shared democratic values.■

(1) *As measured by the Consumer Price Index. It should be stressed that all figures presented in this paper are estimates subject to revisions.*

(2) *The deficit was estimated at VN Dong 2,000 billion, or US$ 200 million.*

(3) *Sectors are defined with respect to form of ownership, and comprise: the state sector, the collectives, the private enterprises and households, etc.*

(4) *Recently, the government has examined possibilities to finance infrastructure improvements through Build Operate Transfer (BOT) operations with Taiwanese investors.*■

Vietnamese Culture Series, No.1

LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:

Some Articles by Nguyễn Đình Hòa

Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương

Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

Table of Contents

Preface by Patricia Nguyễn thị Mỹ Hương (III-V)

1. Vietnamese Country Life (1-3)
2. The Garden of Confucianism: Beauty and Order, Peace and Harmony (4-8)
3. Vietnamese language and Literature (9-26)
4. Vietnamese Names and Titles (27-41)
5. Vietnamese Riddles (42-62)
6. Lexical and Syntactic Borrowing in Mordern Vietnamese (63-86)
7. Standardizatiion and Purification: A Look at Language Planning in Vietnam (87-108)
8. Teaching English Prepositions to Speakers of Vietnamese (109-134)
9. Sources of the Vietnamese Tale Phan-Tran (135-142)

Postface (in Vietnamese) by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương (IX-XII) - Photographs

BY THE SAME AUTHOR

EASY VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)

SPEAK VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)

READ VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)

NHẤT THIÊN TỰ, THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS (Asia/ Books, 1989)

ESSENTIAL ENGLISH-VIETNAMESE DICTIONARY (Charles E. Tuttle, 1983, 1991)

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:

Asia Books - 13455 Surrey Lane

Saratoga, Ca 95070,USA

CROSSCURRENTS AND THE NEVER-ENDING SEARCH FOR A SELF-IDENTITY

LE NGOC CHAN

As a Vietnamese-American musician, I have always wondered about the ethnic identity projected through the music that I compose or perform in America. In Vietnam, it was a taboo for musicians, like myself, trained primarily in the eighteenth and nineteenth century Western Classical Music Tradition to play on or accompany Vietnamese New Popular Songs (*Tân Nhạc*). For *Tân Nhạc* -- thought to be "cheap," "too vulgar," and rather "mundane" — might cause harmful effects to your "doighté," (fingering technique) and your ear! As a result, most of these musicians could not improvise an adequate song accompaniment unless the song writer notated on paper every single note played. In other words, this is how severely classical musicians were conditioned to the written tradition of the "high cultures" defined by western historians as cultures with early writing systems. It is, however, rather intriguing when we consider the political motives leading to such inventions, whose discussions exceed the scope of this introductory article. I felt quite comfortable playing music by such composers as Bach, Beethoven, Chopin, Liszt, and Bartok exclusively; for traditional music seemed "boring, old fashioned, and unsuitable" for western instruments such as piano and violin among music students, despite the extensive use of violin and acoustic guitars in the music of *Cải Lương* (Renovated Southern Vietnamese Theater). My physical attachment to the geography of Vietnam seemed so permanent that the question of identity had never occured to me for several years. Retrospectively speaking, the Sino-Franco-Vietnamese educational system has exerted considerable impact on indoctrinating the Vietnamese in Chinese and Western mental superiority. It therefore could only make sense that I merely needed to study the "better!" Ironically, our human mind functions in a rather fascinating and sensible way as we become aware of different ideologies and new possibilities. These shifts of consciousness have raised vital questions about "inherent" values in grained in our *mental system* through the colonical perspective.

The subtle issue of identity first originated from the need to compose *my own music*, music that does not sound like anybody else's. By an interesting and tortuous path, I arrived at native sources, which I wouldn't have thought of had I not been interested in this intensively creative aspect of music, *composition*. Traditional Sino-Vietnamese music like *Luy Thuy* (Flowing Water) and *Kim Tiên (Golden Coin)* had very little, if any appeal at all to me at that time. I subsequently turned to the mountain people, described by the government as "minority highlanders," hoping to find some interesting material for my music. To my pleasant surprise, I found a tune from Central Highland music resembling a melodic material that Bóla Bartóck used in his work. I happily said to myself, "Bartók is such a great composer of twentieth century classical music, it should be safe to follow his direction." Little did I know that my mental ballast had deceptively metamorphosed in this diorama of internal colonization. This colonized mentality embodied in my seeking for justification of my creativity by identifying my own endeavor with that of highly rcognized figures in another "superculture." An interesting "cultural debate" took place at Cung Tiên's house in Roseville (Minnesota) during the supposedly relaxing evening following our afternoon concert. I was speaking with other fellow Vietnamese-Americans including Mai Thao ("veteran" writer) and Cung Tiên (composer and economist). Also present were Nghiem Phu Phi (composer and pianist) and Anh Ngoc (singer). The conversation revolved around the argument that Western European ideology had imposed a standard on the Non-Western Third World Countries based on its own system of thinking and aesthetic premises. Without engaging ourselves in the complexity of psychological details, I would like to draw a preliminary conclusion that the desire to decolonize one's own mentality, while being an obsession to some, seems redundant to others. This side story and its related thoughts are not a deviation, but simply a reflective detour from our present discourse of searching for a satisfactory self-identity through musical creations and musical culture.

For those of us who have, voluntarily and involuntarily, come to this country as refugees and immigrants, the issue of identity has become more inscrutable and ambiguous. We have lost our comfortable and clearly defined sense of geographical boundaries, which we had thought of as a permanent foundation for our claim of identity. We have come here to join the OTHERS, yet there exists a very intense urge to protect and

to distinguish our own culture from others'. This urge is happening in several aspects including Vietnamese publications, Vietnamese popular music recordings, *Da Vu* (Westernized Vietnamese social dances), Vietnamese traditional music events, *Dai Nhac Hoi* (Vietnamese popular music shows), and many other folklore activities such as *Tết* (Vietnamese New Year celebrations), *Trung Thu* (Mid-Autumn festivals), and several other ceremonial and ritual events. Unfortunately, the Vietnamese performers of Western classical music have found no place in these activities that corresponds to their musical expertise. As a result, three choices remain:

- taking part in the American mainstream and becoming assimilated with the superculture
- confining themselves to a small circle of friends who share the same affinity for playing "classical music" while pursuing a non-musical job
- abandoning music playing more or less completely due to unsatisfied wish to make a living as performers.

It is rather sad to realize that the new environments have forced some of these highly skilled musicians to give up what they could abundantly offer in terms of enriching the Vietnamese-American cultural life in the United States. Whether we regard ourselves as either insiders or outsiders, the truth is that we are constantly faced with differences between the two worlds: Old and New, Vietnamese and American. Vietnam is one of those nations that have been severely fragmented due to a long history of colonizations, conflicts, and wars (over a thousand years with several Chinese dynasties, over one hundred years with the French colonialist government, and nearly thirty years with the American government and its allies). The "musical tradition" perceived by both Vietnamese and foreigners is largely made up of "puzzle pieces" that the Vietnamese people have, consciously and unconsciously, cultivated and adapted throughout their entire history. This, by no means, implies that Vietnam does not have a distinct musical tradition. On the contrary, Vietnamese music, albeit its fragmented conditions, is vigorously alive and constantly interacting with other music traditions and styles. In Vietnam, the *Phong Lan (Orchid)* group, consisting of musicians from the traditional division of the Ha-Noi Conservatory of Music, incorporates such western elements as fundamental harmonic progressions and chromatic scale in its "new traditional music" repertoire that includes arrangements of earlier traditional/folk music and original composition. Greatty amusing is the current practice of performing "hit songs" from such movies as *The Bridge of River Kwai* or *The Godfather* on the quintessentially Vietnamese traditional *Dan Bau (Monochord Zither)*. This idea of novelty takes place in major Vietnamese-American communities in California, Virginia, and Washington states! To add a new dimension to the Vietnamese-American musical scene, recent releases of Vietnamese music compact discs and the Vietnamese television programs have introduced what may be called "the domestication of unknown Western pop singers," who sing Vietnamese popular songs in the original language. The response of Vietnamese popular music audiences to this "friendly merge" can be accurately measured by its commercial success.

The ideal of musical arts crosscurrents, embodied in the widespread "multiculturalism" movement, curiously seems to have little appeal to the Vietnamese musicians, who now reside in America, and the Vietnamese "elite" audience. By consciously and openly receiving mainstream creative art music, we allow ourselves to relate it with our own *by choice*. This is perhaps the beginning of a long and eclectic process of mental decolonization resulting in the birth of a new musical tradition attributed to the Vietnamese-Americans. This new tradition might *sensibly* embrace traditional and contemporary elements offered in both worlds. In other words, tradition is not self-created but rather, it is fabricated and equipped with a special elasticity in order to be able to endure and adapt spontaneously.

As the world economy is taking a different turn, Eurocentricity is challenged from day to day, and ethnocentricity is clearly not the answer to the sociopolitical friction, it is encouraging to see such a program, albeit its empirical nature, as *Crosscurrents* developed by a small, but radical, group of cultural activists. This concert of Vietnamese and American music — sponsored and funded by Vietnamese Refugee Sponsorship Committee, Vietnamese Cultural Association. The Schubert Club of Saint Paul, COMPAS, Honeywell Foundation, Minnesota Composers Forum, and Dayton's — represents the sensible voice of a confident community that embraces qualities offered by the enculturation of both societies. The conception of a Vietnamese-American music reveals itself throughout the first half of the program, titled "Contemporary and Folk Music." The performers, consisting of six Vietnamese-American members of the Lac Viet Ensemble and six local European-Americans, presented three works by twentieth century American composers, one by a Vietnamese, and a set of Vietnamese folk music arrangements for various Western and traditional Vietnamese instruments. I would like to make a brief remark concerning the new idea of "folk" music created in this setting for a specific group of performers and listeners. These arrangements, made to correspond to our own aesthetics of today, are not meant to accompany or describe the social context in which the music originally took place, although it is possible to approximate, but not "revive," the actual scene. The interesting notion of "reviving"

traditional music is as attempting as disputable among interest groups such as revivalists, folklorist, and ethnomusicologists. One can never *temporally* bring back the true experience of a past musical event ragardless how *authentically* it is reproduced. With a few exceptions, when both performing and listening parties are linked by the *vividly common impressions aroused in all senses*, the feelings of a true experience connected to a particular song can be recreated by sheer synchronization of group dynamics. To some extent, those rare moments did occur during the second part of *Crosscurrents*, devoted to Vietnamese Popular and Art Songs, which, for the most part throughout their history, bore French *Cabaret* and *Chanson* influence. The best example turned up in To Vu's *Anh Den Tham Em Mot Chieu Mua (Afternoon Visit in the Rain)*, composed during the early 50's, which sensuously evoked the scenery, taste, smell, and sound of the time. One might nostalgically say that Anh Ngoc and Nghiem Phu Phi exquisitely captured the freshly introduced romanticism of that particular style and period.

This delicate romantic quality appears rather pervasive and enduring throughout the history of westernized Vietnamese music as it blends itself naturally to the sentimental temperament of the Vietnamese. One of the most admirable renditions of such international musical match is embodied in Van Cao's *Ben Xuan (Spring Shore)*, composed in 1946, and in Cung Tien's *Vet Chim Bay (Bird Flight)*, 1975. The subtle inflection of Vietnamese language, supported by the French harmonic idioms; prevails quite genuinely in these two songs, sung by Nguyen Thanh Van/Minh Ngoc and Susan Sutton respectively. Susan Sutton, a professional opera singer who has been performing many of Cung Tien's songs for the past two years, observed the forwardness of Vietnamese language's pronunciation while acknowledging the French-Vietnamese romantic quality in these songs. This forwardness requires a different singing approach in order to sound beautiful while making the lyrics understood. Next to Kim Tuoc (a Vietnamese soprano), Susan Sutton, who always sings without an amplified system, is perhaps my choice to perform Tien's music, for technological sound reinforcement has much less to do with Tien's compositional integrity. One of the instrumental performers innocently asked a member of the Lac-Viet Ensemble, "Why do Vietnamese singers always sing with microphones?" This, of course, could lead to a long discussion dealing with differences in musical aesthetics between "popular" and "art" music. In the meant time, one can see that an American (or any) popular/rock concert would not exist without the advent of audio technology. Performers choose the medium in which they convey their message while listeners decide which format appeals to their own aesthetic sense. None is superior than the other, although the distinction is clear. Most American performers, however, expressed their similar views concerning the musical content and the cultural impact of this event. Nissa Anderson, violinist, was enthusiastic about the harmony and rhythm in the folk music arrangements. She said, "...the harmony is really different from Western classical music... and the rhythm is very energetic..." Lawrence Henry, pianist, thought "the music is great, I just love it. I think it is important for the American people to hear this Vietnamese music which I have had lots of fun playing." This is the second time Lawrence has performed with the Lac-Viet. "This is a real eye-opener for me," said Gina Cox, oboist. "It is important to understand the difference between cultures. I really like the chords... [the chords] don't sound like Western Classical music" Kathy Vogele, flautist, expressed her practical concern when asked if this musical activity contributed to the American musical scene. She said without hesitation, "Oh yea!... This can go into my resume!" *Cliches* perhaps, these expressions nevertheless exalt me a great deal. For they come from a younger generation of American mainstream whose awareness of the relationship between America and Vietnam is limited to the bitter ending of the tragic *Vietnam War* resulting in the Vietnam War Memorial in Washington D.C., the issue of MIA (Missing in Action) the fighting of Vietnamese "demons" among the Vietnam Vots, and the beautiful/ugly stories of "Boat people." This simple open-mindedness only exists among those who are blessed with the sensibility to channel their communications through the indescribable enchantment and fulfillment of the *sound* of music regardless how diverse it can be.

This writing does not pretend to prescribe either a new direction or a solution for the music and musical activity of Vietnamese communities in America. It does describe some of my preliminary impressions concerning this matter. These thoughts also reflect my personal obsession with the search for a self-identity while reaffirming my ultimate belief in the healing power of *music*. ■

Middle town,
CT Nov. 10, 92

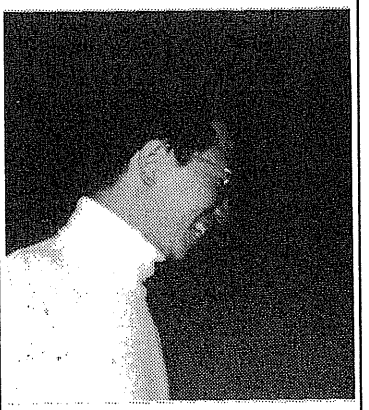

Lê Ngọc Chân

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

THUH BEAUTY

Orange County, California, USA

BOLSA MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,
Westminster, CA 92683

Tel. (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL.

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC

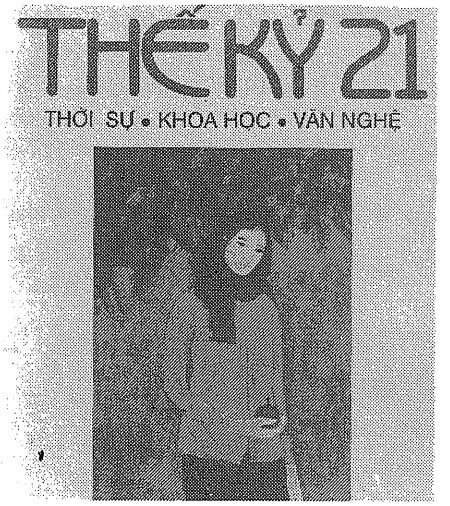

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

Bảy số báo một tuần

Tin tức Việt Nam, cộng đồng khắp nơi và quốc tế...
Kiến thức phổ thông, tìm hiểu và giải trí vui tươi, thanh nhã...

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT

CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

(Xuất bản từ 1978)

Nhật báo tới tay độc giả mỗi ngày tại Los Angeles, và Orange County bằng nhiều hệ thống:

- Thùng báo
- Phát tận nhà
- Bán lẻ tại các tiệm
- Gửi qua đường bưu điện

Báo gửi qua đường Bưu Điện, lâu nay chỉ có loại bulk-rate (giá dài hạn 1 năm $102.00), phải mất từ 7 tới 15 ngày mới tới tay độc giả. Loại "two day express" rất nhanh, chỉ có hai ngày, và bảo đảm không mất báo!

Với cách phát hành mới, dù ở bất cứ nơi đâu trong nước Mỹ,
bạn cũng được đọc "Nhật báo Người Việt" một tuần một lần,
bảy số báo gửi bằng "two-day express" tới tận nhà.
Bạn chỉ phải trả $5.00 một tuần cho cả tiền báo lẫn cước phí!

PHIẾU MUA BÁO NGƯỜI VIỆT

(gửi bằng two-day express)

Gửi cho Ông / Bà / Cô.....

Địa chỉ.....

..... Điện thoại .....

☐ 13 tuần: $65.00 ☐ 26 tuần: $120.00 ☐ 52 tuần: $230.00

Ngân phiếu trả cho NGƯỜI VIỆT, gửi về:
Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683
ĐT. (714) 892-9414 * Fax: (714) 894-1381

GHI CHÚ: Mua một năm (52 tuần), bạn tiết kiệm được tới $102.80!
Giá biểu này chỉ áp dụng trong nước Mỹ, và có giá trị đến hết tháng Tám 1994.

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đúng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Lise Dieutrang Vo

Agent

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 #13
Fax: 714 964-0545
Pager: 714 291-4222

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM

3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**
  Với sự cộng tác của Bác sĩ Nguyễn Duy, tốt nghiệp Y Khoa gia đình tại Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

LỚP VĂN SỬ ĐỊA

Mời các bạn ghi tên học

LỚP VĂN SỬ ĐỊA VIỆT NAM

do các cựu giáo sư trong Hội Ái Hữu
Cựu Giáo Chức Việt Nam
thuyết giảng và hướng dẫn.
Có sinh hoạt minh họa như: Trình diễn
ca nhạc, chiếu ảnh, video, làm báo, v.v...

Thời gian: Mỗi chiều Chủ Nhật từ 1 đến 3 giờ.
Khai giảng: 8-8-1993

Địa điểm: Câu Lạc Bộ VAALA
14901 Moran St., Westminster

Liên lạc: * Tạ Văn Trung
(310) 372-3219; 334-7685
* Lê Cẩm Thạch
(310) 336-1862; (714) 857-6118

LASER TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA
BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

HƯƠNG CẢNG

TRÙNG DƯƠNG

Bỗng dưng tôi nhớ tới Hưng, tự hỏi không biết cuộc nhân duyên của anh chàng với cô nhỏ Huyền người Bắc có khuôn mặt tròn như mặt trăng và thân hình cao lớn hơn mức trung bình của đàn bà Việt đã ra sao, có hạnh phúc không. Ít khi nào tôi đi dự một cái đám cưới mà lại để lại trong tôi nhiều dư âm có pha chút xót xa như vậy.

Sau khi nạp xong cái luận án cao học để ra trường và thu xếp ít việc gia đình rồi, tôi trở lại Hương Cảng vào đầu tháng Năm năm 1991 để tận hưởng những tuần lễ cuối cùng tại cái thành phố quốc gia — *city state* — đã lôi cuốn tôi dữ dội này. Lần này tôi sẽ mặc sức khám phá và tìm hiểu Hương Cảng mà không phải vương vấn với chuyện bút đèn trước khi trở lại Hoa Kỳ để bắt đầu vác đơn xin việc để gia đình hết còn nhằn là tôi học gì mà học mãi. Hương Cảng lôi cuốn tôi vì đặc tính quốc tế và vô cùng sống động, đôi lúc sô bồ, của nó. Ở cái quyến rũ đó còn chứa chấp cái sự kiện là Hương Cảng sẽ thuộc về Trung Cộng vào năm 1997, và tương lai chưa biết sẽ ra sao, thành ra trong cái sống vội vã có tiềm ẩn một niềm tuyệt vọng mà tôi thấy rất gần gũi với tâm trạng của tôi tại Saigon trong thời chiến trước 1975. Tôi cảm thấy gần gũi với Hương Cảng là do vậy.

Tôi gặp Hưng tại căn apartment hai phòng của Du thuê chung với cặp Cường và Nga ở khu Kowloon, mỗi phòng ngủ đều có một cửa sổ ngó xuống từ lầu cao ra biển lô nhô những thuyền đánh cá dập dềnh trong một cái vịnh. Tôi về đó ở thay vì ở trong cư xá sinh viên của Đại Học Trung Hoa tại Hương Cảng vì thấy sống ở Kowloon tôi mới thực sự thấy mình sống ở Hương Cảng. Vả lại, bạn bè sinh viên quen trong khuôn viên đại học đã hoặc về nhà trong dịp nghỉ hè hoặc đã hồi hương, về lại Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Đài Loan, Nhật Bản, hoặc Do Thái, thành ra có ở trong cư xá cũng chẳng có ai chuyện trò.

Tôi quen với Du đã từ dạo mùa đông vừa qua nhân một chuyến đi píc-níc với một nhóm trẻ em Việt tị nạn ở Hương Cảng mà một số sinh viên Mỹ và tôi ghi tên tình nguyện theo giúp. Du từ Gia Nã Đại đến Hương Cảng làm việc cho người tị nạn. Buổi đi píc-níc ấy tôi có dịp nói chuyện với một gia đình tị nạn từ miền Bắc, kẹt lại ở mấy trại Hương Cảng đã cả thập niên, có mấy đứa con sinh tại Hương Cảng nữa. Họ đến từ lâu trước năm 1988 khi chính phủ Hương Cảng bắt đầu thi hành chương trình thanh lọc tị nạn kinh tế với tị nạn chính trị, thành ra họ không phải qua thanh lọc, và hiện đã ra ở trại mở, nghĩa là được đi lại tự do, có quyền làm việc để kiếm tiền tự túc, so với trại cấm, là trại chứa những người đến sau khi lệnh thanh lọc được ban hành. Nhiều gia đình ở vào trường hợp tương tự, kẹt lại ở Hương Cảng dường như vô hạn định vì không có người bảo lãnh để đi định cư ở một quốc gia đệ tam, nhiều gia đình đến từ Bắc Việt, đâu có quen biết ai. Con cái họ sinh ra ở đây, đi học trường Tàu, chỉ nói tiếng Quảng Đông, tiếng Việt rất bập bẹ, nên bố mẹ nói chuyện với con cái cũng bằng tiếng Quảng Đông.

Du, khoảng ba mươi mấy, có một mối quan tâm về việc thanh thiếu niên tị nạn ở trại quá nhiều năm và không có một chương trình nào cho họ sinh hoạt tập thể để học hỏi nâng đỡ tinh thần lẫn nhau. Do đấy mà anh có ý định thành lập một hội đoàn cho thanh thiếu niên tị nạn có dịp gặp gỡ và sinh hoạt. Chúng tôi, kể cả Cường, đến từ Úc, và Nga, ở trại tị nạn ra, và một số người Việt trẻ tuổi khác làm việc với dân tị nạn ở Hương Cảng, họp nhau mấy lần tại văn phòng của nhóm luật sư người Úc sang Hương Cảng để giúp người tị nạn khai thác những khía cạnh trong lý lịch của họ để có thể giúp họ qua lọt được thanh lọc để trở thành tị nạn chính trị và không bị trả về Việt Nam. Trong số những người họp có cả Thu đến từ Úc Đại Lợi làm thông dịch viên với nhóm luật sư người Úc, và bà Nguyệt, chủ nhiệm và chủ bút một tờ tạp chí chuyên về đồ cổ in rất đẹp. Bà Nguyệt, ngoài năm mươi, ở Hương Cảng đã lâu, hình như có thế lực và nhiều tiền bạc. Bà có một mối quan tâm về việc chẳng có ai thăm nom những người tị nạn Việt bị tù ở Hương Cảng vì phạm pháp. Thu, cỡ chớm bốn mươi, cũng là một người quan tâm đến các công tác xã hội, khi không bỏ chồng con tình nguyện đi Hương Cảng ba tháng làm thông dịch viên cho các luật sư Úc giúp người tị nạn. Thu và tôi cũng trở nên thân nhau mau chóng.

Họp hành rút cục chẳng đến đâu, chỉ còn lại tình bạn giữa vài người với nhau. Khi tôi trở lại Hương Cảng thì Thu cũng đã mãn hạn tình nguyện và đã trở về Úc, khiến tôi càng cảm thấy hụt hẫng hơn. Tôi đến ở nhà của Du, Cường và Nga, một phần cũng muốn tìm hiểu về những người trẻ bỏ quốc gia định cư sang Hương Cảng làm việc xã hội giúp đỡ đồng bào ruột thịt. Chính tại đây mà Cường quen với Nga, lúc ấy đã ra trại mở, và hai người chính thức thành hôn ở tòa án bên đảo Hương Cảng sau đó. Còn Du, độc thân ở Gia Nã Đại, vẫn tiếp tục độc thân ở Hương Cảng sau mấy năm tại đây. Nga bảo với tôi là tại Du kén, chứ cũng có một cô ở trong trại cấm mến và muốn kết hôn với anh ta, thế nhưng Du lại sợ bị lợi dụng. Ở Hương Cảng, Nga kể, những chuyện đó không thiếu. Nhưng khi được một anh Việt Nam từ Úc qua hỏi cưới, cũng bằng lòng. Khi cưới xong, ra được trại mở rồi, cô này bèn bỏ chồng và quay ra bảo lãnh cho anh tình nhân cũ kia ra trại mở. Ái tình tị nạn là một truyện dài nhiều chỗ ly kỳ hấp dẫn lắm, Nga bảo với tôi, cười, mắt tít lại rất dễ thương. Mới hai mươi ba, Nga líu lo như một con chim, nói giọng Bắc có pha chất Nam, có lẽ sinh ra ở Saigon trong một gia đình người Bắc, có duyên, đôi mắt một mí tinh xảo, ngược lại với chồng ít nói, có giọng đặc miền Nam. Cường vẫn làm cho Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, đặc trách về những trẻ vị thành niên vượt biên không có người lớn đi kèm. Trong khi đó Nga lãnh phiên dịch những đơn khiếu nại của những người tị nạn thi trượt thanh lọc, để kiếm tiền và cũng để có dịp làm quen với tiếng Anh, vì Nga muốn trở lại trường học khi qua Úc. Nga cùng vượt biên với một người chị hơn Nga hai ba tuổi, Thúy. Khi tôi trở lại Hương Cảng thì Thúy đang chuẩn bị đi Gia Nã Đại về nhà chồng sắp cưới, một thanh niên Việt Nam định cư ở bên ấy. Chị em cùng vượt biên một lúc, đậu thanh lọc một lúc, ra trại mở một lúc, giờ mỗi người sắp đi về một góc của quả địa cầu. Tôi nghĩ có lẽ vì thế mà Thúy có vẻ không vui, hoặc vì Thúy vốn trầm lặng, ít nói, song rất lễ phép. Mới quen thành ra tôi cũng ít dám hỏi sâu vào chuyện riêng tư.

Không còn phải bận tâm với chuyện học nữa, tôi mặc sức hòa mình để tìm hiểu đời sống của người Việt tại Hương Cảng, cũng như đời sống của Hương Cảng. Thêm vào bức tranh Hương Cảng là Hưng, tuổi chớm ba mươi, như Cường, và là bạn của Cường ở Úc, cũng nói giọng đặc miền Nam. Hưng và tôi nhanh chóng quen nhau, vì thường chỉ có hai chị em ở nhà vào những ngày trong tuần khi các chủ nhà bận đi làm. Nhưng buổi tối tôi muốn đi dạo, Hưng hay đi theo để cho tôi có bạn và cũng để bảo vệ cho tôi, mặc dù Hương Cảng là nơi rất an ninh về cả buổi tối, khác với những thành phố tại Hoa Kỳ. Lần hồi, tôi được biết Hưng đang bị thất nghiệp, nhưng lại dùng tiền để dành để đi chơi Thái Lan và bây giờ là Hương Cảng để... cưới vợ, cô Huyền, người con gái thuyền nhân từ miền Bắc vượt biên cùng với bà mẹ và mấy đứa em lúc đó đang sống ở trong trại cấm, có rất ít triển vọng được qua thanh lọc. Không đậu thanh lọc sẽ bị hồi hương. Hưng là một cái phao của mấy mẹ con Huyền trong lúc sắp đắm thuyền.

Nga bảo với tôi là cô ta nghi Huyền chỉ có ý lợi dụng Hưng để đưa gia đình ra khỏi trại cấm, thoát khỏi thân phận của những người sắp sửa bị cho hồi hương. Nga đã nhìn thấy nhiều trường hợp như vậy, nên cô hay nghi ngờ. Mới chớm hai mươi mà Nga có vẻ già dặn, hiểu biết, tinh đời. Tôi lúc ấy chưa biết mặt Huyền, và được Nga mô tả cho biết là cô bé rất đẹp, mười chín tuổi, người cao ráo, dẫy đà. Mà con gái đẹp trong trại rất ít người giữ được mình, Nga bảo tôi, nếu không bị bọn người Việt điều hành trại làm khó dễ thì cũng bị một số cảnh sát Hương Cảng có phần vụ canh trại ve vãn làm phiền. Một số anh em người Việt khác làm việc với các trại tị nạn, kể với tôi nhiều chuyện chua xót, chẳng hạn có vài người Việt đã ra khỏi trại cấm

LƯU VĂN VỊNH

CHIẾU HOA

Đêm nay anh ướp hoa đèn
lồng trăng áo gối ru em đầu giường
em thôi xõa tóc ngắm gương
nằm đây cho mộng mười phương tụ về
uyên ương trong mỗi giấc mê
viết trên mi mắt lời thề biển sông
em nằm cho má nở hồng
sáng mai anh sẽ mang trồng vườn xuân
chiếu hoa em hãy duỗi chân
chạm vào đáy giấc thiên thần mộng mơ
ngủ ngoan anh thức làm thơ
thả trăm cánh bướm lên tờ đêm đen.

HUY TRÂM

NHỚ MƯA CẦN ĐƯỚC

Bên này tháng Bảy trời không mưa
Cả tháng Tám cũng không giọt nước
Trời Cali càng làm thương Cần Đước
Những chiều mưa — nước vũng sau nhà
Má xuống đường mương — xúc tép, mò cua
Rau mảnh bát với cua đồng, sao nhớ?
Rả rích trời đêm — mái tranh lùa gió
Má cùng em đan lát bên đèn
Mưa kéo lê thê — lạch nước tràn lên
Anh bì bõm ra đầu mương đặt đó
Tháng Bảy trời thương quê mình nghèo khó
Nên đồng sâu — mưa nổi cá tôm
Ôi! Một quê hương lây lất chuyện buồn
Nhưng đâu dễ quay lưng trở lại?
Đâu dễ quên đi — mùa màng, cây trái
Mùi hoa chanh nhè nhẹ vườn xưa
Tháng hạ bên này — mong mãi không mưa

7-93

quay ra bảo lãnh các cô gái rồi đưa họ vào nghề mãi dâm ở Hương Cảng, hoặc những chuyện cưỡng bức của chùm trại đối với trại viên, nhất là các cô gái có nhan sắc. Những xung đột giữa thuyền nhân người miền Nam và thuyền nhân người miền Bắc thì đầy dẫy ở trên mặt báo chí, đến nỗi chính quyền Hương Cảng phải giam họ ở những trại khác nhau.

Nhìn Hưng thì tôi biết là cu cậu mê mẩn lắm rồi. Hưng không đẹp trai, cũng chẳng thể gọi là xấu trai, dáng người gầy còm, hơi giống người Tàu, đi giữa phố Tàu thì có thể bị nhìn lộn là người Tàu. Hưng thường mặc đồ giản dị, áo bỏ ngoài quần, đi dép lẹt xẹt, lơ nga lơ ngơ, mấy lần bị cảnh sát Hương Cảng chận lại hỏi giấy, vì tưởng là dân Hoa Lục vượt biên cư ngụ bất hợp pháp. Giống như chính phủ Hoa Kỳ nói chung và Tiểu bang California nói riêng phải lo đối phó với người Mễ và các nơi khác đến đây cư ngụ bất hợp pháp, chính phủ Hương Cảng cũng đã có những biện pháp ngăn chặn người Hương Cảng mướn dân cư ngụ bất hợp pháp, phần lớn từ Hoa Lục qua. Một lần Du, mặc dù ăn mặc chỉnh tề với áo sơ mi trắng luôn bỏ trong quần và đi giầy với vớ, đi chung với Hưng cũng bị chặn lại hỏi giấy. Nhìn cảnh hai người thanh niên Việt Nam chìa ra mỗi anh một cái thẻ thông hành, một của Úc Đại Lợi và một của Gia Nã Đại, tôi không khỏi bật cười, hơi chua chát. Tôi đàn bà, tuy đi chung với họ, song cảnh sát không thèm hỏi giấy, chứ bị hỏi mà chìa ra cái sổ thông hành của Hoa Kỳ, chắc là tức cười lắm vì ba tên Việt Nam chìa ra ba cái thẻ thông hành của ba nước khác nhau, không buồn mà cười sao được.

Trước ngày làm đám cưới, gần như lúc nào có dịp Hưng đều mò lên trại của Huyền ở tuốt tận phía tây bắc của Hương Cảng, ven quận Yuen Long, phải chuyển xe buýt mấy lần, cũng mất tới hơn tiếng đồng hồ mới tới nơi. Trước ngày đi ký giấy hôn thú, Hưng rủ tôi đi phố chọn một mớ vải may đồ bộ cho mẹ con Huyền và mấy đứa em. Nhìn Hưng lăng xăng, tôi mong Hưng có hạnh phúc, trong khi những điều Nga nói về những cảnh sống trong trại cứ lởn vởn trong đầu. Khi Hưng nhờ tôi làm một trong hai nhân chứng trong buổi ký giấy giá thú, tôi nhận lời liền, hy vọng sự hăm hở của mình sẽ đem lại may mắn cho cuộc hôn nhân của người bạn mới quen, nhưng đã trở nên thân thiết.

Buổi sáng hôm đó Hưng, Du và tôi cùng dậy sớm — Du nghỉ làm một ngày để làm người chứng thứ hai cùng với tôi. Trời mới giữa tháng Năm mà đã nóng và ẩm, ngay cả lúc còn là buổi sáng. Tôi mặc cái áo trắng sọc xanh và quần tây trắng, chân đi một đôi giầy gót thấp có đế cao su vì biết sẽ phải đi bộ nhiều. Hưng và Du thì lên bộ, áo sơ mi trắng dài tay, cà vạt, quần tây màu đậm, giầy đen bóng loáng. Họ không mặc áo vét vì trời nóng và mồ hôi đã bắt đầu lấm tấm, chịu gì thấu.

Với Hưng một tay cầm túi ni-lông có mấy xấp vải cho mẹ con Huyền, chúng tôi xuống đường giữa những tiếng động vỡ tai của khu Kowloon, nơi dân cư toàn là người Tàu, tiếng Quảng xí xô, giao hàng mời gọi, ồn nhất vẫn là tiếng động cơ xen lẫn tiếng còi, của đủ loại xe cộ trên đường, tiếng tàu bè dưới nước, cứ là liên tu bất tận suốt ngày. Tối thì đỡ hơn, cũng như mát hơn. Cách đây mấy tháng, tôi đọc báo được biết chính phủ Hương Cảng bắt các tiệm ăn phải thiết lập hệ thống thẩm âm để bớt ồn ào. Nghe đâu có một số tiệm bị phạt vì đã vi phạm luật lệ về tiếng động. Nói vậy chứ mỗi lần tôi vào một tiệm ăn ở Hương Cảng, trừ tiệm sang,

vẫn bấy nhiêu thứ tiếng động vỡ tai nhức óc vang ra từ cả trăm cái miệng xí xô một lúc, khiến chỉ nghe thôi cũng thấy mệt.

Hưng vẫy một chiếc tắc-xi. Chúng tôi chui vào lòng xe. Xe rời khu Kowloon, len lách giữa những giòng xe cộ đủ loại ngược xuôi, nhiều nhất là tắc-xi và xe buýt, nhắm phía tây bắc về hướng quận Yuen Long. Tôi nhìn Hưng cười, hỏi có nôn không. Hưng cười đáp lại, rất tươi. Đúng là người sắp được vợ có khác. Du thì có vẻ trầm lặng. Tôi nghĩ bụng chắc thế nào mà chẳng xốn xang trong bụng. Chúng tôi tới nơi lúc ấy đã gần giữa trưa mà chưa thấy bóng dáng Huyền đâu. Ba đứa đi lên lầu, tìm phòng làm giấy hôn thú cho chắc ăn. Hưng còn cẩn thận dò bảng tên dán trên tường để biết chắc là tên của anh ta với tên Huyền có trong đám những cặp sẽ được ký giấy hôn thú hôm nay. Thấy vậy, tôi bảo Hưng để nguyên ngón tay ở chỗ có tên của hai người để tôi chụp tấm ảnh. Anh ta làm theo lời tôi, mặt tươi rói, cười hí hửng, làm Du và tôi không khỏi bật cười. Xong rồi chúng tôi lại xuống lầu ra ngồi trên bậc thềm của văn phòng quận chờ. Tôi ngó quanh, khung cảnh xung quanh thấm đượm cái không khí nóng ẩm khiến tôi có cảm tưởng mình đang ở Việt Nam.

Mãi một lúc sau Huyền mới xuất hiện trong chiếc quần jeans xanh, áo sơ mi màu ngà có những ô hình lớn bằng bàn tay, tóc cột đuôi ngựa, vóc người cao lớn đứng ngang với Hưng, với một khuôn mặt tròn như mặt trăng, nước da trắng và dáng vẻ ngây thơ. Huyền đi vào sân văn phòng quận cùng với một đám gồm hai người đàn ông và ba người đàn bà. Về sau tôi mới biết trong đám người đi cùng với Huyền có một cặp cũng cảnh như Hưng với Huyền, với một người ở trong trại cấm và một người ở ngoài, cùng đi làm giấy hôn thú hôm nay. Những người kia, gồm một đàn ông và hai đàn bà, hình như là cảnh sát gác trại mặc thường phục hộ tống hai người trong trại cấm, kể cả Huyền, đi làm hôn thú. Tôi để ý thấy Huyền nói chuyện đùa bỡn tự nhiên với mấy người cùng đi, nhưng đối với Hưng thì có vẻ e dè, cách biệt, khiến Hưng phải kéo cô ta lại ngồi bên, quàng tay ôm lấy bờ vai đẫy đà của cô gái. Nét mặt của Huyền trông hết sức ngây thơ, ngồi bên Hưng như cô em gái ngồi bên anh hơn là người vợ sắp cưới.

Họ ngồi chờ một lúc thì được kêu tới quầy đọc và ký giấy tờ. Cả cặp kia cũng vậy. Một lúc sau, cả hai cặp và mấy người đi cùng được mời vô một phòng hội nhỏ, chiếu sáng bởi vài ngọn đèn nhỏ từ mấy lỗ đục sâu trong trần nhà và một cái *chandelier* treo giữa trần. Trên tường chỉ treo duy nhất một bức ảnh đóng khung của Nữ Hoàng Anh. Tôi nhìn bức ảnh của Nữ Hoàng Anh và mường tượng thay vào đó là ảnh Mao Trạch Đông. Chuyện đó rồi sẽ xảy ra, vào năm 1997. Tôi tự hỏi những người Hương Cảng sẽ cảm thấy sao khi nhìn lên chỗ đó và thấy ảnh Mao, thay vì vị nữ hoàng của họ.

Chúng tôi ngồi vào những chiếc ghế nệm có hai tay tựa ở cuối phòng. Không khí đột nhiên có vẻ trang trọng khi cô thư ký mặc váy trắng áo đen bước vào phòng đặt một cuốn sổ lớn trên mặt chiếc bàn dài ngay dưới bức ảnh Nữ Hoàng Anh. Liền sau đó một viên chức Hương Cảng mặc đồ côm-lê nâu đậm bước vào phòng đứng ngay dưới tấm ảnh Nữ Hoàng Anh đối diện với cuốn sổ mở rộng trên mặt bàn. Ông ra hiệu cho cặp Hưng và Huyền lên đứng bên tay mặt ông. Hai người đàn bà trong trại đến cùng với Huyền thì đứng phía bên tay trái của ông để làm nhân chứng, như vậy Du và tôi khỏi phải làm cái việc đó để có thể chụp hình và quay phim (Du có đem theo cái máy quay phim trên băng video).

Sau thủ tục thành hôn, Hưng và Huyền mỗi người lại ký tên vào cuốn sổ do viên chức Hương Cảng trao cho họ. Xong viên chức này trao tờ giấy giá thú cho Hưng, bắt tay anh ta rồi quay qua bắt tay Huyền. Rồi đến phiên cặp kia, với cũng hai người chứng đó. Không ai hôn ai, Hưng và Huyền xuống ngồi gần chúng tôi chờ cho nghi lễ xong. Tôi thấy Hưng ngồi đọc tờ giấy hôn thú, đọc tới đọc lui thì phải, lâu lắm, có lẽ không tin là mình đã có vợ, trong khi Huyền ngồi bên dương cặp mắt đen ngây thơ nhìn nghi lễ thành hôn của cặp kia, có lẽ nghĩ mình cũng vẫn vậy, chả có gì thay đổi dù nay đã có chồng.

Chả có gì thay đổi thật, đối với cả Huyền lẫn Hưng, ít ra hôm ấy. Vừa xong buổi lễ thành hôn của hai cặp, trước khi Hưng có dịp nói điều gì với người vợ vừa mới cưới, tôi nghe mấy viên cảnh sát đi kèm Huyền giục giã về trại. Rồi họ dời văn phòng quận, bước đi rất nhanh như bị ai đuổi. Hưng chạy theo ra tới ngoài đường, tay vẫn cầm túi ni-lông đựng mấy xấp vải, ngó theo vợ và mấy người đi cùng ra tới đầu đường, dừng lại cho vãn xe, rồi cả bọn băng qua đường. Hưng đứng chôn chân trên hè đường ngó theo khi Du và tôi ra tới lề đường. Tôi thấy túi vải Hưng vẫn còn cầm ở tay, nên nhắc. Hưng ngó xuống túi vải, sực nhớ ra, vội vã chạy theo và dúi vào tay Huyền túi vải, nói gì đó với vợ, hình như hứa sẽ lo giấy tờ liền để xin đoàn tụ. Trước khi theo đoàn người rẽ sang phố bên kia đường, tôi thấy loáng ánh mắt Huyền nhìn Hưng, rồi mất hút. Du và tôi nhìn Hưng, thương cảm. Hưng lắc đầu cười buồn, xong tuyên bố đến giờ ăn tiệc cưới. Tôi ngỡ ngàng, nghĩ ăn uống gì trong lúc này khi cô dâu đã bị điệu về trại cấm. Du thì thản nhiên, nói đã quá giờ ăn trưa, đói rồi, đi ăn thôi.

Chúng tôi vào một nhà hàng gần đó, tương đối sang trọng, và đã hẳn là ồn ào như bao giờ. Hưng gọi đồ ăn và rượu. Chúng tôi nâng ly. Bữa tiệc cưới diễn ra lặng lẽ, với một mình chú rể và hai người bạn mới quen. ■

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

Tel: (714) 894-9021

ĐỢI CHỜ

ĐINH PHỤNG TIẾN

Cô Diệu, người hàng xóm của tôi, trong một thời gian ngắn gần đây bỗng dưng có nhiều thay đổi. Thỉnh thoảng bất chợt thấy tôi ở ngoài sân, qua hàng rào thưa, cô trao cho tôi một nụ cười thân thiện, điều mà trước đó không bao giờ có. Từ mối tình cảm thân hữu xóm giềng ấy, tôi chú ý đến cô nhiều hơn. Và chẳng bao lâu sau đó, chúng tôi có thể trao đổi với nhau vài ba câu chuyện thường nhật qua bức rào chắn ngang giữa nhà tôi và nhà cô.

Cô Diệu là người hàng xóm của tôi đã từ nhiều năm. Tôi quen sống một cuộc đời lặng lẽ, nên sự giao tiếp giữa hai gia đình kế cận chưa hề có điều gì làm phiền hà nhau nhưng cũng không có điều gì để thân thiết với nhau nhiều. Vài năm gần đây, cô Diệu xin được một chân thợ may trong xưởng may Légamex, nghe đâu lương tháng trên trăm ngàn đồng. Với đồng lương ấy, nếu tách riêng ra thì thật sự là chưa đủ nuôi thân cô nhưng dù sao để góp thêm với gia đình, cũng làm cho đời sống trong nhà dễ thở hơn chút ít. Thời gian gần đây, Diệu và gia đình cô có thay đổi nhiều. Chiếc áo sơ mi trắng ngả màu cùng chiếc quần đen dần dần được thay thế bằng những bộ đồ đang được thịnh trong thành phố. Đó là những bộ quần áo "không giống ai" nhưng rất được giới trẻ ưa thích vì đâu như nó đã được một số Việt kiều về thăm quê hương mang về. Chẳng ai biết những bộ quần áo ấy thuộc kiểu gì, nhưng như một thói quen, người ta gọi là "mô đen việt kiều." Và ngay cả những tiệm may lớn, nhỏ cũng chấp nhận cái tên thời trang ấy một cách tự nhiên. Hồi đầu năm, căn nhà Diệu ở được sửa sang lại mặt tiền và quét vôi mới. Dịp ấy, ba Diệu sang khẩn khoản mời tôi qua để ăn mừng tân gia, đúng ra là ăn mừng căn nhà mới sửa. Từ đó, giữa gia đình tôi và gia đình Diệu trở nên gần gũi hơn.

Theo lời má của Diệu, thì có thể cuối năm, gia đình sẽ cử hành lễ cưới cho Diệu, và sau đó Diệu sẽ theo chồng đi Mỹ. Tôi hiểu đó là lý do đã có những thay đổi rất

nhanh trong gia đình cũng như trong đời sống của Diệu.

Sáng sớm, Diệu đi làm trên chiếc xe Cub đời 81 thay cho chiếc xe đạp cũ kỹ trước đó, và có nhiều hôm về nhà rất khuya. Cũng có khi Diệu làm ca đêm, sáng mới trở về. Theo lời má Diệu thì hãng tổ chức làm theo ca. Mọi người đều được bố trí thay đổi ca và thay đổi công việc cho công bằng. Công việc ấy kể là vất vả cực nhọc mà đồng lương thì chẳng đủ sống cho một người riêng rẽ, nhưng để có thể lọt được vào trong xưởng may ấy không phải là dễ.

Ông Bảy Tín, cha ruột của Diệu, một cán bộ tập kết 54 vừa bị sa thải ra khỏi ngành vì đã có những hành vi có dấu hiệu của sự phá hoại. Kể từ khi Bảy Tín thôi việc, ông ta có vẻ thân mật với tôi hơn. Má Diệu, bà Bảy Tín, từ hồi thôi công tác trong hội phụ nữ, bà trở thành chủ nhiều dây hụi lớn nhỏ trong xóm. Gia đình ấy gồm toàn những người khôn ngoan. Những người đã có kinh nghiệm cạnh tranh để tồn tại từ những năm tháng mà Bảy Tín tập kết ra miền bắc. Bà Bảy Tín cho tôi biết, bà sẽ đầu tư cho con là cô Diệu để Diệu có cơ hội theo chân những người đi trước mà đến một vùng trời mơ ước ở bên kia bờ đại dương. Điều ấy cắt nghĩa cho tôi hiểu vì sao mà thời gian gần đây, Diệu đã có những bộ đồ "mô đen việt kiều" và xe Cub 81.

Câu chuyện có hơi dài dòng. Chẳng là hồi đầu năm, một trong những thành viên trong dây hụi, báo tin có người cháu sắp trở về từ Mỹ với ý định kiếm một người vợ. Bà Bảy Tín chụp ngay cơ hội ấy. Thế là chẳng bao lâu, hai người qua lại thế nào mà trở nên thân thiết như tình ruột thịt. Rồi họ thư từ. Rồi họ gởi hình, gởi ảnh qua lại...và Diệu đợi chờ trong hy vọng cùng mộng mơ. Bà bảy Tín, người hàng xóm của tôi đã đầu tư vào chuyện ấy rất tích cực.

Ông Bảy Tín tâm sự với tôi, rằng ông đã đi theo "cách mạng" ngay từ buổi "bình minh của phong trào". Dường như cái ngày đi đưa đám tang trò Trần Văn Ơn đã là một cơ hội để sau này ông tìm đến với "cách mạng" thì phải. Dạo ấy, Bảy Tín là một đứa trẻ thất học trong một gia đình đông con và rất nghèo. Bảy Tín còn nhớ rõ những ngày tháng không có cơm ăn, lê lết quanh chợ cầu Ông Lãnh ấy. Khi trò Ơn tham gia biểu tình bị cảnh sát nổ súng làm thương vong thì bầu không khí sôi sục của Saigon lúc ấy lên rất dữ. Đám tang trò Ơn được tổ chức trọng thể. Người đi dự cũng có, mà người hiếu kỳ đi coi cũng nhiều. Bảy Tín là một trong số những đứa trẻ rảnh giờ đi trong đám đông ấy. Rồi trong lúc đám tang diễn ra trên đường phố, không biết có kẻ nào đã dúi vào tay Bảy Tín một tấm biểu ngữ, cùng một lúc có những tiếng hô đả đảo thực dân. Bảy Tín thấy nức lòng. Bảy Tín hô theo và dương cao biểu ngữ. Thực tình, Bảy Tín không biết trên tấm biểu ngữ ấy đã viết chữ gì. Nhưng trong cơn say và bầu không khí cuồng nhiệt bởi đám đông dẫn dắt, Bảy Tín đã say sưa trong một trò chơi mà trong đời, Bảy Tín chưa hề bao giờ được dự. Sau đó, Bảy Tín bị cảnh sát bắt giữ nhưng vì là trẻ con nên Bảy Tín được thả ra ngay sau đó.

Cuộc đời Bảy Tín bắt đầu bước vào một khúc quanh. Vì sau đó, người của "tổ chức" đã gặp Bảy Tín thường xuyên. Bảy Tín được tuyên dương về hành động can đảm đã giương cao biểu ngữ chống thực dân Pháp ngay giữa thành phố. Bảy Tín được thâu nhận vô tổ chức từ đó. Năm ấy Bảy Tín mới mười hai tuổi. Bảy Tín trở thành một liên lạc viên khá thành công vì không ai nghi ngờ, theo dõi.

Trong khi làm nhiệm vụ, Bảy Tín được tổ chức giáo dục khiến Bảy Tín nhìn thấy những điều mà, trước đó Bảy Tín không hề biết. Nhờ có tổ chức giáo dục, Bảy Tín mới hiểu được rằng Bảy Tín thất học là do thực dân và phong kiến. Gia đình Bảy Tín đói nghèo là do thực dân và phong kiến. Cha của Bảy Tín rượu chè say sưa quanh năm là do thực dân và phong kiến. Mẹ của Bảy Tín cờ bạc sáng đêm là do thực dân và phong kiến. Cho nên phải chống. Chống thực dân và phong kiến.

Vào lúc ấy, Bảy Tín chỉ có thể cụ thể hóa thực dân và phong kiến là những thằng Tây bụng bự, những đứa nhà giầu ăn những bữa ăn sang trọng trong các nhà hàng. Và Bảy Tín căm thù. Quyết đi theo tổ chức để có một ngày lôi cổ chúng nó xuống, và biết đâu, mình sẽ ngồi vào chỗ chúng nó đã ngồi. Bảy Tín được giáo dục về chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác-Lênin vô địch sẽ thắng mọi thứ có trước nó và sau này không còn có chủ nghĩa nào nữa vì chủ nghĩa Mác-Lênin đã toàn thắng rồi. Nhân loại sẽ hết âu lo. Nghèo đói, thất học, bất công sẽ bị xóa sạch...

Bảy Tín tập kết ra miền bắc năm 54. Sau đó, đảng đã bố trí để Bảy Tín gặp một người con gái do đảng chỉ định và họ trở thành vợ chồng. Năm 6O, Bảy Tín được đưa trở lại miền nam và trở thành cán bộ của "mặt trận". Thời gian công tác rất lâu ở miền nam, Bảy Tín được gọi trở ra bắc để học tập, bồi dưỡng lý luận Mác-Lênin và cũng là dịp hiếm hoi để Bảy Tín được sống gần người vợ do đảng bố trí. Diệu sinh ra đời vào năm đó. Khi Diệu cất tiếng khóc chào đời thì Bảy Tín đã trở lại miền nam vào giữa lúc chiến trường hết sức ác liệt.

Nay Diệu đã ngoài hai mươi tuổi. Diệu có được một nhan sắc đằm thắm, dễ coi. Ngày miền Nam "hoàn toàn giải phóng," Bảy Tín được điều vào trong tổ chức kiểm kê những ngôi nhà vắng chủ do ủy ban quân quản thành phố quản lý. Vài năm sau, Bảy Tín được điều sang công tác ở Cục Hậu Cần với nhiệm vụ quản lý một cái kho dụng cụ phế thải. Lúc ấy Bảy Tín mang quân hàm trung tá. Đó là một công việc thừa thãi mà đảng trao cho Bảy Tín mà mãi sau này Bảy Tín mới khám phá ra rằng, Bảy Tín đã bị chi bộ đánh giá sai khi cho rằng Bảy Tín là người của "mặt trận". Bảy Tín hiểu lờ mờ rằng, vai trò của "mặt trận" đã chấm dứt vào ngày 3O tháng Tư. Và do đó mà những thành viên của nó cũng phải được chấm dứt theo. Trong khi Bảy Tín bị hỏng giò oan ức thì mẹ con Diệu được nhà nước cho vào miền nam đoàn tụ với Bảy Tín. Liền ngay sau đó, Diệu hăng hái tham gia phong trào triệt hạ văn hóa đồi trụy, tiếp theo là

những chiến dịch đánh bọn tư sản đến tận gốc rễ. Những ngày ấy rất sôi nổi và hào hứng. Cách mạng sẽ quét sạch tàn dư văn hóa tư sản trong vòng sáu tháng. Những cuốn sách trong thư viện, trong tư gia được giao nộp cho ủy ban, đem tới những tụ điểm thanh niên đốt cho cháy rụi. Những căn nhà của bọn tư sản đã bị các đội thanh thiếu niên chiếm giữ. Nó đã bị lục soát triệt để. Từ những viên gạch lót nền cầu tiêu được nậy lên, có thể người ta tìm thấy vàng bạc chôn giấu. Những đoàn người được lùa đi vùng kinh tế mới. Cách mạng sẽ xóa sạch bọn tư sản bóc lột trong vòng sáu tháng.

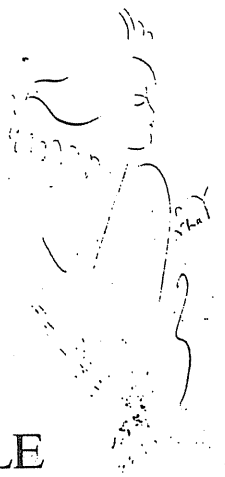

TRẦN MỘNG TÚ

MÙA HẠ VÀ TRÒ CHƠI PUZZLE

Mùa Hạ không có anh vơi đi một nửa
em ngồi đây
nghe lá thở đêm khô
những chiếc lá phà hơi ngai ngái
gợn hương quen trên da thịt mơ hồ

Trăng tháng sáu mờ như pha khói
bài thơ tình viết xuống hiên nhà
anh không đến nên âm vần gẫy vụn
tiếng thơ sầu rơi từng cánh như hoa

Con sóc nhỏ cắn đêm ra nhiều mảnh
rồi tha đi mỗi mảnh một nơi
như anh không mở tay ra cho em nhặt lại
mảnh môi hôn còn đượm thơm hơi
thì hai ta chẳng bao giờ ghép đủ
những mảnh ái ân của cuộc rong chơi

Đêm mùa Hạ ai đang nhóm lửa
em ghép vào mảnh than dấu sắc dấu huyền
thôi cứ đốt cho thơm lừng dĩ vãng
những dấu của tên
mảnh nhớ mảnh quên

Tháng 6/93

Puzzle: Trò chơi ghép hình từng mảnh.

Diệu đã sống trong bầu không khí hào hứng ấy ở tuổi thanh niên. Nhưng có một điều mà dần dà Diệu khám phá ra, là ngôi nhà của một tay tư sản ở đường 20 mà toán của Diệu đã đến chiếm đóng trong thời kỳ sôi nổi ấy lại chính là căn nhà của gia đình người con trai hiện đang ở Mỹ, sẽ trở về gặp Diệu nay mai. Diệu rắp tâm sẽ giữ kín điều này. Bởi vì Diệu còn nhớ những tiếng khóc than, những thân hình tiều tụy của từng người trong căn hộ ấy khi họ lìa bỏ ngôi nhà của mình để đi tới vùng kinh tế mới xa xôi. Có lẽ trong dịp ấy, họ đã vượt biển, Diệu nghĩ thế. Diệu sẽ giữ kín điều ấy. Bởi vì đây là một sự đầu tư quan trọng, theo như lời má Diệu vẫn phát biểu. Và cũng bởi vì ba Diệu, ông Bảy Tín đã từng có một lần đầu tư nhầm lẫn.

Tuần trước, trong xóm có một việt kiều mới trở về. Trông họ lịch sự, ăn nói nhỏ nhẹ, phong thái hòa nhã làm cho ai cũng mến. Thôi thì gia đình đốt pháo chào mừng, tiệc tùng vui vẻ. Diệu có nghe kể lại về cuộc sống ở phương xa. Cuộc sống ở một nơi mà máy móc đã thay thế mọi công việc nặng nhọc của con người. Ở nơi đó, người phụ nữ được xếp lên hàng đầu trong khi đàn ông đứng sau chót, sau cả cây cỏ và mèo. Chỉ nội điều ấy không thôi, đã đủ quyến rũ tất cả mọi người đàn bà trên thế giới. Cho nên Diệu ao ước ra đi. Ngày miền nam vừa "hoàn toàn giải phóng", cán bộ trung ương về nói chuyện và dự kiến sẽ không còn bao lâu nữa, cách mạng sẽ giải phóng nước Mỹ và nhân dân Mỹ. Bởi vì đó là xu thế của thời đại. Diệu thầm mong điều ấy đừng xẩy ra, tội nghiệp cho dân chúng Mỹ lắm.

Sự có mặt của bà việt kiều trở về trong tuần trước, nơi căn nhà đối diện với nhà Diệu, có lẽ sẽ mãi mãi gây trong tâm hồn Diệu một ấn tượng đẹp đẽ. Bà việt kiều ấy, theo chỗ Diệu biết, đã ra đi vào giữa năm mà chiến dịch đánh bọn tư sản vào giai đoạn cao nhất. Lúc ấy Diệu đang trụ ở căn nhà của một tư sản ở đường 20. Người đàn bà ấy, trước đây bán cháo huyết trong xóm, và nếu không trông nhờ vào lòng tốt bụng của một người bà con xa cho

ở nhờ dưới mái hiên trống, thì bà ta đã phải lang thang như một kẻ không nhà. Khi người chủ nhà ấy đi...kinh tế mới thì người đàn bà này cũng bị lùa đi theo luôn. Cách mạng sẽ xử dụng bạo lực triệt để đối với bọn tư sản bóc lột, nhưng với bọn buôn thúng bán bưng, cũng là một tầng lớp trung gian phi sản xuất, cách mạng sẽ cải tạo họ bằng những biện pháp hòa bình. Lênin dạy thế. Và người đàn bà ấy đã được đưa đi một nơi có đất, có bùn để trực tiếp sản xuất ra của cải cho xã hội. Rồi không hiểu bằng cách nào mà bà ta đã ra đi, chỉ sau gần một năm ở đảo, vào đất Mỹ. Ít lâu sau, lá thư và những tấm hình đầu tiên gởi về trong xóm, đã gây những chấn động như ngày xưa ông Kha Luân Bố đã tìm thấy miền đất mới ấy.

Và bây giờ thì những kẻ thù của cách mạng, những đứa con khó dạy của chế độ ra đi đang trở về. Rút cục thì những lời tiên đoán của Lênin về sự dãy chết của chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản đã chết trước.

Bảy Tín, người đã đi theo cách mạng trong buổi "bình minh của phong trào" đã bị đánh giá oan uổng là người của "mặt trận" và bị loại ra khỏi tổ chức bằng những lý do lãng nhách. Khi Bảy Tín thất sủng, được điều về quản lý một chiếc kho chứa đồ cũ của cục hậu cần thì căn nhà mà Bảy Tín tiếp thu của một gia đình bỏ đi trước đây đã quá cũ. Với tư cách là một thủ trưởng, Bảy Tín lấy trong kho một ít bù loong và ít thước lưới sắt B.4O để sửa chiếc cửa sắt, làm chuồng gà cải thiện và ngăn lại hàng dậu cho kín đáo hơn. Chuyện ấy đã đến tai cục trưởng. Và một lần thứ trưởng trong dịp công tác từ Hà Nội vào miền nam đã làm việc với Bảy Tín suốt hai giờ đồng hồ.

Bảy Tín được yêu cầu phải làm một bản tự kiểm về những hành vi sai trái ấy. Bảy Tín khôn ngoan đã nâng quan điểm của mình trong bản tự kiểm, với hy vọng sẽ được bỏ qua. Bảy Tín thành khẩn nhận rằng, việc lấy những món đồ ấy là một hành vi tham ô, biến công vi tư. Rằng, những thước lưới sắt B.4O và những chiếc bù loong trong kho là

CAO XUÂN TỨ

BÀO THAI

khối tình
nửa nạc nửa xương
nỡ ai bức tử
ngậm hờn khôn nguôi
cành sương
tróc lá đâm gai
ngỡ kềm kẹo động
bào thai
khóc òa

TRĂNG

đốm đêm lấm tấm trên lưng áo
giụi mắt tình lau mảnh trăng lu
ngọn sáp chong rỉa mòn cân não
bấc lụi dần theo nốt nhạc dư
nghiêng bầu khuấy trăng khua chén mẻ
trăng mùa lên sữa đục hai vai
dòng lược quen rẽ đường ngôi cũ
tóc phơi trắng gốc lạc dấu cài
nhện mắc dây chằng trơ chiếu cụt
xương rồng mưa ngái xối sân hoa
rửa lòng gột tấm thân bèo bọt
vỡ tiếng chày kình mấy sát na
trần trụi nằm đây đớp trăng non
mát da ngọt lưỡi lạnh cô hồn
ngửa đầu máu ngược lên tiềm thức
từng giọt rời lục đục qua tim.

do đế quốc Mỹ để lại. Rằng, việc xử dụng những vật liệu ấy, đã bộc lộ một tâm lý phục Mỹ, thích Mỹ, hoàn toàn trái với phẩm chất một người cách mạng. Bản tự kiểm của Bảy Tín thành khẩn và được nâng quan điểm cao đến nỗi xuýt nữa Bảy Tín nhận là mình đã phản bội cách mạng. Phản bội cách mạng là phản bội tổ quốc. Khi nộp bản tự kiểm, Bảy Tín đinh ninh đồng chí thứ trưởng sẽ thông cảm mà bỏ qua. Nhưng bất ngờ, đồng chí cục trưởng gọi Bảy Tín lên. Sau khi ca ngợi về những công lao mà Bảy Tín đã đi theo cách mạng từ buổi "bình minh của phong trào," tổ chức đã quyết nghị khoan hồng cho Bảy Tín được lựa chọn một con đường danh dự là tự ý làm đơn xin nghỉ hưu non.

Không bao lâu sau đó, Bảy Tín hiểu rằng mấy cái bù loong cũ và những thước lưới sắt B.4O kia chỉ là một cái cớ để tổ chức gạt mình ra ngoài vì...là người của "mặt trận". Bảy Tín rất cay cú, vì đồng chí cục trưởng đang có những mối quan hệ rất bê bối với người nữ thư ký riêng mà có sao đâu. Đồng chí cục trưởng cũng đã đưa người vào làm việc trong ngành công an hải quan để nhận một số tiền thù lao là hai cây vàng, trị giá bằng cả triệu cái bù loong của Bảy Tín, cũng có sao đâu. Cục trưởng công khai giải thích đó là món quà tặng trong mức tình cảm thôi. Cục trưởng cũng đã lấy tôn, lấy xi măng và đủ thứ trong kho về xây nhà riêng cho mình và cho thư ký, có sao đâu. Cục trưởng công khai giải thích rằng, việc đãi ngộ một người cách mạng như thế vẫn chưa xứng đáng.

Từ khi bị nghỉ hưu non, ông Bảy Tín bị thiệt thòi nhiều. Ông không còn phù hiệu quân hàm trung tá trên cổ áo nữa. Lời phát biểu của ông trong khu xóm, trong tổ dân phố không còn trọng lượng. Từ đó, ông Bảy Tín luôn luôn đội chiếc nón cối trên đầu như một dấu tích của một thời đã phục vụ cách mạng ngay từ buổi "bình minh của phong trào". Bảy Tín không còn cách nào khác hơn là lại đầu tư vào vài ba con heo nuôi sau nhà bếp để cải thiện nền kinh tế gia đình. Bà Bảy Tín trở thành nhà cái của vài dây hụi lớn nhỏ trong xóm. Cuộc sống của họ hết sức khó khăn, cho đến khi Diệu kiếm được một chân thợ may trong xưởng Légamex thì gia đình mới dễ thở hơn chút ít. Mỗi buổi chiều, ông Bảy Tín vẫn ngồi trên chiếc xe đạp, với áo sơ mi bỏ ngoài quần, chân dép râu, đầu nón cối đi thu những cọng rau thối ngoài chợ cầu Ông Lãnh để nuôi vài con heo. Công việc ấy, gợi cho Bảy Tín về những ngày thơ ấu và cuộc đời ông, người cùng thời với trò Trần Văn Ơn. Một người bỗng nhiên trở thành hạt nổ của phong trào, và một người bỗng nhiên là thuốc bồi đẩy phong trào cách mạng đi lên. Nhưng một người đã vĩnh viễn nằm xuống, và một người đã đi hết một vòng tròn khép kín, trở về nơi khởi điểm trong thời kỳ mở cửa. Khi người ta mở cửa thì những tổ hợp sản xuất, những hợp tác xã bậc nhỏ, bậc vừa, bậc cao...thoắt tan rã. Bảy Tín cho rằng cách mạng đã dẫn dắt Bảy Tín và những người cùng thời đi trên một vòng tròn quanh quẩn, hóa cho nên lịch sử chẳng có quy luật gì ráo trọi. Nó đang lập lại những cái cũ vụng về hơn dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Quang Vinh.

Thời thơ ấu, Bảy Tín đã từng lê lết quanh khu chợ cầu Ông Lãnh để bòn mót những trái dưa ủng, những con cá ươn. Nay, dưa ủng, cá ươn không còn. Bảy Tín chỉ còn những cọng rau đã rữa. Những người đồng thời của Bảy Tín nhìn ông với đôi mắt khinh khi, thù hận.

Căn nhà của ông Bảy Tín đã sửa xong. Vài bộ quần áo "mô đen việt kiều" và chiếc xe Cub đời 81 của Diệu đang chờ đón người thanh niên ở phương xa trở về. Những thứ đó đã làm cho gia đình ông thêm nợ nần chồng chất. Bà Bảy Tín đã đầu tư vào việc ấy một cách kiên trì và đảm đang. Bà Bảy Tín chờ mong gia đình người thanh niên ấy đến chơi, như một lời giao kết chính thức. Ông Bảy Tín chờ mong một cuộc đời sáng sủa hơn. Đàn anh của ông, những người kháng chiến nam bộ cũ, đang lên tiếng mong mỏi cho một kiểu cách tự do để tư bản nước ngoài đổ vào. Và Diệu đợi chờ trên đôi cánh vỗ của bầy chim trở lại trong mùa xuân. Diệu sẽ ra đi đến một miền nắng ấm.

Nhưng cho đến cuối năm, người thanh niên ấy vẫn không thấy trở về. Nghe nói anh ta đã có gia đình. Một người con gái nào đó mới qua Mỹ. Họ gặp nhau và mau chóng đi đến hôn nhân. Giấc mơ của Diệu bị xé nát. Bà Bảy Tín, một người đàn bà đảm đang trong thời chiến cũng như trong hòa bình, đã thêm một lần đầu tư nhầm lẫn. Dây hụi lớn nhất mà bà cầm cái vừa bị con hụi tháo giựt bỏ chạy. Những con heo cải thiện trong nhà ông Bảy Tín ngã bệnh. Ông cũng ngã bệnh theo luôn. Bác sĩ cho Bảy Tín một toa thuốc khi đi mua phải tốn hết sáu chục ngàn đồng. Ông Bảy Tín đứng trước một chọn lựa gay gắt : Số tiền ấy hoặc là dùng để chữa bệnh cho ông, hoặc là để mua thuốc cứu đàn heo trong nhà. Cuối cùng, ông đã tìm ra một giải pháp là phải cứu đàn heo trước đã. Đó một là yêu cầu bức thiết, ông Bảy Tín nói vậy.

Từ đây, bà Bảy Tín sống trong một niềm đợi chờ mới. Niềm đợi chờ đàn heo khỏe lại. Rồi bà lại gầy dựng để có thể trả những món nợ cũ. Ông Bảy Tín, cùng với những bậc đàn anh, những người kháng chiến nam bộ xưa đợi chờ một ngày mà tư bản ngoại quốc chịu đổ vào. Đợi chờ một ngày mà những kẻ thù xưa trở lại, làm chủ trên những chiến trường cũ. Ông Bảy Tín kỳ vọng vào chuyến đi mới đây của đồng chí bộ trưởng ngoại giao...

Và Diệu vẫn đợi chờ.■

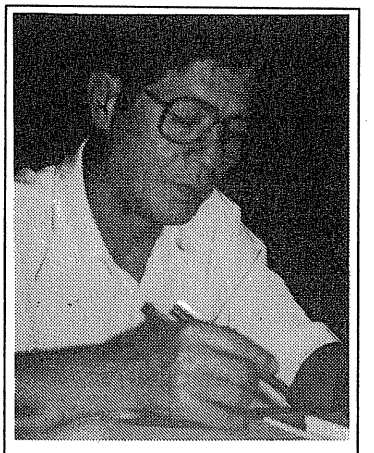

Đinh Phụng Tiến

CON KHỈ CỦA ANH TƯ

KIM BỒNG

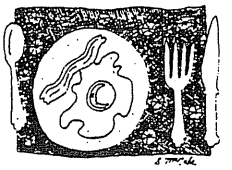

Hộ không nhớ mình bắt ghét con khỉ con từ hồi nào, từ sau lần anh được thăm nuôi trước Tết năm ấy hay từ sau lần thăm nuôi của đội trưởng Tư sau Tết.

Bữa Tư thăm nuôi, anh ta giao cho Tất nhiệm vụ mang con khỉ ra "lô" (1). Hộ nhăn mặt:

"Để mẹ nó ở nhà không được à?"

"Thôi mà. Cột nó ở nhà tội nghiệp."

Buổi chiều, Hộ dắt đội đi làm. Khi Hộ đếm số, anh thấy Tất ngồi gần cuối và con khỉ thì ôm cứng cánh tay trái Tất, y như nó vẫn ôm cánh tay đội trưởng Tư lúc xuất trại đi làm hay đi chuyển từ "lô" về trại.

Tất nhe răng cười:

"Nó biết "mét", anh à!"

"?"

"Mấy đứa này chọc nó, nó ngửa mặt nhìn tôi, miệng lép nhép y hệt mét vậy."

Hộ ngồi xuống cạnh Tất:

"Mấy cậu làm nữa xem."

Lưu, ngồi hàng sau Tất, giơ nắm đấm, trợn mắt hấm hứ:

"Ông uýnh chết cha mày."

Con khỉ ngước mắt nhìn Tất, lép nhép miệng thật.

Cả bọn ngồi quanh đó cười. Tất xoa đầu nó:

"Người ta giỡn chơi mà mày."

Nhưng sau khi Hộ sắp hàng cùng các đội trưởng báo số cho trực trại xong, trở về ngồi bên trái đội thì con khỉ bỏ Tất chạy lên bám lấy Hộ.

Những người ngồi ở mấy hàng đầu cười:

"Không có đội trưởng, nó theo đội phó."

"Nó chơi sang, toàn chơi với tự quản (2) không hà."

Hộ phân bua:

"Thường ngày tôi có chơi với nó đâu. Thấy nó tôi còn dọa đập là khác. Nó biết "mét" đấy. Ông nào dọa nó đi coi."

Lân bợp tai nó một cái nhẹ. Thế là dưới trưa nắng tiết mục lép nhép miệng của con khỉ được biểu diễn nhiều lần trong khi đội chờ đến lượt ra khỏi trại.

Hết buổi lao động, lúc đội tắm, mấy anh em lại mua thêm được một phút vui "nghèo" nữa. Dưới suối nước trong, Tất dạy con khỉ lặn. Anh vừa la "lặn!" vừa kéo dây xích làm con khỉ chìm lỉm. Chỉ sau vài lần, nó biết lặn theo khẩu lệnh, Tất khỏi phải kéo dây xích. Nó lội như rái, khi lặn mắt mở thao láo hai cái tròng nâu vàng tròn xoe.

Nhưng chuyện khỉ trong ngày đến lúc đó vẫn chưa dứt. Khi Hộ tập hợp đội, báo số xong, quản giáo khoát tay ra hiệu cho đi và đội vừa dợm bước thì nghe *téc téc* inh ỏi. Cả đội dừng lại trong khi Hộ ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì. Lúc nghe Tất nhắc giữa tiếng cười của cả đội, anh mới nhớ:

"Con khỉ, anh Hộ! Mình quên con khỉ rồi."

Khi Hộ cởi dây xích cho nó, con khỉ phóng từ cột giàn mướp ôm lấy cánh tay anh, anh nghe tiếng tim nó đập liên hồi, đội lùng bùng vào da anh, người nó run bần bật trên cánh tay anh.

Cũng có thể Hộ bắt ghét nó từ lần anh thăm nuôi lận. Lần ấy vợ anh mang theo con gái út đi thăm anh. Và con anh đã gặp con khỉ. Bữa ấy toán tù thồ đồ thăm nuôi "quản lý" con khỉ.

Bố con gặp nhau, giây phút ngỡ ngàng có lâu hơn những lần trước. Vợ anh đẩy con sang với anh:

"Đấy, bố đấy. Ở nhà suốt ngày hỏi bố. Bây giờ làm mặt lạ."

Hộ ôm con vào lòng:

"Con không nhớ bố à? Hồi bố còn ở Hốc Môn con đi thăm bố hoài mà?"

Con bé lặng thinh.

"Con đi từ quốc lộ vào đấy à? Giỏi nhỉ!"

Vợ anh bĩu môi:

"Đi được một quãng chị ấy khóc. Em phải cõng. Một hồi mệt quá, mấy ông đẩy xe thồ cho nó đi nhờ xe. Mấy ổng biết anh hết mà."

Con anh bỗng mở miệng:

"Có con khỉ."

Hộ cúi xuống hỏi con:

"Thế à? Con có dám bồng nó không?"

Con bé lắc đầu.

"Nó ngồi xe với con à?"

"Dạ."

Tối hôm ấy nằm ôn lại mười lăm phút "phù du" gặp mặt vợ

con hồi chiều, tới khúc này anh hình dung ra cảnh con gái út anh, năm tuổi, và con khỉ con, một tuổi, ngồi ngất ngưỡng trên đống giỏ lát bao bì, lắc lư nghiêng ngả theo nhịp quay bánh xe cải tiến thồ đồ thăm nuôi; bạn anh, người vươn cổ kéo xe, người cong lưng đẩy xe; lẽo đẽo theo sau là vợ anh cùng vài ba bà mẹ tù, vợ tù khác...

Thực ra con khỉ không phải của tù. Nó là của cán bộ quản giáo đội rau xanh 14. Tù chỉ "quản lý" nó thôi.

Con khỉ có một xuất xứ bi thảm, cũng bi thảm như cái kết cục cuộc đời ngắn ngủi của nó. Tính ra nó thọ chưa đầy hai tuổi rưỡi.

Một anh lâm sản bẫy phải mẹ nó. Đây là nói theo "văn phong" già Vi, trước làm thầy giáo. Vi bắt bẻ khi nghe Liễu tường thuật lai lịch con khỉ:

"Tụi lâm sản bẫy được mẹ con nó."

Vi lớn tiếng, theo cái lối giảng bài của anh, át giọng:

"Không nói thế được. Phải nói bẫy *phải* mẹ con nó. Các anh đâu có giăng bẫy bắt khỉ, phải không? Các anh muốn bẫy *được* cheo, chồn, gà, rắn để ăn thịt, không ngờ bắt *phải* con khỉ, đúng không?

Liệu lường ông cựu giáo sư quốc văn:

"Con gì mà không ăn được. Nguồn prôtêin của người ta đấy, ông ạ."

Vi trố mắt:

"Ăn thịt?"

"Chứ sao? Tụi nó mang rửa ở suối hồi chiều, lúc đội mình tắm, ông không thấy à? Làm lông xong trông trắng bóc, y hệt đứa con nít."

Vi nghẹn họng, không già hàm lên lớp đến lúc người đối thoại phải chịu thua như thường ngày. Anh lắc đầu bỏ vô nhà.

Tư kết luận:

"Vậy là nó mồ côi mẹ. Con mẹ còn sống lúc bị bắt không?"

"Lúc tụi nó thăm bẫy thì đã chết queo rồi. Treo toòng teng ngay cần cổ, bẫy cò ke mà."

"Rồi mày xin tụi nó con này?"

"Tui hổng ham, ông ơi. Của cán bộ Long đó. Ổng xin, giao tôi nuôi."

Hào đầu bạc rắn mắt:

"Rồi mày làm sao nuôi nó? Thằng nhỏ này có ngậm sữa không?"

Cả bọn cười rú. Tư nghiêm trang:

"Mấy năm nay, làm sao ngậm sữa được. Ủa, mà hồi 75 bao nhiêu tuổi, biết mùi đời chưa?"

Cả bọn lại cười rống, khoái chí tử.

Tư nắm con khỉ con lên. Nó như con mèo ướt. Tư nói:

"Để đó tao lo. Mày qua bên nhà 3 xin anh Đoàn chút sữa. Ảnh đang nuôi con sóc bằng sữa đó."

Rồi quay sang Lân:

"Mày vô xin bác Vi cái ve thuốc nhỏ mắt bằng mủ. Bác có nhiều lắm."

Tối hôm đó, ngay sau khi cửa đóng, Tư khởi sự chăm sóc con khỉ con với bình sữa tí hon làm bằng ve thuốc nhỏ mắt chloramphénicol.

Sau đó vài bữa, Liễu dùng bao ni lông cho con khỉ ăn nước cháo. Hào hỏi:

"Cai sữa rồi hả?"

"Sữa đâu mà nuôi hoài."

Con khỉ lớn như thổi và có vẻ sớn sơ dấu rằng cuộc sống của nó không hoàn toàn hạnh phúc. Bây giờ nhớ lại, Hộ thấy chỉ có Tư là thực sự thương nó, còn hầu hết mọi người đều thờ ơ, ngay cả Liễu là người có trách nhiệm chăm sóc nó.

Hào như nói lên tâm trạng của hầu hết anh em:

"Tôi không thể thương được nó, các ông ạ. Tôi thấy nó như con chim bù cắt của vua Louis thập tam thập tứ gì đó trong truyện *Ba người lính ngự lâm* mà bác Vi vẫn kể, còn thằng Liễu như thằng nuôi chim cho vua. Tụi mình cùng trang lứa với thằng Liễu thì cũng như kẻ ăn người ở trong nhà.

Vi cười như mếu:

"Nô lệ chứ. Được là kẻ ăn người ở trong nhà còn khá."

Trong đám tù nhiều người ưa chọc phá con khỉ, có khi còn dọa dẫm, làm nó hoảng sợ, la choe chóe, nhất là chủ nhân những bao đồ ăn bị con "hầu tinh" bươi móc phá phách mỗi khi xổng chuồng hay bứt đứt dây xích. Nhưng họ không cố tình làm nó sợ. Thực sự ưa hành hạ nó là mấy tay súng dài theo canh giữ đội, gọi là cán bộ bảo vệ. Nhiều lần Hộ thấy nó bị nạt nộ sợ đến té đái vãi phân.

Một buổi chiều Hộ nghe tiếng nó tru tréo từ phía dàn bầu gần nhà kho sau lưng anh. Không quay lại, Hộ đi thẳng tới chỗ Tổ 1 máng quần áo. Vi đang ngồi nghỉ sau khi vất vả gánh hai thùng nước từ dưới suối lên, vẫn còn thở hào hển:

"Nó lại phá con khỉ rồi. Mấy thằng ác ôn thiệt."

Tổ trưởng Lưu, giọng bực bội:

"Khỉ, nó chỉ chọc thôi. Người, nó còn đục cho hộc máu nữa kia. Ông ra mà can nó đi."

"Ủa, sao mày gây với tao?"

Lưu không trả lời, chụp lấy cái điếu cày, nạp thuốc, dí đóm vào cục than, nghiêng đầu thổi lửa. Hộ bỏ sang Tổ 2. Tiếng rít thuốc lào lọc xọc theo sau anh vừa ngưng, anh nghe Lưu lầu bầu:

"Thuốc ba số 8 gì mà đắng nghét."

Hộ thấy miệng mình cũng đắng nghét.

Tuy vậy, phải nói cuộc đời con khỉ tương đối bình an, nghĩa là không sóng gió, ít ra là so với cuộc sống của tù: tù lúc nào cũng nơm nớp lo "kiểm nghiệm" với "biên chế" (3).

Ngoại trừ biến cố này: người ta cắt đuôi nó khi nó vừa đầy tuổi tôi.

Liễu vấn kế:

"Ổng biểu cắt đuôi nó. Làm sao cắt?"

Lưu:

"Dễ ợt. Đè ra thớt. Kê dao bén nay lỗ đít. Lấy chày vồ bụp một phát, xong."

Hào đầu bạc:

"Cậu đi xin một ống thuốc tê. Khắp trại thế nào cũng có thằng thủ thuốc tê để nhổ răng. Còn việc cắt thì chắc cũng dễ thôi. Cậu biết chứ gì? Khi cưa tay cưa chân, người ta cắt da phía dưới chỗ định cưa một chút, để cưa xương xong, lấy chỗ da thừa đó bọc vết thương.

Lân chêm:

"Kiếm ít trụ sinh, ngừa vết thương làm độc."

Mậu chửi thề:

"Đ.m. Nghe mấy cha nói tức cành hông."

Lân cười hô hố. Hào ngúc ngắc đầu:

"Vừa vừa thôi. Thằng Lợi nó

tới kìa."

Lợi là ăng ten, đã từng bị bắt quả tang bỏ báo cáo vào "hộp thư" ngoài lô.

Hào thản nhiên tiếp:

"Tiếc quá, bọn tu bíp về hết rồi. Nếu không, "ca" này là tiểu giải phẫu, nhằm nhò gì."

Tức quá, Liệu ôm khỉ đi một nước.

Sau này, Hộ biết con khỉ bị cắt đuôi bằng dao và thớt, không có thuốc tê nhưng có trụ sinh. Cả việc "giải phẫu" lẫn giai đoạn "dưỡng thương" anh đều không chứng kiến. Con khỉ trải qua khổ nạn này trong nhà 7 là nhà của hai đội lâm sản vì Liễu được biên chế qua lâm sản hai ngày sau câu chuyện kể trên.

Con khỉ phục hồi nhanh và ít lâu sau Tư thường mang nó về nhà 2 là nhà hai đội rau xanh. Bắt đầu từ đó cảnh tượng Tư mang con khỉ trên cánh tay trái dắt đội xuất trại ngày hai lần trở thành quen thuộc với cả trại.

Hào triết lý với Vi:

"Con khỉ của anh Tư cũng như cái cầu sông Kwai của tay thiếu tá Ăng Lê trong truyện *Cầu Sông Kwai*, phải vậy không, ông thầy?"

Vi trầm ngâm:

"Nói cho cùng, mỗi thằng tù tụi mình, mỗi người dân miền Nam, ai cũng có "con khỉ của anh Tư," ai cũng có "cái cầu Sông Kwai" như cậu nói. Tôi nghĩ cam tâm khuất nhục mà sống, đem thân phục vụ chế độ phi nhân này, để cho chúng nó xài mình, thì có khác gì tay thiếu tá Ăng Lê bắc cầu cho tụi Nhựt. Chính mình, chính vợ con mình là cái "cầu Sông Kwai" đấy. Đau lòng, hả?"

Phái trẻ nhao nhao phản đối, cho là Vi bi thảm hóa vấn đề. Mậu nói, dùng tiếng Bắc khi văng tục:

"Tui đ. phục vụ tụi nó. Gia đình tui không ai phục vụ chế độ này. Tui chưa chịu thua tụi nó mà. Rồi có ngày..."

Anh im bặt, ngó chừng chung quanh, úy kị.

Tết năm sau, cán bộ Long bắt con khỉ để chơi mấy ngày Tết. Con khỉ được đưa ra khu nhà các quản giáo cách trại khoảng 800 thước, cùng với chuồng và dây xích, đủ bộ.

ĐỖ THÌ KÊNH G

EM VỀ NHÀ CHỒNG HÔM QUA

Em ngồi vo gạo cầu ao
Hoa tràm ong bới rơi vào rá mơ
Hoa còn bẽn lẽn ngây thơ
Đêm xuân hé nhụy vui chờ trăng lên
Trăng hoa lồng lộng trao duyên
Hồng hoang chốn ấy thần tiên ngọt ngào.
Em ngồi vo gạo cầu ao
Trộn mây chung với gạo nao nao tình
Mây mới lớn, gạo đồng trinh
Mây bay xốp nhẹ cho mình thơm môi
Một đêm là suốt cuộc đời
Lòng mây lòng gạo trắng trời xanh cao.
Em ngồi vo gạo cầu ao
Nhìn hoa súng nở đỏ au má ngà
Xõa trên sóng mát thịt da
Ừ cho nhau hết cánh hoa một đời
Đài tiên mũm mĩm dâng người
Phút giây hoa nở đất trời nơi nao.
Em ngồi vo gạo cầu ao
Hỏi chi quả mận hồng đào của ai
Kỳ ghê con gái con trai
Mưa Xuân trũng thấp mãn khai hoa đồng
Nước lên cuồn cuộn trên sông
Phù sa uốn éo một dòng thiên thu.

Mồng hai Tết nổ ra vụ tuyệt thực phản đối ban giám thị ngược đãi tù. Trong các bản kiểm điểm làm sau khi nội vụ dàn xếp ổn thỏa, hầu hết tù khai, đại khái "chỉ hùa theo những người khởi xướng mà hô khẩu hiệu "không được đánh đập tù nhân," vì "trước đây thấy anh em có người bị đánh mà chẳng dám kêu đau, nay có người kêu giùm, không lẽ không phụ họa." Cuộc tuyệt thực ngắn thôi, ngày mồng bốn đã dứt, nhưng sinh hoạt của trại thì đến nửa tháng sau mới bình thường trở lại. Suốt thời gian chộn rộn đó không ai lòng dạ nào nhớ đến con khỉ cả.

Ngày 9 Tết, một số người "tốt" thuộc hai đội rau xanh "được" đi làm để tưới nước, cứu rau. Ngày 10, đội 16 thấy con khỉ chết khô trên hàng rào tre xanh, hàng rào ngoài cùng trại. Nó không chết treo như mẹ nó, sợi dây xích cột cổ không làm nó ngộp thở, nhưng đủ dài làm nó vướng và mắc kẹt trên hàng rào. Tư xin phép quản giáo, bảo vệ và công an gác chòi canh gần nhất, leo lên gỡ xác nó, mang xuống, bỏ vào túi đựng quần áo của Tất.

Anh chôn nó ở gốc cây cam trước nhà lô:

"Mai mốt đứa nào ăn cam nhớ con khỉ của thằng Liễu."

Đến tối Hào nghe kể lại câu Tư nói — Hào chưa được đi làm vì là thành phần "chưa tốt". Anh bảo Tư:

"Hy vọng không đứa nào trong đội mình ở lâu để được ăn cam nhà lô. Nhưng tôi chắc không ai quên được con khỉ của anh đâu."■

MÀU NẮNG XANH XAO

LÊ THỤY VI

Lúc cho xe ra khỏi bãi đậu, một vạt nắng chói chang tình cờ ập vào mặt khiến ông Lang lóa mắt, xuýt đạp thắng khựng lại trong lúc bao nhiêu xe khác của bạn cùng sở còn đang hối hả đeo đuôi. Tháng Sáu, trời bắt đầu vào hạ, ngày dài những tia nắng ấm tuyệt vời, đôi khi trời lại còn oi ả như hôm nay chẳng hạn. Cũng chẳng lạ gì, buổi sáng ngồi ở bàn uống vội ly sữa và tình cờ nghe được bản tin thời tiết trong ngày của chương trình *Today at 40* trên đài NBC cho biết trời hanh nắng. Kể ra thì đôi lúc một chương trình buổi sáng kiểu đó cũng hay. Ông cám ơn cái câu chuyện tếu của anh chàng đen Bryant Gumbel và tiếng cười dòn dã của cô nàng Katherine Couric trên màn ảnh truyền hình Nữu Ước sáng nay. Giá đừng có hình ảnh mấy đứa trẻ gầy guộc vì đói ở Somalia trong bản tin của cô bé Margie, khiến miếng gà chiên nghẹn ở cổ, thì buổi sáng đầu một ngày làm việc như thế thật vui vẻ trọn vẹn. Biết sao được, thực tế đời sống lắm khi đắng cay như muối ớt mà.

Tiếng còi xe giục giã dàng sau. Gì mà hối hả vậy chú em, sao thì cũng còn cả một buổi chiều trước mặt. Hôm nay thứ Sáu, tan sở sớm. Mới hai giờ chiều, trời còn nắng chang chang mà. Vả lại nếu có phải mua sắm cuối tuần thì giờ này vẫn còn kịp chán. Các cửa hàng dạo gần đây cũng cố tình mở trễ hơn thường khi để mong cào vào đồng nào hay đồng ấy trong thời buổi kinh tế khó khăn này, chứ có đâu mà chê khách đến muộn dăm ba phút. Ông Lang bẻ vòng tay lái cho xe nhập vào xa lộ tốc hành. Chợt nhớ đến con Ricky ở nhà, ông lại hấp tấp đổi sang lộ tuyến bên phải để chốc nữa còn rẽ ra ngõ thoát dẫn vào siêu thị Kmart. Lại một tiếng còi xe ngắn ngủn của người nào đó nóng tính phía sau. Ông đoán vậy, vì thời buổi này xem ra các nhà sản xuất xe hơi làm cái còi xe là thừa thãi. Chẳng mấy ai còn động vào còi xe làm gì nữa, họa chăng là có bọn trẻ dùng đến nó để chào nhau hay ve gái. Ngày nay chẳng ai còn thích dùng cái của quí ấy để quấy rầy người khác. Đời sống cá nhân của con người ngày càng được nâng cao và tôn trọng hết mức. Người ta lịch sự với nhau hơn, và hình như vì thế cũng đâm ra xa lạ với nhau hơn.

Ban sáng, trước khi đi làm, ông Lang đã định nhờ bà Lang buổi trưa tan sở nếu có đi chợ mua sắm thì tiện thể nhớ mua hộ cho ông vài hộp thức ăn cho con Ricky. Tuy nhiên ông đã không đành lòng quấy rầy vợ lúc ấy đang hối hả với cái bàn phím máy vi tính và màn hình chi chít chữ. Gần vào mùa khai thuế cho nên công việc của một kế toán viên như bà không cho phép bà được ngơi tay, dù là buổi sáng trước khi đi làm. Mà đâu phải vậy, hình như lúc nào hai người cũng bận tất bật, không việc này thì việc nọ, chẳng mấy khi còn dịp nói chuyện với nhau. Cuộc sống, việc làm căng thẳng mỗi ngày đẩy hai người vào hai góc im lặng. Nghĩ mà buồn. Có lắm lúc ông thật thèm nói chuyện với vợ về một điều gì đó chợt nảy ra trong đầu, nhưng rồi lại lặng thinh khi nghĩ đến cái cau mày khó chịu của bà hôm nào vì bà bận phải mê theo dõi đối thoại trên vô tuyến truyền hình. Lần ấy hình như bà Lang đang xem phim tập *Beverly Hill 90210 Mùa Hè 92*. Ông bước vào phòng khách định là để nói cho bà nghe về chiếc váy kiểu *xường xám* của một cô đồng nghiệp trong sở mặc hôm ấy. Chiếc áo xẻ bên hông cao quá, lên đến ngang chỗ hõm của mông, làm mỗi lần cô ta ngồi xuống để lộ cả một phần chiếc quần lót màu hồng, nom thật ngố ngáo, hốn hào. Ông thấy mà ngượng đỏ cả mặt.

"Này, bà,..."

Ông chưa kịp mở miệng nói hết câu, bà Lang đã xua tay về phía sau, nhíu mày, mà mắt thì vẫn dán trên màn ảnh, lúc ấy có con bé Brenda đang chất vấn cô bạn gái Kelly về những gì xảy ra ở Los Angeles giữa Kelly và anh bồ xấu trai Dylan của Brenda trong

khi Brenda bận nghỉ hè ở Paris. Ông Lang ngỡ ngàng, khựng lại một chút như người mới bước từ ngoài chỗ sáng vào khung cảnh tối đen của một rạp hát. Một thoáng sau, bà Lang dịu giọng như nhận ra sự vô ý của mình, bà ân cần vuốt ve tay chồng và kéo ghịt ông xuống ghế cạnh bên:

"Ngồi yên xem đi anh, đoạn này căng thẳng quá..."

Nói thế thôi, rồi bà lại chăm chú vào cái màn ảnh như quên hẳn rằng có ông đang ngồi cạnh bên. Ông Lang chẳng nói được gì muốn nói với bà. Từ đó, ông hiểu ra rằng sự cô đơn của con người khởi đi từ những khuôn mặt điện tử vuông vức quái ác, mang những cái tên Nhật hay Đức xa lạ kia.

Thật ra không phải ông ghét bỏ gì cái phương tiện truyền thông hiện đại ấy, dù thật ra nó có đáng ghét thật. Tưởng tượng xem, nếu có một gã đàn ông hay ả đàn bà nào đấy vốn có thành tích giết người, cướp của mà mình nhác thấy ngoài đường, chắc không có ai lại can đảm cho nó bước vào nhà mình. Hoặc giả, có ai lại bằng lòng để cho một ả điếm ngang nhiên vào ngồi nói chuyện với chồng con mình hay diễn trò trăng hoa ngay trong phòng khách nhà mình bao giờ đâu. Ấy thế mà tối nào, người ta cũng bấm một cái nút để mời những kẻ như thế vào nhà mình qua môi giới của một gã mặt vuông. Thật ra cũng có một vài chương trình truyền hình có ích đấy, nhưng ngày nay các chương trình ấy ngày càng hiếm dần. Ông Lang không thể phủ nhận tầm quan trọng của máy truyền hình trên một số lãnh vực, tuy nhiên ông bắt đầu cảm thấy người ta ngày càng ít nói chuyện với nhau hơn trước khi phương tiện truyền hình xuất hiện. Lắm khi ông cũng muốn góp vào một câu, nhân thấy cảnh nào đấy diễn ra trong chương trình đang chiếu, nhưng lại sợ gián đoạn sự theo dõi của người khác nên lại thôi, dù đấy là chương trình tin tức đi nữa. Mãi rồi đâm quen, ông Lang cũng không còn thấy khó chịu gì về chuyện đó. Nhưng quả tình là chiếc máy truyền hình không thể thay thế nổi những lời tâm sự, chia sẻ giữa những người trong gia đình. Bởi thế đôi khi thấy buồn thì ông ra đầu hè vuốt ve con chó Ricky và nói chuyện với nó. Con Ricky dường như cũng dễ cảm thông nên cứ rên lên ư ư ra điều hiểu chuyện lắm vậy. Đã thế, cu cậu còn đôi khi giở mòi hờn dỗi, không chịu ăn cơm mỗi khi ông về nhà mà quên thăm hỏi cu cậu nữa. Cái nét nhạy cảm ấy của nó làm ông thấy buồn cười và nhận ra rằng cả Sophie, đứa con gái út của ông, lẫn vợ ông từ lâu đã không còn màng đến chuyện hỏi han của ông dành cho họ mỗi khi ông đi làm về nữa. Sophie đi học về là ôm lấy bài vở làm ở nhà, bài trần thuyết, hay bám rịt cái mặt vuông của chiếc máy trò chơi điện tử, chẳng mong đợi được ông hỏi han sự học hay sinh hoạt ở trường của nó ra thế nào bao giờ. Nếu có khi nào nhận được một món quà do ông tặng, Sophie hình như chỉ lấy làm ngạc nhiên, sung sướng về giá trị món quà nhiều hơn là sung sướng về tình cảm mà ông Lang dành cho nó.

Khung cảnh của một siêu thị ngày cuối tuần có khác, người ngợm đâu mà đông thế. Ai cũng cố chạy từ kệ hàng này sang kệ hàng khác, mải mê nhặt nhạnh các thứ vào xe đẩy. Thảng hoặc có vô ý chạm phải nhau thì buột miệng ngay một lời xin lỗi vô hồn, không kịp để ý xem cái người mình chạm phải mặt méo tròn thế nào, chạm nhằm phải chỗ nào trên người họ nữa. Mà người bị chạm dường như cũng chẳng quan tâm về điều ấy, ai cũng hối hả trong ngày cuối tuần như nhau. Ông Lang chen giữa hàng rào người ấy, và phải vất vả lắm mới tìm ra quầy bán thức ăn cho gia súc nuôi trong nhà, sau khi đã chặn hai ba người phục vụ trong cửa hàng lại để hỏi. Ông Lang đi giữa hai dãy kệ sắp những hộp thức ăn cho chó mèo mà choáng ngợp trước số lượng nhãn hiệu các loại. Chẳng còn biết tìm làm sao cho ra cái loại mà con Ricky đã ăn quen nữa. Nhiều quá, người ta phục vụ chó mèo cẩn thận quá. Ở đây thức ăn dư thừa đến độ chó mèo cũng được chiều đãi bằng nhiều món khác nhau trông đến hoa cả mắt. Đi tìm thức ăn cho Ricky mà ông lại chạnh nhớ đến lần bố mình gần chết, ông cụ gở ăn, cứ đòi cho bằng được con cá bống trứng kho tiêu thật khô. Ông nhớ mình cũng đã khổ nhọc đi tìm như vậy ở thành phố quê nhà, mà cuối cùng không thể kiếm ra cho ông cụ, nghĩ lại ông buồn buồn thế nào. Hôm nay, ở một nơi thật xa quê hương, ông lại đi tìm thức ăn nhưng là cho con vật thân yêu, mà không phải vì thiếu thốn như ở quê nhà nên khó tìm ra; ở đây thì vì thừa thãi quá, nhiều quá nên tìm không xuể. Nghĩ lan man một lúc rồi ông lại nhớ đến những bộ xương gầy yếu sắp chết của Somalia trong bản tin tức truyền hình buổi sáng. Những bộ xương đen đúa, những ruồi; "những ruồi" như tên một quyển sách của tác giả Pháp nào đó. Ông nhớ đến cái tranh biếm họa trên một tạp chí văn chương thường đọc thời còn ở quê nhà; tranh vẽ tác giả kia tay quăng một quyển sách; bên dưới trích lời của tác giả ấy tuyên bố về một quyển sách nổi tiếng khác của ông ta: 'Trước hình ảnh những kẻ nghèo đói, quyển *Buồn nôn* chỉ đáng quăng vào sọt rác'. Tự nhiên ông Lang thấy bâng khuâng. Không hiểu khi nhìn thấy cảnh những kẻ nghèo đói thế kia lùng bắt những con chim cút con trong đụn rơm để giết thịt thì các cô mình tinh màn bạc trong hội bảo vệ súc vật có thấy phẫn nộ không thì không biết.

Cuối cùng thì tình cờ ông Lang cũng tìm ra được loại thức ăn mà Ricky thích. Nhờ sự tình cờ đó mà khiến ông thấy đỡ bứt rứt hơn là cố ý mà tìm ra được. Ý nghĩ về việc thức ăn cho gia súc nuôi trong nhà và những đứa trẻ nghèo đói ở Phi Châu cứ ám ảnh ông mãi trên suốt đường về.

Lan man suy nghĩ, ông Lang nhớ đến thời ông còn trẻ, có lần ông đã bí mật đi mua được chiếc kẹp tóc mà bà Lang thích. Hồi ấy hai người chưa lấy nhau, ông nhớ là cô thiếu nữ ấy đã cảm động chảy nước mắt khi cầm chiếc kẹp tóc tuy chẳng giá trị là bao mà đượm tình yêu thương gần gũi, chia sẻ. Còn ông thì chắc không thể nào quên được cảnh ngạc nhiên của cô gái ấy khi trông thấy vật mình ước ao, thích ý. Thật ra

GIANG HỮU TUYÊN

MAI BÔNG CÚC NỞ

Tôi từ ruộng rẫy về đây
Lòng như trái bí tròn đầy nhớ thương
Em đi vạt nắng chiều sương
Huyền Trân thuở trước cũng dường ấy thôi
Hạt mưa trên giải tân bồi
Cũng cùng tâm sự với đồi núi kia
Còn hoang dã. Bến sông khuya
Mai bông cúc nở: người chia tay người

trong hai người, lúc ấy ông Lang đạt được hạnh phúc nhiều hơn, vì nghĩ mình có thể đem đến cho người khác niềm hạnh phúc dễ dàng như vậy. Ông thấy mình không vô vị, còn có ích cho người khác. Ngày nào người ta tự cảm thấy mình không còn đem lại được niềm vui cho người khác hay không còn ai cần đến mình nữa, thì ngày ấy người ta đang bắt đầu chết mặc dù còn thở và còn nói cười, đi đứng. Ông Lang thấy ít nhất bây giờ cũng còn con Ricky chờ mình ở nhà với tiếng rít sung sướng khi dùng lưỡi táp thức ăn mà nó thích trong mấy cái hộp mà ông để ở bên cạnh đây. Món quà cho con chó ít ra cũng khiến ông Lang còn thấy mình không đến nỗi vô vị lắm. Cứ tưởng tượng cảnh con Ricky xun xoe mừng đón, trì kéo cái túi nhựa đựng thức ăn ông xách trên tay như một đứa con nít vòi quà là ông lại cảm thấy vui vui.

Về đến nhà, ông Lang cất mấy thứ mua trong siêu thị vào chỗ của nó rồi đi tìm Ricky. Quái lạ, con chó hôm nay đi đâu không thấy ra mừng đón ông như ông đã nghĩ. Hay cu cậu đau ốm gì chăng? Khi ra đến đầu hè thì ông thấy con Ricky nằm đấy, cứ nằm ì ra đấy. Rõ chán, lẽ ra nó đã phải đánh hơi ngay được ra ông và vùng dậy mừng rỡ chứ nhỉ. Hay ít ra thì nó cũng phải sủa lên inh ỏi như khi có ai lạ mon men đến gần mới phải. Chắc là cu cậu ở nhà chơi cái trò gì với chó hàng xóm mệt lắm nên mới ngủ như chết thế kia. Ông Lang rón rén đến gần Ricky. Ai chơi cái trò gì lạ thế này nhỉ? Ông Lang nhè nhẹ vuốt đầu Ricky, lật tấm bảng vuông treo trên cổ con chó ra xem và chợt hiểu. "*Do not disturb!*" Tấm bảng này con bé Sophie hay treo trên cửa phòng nó đây mà. Thế này là con Ricky suốt buổi cào cào trên cửa phòng Sophie để rủ Sophie ra sân chơi với nó mà không được, và rồi cào mãi làm sao mà cái bảng ghi hàng chữ lịch sự "*Xin đừng quấy rầy!*" kia lại quàng ngay vào cổ Ricky khiến cu cậu cứ quay lòng vòng gỡ mãi không ra để bây giờ mệt lử nằm ngủ như chết ở đây. Sophie thường treo tấm bảng có hàng chữ ấy trên cửa phòng nó mỗi khi nó bận học khuya hay chơi trò chơi điện tử ban ngày. Thật ra mỗi khi chơi trò chơi thì Sophie bị thôi miên cả tai lẫn mắt vào chiếc máy, đố có ai mà còn có thể quấy rầy nó cho được. Lúc ấy có lấy súng bắn vào tai thì Sophie cũng chỉ tưởng là tiếng súng trong máy điện tử mà thôi. Đã mấy lần ông Lang phải chịu thua sức thu hút của chiếc máy trò chơi điện tử đối với Sophie khi muốn gặp cô con gái út tại phòng. Và rồi cuối cùng một ngày nọ ông thấy tấm bảng lịch sự kia treo trước cửa phòng Sophie, từ đó ông không còn có ý nghĩ chuyện trò hỏi han gì con gái tại phòng riêng của nó nữa. Bao giờ mà con chó Ricky cũng cố tình đeo vào cổ nó cái bảng quái ác này thì có lẽ ông Lang sẽ tự ý đi vào nhà dưỡng lão luôn cho được việc.

Ông Lang lại xoa đầu Ricky. Con chó bây giờ có lẽ đã hơi tỉnh nên rên ậm ừ trong miệng. Ông Lang gỡ tấm bảng ra khỏi cổ cho nó. Ông nhìn khoảng nắng chiều hôm vàng úa rón rén trườn lui xuống từng bậc thềm đầu hè, lung linh màu đen của đêm sắp xuống. Ông nhớ đến vạt nắng chói chang gay gắt ban chiều với tiếng còi xe giục giã của mấy người trẻ làm cùng sở và thấy mình già đi nhiều quá. Ông chạnh nghĩ đến ngôi nhà dưỡng lão nằm đầu khu phố nơi ông ở với một thoáng rùng mình. Hôm trước xem chương trình truyền hình *Sau Năm 2000 (Beyond 2000)*, nói về các thành tựu khoa học sẽ đạt đến trong thế kỷ 21, ông thấy ở nước Nhật bây giờ người ta sản xuất ra chó mèo nhồi bông bằng điện tử; chó biết sủa, chạy xun xoe khi chủ về mở cửa; còn mèo thì biết run run gừ gừ như mèo thật, và cả chim biết hót nữa. Ông cũng thấy nói rằng bây giờ các nhà dưỡng lão ở Úc đang dùng chó mèo để chữa bệnh cho những người già cả, cái phương pháp mà họ gọi là Trị Liệu bằng Gia Súc (*Pets-Therapy*). Bây giờ văn minh, người ta càng ngày càng có nhiều hiện tượng mới lạ cần được đặt tên. Ước gì ông sẽ không bao giờ phải là nạn nhân của cái mà người ta gọi là hiện tượng bỏ rơi hẳn cha mẹ già nghễnh ngãng trên các chuyến xe điện cho đi lạc và không nhận về khi nghe báo chí nhắn tin; hoặc bỏ rơi họ trong các nhà thương hay viện dưỡng lão, cái hiện tượng mà người ta gọi là *Granny Dumping*.

Ông Lang ôm con chó Ricky vào lòng và đứng nhìn màu nắng tắt hẳn trên hiên. Màu nắng xanh xao như làn da của một con bệnh nặng lâu ngày. Ông chép miệng lúc bồng con chó vào nhà, thế kỷ này đang bước vào những ngày sau rốt.■

"THE BURUNG"

NGUYỄN ĐẠM THỦY & TẠ THÁI

Có lẽ từ một tiền kiếp xa xôi, tôi mắc nợ chàng. Tôi mân mê tờ aerogram mỏng manh, nhẹ hẫng mà ngẫm nghĩ tới tầm quan trọng định mệnh của nó. Tôi dò tay theo dòng chữ của chàng. Theo tên chàng, Saro. Theo địa chỉ PO Box từ Bangkok. Ngón tay tôi run như tim tôi run. Gần bốn năm rồi xa cách, hơn hai năm bặt tin, giờ đây Saro sát dưới đa thịt đầu ngón tay mình, thật như cơn run rẩy không kềm hãm, mà giả như ảo ảnh. Tôi ôm ấp tờ aerogram vào lòng. Đưa lên ngửi, mùi hương nào đó quen thuộc vô cùng khiến tôi rưng rưng. Bao đêm dài trằn trọc. Bao bão tố nội tâm. Tôi muốn khóc và biết mình không có quyền khóc. Nhưng đâu ai cấm tôi xót xa - xót xa cho thân phận đàn bà nặng nghĩa cùng chồng, mà nặng tình cùng chàng.

"Em không còn muốn ở lại đây với anh thêm một ngày nào nữa cả. Em chán quá rồi. Sức chịu đựng của người nào cũng phải có giới hạn thôi. Anh không nhớ bốn, năm ngày đầu chúng mình mới đặt chân đến Mỹ, em đã phải đi bác sĩ mỗi ngày để xin thuốc an thần sao? Anh không nhớ em đã suýt điên sao?"

Tôi đã điên một thời gian, điên thật sự. Chồng tôi không hề biết, có lẽ không thèm biết. Chồng! Chồng? Chồng tôi là thần tượng của tôi, giấc-mơ-thành-hiện-thực, người theo đuổi tôi, bồ, người yêu, chồng tôi, bạn đời, bạn tù, chủ nhân, người xa lạ, kẻ thù... Không, không! Tôi không dám thù ai cả. Lầm lỗi của tôi, tự ái của chính tôi đã định đoạt cuộc đời mình. Cho tới chết. Nên trách ai đây?

"Chị Hai ơi, em khổ quá! Em chỉ muốn chết phứt đi cho rồi."

"Gì nữa đây? Lại chuyện chồng mầy chứ gì? Tao đã nói với mầy rồi, thằng đó xài không được. Hồi mầy mới ở Thái qua, chị em chỉ sống với nhau có một tháng ở nhà, tao đã nhận xét là không được. Tại mầy mê nó quá mà. Mầy chìu chuộng nó quá mức nó mới đì mầy như vậy đó. Thời buổi này mà nó cấm cản mầy đủ điều. Cơm phải dâng lên tới miệng cho nó. Chẳng bao giờ nó phụ mầy bất cứ một chuyện gì trong bếp. Lại còn keo kiệt, cấm không cho mầy uốn tóc, make up, không cho ăn diện quần áo, thỉnh thoảng đi chơi với bạn gái cũng không được. Tao có ý nói động tới nó là mầy làm um sùm lên."

"Dù sao ảnh cũng là chồng em. Tại ảnh mới ở Việt Nam qua. Có lẽ rồi ảnh sẽ thay đổi cho hợp với xứ văn minh này chứ..."

"Rồi cuối cùng mầy bỏ chị mầy mà đi. Tao vẫn thương yêu mầy nhiều lắm, mầy biết không? Mỗi lần nhận được thư của Má từ Việt Nam, Má chửi tao đủ điều. Má nói tao bỏ bê vợ chồng mầy. Má còn hăm tao. 'Khi con chết, xuống trước tòa phán xét Chúa không hỏi con, con có bao nhiêu chiếc xe mới, con tạo được bao nhiêu căn nhà v.v..., Chúa chỉ hỏi, con có làm tròn bổn phận của một người chị chưa? Con giàu sang bỏ em con đói khổ. Con đi từ năm 75. Em con nó phải ở lại Việt Nam gần 10 năm. Nó gánh bao nhiêu khổ cực cho gia đình mình tồn tại tới bây giờ...'"

Chị Hai tôi độc thoại rồi khóc thút thít như chị vẫn thường làm mỗi khi tôi than vãn thở dài cùng chị."

"Chị Hai ơi, chắc nội tuần này em về với chị nghe. Em sẽ gọi để anh chị ra phi trường đón em. Chuyến này em sẽ dứt khoát..."

Tôi không còn sức chịu đựng nữa. Chồng tôi khắt khe với tôi quá, mặc dù tôi biết chồng tôi thương tôi. Những ngày mới đến trại tị nạn ở Thái Lan, tôi phải đi gánh nước giữa trời trưa nắng chang chang về cho ảnh tắm, tôi phải lên núi kiếm củi về để nấu cơm. Ảnh chỉ tối ngày nằm trên võng với mấy cuốn sách. Tôi lấy ảnh gần 13 năm rồi, lúc đầu tôi yêu ảnh tha thiết. Rồi dần dần, ảnh làm tôi nản quá! Hết yêu ảnh từ bao giờ tôi cũng không biết. Nay tôi chỉ biết, tôi sống với ảnh chỉ vì phải sống. Chỉ vì nghĩa vợ chồng. Chỉ vì mỗi lần nhận được thư Má ở Việt Nam, "Con phải thương yêu chồng con!". "Con phải luôn nhớ lại những gì trong quá khứ nó đã làm vì yêu con. Nó đã bỏ cha mẹ nó để lấy con, con nhớ chưa? Gia đình mình đạo Công Giáo, ba má nó thì đạo Phật, họ cấm không cho nó cưới con làm vợ, thế mà nó vẫn tranh đấu để cưới được con, để rồi hai đứa đã có con với nhau. Hơn nữa con nên nhớ là Chúa chỉ cho lựa mà không cho đổi. Thương Má con phải nghe lời Má. Nếu từ giờ cho tới ngày Má nhắm mắt Má không còn được gặp con nữa, thì đây là lời trối của Má - con phải yêu thương chồng con và chung thủy với nó, như Má yêu Ba và chung thủy với Ba cho đến ngày Ba chết. Đừng học ở đâu xa. Con hãy nhìn cuộc đời của Má đã sống với Ba ra sao, và những gì Má đã làm cho Ba từ sau 75 tới ngày Ba nhắm mắt ở trại cải tạo..." Bao nhiêu ý nghĩ dằn vặt, tôi lại thấy thay đổi ý kiến.

"Thôi nghe chị Hai, nãy giờ nói nhiều quá, giờ này lại không discount. Chị để em tính lại sau rồi có gì em sẽ gọi chị."

"Okay. Tao chờ mầy."

"Bye chị."

Tôi buông máy điện thoại xuống thẫn thờ nhìn ra cửa sổ. Lần này nữa là không biết bao nhiêu lần rồi, tôi muốn ra đi, lương tâm không cho phép. Quyết định ở lại với chồng thì chẳng khác nào tù giam lỏng, tôi không có được một sự tự do tối thiểu của con người. Tâm sự với bạn Mỹ làm chung sở, chúng nó bảo, "Only one life to live". Tâm sự với bạn Việt Nam, chúng nó bảo, "Mầy còn trẻ quá không lẽ chịu đựng vậy hoài cho tới chết?!"

Saro! Saro! Ôi Saro! Tờ aerogram chưa mở với địa chỉ người nhận nhà đứa bạn thân mang tới cho tôi sức sống mãnh liệt. Và nỗi nhớ tê người. Saro là người thầy giáo dân bản xứ dạy Anh văn cho trại tị nạn năm 85. Từ những săn sóc, an ủi, vô tình tôi đã yêu chàng. Chỉ vài lần ngắn ngủi bên Saro, tôi cảm thấy có sự bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà, có sự công bằng giữa con người và con người. Tôi không hãnh diện nhưng không xấu hổ về chuyện tình cảm của mình. Và cũng không che giấu. Tôi đã sử dụng tất cả vốn liếng khéo léo, tế nhị của mình để vẫn có thật nhiều kỷ niệm yêu thương cùng chàng, để chồng tôi không hề hay biết hoặc nghi ngờ, để những ai hay biết hoặc nghi ngờ đều thông cảm, che chở, khuyến khích cuộc tình đứng tim này.

Lúc đầu, Saro thương hại, tội nghiệp tôi. Trong mắt chàng, tôi là một con bé tị nạn nhà quê, tóc rối đầy chí, da đen vì cái nắng nhiệt đới khốc liệt, chân không dép bụi bùn khô cứng, bận miếng vải nùi giẻ tạm gọi là quần áo, lúc nào cũng ngồi cuối lớp chăm chú ghi chép, ê a mấy tiếng chia động từ Anh văn. Ông thầy giáo trẻ hỏi mầy không có dép hả? Con bé (thiệt ra tôi lớn hơn chàng cả ba tuổi lận, Minh Bảo con trai tôi nếu còn sống đã tám tuổi rồi, nhưng chàng tưởng tôi nhỏ lắm) trả lời tao không có dép (thiệt ra tôi có đôi dép chiếc xanh chiếc đỏ, ai mang dép hai mầu kỳ chết!). Ông thầy không nói không rằng cúi xuống đo gang tay bàn chân trần trụi con bé. Hôm sau, ông thầy mang cho đôi dép mới, quần áo mới, tập vở, bút viết, lược chải chí, xà bông. Mấy hôm sau, con bé học trò lọ lem lột xác, dễ nhìn dễ coi hơn tí xíu, chúm chím cười cám ơn.

Lúc đầu, tôi sợ Saro, ghê ghê người Thái Lan râu ria man dại như hải tặc đó. Anh văn kém quá bị rớt vô lớp sơ đẳng, không được học lớp bà sơ Thérèse hay lớp mục sư người Mỹ ông Henner. Rồi ông thầy bảo ba ông ta là Phi Luật Tân với dòng máu Anh Cát Lợi, Tây Ban Nha của ông nội, mẹ là Nam Dương lai Thái, ông thầy nói viết trôi chảy hai thổ ngữ Phi, Thái, Anh văn, Pháp văn, và một thứ tiếng Nam Dương. Con bé nghĩ thầm: một phần tư máu hải tặc cũng không đáng sợ lắm! Rồi yêu nhau lúc nào cũng không biết, hai con người của hai thế giới, hoàn cảnh khác biệt, ở một thời điểm mà tình yêu là xa xỉ phẩm không thực tế. Chúng tôi yêu nhau tưởng chết được. Ôi, Saro!

Hơn hai năm bặt tin và giờ là tờ aerogram. Tôi ngã người nhắm mắt. Chồng tôi còn khoảng tiếng nữa mới về. Đời sống vợ chồng làm tôi quí trọng những giây phút riêng tư của mình. Hai năm trước, Saro quyết định qua Mỹ sống gần tôi, đi học hay đi dạy, chàng muốn một tượng lai với tôi. Tôi cuống quít với những đối gian đang bắt kịp mình, chàng nghĩ tôi có ba mẹ rất khó, chồng con tôi đã chết chứ đâu biết ba mẹ tôi đang ở Việt Nam, chồng tôi sờ sờ một bên như cai ngục. Tôi chấm dứt liên lạc, dọn về Cali, và chịu đựng những cơn khủng hoảng tâm thần vật vã sau đó. Tôi sống ở hiện tại mà chìm mình trong quá khứ, mà nhắm mắt trước tương lai. An phận! Cho tới một hôm, chải tóc trước gương, nhìn mình.. Tôi không cắt nghĩa được những

biến chuyển ý nghĩ trong đầu óc, chỉ biết rằng khi đứng dậy, tôi không còn là tôi nữa. Cái-tôi-mới là cái tôi hằng muốn sống nhưng không dám sống. Tôi không chấp nhận định mệnh nữa, (mà định mệnh là gì ngoài lý do cho con người tự an ủi, biện hộ), từ giờ, tôi sẽ nắm định mệnh trong tay, tôi sẽ "tạo" định mệnh cho những người chung quanh. Tôi sẽ quậy nghiêng ngửa cuộc đời! Thế là tôi viết cho Saro một bức thư bảy trang, nói hết, gởi đi tháng Ba, 1989.

"... Thế mà lúc nào em cũng mơ ước tới lúc anh sang thăm em - em sẽ ôm anh thật chặt để anh không thể nào trở lại Thái được nữa - em sẽ hôn anh nhiều hơn đêm chúng mình chia tay nhau, và em sẽ nói với anh nhiều, nhiều lắm, những điều em ôm ấp, giấu kín trong lòng gần bốn năm qua - anh hứa đi, anh hứa sẽ tha thứ cho em tất cả nếu những điều gì em sắp nói ra đây sẽ làm anh chua xót, đớn đau - cũng như em - em cũng vậy, em cũng đã dằn vặt, xót xa gần bốn năm rồi - Saro ạ - em phải nói cho rõ để sau này khi anh đã yên bề gia thất, anh có vợ đẹp con ngoan, mỗi lần chợt nhớ về em, anh cảm thấy vẫn còn thương và an ủi nhiều - vì em đã không giấu anh một điều gì - phải không anh?"

"... Nhiều lúc em nghĩ - phải chi anh chết đi có lẽ em dễ quên hơn..."

"... Hiểu em rồi, anh muốn giải quyết cách nào em cũng bằng lòng - em biết em không có quyền đòi hỏi - anh muốn xem em như một cô em gái hay một cô học trò hay là một người bạn, hoặc anh muốn cùng khổ với em - điều kiện nào em cũng chấp nhận hết. Em chỉ xin anh một điều là đừng cắt đứt liên lạc với em, thỉnh thoảng anh viết cho em - dù là những câu thăm hỏi thông thường, để em yên tâm và cảm thấy cuộc đời bớt cô quạnh - và nhất là anh đừng phiền giận gì em nghe anh - ở Cali này thường hay động đất lắm - và trong tương lai có thể động đất tới 8, 9 chấm lận - nếu lỡ em chết còn mang theo niềm giận hờn của anh có khổ cho em không? Vả lại trong câu chuyện này xảy ra đâu phải lỗi riêng của em - mà anh

HOÀNG CHIỀU NHÂN

ĐỜI LÀ MỘT CUỘC RONG CHƠI

Thoát hết y trang bước vào bồn tắm
Ngắm rõ mình từng kẽ chân lông
Thân này có phải ta chăng
Hay là cái có, cái không hão huyền?
Có hay không vẫn là mình,
Quẩn quanh trong cõi tử sinh luân hồi.
Kiếp người một cuộc rong chơi.

1992

HÓA ĐÁ

Bỏ hệ lụy bên đường
vào rừng tìm lại ta,
lắng nghe lời chim hót
cùng cây cỏ chuyện trò
Gió thì thầm mời gọi.
Biến mình vào hoang sơ
thuở đất trời mới dựng.
Đá một mình trơ vơ
nghe ầm ầm sóng vỗ.

10/9

cũng có một phần trách nhiệm, tại anh nữa chứ - tại những chăm sóc - tại những an ủi - và nhất là tại đôi dép của anh - đó là những biến cố làm chấn động đời em. Anh có thể chọn bất cứ lối giải quyết nào, nhưng em mong anh hiểu cho một điều là dù đến chết, em cũng vẫn yêu anh. Chúc anh bình yên, tình yêu, và sức khỏe. Nhớ đừng uống rượu và hút thuốc nhiều kẻo có hại cho sức khỏe nhe anh."

Chồng tôi về, tắm rửa, đọc báo, đợi tôi dọn cơm như thường lệ, lờ đi vụ chiến tranh tối qua.

"Có gì lạ không em?"

"Không. Em có gọi cho chị Hai, định bỏ anh. Có thư của bạn thân bên trại. Không có gì lạ. Còn anh có gì vui không, kể em nghe?"

"Không. À em nè, tối qua, anh xin lỗi."

Chồng tôi vừa nói tiếng "xin lỗi" đầu tiên của năm 1989, ngẫm lại, của suốt cuộc hôn nhân. Tôi cười ra dấu tha thứ. Dù gì, tôi cũng thương chồng tôi lắm. Đêm qua chồng tôi muốn ân ái. Từ khi quyết định làm cái-tôi-mới, tôi mua cho chồng chai cologne có mùi thơm rất giống loại của Saro xài, dặn ảnh nhớ xức nha, mỗi lần muốn, mùi này hấp dẫn em mãnh liệt lắm đó. Ảnh thử, thích, và thích phản ứng hứng khởi mới mẻ của tôi. Tối qua ảnh không xức, tôi nói khéo nói ngọt cũng không, còn hùng hổ đòi hỏi, bất cần biết tôi có ưng thuận không. Tôi bèn bôi chút cologne lên mũi, nằm bất động nhắm mắt, mặc chồng tôi giải quyết sinh lý. Nước mắt, nước mũi tôi chảy dài mà ảnh vẫn hì hà hì hục cho tới khi thỏa mãn. Cái-tôi-mới vẫn có giới hạn của nó. Tôi sẽ không bỏ ảnh được, trừ khi ảnh muốn ly dị. Đó là luật lương tâm. Ảnh biết tẩy nên mặc sức cảnh chồng chúa vợ tôi.

Tháng Tám Cali năm nay nóng hơn những năm trước nhiều. Hỏa hoạn, cháy đồi gia tăng. Mùa đông lạnh hơn để mùa hạ nóng hơn. Tôi ngồi trước bàn phấn, tỉ mỉ kẻ đường viền mắt. Tháng Tám, 1992, tôi nhìn lại quãng đời ba năm qua và có cảm giác như mình vừa trải qua một giấc mộng. Khó tin quá cái ảo ảnh gọi là sự sống. Tôi mơ hồ linh cảm ở trạng thái nào đó thời gian trở thành vô nghĩa. Mới nhận tấm aerogram của Saro đây, chàng bảo anh không giận gì em cả, anh muốn em mãi mãi là một người bạn/người tình thân yêu nhất của anh, dù anh cũng đã có tơ duyên mới rồi, anh chỉ tiếc mình không có nhiều thì giờ bên nhau thôi. Rồi bây giờ là tấm thiệp mời dự buổi triển lãm nghệ thuật ngoài trời tại Beverly Hills, nhan đề "Changing Faces of Southeast Asia: Modern Art Exhibition" (Những khuôn mặt thay đổi của Đông Nam Á: Triển lãm nghệ thuật hiện đại). Mấy tiếng nữa thôi sẽ gặp Saro, mấy tiếng nữa thôi. Mặt tôi nóng bừng, nhịp tim hối thúc, và mấy ngón tay thì run rẩy, kẻ mắt tô môi mấy lần mà phải bôi đi vẽ lại.

Mấy câu thơ rất sến của ai đó xẹt qua óc tôi. Nhiều thứ xẹt qua óc tôi không kiểm soát được lắm.

"... Mai này tôi có gặp người
Qua bao năm tháng xa xôi gian trần
Làm sao đây để chào mừng?
Đôi dòng nước mắt, bật chừng thanh âm!"

Còn lâu, gặp chàng dễ gì mà lạnh lùng như vậy. Tôi sẽ quấn lấy chàng, hôn anh cho tới ngộp thở luôn. Lẽ dĩ nhiên phải kéo chàng ra chỗ vắng người trước đã. Tôi có được hai ngày cuối tuần tự do, chồng tôi lần này cho phép tôi lên L.A. một mình, tôi viện cớ là con bạn thân đang đau khổ dữ lắm, cần sự an ủi của tôi, nó mới bị chồng bỏ. Chồng tôi kiểm tra đàng hoàng, tôi còn rủ anh đi nữa, nhưng nghe bạn tôi khóc lóc thảm thiết quá ảnh ngán. Nó đóng kịch hay gần bằng tôi, con khỉ đó, sự thật thì nó vừa mới ly dị xong, hai người bắt tay coi nhau như bạn. Thế hệ trẻ sau này coi bộ cởi mở quá. Tôi nói dối một tí để có hai ngày. Hai ngày sau bảy năm! Nếu có tội cũng đáng tội nhỉ?!

Lâu lắm rồi tôi mới vui vỡ trời như vầy. Lái xe lên L.A. mà tôi ca hát theo mấy bài nhạc new wave Việt Nam là biết rồi. Trong đầu tôi sắp xếp hết những câu tiếng Anh mình sẽ nói cho trơn tru, tưởng tượng nhiều lắm để kỷ niệm hai ngày sẽ kéo dài cả cuộc đời, vì biết chừng nào mới gặp Saro nữa. Có điều tôi tránh nghĩ cảnh chia tay. Chúa ơi, chắc lại sẽ sống dở chết dở cả tuần sau đó! Một kỷ niệm xa xưa khiến tôi bật cười. Hồi đó tôi nói:

"Saro, anh biết không, ba em khó lắm. Trước 75, ba em cấm em không được lấy người ngoại, phải lấy người Công giáo gốc. Sau 75, ba em nói muốn lấy người tôn giáo nào cũng được nhưng không lấy người Bắc kỳ, phải thuộc dân Ngụy. Vượt biên, ba em viết thư bảo muốn lấy ai thì lấy mà phải là Việt Nam, không được mất gốc..." Saro cười cười tiếp lời:

"Vậy thì mai mốt em qua Mỹ, ba em sẽ nói, con muốn lấy ai thì lấy, miễn da vàng đầu đen là được rồi. Chừng nữa, người Thái Lan đạo Hồi này mới có hy vọng."

Ôi! Tôi thương cái tính hài hước của chàng biết bao. Bảy năm rồi chẳng hiểu nó có còn không? Chẳng hiểu chàng có còn nét gì của ngày xưa? Tôi ư? Tôi đẹp ra, trắng ra, trẻ ra. Ba năm qua tiền bạc dành dụm được đầu tư đúng chỗ, đúng lúc nên chẳng mấy chốc mà tiền đẻ ra tiền. Không thích việc hãng xưởng, tôi nhảy qua học làm móng tay, thấy mình có khiếu nên học tiếp ngành thẩm mỹ. Giờ tôi hùn vốn cùng bạn bè mở beauty salon, thân chủ ngày càng đông. Chồng tôi học nghề bảo hiểm làm tay trái, cũng bắt đầu có kết quả như ý, cộng thêm vào nguồn lợi tức đều đặn làm technician hãng máy bay. Đời sống vợ chồng không khả quan hơn mấy về mặt tinh thần, dù vậy, nhưng vật chất dễ dãi khiến chúng tôi ít xung khắc hơn. Như ảnh tha hồ gửi tiền, vàng về gia đình ảnh bên Việt Nam, tôi cũng vậy, khỏi phải so do, canh chừng nhau như trước. Như chúng tôi ít còn ăn cơm nhà, thì cái cảnh ảnh chờ tôi mời dùng bữa, rồi chê mặn chê lạt, rồi la tôi rửa chén muỗng còn dơ để tôi nổi nóng, cảnh đó cũng giảm đi. Chồng tôi vẫn trung thành, thủy chung với tôi, dù nhiều khi tôi thả mặc ảnh ăn chơi với bạn bè, còn khuyến khích nửa đùa nửa thật rằng anh có vợ bé, có bồ cho vui đi anh, em không giận đâu. Ảnh vẫn như cũ, tính xấu như tính tốt. Sau kiếp nạy rồi, nhờ ảnh biết được tôi đã yêu

thương Saro chứ không phải ảnh, biết được tôi lấy ảnh vì tự ái phải lấy cho bõ ghét gia đình ảnh, hàng xóm, bạn bè ganh tị, biết được rằng tôi trọng nghĩa mà nhẹ tình chồng vợ, ảnh sẽ oán hận tôi không? Tại sao đời không đơn giản hơn nhỉ? Không trắng là trắng, đen là đen, mà lại phức tạp cả nghìn sắc xám? Còn tôi ư, tôi phó mặc Chúa phán xét. Chỉ biết rằng lương tâm tôi không lên án tôi. Và lúc này, chỉ biết rằng con tim tôi đang tưng bừng mở hội.

Tôi bước vô khuôn viên khu triển lãm, e dè như cô dâu bước chân tới trước bàn thánh. Bộ đầm đen bó chẽn thân người làm tôi hơi khó thở. Chàng thích màu xanh dương và màu đen, không có đồ màu xanh, tôi bận đỡ bộ này. Giờ dưới ánh nắng tháng Tám như chảo rang, trong khung cảnh thiên nhiên tươi mát, tôi thấy mình hơi lập dị. Đông người quá! Tôi đeo kiếng đen vào, giơ tay lùa hất tóc ra sau. "Saro ơi! Anh ở đâu?" Tôi đi lần lần từ gian triển lãm này sang gian nọ, khung cảnh đậm màu qua làn kiếng mát khiến tôi có cảm giác mình đang mộng du. Rồi tôi thấy chàng. Saro! Saro kìa! Ôi nỗi vui, nỗi đau, thổn thức thổn thức lồng ngực tôi! Saro anh yêu quí!

Saro dáng cao, thẳng, trong bộ âu phục màu trắng nhìn sang và Mỹ lạ, nếu không nhờ đôi mày và mắt rất đen, sâu của chàng, tôi có lẽ không nhận ra. Chàng đang nói chuyện, giơ tay chỉ vẽ với vài người đứng gần, đề tài gì mà có vẻ hứng khởi lắm. Tôi tháo kiếng mát, vuốt tóc, thầm thì trong tư tưởng. "Nhìn em đi, Saro. Ngẩng mặt về phía em, nhìn em đang đứng đây chờ anh. Tới với em. Bây giờ. Ngay bây giờ". Chàng ngẩng mặt, nhìn về phía tôi. Tôi run mãnh liệt. Saro mở vòng tay, mặt rạng rỡ bước tới. Đúng giây phút đó, một thiếu nữ đón tiếp vòng tay chàng, phong cách như quen thuộc, gần gũi. Tôi chớp mắt lia lịa để nhìn kỹ hơn, và tôi đã nhìn đủ hơn để biết. Saro kéo người thiếu nữ sát bên hông, giới thiệu nàng, rồi hôn thoáng lên môi. Tôi vội vã đeo kiếng đen vào, nép mình bên một bức phông to. Tại sao mình ngây thơ, ngu ngốc tới mức quên phắt sự hiện diện của người đẹp của Saro chứ?! Lẽ dĩ nhiên. Hắn tới đây phải có nàng, chứ chẳng lẽ đi một mình để gặp mình?! Ngu! Ngu! Ngu! Lấy lại bình tĩnh tạm thời, tôi quan sát tiếp. Saro đang nắm tay người thiếu nữ, xoay lưng về phía tôi. Họ đi vào phía trong gian triển lãm, chỉ kịp cho tôi thấy cô nàng tóc nâu ngắn xinh xinh, người da trắng, dáng đẹp, thân hình nảy nở mà thanh lịch. Mồ hôi đầy mình khiến tôi lành lạnh. Tôi muốn về. Lấy tay vuốt nhẹ ngực, tôi có cảm giác choáng váng, muốn xỉu. Đủ rồi, nhé? Gặp lại Saro rồi đó, sau bảy năm. Chàng đã thành công về nghệ thuật như ý muốn, đã hạnh phúc... Bảy năm... Ôi! Con tim tôi!

"Xin lỗi cho sự đường đột, thưa bà, có phải bà là "The Burung" không?" Một tên Mỹ xa lạ với chùm tóc vàng bó đuôi ngập ngừng cất tiếng.

"Xin lỗi, tôi không hiểu..." Tôi có mơ không? Burung? Bảy năm rồi tôi chưa nghe ai nói chữ đó, giờ nghe từ miệng tên Mỹ lạ hoắc này, tôi thoảng thốt "Who are you?! Mầy là ai mà..."

"Ô... ô, tôi xin lỗi. Tôi không có ý làm phiền bà, chỉ tại vì bà giống bức tranh "The Burung" của họa sĩ Saro quá, nên tôi tò mò. Xin lỗi bà, tôi không có ý làm phiền. Sorry!"

Tôi ngẩn ngơ. "The Burung"?

"Bộ thằng này phá khuấy bà hả?" Một bà Mỹ già gần tôi hắng giọng.

"À không, không, cám ơn bà."

Tôi lắc đầu cười với bà Mỹ rồi quay qua tên thanh niên "Ê! Xin lỗi mầy. Này, làm ơn dẫn tao tới coi bức tranh đó được không?"

Tên Mỹ nhíu mày như dò xét phản ứng hơi kỳ của tôi, rồi cũng cười thân thiện, bảo okay.

"À khoan." Tôi ngừng bước, xoay lại bà Mỹ già: "Bà có thể cho tôi mượn chiếc nón đẹp của bà khoảng 5 phút không?

"Ồ cám ơn cô." Bà Mỹ gỡ chiếc nón xuống cho tôi mượn. "Cô nghĩ nón này đẹp thiệt hả?"

"Vâng. Đẹp thiệt. Năm phút

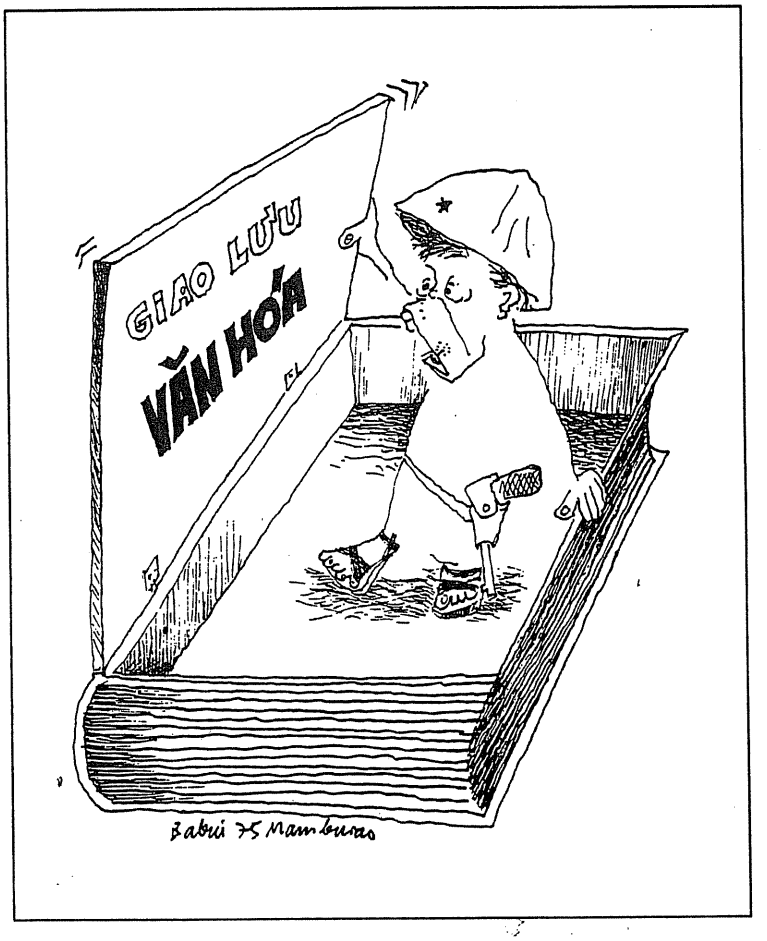

thôi tôi mang trả liền."

Thế là tôi, mắt kiếng đen, bộ đầm đen, với chiếc nón rộng vành hoa hòe che sụp mặt, được tên Mỹ có đuôi tóc vàng dắt đi coi "The Burung". Bức tranh hình vuông, khổ to tướng, đặt trước cổng vào gian triển lãm của Saro, chỗ hồi nãy chàng đứng nói chuyện. Tên Mỹ bảo hắn đang học ngành hội họa ở UCLA, đợi tôi ngắm nghía tranh một lúc, rồi hăng say phê bình tại sao hắn thích bức tranh này. Đúng là tôi đó! Tôi của bảy năm trước. Chàng đặt cho tôi cái tên Nam Dương, ngôn ngữ của mẹ chàng, là Burung. Con chim. "Vì một ngày anh biết em sẽ cất cánh tung bay, xa Thái Lan, xa anh, xa những tháng ngày tị nạn vất vả". Trời bỗng dịu đi bất ngờ. Tôi ngẩng mặt để thấy một vừng mây to tướng chắn ánh mặt trời. Và một cánh chim thình lình bay ngang, đúng cảnh, đúng tình.

Một tiếng trước, có tôi bên cạnh bức tranh "The Burung". Một tiếng sau, có tôi vùn vụt phóng xe trở về Orange County. Nếu cuộc đời là một cuốn phim dài, phải chi mình được quyền cắt nối những khúc phim cho vừa ý nhỉ? Những đoạn dở dở, chán phèo cắt bỏ hết, chừa lại cuộc đời mình, với tình tiết éo le, xứng đáng được trình chiếu và được thiên hạ bỏ tiền ra xem. Tôi suy nghĩ vơ vẩn tới cuốn phim của tôi. Một con người sống thực trở thành một nhân vật, vai trò. Tôi đã chẳng biến thể thành tác phẩm ưng ý của Saro là gì?! Mỉm cười, tôi hài lòng về vai trò mình đã diễn xuất. Trong cuốn phim của Saro, tôi đã góp mặt, đã mang lại chút tiếng cười tiếng khóc, chút ý nghĩa của cuộc sống cho chàng. Giờ là phần thủ diễn của cô nàng tóc ngắn. Có điều, tôi biết vị thế của mình sẽ không ai có thể thay thế được. Mãi mãi trong tim chàng có linh hồn của tôi. Như mãi mãi trong tôi là chàng. Đòi hỏi gì hơn nữa, phải không? Dù một lần được vuốt tóc chàng, ôm đầu chàng sát ngực, hôn chàng, thật nhẹ, thật sâu, yêu chàng, và yêu chàng tới khi tận thế. Tôi thở dài, cắn môi. Phải quay xe trở lại. Phải trở lại để ít nhất được bắt tay chàng trước mặt người đẹp.

Tay chàng sẽ ấm lắm. Phải trở lại để cảm ơn chàng hồi đó, trong lớp học, đã tới bên tôi, quì dưới đất mà cột giày sandal cho tôi, lần đầu tiên biểu lộ một tình cảm nhiều hơn tình thầy trò, tình nhân loại. Cảm ơn chàng đã khóc qua điện thoại, bảo anh vẫn yêu em, dù trước khi nhận bức thư dài bảy trang của em, anh đã được kể hết về hoàn cảnh gia đình em, anh vẫn yêu em, Burung của anh ơi! Tôi nhìn kiếng chiếu hậu. Exit phía trước sắp tới, không có xe hai đường bên phải mình. Vận tốc 65 dặm/giờ. Lách qua một đường. Lách qua đường...

Một giây trước, có tôi đang ra lối exit. Một giây sau, có tôi xoay vòng trong chiếc xe quay tít trên không trung. Tiếng còi xe. Đụng. Thành sắt freeway cong quặp khi xe tôi mất trớn đâm sầm vào. Tôi bay bổng như chim! Như con chim thình lình bay ngang lúc tôi ngẩng mặt nhìn coi tại sao trời tự nhiên hết nắng.

Ở chỗ mà không gian và thời gian là vô nghĩa, tôi tư lự. Nếu con người chỉ được sống một cuộc đời mỗi kiếp người, làm sao nó biết cách nào để sống đây? Có lẽ tôi tham lam, nhưng tôi còn nhiều đoạn phim muốn đóng lắm.

Như năm 2029, tôi thấy Saro và mình, hai ông bà già lụm khụm, sống trên một hoang đảo, ăn dừa và tắm biển. Không còn răng, không còn quá khứ, không còn những dính líu ràng buộc nhân gian thế tục nữa. Chỉ còn Saro và mình. Và ngoài kia là quả địa cầu không ngừng thay đổi.

Hay năm 1989, tôi thấy mình kể hết tất cả sự thật cho chồng. Em không muốn giả dối suốt cuộc đời em, anh ơi. Sự thật là em yêu anh nhiều lắm anh biết không? Những gì anh đã hy sinh, ta đã chia sẻ với nhau, làm sao có được nếu không có tình yêu, nhưng phải chi, phải chi, phải chi...

Hay năm 1976, tôi...

Định mệnh là gì ngoài lý do cho con người tự an ủi, biện hộ - ai nói câu đó nhỉ? Ở một chỗ mà tất cả đã là vô nghĩa, tôi tư lự.■

CỔ LOA THÀNH

PHẠM CHU

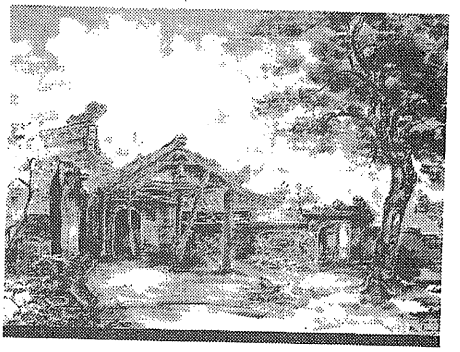

Cứ mỗi lần có bà con trong Nam ra chơi Hà Nội, tôi đều đưa đi thăm thành cũ Cổ Loa. Đã đến nhiều lần mà lần nào đến tôi cũng như gặp tiếng vọng từ ngàn xưa, khiến mình như tan biến đi trong cái không gian đầy ắp những di tích, sự tích, những huyền thoại ngàn năm...

Theo sử cũ, thành được đắp quanh co 9 lớp, ngoài thành có hào sâu và rộng, thông với sông Hoàng giang, xưa vốn là một nhánh quan trọng của sông Hồng. Tường thành còn lại ngày nay có ba vòng. Vòng trong cùng bao bọc hoàng cung mà di tích còn đến bây giờ là đền thờ Thục Phán, đền Ngự triều di quy, cây đa Ngô Quyền, giếng Ngọc và Am Mỵ Châu.

Đền Thục Phán được xây trên một gò đất cao, hiện đang thờ Thục Phán, song thân và phu nhân. Đứng ở cổng đền nhìn ra phía đông nam, cách vài khoảng ruộng là Giếng Ngọc. Điều đặc biệt gây xúc động là tại đền Thục Phán, ta gặp lại "**Hòn Đá Thề**" mà ta đã từng gặp ở đền Hùng. Cùng một chất đá, cùng một màu sắc, cùng một kích cỡ, khiến ta phân vân tự hỏi phải chăng sau khi ăn thề với Vua Hùng thứ 18, Thục Phán đã chặt đôi thanh đá, một nửa để lại đền Hùng, một nửa mang về Cổ Loa? **Hòn Đá Thề** cũng đã chứng kiến việc thực hiện lời nguyền khi Thục Phán đã dành 18 năm ròng rã để dựng nên ốc thành Cổ Loa sau lúc chuyển kinh đô từ vùng rừng núi trung du về giữa đồng bằng. Một lời thề bền vững như đá và kho mũi tên đồng hàng vạn chiếc được phát hiện năm 1959 tại đây đã như một minh chứng cho lời thề ngàn năm!

Đền ngự triều di quy được cất trên bãi đất rộng cách đền Thục Phán khoảng dăm trăm mét về phía Bắc. Đây là nơi Thục Phán cùng các Lạc hầu, Lạc tướng từng họp bàn việc nước. Và cách một ngàn năm sau - sau thời ngàn năm Bắc thuộc - Ngô Vương Quyền sau khi thắng quân Nam Hán giành quyền tự chủ cũng đóng đô tại Cổ Loa và cũng đã ngự triều cùng quần thần tại nơi đây.

Ngày ấy Ngô Quyền đã trồng một cây đa trước Am Mỵ Châu ở xế góc sân đền. Cây đa còn xanh tốt đến tận bây giờ. Vào Am, nơi hậu sãnh, trước mắt ta mờ mờ, ảo ảo hình hài một người phụ nữ mặc áo công chúa màu lam, ngồi ghế có tay ngai nhưng... không có đầu. Nơi đáng lẽ là cái đầu được phủ một tấm vóc màu vàng, dở tấm vóc vàng lên là một tấm lụa đỏ nơi cổ! Một cảm giác gai lạnh dẫn đến sự nghẹn ngào cho ai đến thăm Nàng Mỵ Châu xưa. Ông từ trông Am kể cho tôi nghe về huyền thoại tượng đá Mỵ Châu:

"Trước khi bị vua cha chém, Mỵ Châu quì xuống mà tâu rằng: "Nếu con có lòng phản trắc thì chết đi, con thành bụi, thành tro; nếu lòng con trung thành thì chết đi con thành trai, thành ngọc". Vua cha đã xử Nàng. Ít lâu sau vào một đêm mưa rét, một người dân làng bên đi cất vó bên sông Hoàng Giang đã ba lần cất lên một hòn đá nổi lập lờ. Thấy chuyện lạ, người dân chài không thả hòn đá xuống sông như hai lần trước mà đặt lên bờ và vào báo với dân làng. Cho rằng đây là vong linh của Mỵ Châu, dân làng

bèn ra rước về thờ. Nhưng lạ thay, họ không làm sao khênh nổi hòn đá chỉ to bằng quả bưởi đã từng nổi lập lờ trên mặt sông. Và cũng lạ thay, khi dân làng Cổ Loa hay tin, ra rước về thì **Hòn Đá Mỵ Châu** đã cùng về Cổ Loa. Tuy nhiên khi được thờ tại đền của vua cha thì đêm đêm người ta nghe tiếng khóc nỉ non và sáng ra hòn đá ướt đầm nước mắt! Dân làng bèn lập Am riêng để thờ Nàng. Từ đó không còn tiếng khóc và hòn đá nhỏ lớn dần lên thành một hình hài như ta đang thấy bây giờ."

Ông từ bật điện, rồi từ từ vén tấm áo, thì đây là một khối đá nguyên, lấp lánh sáng như ngọc trai. Là thực hay hư, là hư hay thực? Ta kính cẩn thắp một nén hương tưởng nhớ Nàng để bày tỏ sự thông cảm với một nỗi oan khôn xiết! Nhiều người nước ngoài đến đây, khi nghe chuyện, đều thành kính nghiêng mình thắp hương trước tượng Mỵ Châu mà họ cho là có một không hai trên thế giới. Một nhà báo Đức đã nói "Dẫu vô tình, Mỵ Châu đã phạm trọng tội với quốc gia, vậy mà Nàng vẫn được cúng dường, tưởng niệm. Đây là một nét điển hình của tính cách Việt Nam. Chúng tôi còn phải dày công mới hiểu nổi tính cách và đặc điểm của dân tộc các ông."

Ấy là ông nhà báo người Đức này chưa biết đến cái chết của Trọng Thủy và cái cách mà ông cha ta đã làm sau khi Trọng Thủy chết. Chọn Giếng Ngọc để trẫm mình, phải chăng Trọng Thủy muốn về cùng với Mỵ Châu để đền đáp mối tình của Nàng và để giải nỗi oan khiên cho Nàng? Đã có bao lời bình về cái chết của Chàng. Riêng tôi, hết sức xúc động khi đến bên Giếng Ngọc mà tưởng tượng như thấy Chàng đang lập lờ dưới làn nước trong xanh! Truyện kể rằng khi xác Chàng nổi lên, dân làng không vớt chôn mà khơi một con hào từ Giếng Ngọc ra sông Hoàng Giang cho Chàng trôi đi. Ra sông, Chàng trôi theo sóng, cho đến khi tấp vào bờ, lúc đó dân làng mới vớt lên chôn cất và lập Am thờ. Am Trọng Thủy đang còn bên bờ Hoàng Giang nhưng nằm ở ngoại thành Cổ Loa. Chàng ở ngoài đó, Nàng ở trong đây, tuy gần mà vẫn xa, tuy xa mà lại vẫn gần. Cái cách giải quyết của ông cha ta sao mà sâu sắc và nhân nghĩa đến thế!

Nếu biết chuyện này, rất có thể - tôi nghĩ - nhà báo Đức này phải dành một cuộc "Hành trình về Việt Nam" để tìm hiểu, không phải về tôn giáo, mà về đặc điểm **Nhân Ái** trong tính cách Việt Nam.

Mời bạn hãy về thăm Cổ loa!

Không về với Cổ loa, làm sao bạn có được cái cảm giác hòa quyện vào quá khứ khi đứng bên **Hòn Đá Thề**, hòn đá đã chứng kiến lời nguyện thề của hai vị thủ lĩnh của dân Âu lạc thuở xa xưa; làm sao bạn có được cái cảm giác nửa thực, nửa hư, vừa cảm thương vừa đau xót trước tượng Mỵ Châu, bức tượng không đầu gắn liền với một mối tình oan nghiệt; làm sao bạn có được cái cảm giác lâng lâng tự hào khi đứng dưới **Cây Đa Ngô Quyền**, cây đa nghìn tuổi như một chứng tích về sức sống bất diệt của dân tộc Việt Nam?

Vậy, mời bạn hãy về thăm Cổ loa. ■

(Hà Nội)

TRẦN TÚ UYÊN

CHỖ HẸN TRÊN TRỜI

Thứ Sáu em không đến sở làm
nhớ anh ngày đó cũng không thăm!
những giờ phụ trội xô em ngã
em sẽ ngủ vùi tối Thứ Năm...

Em nói nghe mà dễ ghét chưa!
đời lưu vong khổ, biết sao giờ?
mười năm ở Mỹ, mười năm cực
đây, chẳng Thiên Đường, chẳng Bến Mơ!

Mười năm đứng được quê người lạ
rồi ngã như là cỏ dại sao?
không tiếc Quê Hương mình đã bỏ
quê nào thì cũng thế, ôi chao!

Sống là sao nhỉ? Chết về đâu?
chuông của Chùa ngân tiếng nguyện cầu
chuông Giáo Đường vang rồi vỡ vụn
chẳng còn gì cả để nôn nao!

Thứ Sáu, em vào giấc ngủ quên
anh đừng gọi nhé, động lòng em!
hai ta hai đứa đầu sông biển
chỗ hẹn... nếu trời có cõi Tiên!

NHẬT KÝ CỦA MỘT NGƯỜI VỀ QUÊ ĂN TẾT

BÀ LÊ

I.- Về quê

Tết Quí Dậu, 1993, vừa rồi tôi được các con đài thọ cho một chuyến "Về Quê Ăn Tết".

Chuyến đi khá dài. Từ Mỹ (Los Angeles) về Việt Nam có nhiều đường bay khác nhau. Tôi đi máy bay của hãng Eva phải nghỉ lại đêm ở Taipei. Từ Los Angeles đến Taipei bay hết 14 tiếng đồng hồ. Chúng tôi, hành khách Việt và Trung Hoa ngồi chật hết chiếc Boeing 747. Máy bay này đặc biệt có hệ thống Video ngay sau lưng ghế ngồi trước mặt mình. Hãng Eva đã tiếp đón hành khách khá chu đáo. Tiếp viên lễ độ tươi cười. Ăn cơm có đủ rượu chát, trắng và đỏ. Có cả champagne. Ngoài ra lúc đi cũng như lúc về, đều có quà tặng lặt vặt.

Hôm đó đến Taipei vào lúc 11 giờ đêm. Chúng tôi được đưa về khách sạn ngủ đến 5 giờ sáng họ kêu dậy để xuống ăn sáng rồi tiếp tục cuộc hành trình về Saigon. Bữa ăn sáng rất đầy đủ. Ăn theo kiểu Mỹ, có bánh mì nướng, súc sích, trứng bác. Kiểu Tây, bánh mì, mứt và bơ. Kiểu Tàu, cháo nóng và các thứ gia vị. Ngoài ra còn có trái cây tươi cắt sẵn. Cà-phê, sữa, nước trái cây, uống thả dàn. Thấy nhiều thức ăn quá, nên có nhiều vị món nào cũng lấy, rồi ăn không hết bỏ phí la liệt trên bàn. Thật phí của. Có lẽ người mình vẫn chưa quen với nếp sống ở ngoại quốc, vẫn còn bị cái nghèo đói ám ảnh.

Ăn sáng xong, lên xe ca ra phi trường để về Saigon. Đoạn đường này, bay trên biển Thái Bình Dương, không qua đất liền, chỉ lâu 3 tiếng. Vì nôn nóng trở lại quê hương sau 18 năm xa cách, tôi rất tỉnh táo. Tất cả hành khách khác - đa số là khách trú - cũng đều nhìn qua cửa sổ mong chóng nhìn thấy nhà cửa đất đai hiện ra dưới mắt mình.

Và, đây rồi, máy bay đã hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhứt. Hồi hộp quá, nhưng hơi thất vọng, sân bay bé tí, nghèo nàn. Hành khách phải lên xe ca để vào trong phi trường. Thất vọng nữa, người ta chen chúc nhau ở chỗ lấy hành lý. Nhìn quanh, tìm một chiếc xe chở đồ để chất hành lý lên, nhưng không thấy cái nào, tôi lo quá. Một mình với hai va-li nặng và hai cái xách tay, làm sao đây. Tôi chạy ngược, chạy xuôi, đánh rơi cả giấy tờ vừa khai báo trên máy bay. Đành đứng chờ lấy va-li cái đã, rồi tìm cách giải quyết sau. Nhận được đủ hành lý, tôi yên tâm hơn. Nhìn xung quanh thấy một nhân viên của phi trường, chẳng biết anh ta làm gì, tôi dúi đại một tờ giấy xanh số 5 vào túi anh và nhờ xách dùm hai va-li ra đến chỗ Hải Quan. Tôi mừng, vì anh ta nhận lời, nhưng nay nghĩ lại, tôi tin rằng anh mừng hơn tôi, vì chỉ sách 2 va-li từ chỗ nọ ra chỗ kia, lâu không quá 10 phút mà được những 5 đô la, tương đương với khoảng hai tuần lễ lương. Đồng bào có về quê ăn Tết, nên mang

theo ít đô-la lẻ, thuê xách hai va-li trả 2 đô-la là nhiều rồi, bằng tiền thuê ở bên Mỹ chứ có ít đâu.

Trả cho anh 5 đô-la, thì nhiều thật, nhưng nếu không có anh mang hộ, thì không biết làm sao mang ra, rồi lúng túng, có khi lại mất luôn cả va-li, hay xách tay. Phi trường đông thế, "đạo trích" thiếu gì. Một bà bạn về Saigon năm trước, đi hai mẹ con, mà mất ngay một va-li ở Tân Sơn Nhứt. Một Pháp kiều mà chúng tôi quen ở Bordeaux, một xứ rượu nổi tiếng, lúc đến Saigon, khi tôi hỏi, có mang được chai rượu nào về không, hắn nói "mất chai Veuve Clicquot ở Tân Sơn Nhứt rồi."

Ra đến Hải Quan, - vì các đồng bào về trước tôi khá nhiều, là cứ để một tờ giấy xanh số 10 vào Passport thì mọi việc sẽ chót lọt dễ dàng, - tôi đưa giấy tờ với tờ giấy xanh, dù rằng tôi không mang hàng lậu, hay giấy tờ tuyên truyền chính trị gì, nhưng nếu họ làm khó dễ, bắt mở va-li ra để khám, thì làm sao nhét vào lại cho hết được. Nhưng sự việc xảy ra không đúng như tin đồn, Bà Hải Quan thấy tiền nói ngay, "Bác cất tiền đi, cháu không lấy đâu." Ngạc nhiên quá, tôi thu hồi tiền về. Bà Hải Quan hỏi "giấy tờ bác khai trên máy bay đâu?" Mở xách tay tìm giấy tờ, nhưng tìm mãi cũng không thấy, tôi vội vàng quay lại chỗ lấy hành lý và rao to "có ai lượm được giấy tờ khai Hải Quan không?" May quá, có một người đưa trả đủ. Hú viá. Đàn bà đi một mình, thường hay lúng túng, nhất là ở sân bay Tân Sơn Nhứt với đủ thứ lủng củng. Tôi trở lại với bà Hải Quan, bà hỏi:

"Bác có bao nhiêu chỉ vàng?"

"Tôi chỉ có vài đôi bông rất nhỏ, và chiếc nhẫn cưới đeo ở tay."

"Bác khai hai chỉ đi."

"Ừ thì hai chỉ." (Khai cho lẹ để còn đi ra.)

Hành lý không bị khám, nhưng tôi lại phải khiêng va-li bỏ vào máy soi, rồi mới được ra phía ngoài, nhưng vẫn chưa gặp được người nhà, tuy đã trông thấy một bà bạn đang công kênh thằng bé cháu đứng nhìn vào.

Qua được Hải Quan dễ dàng, tôi mừng quá, vì trước khi về bị thiên hạ "hù" rất nhiều về Hải Quan Tân Sơn Nhứt. Còn đang nhìn xem làm cách nào bê được hành lý ra ngoài, thì một anh nhân viên phi trường đi qua, tôi níu anh lại và dúi một tờ giấy xanh số 5 nữa cho anh, thế là anh lẹ làng xách 2 cái va-li cho tôi ra ngoài. Thoát nạn và đầy đủ hành lý, không thiếu, không mất. Tôi được gia đình, bạn bè, ôm chặt lấy. Tất cả mọi người đều cảm động đến rơi lệ. Lên xe về nhà, lòng tôi thật vui sướng khi xe đi qua phố xá quen thuộc ngày xưa.

Về đến nhà, nhìn trẻ con banh va-li ra để lấy quà một cách sung sướng, tôi không cầm được nước mắt. Cả nhà ngồi vào bàn, ăn cơm ngon lành. Riêng tôi vừa mệt, vừa cảm động, và vừa thấy cái nóng của Saigon năm xưa, nên không ăn được, chỉ uống nước và ăn trái cây. Cầm trái vú sữa, tôi thích quá. 18 năm mới được ăn lại trái này, nó mới ngon ngọt làm sao. Những trái "bom", nho, của Cali không trái nào ngon bằng.

Được nghỉ một đêm, ngủ một giấc, sáng hôm sau thức dậy, thấy tỉnh táo hơn. Xuống nhà dưới ăn sáng với bánh mì nóng và cà-phê Ban Mê Thuột thật ngon. Ba thằng cháu ngoại mỗi đứa "tu" một bình sữa tươi ngon lành. Saigon đầy đủ lắm.

Sáng nay, việc đầu tiên là phải đi làm thủ tục "đăng ký". Con gái dẫn tôi đến một văn phòng du lịch mà nó quen. Sau khi đưa giấy tờ và hai tấm hình cho họ, tôi thả bộ đi "thăm dân cho biết sự tình."

Đây là khu trước tòa Đô Chính, tôi đi về phía Nguyễn Huệ. Xe cộ đông quá, người ta đi lại tấp nập. Bán buôn trong cửa tiệm đã đành, mà ngoài lề đường cũng ngồi chật cả. Hàng hóa ở đâu mà nhiều thế. Nhìn cảnh tượng thiên hạ đi ngang đi dọc, đi ngược đi xuôi, tôi chóng cả mặt. Nhưng tôi mừng, vì thấy đồng bào ăn mặc lành lặn, đẹp đẽ, mặt mũi vui tươi. Tôi đi một mình theo dọc đường Lê Lợi, xuống đến chợ Bến Thành. Cũng có nhiều thay đổi, đa số cửa hàng bây giờ lạ hoắc, không còn như ngày xưa. Nhà sách Khai Trí đã bị thay thế là nhà sách Saigon. Cũng vẫn còn là một tiệm sách rất lớn, có đủ sách ngoại quốc. Tôi chỉ đi bên ngoài lề đường, một cách khó khăn, vì chỗ nào cũng chật ních người ta buôn bán.

Đến khu chợ Bến Thành, tuy đã 26 Tết, mà tôi không thấy có các sạp dựng lên ở chung quanh chợ để bán bánh mứt như ngày xưa. Thay vào đó là các cửa hàng thực sự mới làm sau này, trông ra ngoài đường, và tràn ngập hàng hóa. Tôi hoa cả mắt. Không dám qua đường để vào trong chợ, tôi cứ đi theo lề đường về phía đường Lê Thánh Tôn. Chỗ nào cũng phải len lỏi và thận trọng, vì hè phố hư hại nhiều, vấp một cái là té lăn cù, sợ quá. Đến đây mới nhìn thấy còn nhiều cửa hàng quen thuộc ngày xưa vẫn bán giầy dép. Đây hiệu "Trần Rắc", kia hiệu "Trần Mỹ". Tôi ghé một hiệu giầy quen, ông chủ hiệu không nhớ tôi, khi nói tên ông mới biết và mừng lắm. Cửa hàng và căn nhà ba tầng lầu của ông vẫn còn y nguyên. tôi có hỏi ông, làm thế nào mà giữ nổi căn nhà sau 1975, với "cách mạng"? Ông nói, "úi chao, gian nan lắm bà ơi, tôi phải "tử thủ" trong căn nhà này và phải đương đầu với họ dòng dã cả chục năm trời, đến bạc cả đầu đấy."

Đường Lê Thánh Tôn bây giờ có nhiều cửa hàng bán tơ lụa, và đồ thêu nữa. Ở nhà ông bạn ra, tôi tiếp tục đi về phía đường Tự Do, đến cửa tòa Đô Chính, tôi nhớ ngày xưa có một bà bán bún ốc ngon lắm, ở gần văn phòng "Air Viet Nam". Tôi đi tìm bà không ra, và trở lại chỗ "đăng ký" giấy tờ, để chờ con gái đón về nhà. Đi bộ mấy tiếng đồng hồ cũng thấm mệt rồi, nhưng cảm thấy vui trong lòng, vì không khí thành phố vẫn y như ngày xưa, không thấy gì là được "cách mạng giải phóng" cả.

Tôi mới đi thăm sơ sơ một vòng nhỏ của thành phố Saigon. Sáng hôm sau, tôi được một bà bạn cũ đưa đi mua hoa lan ở đường Nguyễn Trãi, trong Chợ Lớn. Tôi vốn rất mê hoa lan và đang có cả chục chậu ở Mỹ. Khu này nhiều lan lắm và rất rẻ, lại đẹp nữa. Chỉ vài đô là đã có một chậu lan đầy hoa thơm. Chúng tôi ôm về, mỗi người vài chậu, để ăn Tết. Ngoài lan, còn rất nhiều loại hoa và cây kiểng khác. Đặc biệt là

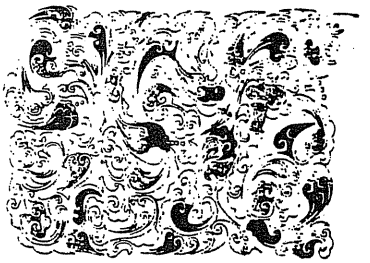

PHẠM XUÂN TÍCH

PARIS, NGƯỜI BẠN HIỀN XA LẠ

Những giòng chữ ngoằn ngoèo trên sàn đá
Hầm métro chiều tối đông người,
Xin một đồng Franc cho qua cơn đói
Người thanh niên tóc vàng ủ rũ nhìn đời trôi.

Người đàn bà Pháp tuổi ngoài sáu mươi
Ba Francs một gói đậu phọng
Trạm République ngồi chờ mong
Hắt hiu nào mấy ai dùng.
Paris kinh thành ánh sáng
Mình với mình và chẳng với ai
Đời riêng tư cửa đóng then cài
Chẳng sống bởi, sống vì và sống với
Mà sống cho mình khép kín cùng đơn côi.
Những người già tìm yêu thương nơi loài mèo chó
Vì con cháu chẳng tìm về với họ.

Nhưng, so với chúng mình
Họ còn sung sướng biết bao nhiêu!
Vì quê hương ấp ủ họ muôn chiều.
Ôi, những người Pháp nghèo nàn và cô đơn nhất
Cũng còn đủ quyền hành cho ngôn ngữ tự do
Dù trong lòng có thể đói hay no
Nhưng tâm thức chẳng bao giờ run sợ.

Ôi Paris,
Tôi đi trên đại lộ Champs Élysées,
Như đi giữa vườn Tao Đàn khi xưa
trong ngày hội chợ.

Paris,
Tôi sống trong người,
Nhưng người chẳng sống trong tôi,
Hỡi người bạn hiền xa lạ của tôi ơi!

bây giờ cây quất không để tự nhiên như ngày xưa, mà uốn tròn ở dưới, nhọn ở trên, y như cây thông, trông rất lạ. Hoa mai vàng rực rỡ, xen lẫn với hoa thược dược đủ màu, trông thật là Tết.

Trên đường về, chỗ nào cũng cả núi dưa hấu, sản phẩm đặc biệt Tết của miền nam.

II.- Ra Hà Nội

Tôi có hẹn với mấy người bạn ở Anh và Pháp về Hanoi ăn Tết.

Sáng ngày 28 Tết, tôi đáp máy bay ra Hanoi. Con gái tôi phải mua vé loại "Việt Kiều" cho tôi, để được đi máy bay tốt hơn. Giá vé đắt gấp đôi giá thường.

Tôi đã ăn 20 cái Tết ở Saigon, từ 1954 đến 1975. Bây giờ được trở về ăn Tết với đồng bào miền Bắc, nơi chôn rau cắt rốn của tôi, tôi bồi hồi trong lòng như cô dâu về nhà chồng, của ngày xưa.

"Tôi xa Hanoi năm lên mười tám"

hông phải đâu, tôi xa Hanoi năm 1954, tưởng không bao giờ được trở lại. Năm nay 1993, là tôi đã xa Hanoi 39 năm. Cuộc đời đã xô đẩy tôi, từ Hanoi vào Saigon, rồi từ Saigon qua Mỹ. Hai lần đi tị nạn cộng sản, hai lần tay trắng. Đến nay cuộc đời đã ổn định, con cái đã trưởng thành, tuổi đã xế chiều, tôi được trở về nguồn, với một tâm hồn thảnh thơi, thoải mái.

Lần này tôi đi máy bay quốc nội, nên được nhìn lại các cô chiêu đãi hàng không, trong chiếc áo dài mầu xanh da trời, của hãng Air Viet Nam. Trong lúc chờ máy bay, tôi được nghe máy vi âm luôn luôn kêu gọi hành khách đi Ban Mê Thuột, Đà Nẵng, Nha Trang ... "khẩn trương" đến quầy vé để làm thủ tục. Nhìn đồng bào tay xách, nách mang, vui tươi hớn hở, về ăn Tết với gia đình, tôi thấy trong lòng cũng rộn lên một niềm vui khó tả.

Đã đến lượt tôi được gọi chuẩn bị để lên phi cơ đi Hanoi. Chuyến bay khá đông. Máy bay rộng rãi. Tôi được cho ăn bữa trưa có bánh mì chả lụa và một quả táo. Tại sao không cho tôi một trái vú sữa, hay một trái chuối nhỉ. Nước uống thì chỉ có nước trà ... nguội. nghèo nàn quá.

Đáp xuống sân bay Nội Bài,

lấy hành lý xong tôi phải ngồi chờ các cháu, con ông anh, và các bạn thuê xe sang để đón chúng tôi.

Đây rồi, xe đã đến, các bạn chạy lại ôm lấy tôi, mà tôi thì chưa nhận ra ai, kể cả vợ chồng thằng cháu. Định thần lại, thì đây là Loan, đây là Bích, đây là Xuân Thu ..., tụi bay là những bà già tóc bạc. da mồi, tai lành tai điếc này sao. Ôi thương quá, thương nhất là hàm răng móm làm các bạn già hẳn đi. Chúng tôi ôm nhau mà khóc. Ửa, thế còn cháu Hoàng đâu, tôi chưa thấy nó. Thì nó đứng ngay đó chứ đâu. Tôi chịu không nhận ra được anh thanh niên bảnh trai, đội cái mũ Liên Sô đang nhìn tôi mà cười. Cháu dẫn vợ, con, đến trình diện cô lần đầu, mừng quá, vợ con nó thật dễ thương.

Chúng tôi lên xe để về Hanoi. Đường dài 40 cây số. Xe chạy trên một con đường nhỏ, hai bên là đồng ruộng, và nhà cửa san sát. Mùa này mới chỉ có ruộng mạ, chưa có lúa. Những đám mạ xanh tươi trông mát con mắt quá.

Xe về đến Gia Lâm tôi tưởng xe sẽ đi qua một cây cầu lớn ngày xưa gọi là cầu Doumer, và sau này đổi tên thành Long Biên. Nhưng không, cầu này bị máy bay ném bom phá hư mất một nhịp, chưa sửa chữa lại được. Có một nước bạn nào đó đã viện trợ cho cây cầu khác, song song với cầu cũ trên sông Hồng Hà.

Hanoi đây rồi, tôi đã gặp lại Hanoi của tôi, ngày trước.

Hà nội, chao ôi, Hà nội!
Với những con đường đọng tím
Những con đường chết lịm ở tim tôi
Tuổi hoa niên từng hát khúc yêu đời
Và nhẩy múa khắp nẻo đường Hà nội
Bao iBaothương mến, và bao nhiêu bối rối
....

Khi về đến nhà các cháu thì trời đã tối. Vừa bước chân vào nhà đã thấy không khí Tết nổi bật ở phòng khách: một chậu quất nặng trĩu trái vàng nhuộm và một cành đào đầy hoa khoe sắc thắm.

Lách tách ... đùng!

Lách tách ... đùng!

Tôi giật mình. Pháo đã nổ ran ngoài đường rồi. Tết Hanoi, Tết của tôi, từ lúc sinh ra năm 1920 cho đến lúc đi di cư vào Nam năm 1954. Tôi được hưởng khoảng 20 cái Tết với gia đình. Năm 1946 mẹ tôi mất. Và cũng từ năm đó, vì trận chiến bùng nổ giữa Pháp và Việt Minh, tản cư về quê, chúng tôi lao đao lận đận. Một năm sau trở lại, năm 1947, thì thành phố Hanoi tan hoang do Tây cai trị. Căn nhà cũ ở Châu Long không ở được. Gia đình phân tán, chúng tôi phải đi ở nhờ, ở đậu, nay chỗ này, mai chỗ khác. Thế là từ đó chúng tôi hết được ăn Tết Hanoi, dưới mái ấm gia đình, cho đến hôm nay, tôi được trở về đây ăn Tết với các cháu. Lòng tôi rộn lên một niềm vui thực sự.

Hà Nội lạnh lắm. Rét thấu xương vì cái lạnh ẩm nó thấm vào cơ thể, mặc bao nhiêu áo cũng vẫn lạnh. Nhà không có sưởi, nên lúc nào cũng phải mặc đủ áo ấm, dù ở trong nhà, hay ra ngoài phố. Ngày xưa, khi còn ở với gia đình, mỗi mùa lạnh, mẹ tôi may cho chúng tôi áo bông dài, áo bông ngắn rất đẹp, bằng hàng Thượng Hải hay nhung mầu.

Năm 1950 tôi đi du học Ngoại Quốc và trở về Hanoi năm 1953, và lập gia đình. Năm 1954 đi cư vào Nam. Vợ chồng tôi ở Saigon 20 năm, 1975 lại bỏ hết để đi cư sang Mỹ. Bốn mươi năm tha phương tị nạn, tôi đã quên mất cái "rét" của Hanoi. Vẫn nhớ Tết Hanoi mưa phùn gió bấc, nhưng quên mất cái lạnh thấu xương ngày hôm nay.

Lên giường đi ngủ, có bao nhiêu áo len tôi phải mặc hết vào người, chui vào chăn bông. Đặc biệt là cái màn tuyn trắng nõn mà đã mười tám năm nay tôi không phải dùng đến.

Khi ở Mỹ ra đi, tôi và nhiều người khác nữa, đều thắc mắc về vấn đề vệ sinh ở nhà. Quen quá đi rồi với tiện nghi vật chất ở xứ Mỹ này, nên tôi có cậu em họ sợ về Việt Nam lắm. Nhất là ở Hanoi rất ít cầu tiêu máy, mà toàn là loại nhà cầu đổ thùng, hồi tôi còn bé, nên chính tôi cũng sợ lắm. Sợ nhất là đang đi ngoài phố mà mắc tiểu thì làm thế nào đây. Trước khi về, tôi có đặt vấn đề với một người bạn ở Anh đã từng về Việt Nam ba lần rồi, thì cô nói sẽ ở chỗ có đủ tiện nghi, và nếu đi chơi phố thì đừng uống nước. Nhịn nước là nín tè.

May quá, chúng tôi được ở căn nhà mới làm của một cặp vợ chồng trẻ, nên có nhà tắm, có nước nóng, có cầu tiêu Ăng Lê, có hoa sen. Mừng quá và đêm hôm đầu tiên ở Hanoi tôi đã ngủ một giấc thật ngon lành.

Lách tách ... đùng !

Pháo lại bắt đầu nổ từ 6 giờ sáng, và cứ nổ liên tiếp, làm tôi tỉnh dậy luôn.

Hôm nay 29 Tết rồi. Vẫn "rét" lắm.

Các cháu cho ăn sáng: bánh cuốn nóng, bánh mì cũng còn nóng, ngon hơn bánh mì Bolsa, chỉ kém bánh mì "baguette" của Pháp thôi. Cà-phê sữa nóng hổi. Ai bảo là tôi đang ở Hanoi dưới chế độ cộng sản. Đời sống dân Hanoi không phải toàn màu hồng như thế đâu. Gia đình này đã sống trên mức trung bình. Chồng là giáo sư một trường Trung Học. Được dạy ở trường này phải là giáo sư ưu tú. Tuy nhiên lương bổng quá ít, 110.000 đồng Việt Nam một tháng, tương đương với 11 đô-la.

Cháu tôi phải dạy tư thêm ở ngoài và kiếm được cả triệu đồng một tháng, gấp mười lần tiền lương. Vợ hắn cũng đi làm, nhưng lương bổng chỉ đủ tiền mua gạo.

Căn nhà này mới làm sau khi các cháu bán căn nhà của anh chị tôi để lại ở dưới phố. Vì mới làm nên ngăn nắp và tiện nghi hơn căn nhà cũ.

Trong nhà dùng nhiều đồ điện: TV, VCR, máy đun nước nóng, bếp điện, tủ lạnh. Hỏi ra mới biết là Hanoi xài điện thả dàn, không bao giờ bị cúp cả. Điện do một nhà máy thủy điện lực cung cấp, miền Bắc dùng không hết, chính quyền cộng sản có dự án đem điện từ Bắc vào Nam. Ngày xưa, trước 1975 Saigon không bị cúp điện. Bây giờ thiếu điện, vì máy phát điện càng ngày càng cũ đi, không sửa chữa được, mua máy mới thì thiếu ngoại tệ. Điện Danhim Đalat cũng không có. Các trụ điện đã bị chính những người cộng sản phá hủy.■

(Còn tiếp)

NGUYỄN NGUYÊN THANH
Berlin, Đức

"Không đè cái đói giáp hạt này lại có đủ móng vuốt nhảy xổ vào cả xóm giếng Chùa, xóm vẫn quen đứng đầu về cái sang cái giàu toàn xã". Câu mở đầu với những từ ngữ lạ tai, rất trẻ, rất hiện đại có một ma lực cuốn hút người đọc vào dòng xoáy của cuốn truyện.

Theo từng trang sách, tôi lần tìm về những kỷ niệm xa xôi.... Một làng quê điển hình cho sự trù phú, nên thơ của nông thôn miền Bắc, sao mà giống miền quê quan họ, nơi ghi dấu những ân tình mơ mộng và khắc nghiệt của thời sinh viên.... Đấy là nơi *"Có đủ sông ngòi, đồi sim ruộng lúa. Làng vẫn còn khung cổng tiền cổng hậu như hai ụ súng ở đầu bắc và đầu nam. Những phiến đất nung màu gan gà vừa to vừa dày ốp khít vào nhau, chắc đến đập không vỡ.* Con đường chính giữa làng dài một cây số được lát toàn bằng gạch vồ mua từ dưới Hương Canh - Vĩnh Phú, mà lát nghiêng nên bây giờ vẫn *chắc khư.* Có số gạch lát đường này là bởi ngày xưa làng có lệ mỗi đám cưới phải nộp 200 viên" (tr.5). Nhắc đến phong tục tưởng như tác giả muốn ôn về thời hoàng kim dĩ vãng.... Nhưng không, tác giả lột trái cái áo làng "tứ thân" đã rách mướp để ném ra những câu đắng cay chua xót: *"Thế mới biết ngay một cái làng nhỏ như cái mắt muỗi, người ta cũng không khuyến khích xuất dương, không thích mở cửa ra ngoài!"* và "Thành thử đường làng được lát bằng những niềm vui hạnh phúc, sự kiêu hãnh về chức danh, và được lát bằng cả những nỗi đau khổ ê chề của những mảnh đời!", cho nên "Ấy thế mà *vố này* cũng *đói vàng mắt*!", "giờ thì *tóe lóe ra*."

Sau khi nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo.... ra đời, đã xuất hiện một loạt các cây bút trẻ ngang tàng đầy cá tính trên mảnh đất bao năm ngủ kỹ đang lùng bùng tỉnh ngộ vì cái đói. Trong số đó, Nguyễn Khắc Trường với *"Mảnh đất lắm người nhiều ma"* là một đại biểu xuất sắc. Đây là thời hồn oan của các đền chùa, miếu mạo bị dân chúng đập phá (do chính quyền cổ động để khẳng định thế giới người "duy vật"), hiện về đòi nợ: "Đất làng này (...) từ xửa xưa đã có câu ca: "Ai may được ngọc Giếng Chùa, Rủi ai núi Bụt thả bùa ma trêu". Cái thế giới thần linh đó vẫn luôn luôn hiện hữu trong thân phận huyền thoại của lão Quyềnh từ một cậu trai làng khỏe mạnh bị hồn ma thiếu nữ quyến rũ như truyện Liêu Trai, đến nỗi "ngơ ngơ ngẩn ngẩn", "Cả những cô sứt môi lồi rốn cũng không dám lấy, vì sợ ma vẫn ám trong người cậu". "Vì thế ngay cái tên Quỳnh đẹp đẽ của cậu, người ta cũng biến báo đi thành Quyềnh - cậu Quyềnh, anh Quyềnh, và bây giờ xế bóng là lão Quyềnh!" Những nhân vật lão Quyềnh, cô Thống Biệu (thầy cúng), núi Ống Bụt linh thiêng.... dưới ngòi bút tác giả bỗng trở nên sống động tạo thành một thế giới huyền bí có thực trong đời sống tâm linh của dân làng, mặc dù "đã bị người trần cất 'hộ khẩu'". Điều bi kịch là cái thế giới thần linh đó lại còn tử tế và nhân hậu hơn lớp cường hào mới, nhân danh đầy tớ trung thành của nhân dân (cán bộ đảng cộng sản nắm chính quyền ở nông thôn). Nó cũng chịu chung kiếp nạn nhân của chế độ như người trần nhưng cuối cùng vẫn trồi lên với sức mạnh bí ẩn bao phủ và chế ngự kiếp sống ngắn ngủi của con người. Song đáng sợ hơn vẫn là lũ ma quỷ trong tâm địa của bọn cường hào mới, những con "ma tham, ma ác", "chả còn bùa đâu mà yểm cho xuể" (tr.15).

Khởi điểm tất cả những bi kịch của miền đất quê này là hồi cải cách ruộng đất: Vũ Đình Phúc, bí thư xã đoàn thanh niên, đi theo tay đội trưởng cải cách, để dấu tố bố đẻ là Vũ Đình Đại, bị qui là "tên địa chủ" vì "có năm mẫu ruộng, ba trâu cày, ngày mùa ngày vụ dám thuê gần chục nhân

công làm cho nhanh". (tr.22). "Đến lượt mình, Phúc bước ra mở đầu bằng câu hỏi: - Địa chủ Đại, mày có biết ta là ai không? Ông bố trả lời thế này: - Dạ thưa, tôi có biết ông, vì tôi đã chót đẻ ra ông!" (tr.22). Cho mãi đến ngày cuối đời của Vũ Đình Đại, vì sự tranh giành địa vị lãnh đạo nhiều đặc quyền đặc lợi trong làng xã, đặc biệt là để trả mối cựu thù cho dòng họ Vũ Đình đối với dòng họ Trịnh Bá: "Đời cụ cố là chuyện đất, chuyện chức, cái chức lý trưởng dù nhỏ, nhưng đấy là danh dự, là chuyện được thua giữa hai dòng họ, là phần đầu gà má lợn, là chỗ ngồi chiếu nhất giữa đình làng. Đôi bên đã giành nhau kịch liệt. Đến đời ông Phúc thì lại là chuyện tình." (tr.25), bố con họ mới "hòa hợp hòa giải".

Hóa ra bao nhiêu năm dưới chế độ cộng sản, cái xóm giếng Chùa vẫn được cai trị bởi tầng lớp phong kiến cha truyền con nối từ xưa, chúng tìm mọi cách bóc lột nông dân, tham ô, hối lộ, đục ruỗng rường cột xã hội, chỉ khác là được khoác vào bộ áo "đỏ" thời hiện đại, xoay quanh các màn kịch chiến dai dẳng và tàn bạo giữa hai dòng họ lớn.

Cái đám tang nổi đình nổi đám của cụ cố Vũ Đình Đại và cái chết bất đắc kỳ tử, tức tưởi của lão Quyềnh cho thấy cảnh khác biệt tàn nhẫn giữa bề trên và kẻ cùng đinh, dẫn tới cao trào đấu đá của hai dòng họ. Cả cụ cố và lão Quyềnh đều không được nằm yên dưới đất: phe cánh Vũ Đình đã làm đơn tố cáo Đảng ủy xã (mà bí thư là Trịnh Bá Thủ, con trai cụ cố) đã để "lão Quyềnh bị chôn bằng bó chiếu, và lên án đó là việc làm dã man trong thời buổi này" (tr. 54). Chuyện ầm ĩ cả làng cả xóm, đến tận tai huyện, cho nên "lão Quyềnh được ưu đãi hay lão phải chết hai lần? Chôn xuống rồi lại moi lên là điều xưa nay người ta cấm kỵ. Nhưng lão Quyềnh ơi! Để được nằm trong bộ áo quan, nghĩa là được chết bình đẳng như những cái chết khác, lão phải vui lòng nhận thêm một sự vất vả khi đã nhắm mắt xuôi tay." (tr.57) Còn nấm mộ cụ cố Vũ Đình Đại lại là mục tiêu trả thù của nhà Trịnh Bá: Trịnh Bá Hàm, con hổ thọt chân với biệt danh Hùm thọt! Mối thù xa xưa với nhà Vũ Đình lại càng bốc lửa khi "bức tranh hổ thần của họ nhà Trịnh treo chính giữa bàn thờ không biết thằng giời đánh thánh vật nào đã chọc thủng cả hai mắt, rồi lấy than vạch chéo một dấu thập đen xì giữa đầu ngài. (...) Cái kiểu thù để cho động vào tận thủy tổ gia tộc thế này, hỏi rằng không phải là nó thì còn là ai!" đã khiến bố đẻ của Hàm trăng trối giao lại trọng trách "có vay phải có trả" cho Hàm. Mối hận thù này lại càng sâu đậm hơn khi phát hiện ra cô Son, người vợ trẻ xinh đẹp của hắn chỉ là "trái cấm đã có kẻ bóc trước" trong cái "Đêm động phòng có mùi địa ngục" cách đây 40 năm về trước. Mà người bẻ trái cấm lại là Vũ Đình Phúc, thủ lãnh phe đối nghịch. Và ngày ấy đã đến, y quyết ra tay. Hàm nói với em trai Trịnh Bá Thủ, Bí thư đảng ủy: "Đây là dịp tốt để lấy âm trị dương. Phen này tôi sẽ yếm cho cả họ nhà nó không ngóc đầu lên được! Đào lên, lấy ván, lật sấp bố nó xuống! Còn cỗ ván đồi tôi sẽ đóng một bộ xa-lông thật mốt, rồi tìm cách bán cho chính anh em họ hàng nhà nó!" (tr.68).

Nhưng thật oái ăm, việc làm man rợ của nhà Trịnh Bá đã bị lộ bởi chính người yêu của Đào, cô con gái xinh đẹp của Hùm thọt, là Tùng, người trai của họ nhà Vũ Đình. Đó là một "đêm chở che và đồng lõa" dưới "bầu trời bùng bíu vá víu" của tình yêu và tội ác. Tội ác của ông cha đã phá vỡ tình yêu trong trắng của cháu con!

Cái đêm Trịnh Đình Hàm đào mả nhà Vũ Đình bị bắt quả tang thật rùng rợn như một quả bom ma quỷ ném vào giữa ao tù của "làng Vũ Đại" mới. Đây là những trang viết đầy kịch tính và kỳ thú. Hậu quả là bí thư Trịnh Bá Thủ đã bị phe Vũ Đình dồn vào đường cùng. Trịnh Bá Thủ đã phản công bằng một thủ đoạn hèn hạ: xui bà Son đi gặp ông Vũ Đình Phúc, người tình cũ để xin tha tội cho chồng, rồi bố trí bắt quả tang hai người đang "tình tự", lập biên bản, ép Vũ Đình Phúc phải ký vào thỏa ước: rút đơn kiện Trịnh

Bạn muốn hiểu rõ về TÌNH YÊU
Bạn muốn thưởng thức hương vị ngọt ngào cùng bao nỗi đắng cay của TÌNH YÊU
Bạn muốn tận hưởng cái thú vị trong các câu danh ngôn kim cổ cùng các áng văn hay về TÌNH YÊU của các nhà thơ danh tiếng
Bạn nên tìm đọc một trong ba quyển sách do

NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn

TÌNH YÊU

TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA

Có thể nói đây là bộ KINH TÌNH YÊU hay nói đúng hơn một TÚI KHÔN về TÌNH YÊU, dùng làm món quà thanh nhã tặng người thân yêu thì không còn gì quí hơn.

Sách dày gần 600 trang giá 25 MK

DANH NGÔN TÌNH YÊU

Gồm trên 2000 câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

THƠ TÌNH CHỌN LỌC

Gồm gần 300 bài thơ tình hay của trên 150 nhà thơ nổi tiếng Việt Nam và ngoại quốc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

Ở xa gởi mua sách không phải trả thêm cước phí.

Chi phiếu xin đề cho : NGUYỄN HÙNG TÂM

NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ
PO. Box 2301
WESTMINSTER, CA. 92683
Đ.T.# (714) 897-3356

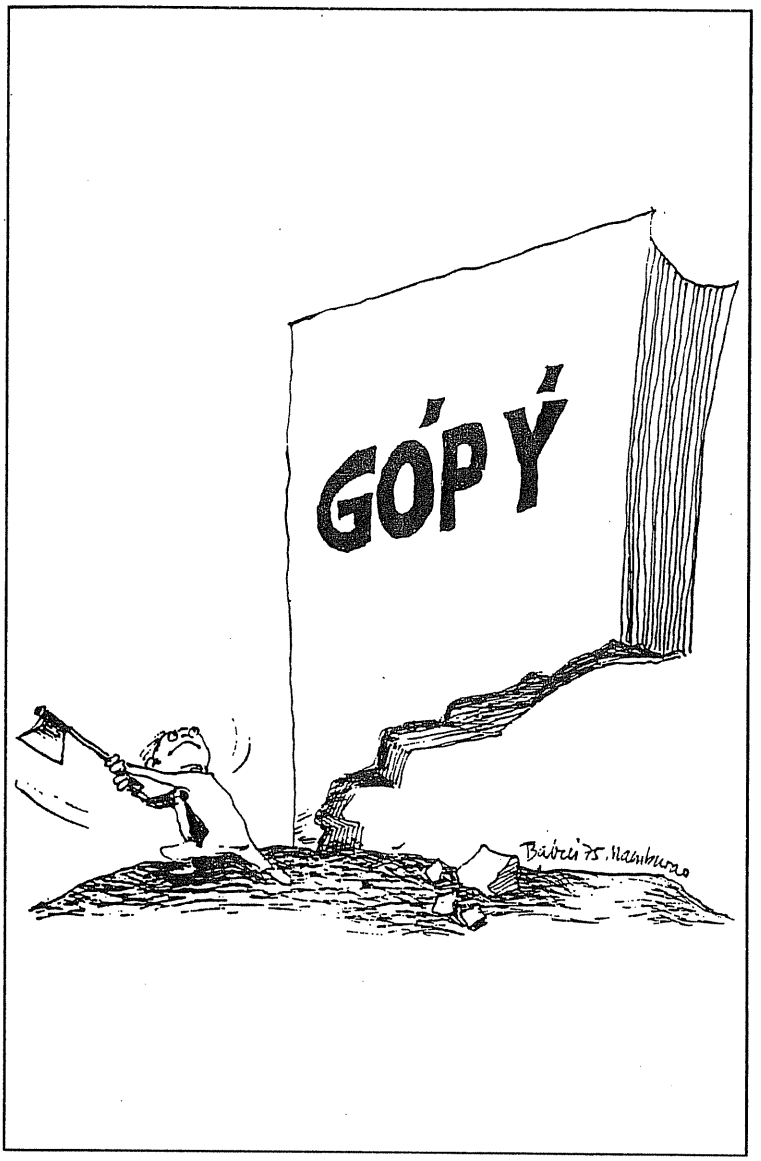

Bá Hàm, nếu không sẽ mất mặt với làng xóm vì tội lợi dụng hoạn nạn của chồng để làm nhục vợ người ta. Chuyển từ bại thành thắng, họ nhà Trịnh Bá lại ngang nhiên xưng hùng xưng bá ở làng xã....

Nhưng nạn nhân bi đát nhất của những âm mưu đê tiện đó lại chính là bà Son. Sau khi Trịnh Bá Hàm, chồng bà, được thả về, Trịnh Bá Thủ đã bội ước, đẩy bà vào chỗ chết: ép bà ký vào đơn bịa đặt tố cáo Vũ Đình Phúc toan "lợi dụng" bà. Chưa hết, chúng còn bày ra cảnh cho kẻ gian mạo nhận là Vũ Đình Phúc bắt cóc bà ra đồng toan làm chuyện cưỡng hiếp. Kết quả là "nỗi uất ức, sự chán ngán cực điểm vì bị làm nhục. Kẻ bị vu vạ người được vu vạ đều hùa vào làm nhục mình, khiến bà Son không còn thiết gì nữa, không còn sợ gì nữa" (tr.269), bà đã nhảy xuống sông tự vẫn, đúng cái nơi mà ngày xưa cô Son rủ cậu giáo Phúc bỏ vợ, bỏ làng đi trốn cùng nhau tìm hạnh phúc, nhưng không thành. Cái chết thương tâm của một người đàn bà là một nạn nhân của hai họ cường hào. Cuộc chiến chưa kết thúc.

Song cái đói đã làm xáo động cả xóm Giếng Chùa: nông dân đánh nhau để tranh giành đất đai từ khi chưa phải vào hợp tác, dân đòi tách nhỏ ra vì chán cảnh thằng còng làm cho thằng ngay ăn. Nhưng sức bảo thủ và tiềm lực của lũ cường hào mới này còn sung sức: Dù đó là những người ngay thẳng trọng công bằng và lẽ phải như Tùng hay trung tá Chỉnh về hưu, hoặc như Tám Lé có tiền do bắt được vàng về làng coi trời bằng vung cũng đều bị thế lực hắc ám của hai họ Vũ Đình - Trịnh Bá trấn áp, mất mạng như chơi. Bọn này còn được lũ ma vương cấp huyện tỉnh và trung ương nâng đỡ!

Với gần 400 trang sách, bằng một bút pháp đa dạng, hiện đại, có chút ly kỳ của truyện Tàu, cái trào lộng của bình dân, chất hiện thực của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng...., những chuyện tình, chuyện đời éo le oan trái, những tranh chấp quyền lực.... được lồng trong một thế giới nửa người nửa quỷ, dằng dịt, xoắn xuýt vào nhau, tác giả đã phơi bày cái thực tại đau lòng của một miền quê xứ Bắc ngày càng điêu tàn, sa đọa dưới chế độ có tên là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vượt lên cái thế giới hỗn mang lắm người nhiều ma ấy là tình yêu của đôi trẻ Đào-Tùng, những đứa con oan nghiệt của hai dòng họ yêu nhau. Một niềm hy vọng đang ló dạng nhưng đầy bất trắc vì tình yêu và cái đẹp luôn luôn bị lũ ác quỷ dày xéo. Trong cảnh u minh đó, Minh, cô thôn nữ tốt bụng đã hiện lên ân tình và cao quý khi cô dám hy sinh tình yêu cho hai bạn Đào-Tùng.

Nguyễn Khắc Trường đã viết bằng nỗi đau của chính mình trong "những ngày giáp hạt 1988". Ngôn ngữ của ông đặc biệt Việt Nam, lối kể chuyện đặc biệt Việt Nam dù có những kỹ thuật của truyện trinh thám, truyện ma quỷ liêu trai, truyện sử biên niên của Tàu, và cả cái đoạn tả cảnh trai gái không dè dặt, như các nhà văn Tây Phương, giá trị văn học của tác phẩm còn tăng thêm với giá trị lịch sử xã hội. So sánh cuốn tiểu thuyết này với *Tắt Đèn* (Ngô Tất Tố) *Cái Thuổ Lợn* (Nguyễn Công Hoan) người ta sẽ thấy xã hội nông thôn miền Bắc cuối thời Cộng Sản và cuối thời Pháp Thuộc có rất nhiều điểm giống nhau! Vậy cái gì đã thay đổi? Chỉ có tên gọi: trước là chánh Tổng, Lý Trưởng v.v.., bây giờ là Đảng Ủy, Chủ nhiệm v.v...■

Berlin 8-1992

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

HOÀNG KHỞI PHONG

Trong tháng qua, những sinh hoạt văn học nghệ thuật rầm rộ trong mọi bộ môn. Ngay cả lãnh vực kịch, tưởng chừng như đã chết đối với người Việt ở hải ngoại, trong tháng qua cũng có tới hai lần xuất hiện trước công chúng.

Kịch

Kịch có lẽ là bộ môn ít người trình diễn lại nghèo cả người thưởng thức. Gần 20 năm qua bộ môn này chỉ là những sinh hoạt bất ngờ được xen kẽ trong những buổi trình diễn văn nghệ cuối năm của các trường, hay của các cơ sở tôn giáo.

Vừa qua, nhóm kịch trẻ — trẻ vì đã lớn lên ở Mỹ, đã học trung học và Đại học ở Mỹ — với một cái tên khá ngộ nghĩnh là *Club O'-Noodles,* nhóm này đã trình diễn bốn lần từ đầu năm 1993 tới nay. Khán giả của những đêm kịch phần đông là giới trẻ.

Với các diễn viên Cao Hùng, Phi Long, Ngọc Trâm, Nguyễn Long, Nam Trân, Ngọc Uyên,

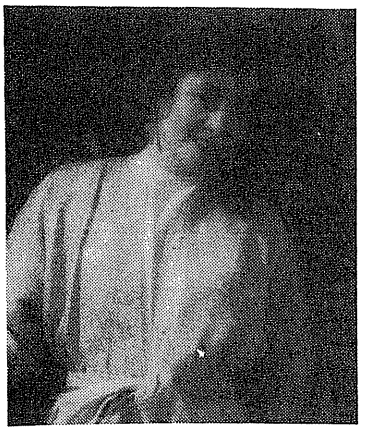

Kiều Loan, con gái của nhà thơ Hoàng Cầm, trong vai "Kiều Loan" của vở kịch thơ "Cô Gái Điên."

Văn Chí, Trọng Thanh, Duy Anh, Chí Nghĩa, Ngọc Phú và Việt Dũng, ban kịch đưa ra một chương trình nhiều tiết mục, trong đó các đoản kịch hài hước là nòng cốt. Kịch nói tiếng Mỹ, nhưng trình bày những mẩu đời sống của các sắc dân thiểu số. Vui nhưng không lố bịch (đây quả là điều khó). Một vài màn vũ rất độc đáo, chứng tỏ các bạn trẻ có nghiên cứu và có luyện tập công phu. Tháng qua, *Club O'Noodles* đã diễn liên tiếp ba buổi (28/8, 4/9 và 11/9) tại sân khấu bỏ túi của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ở Westminster.

Vở kịch thơ *Kiều Loan* của Hoàng Cầm do chính Kiều Loan, con gái của tác giả, cùng một số bạn hữu đưa lên sân khấu chiều Chủ Nhật 12-9-93 với sự bảo trợ của hội Cao Niên Á Mỹ.

Vở kịch thơ được viết cách đây nửa thế kỷ và chỉ được trình diễn trước công chúng có một lần ở Hà Nội năm 1946. Tại hải ngoại, vở này được diễn lần đầu tại San Jose năm 1992. Đầu năm 1993, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ có tổ chức trình diễn một màn.

Đây là lần đầu tiên khán giả quận Cam được thưởng thức trọn vẹn vở kịch hai màn, với những diễn viên có trình độ ngâm thơ cao của vùng Bắc Cali, gồm: Kiều Loan, Sao Biển, Ngẫu Hồ, Quốc Chính, Hữu Huân, v.v... tại một rạp hát hạng sang là rạp Barclay của viện Đại học UCI.

Con số trên 500 khán giả quả là đáng khích lệ, cho những ai yêu kịch.

Điện ảnh

Một *Ngày Điện Ảnh Việt Nam hải ngoại* ra đời do công lao của

Kiều Chinh, một trong những vai chính của phim *"The Joy Luck Club"*, trong đêm trình chiếu ra mắt cuốn phim tại Westminter.

nhiều người đã sinh hoạt lâu năm trong ngành ngồi lại với nhau. Đây là lần sinh hoạt hàng năm kỳ thứ 7, được diễn ra vào ngày Chủ Nhật 26-9-93 tại hội quán Lạc Hồng và Rạp Thủ Đô Little Saigon.

Chương trình Đại Hội gồm phần triển lãm thành tích hoạt động của các Hãng phim, Trung tâm Videó và các Đài Truyền Hình ở Hải Ngoại tại Hội Quán Lạc Hồng.

Sau đó là phần tiếp tân, chiếu trích đoạn giới thiệu những cuốn phim và videó đặc sắc, vinh danh những người có công trong lãnh vực điện ảnh.

Cũng trong tháng Chín này, những người Á Đông rủ nhau đi xem phim "Lạc Phúc Hội" (*The Joy Luck Club*). Chuyện phim của cây bút nữ gốc Trung Hoa, cô Amy Tan, và một trong tám tài tử chính của phim này là Kiều Chinh của điện ảnh Việt Nam. Cuốn phim đã được các nhật báo, cũng như các tạp chí về điện ảnh giới thiệu nồng nhiệt. Riêng *Thế Kỷ 21* số tháng Tám 1993 đã "trò chuyện với Kiều Chinh" về phim

này, và giới thiệu nhà văn Amy Tan qua một đoạn truyện dịch.

Nhạc

Phạm Duy thật là một nghệ sĩ càng già, càng dẻo, càng dai. Ông đã đi hát rong ở Minnesota để một lần nữa cho khán thính giả vùng này nghe chính tác giả hát những bài tâm đắc nhất của ông, như trường ca *Con Đường Cái Quan*, tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Cũng trong dịp này ông đã gặp lại một ông bạn cũ mà gần 20 năm chưa được bắt tay đó là nhà thơ Cung Trầm Tưởng mới tới từ Việt Nam.

Phạm Duy đã phổ nhạc nhiều bài thơ của Cung Trầm Tưởng từ hồi hai người còn du học ở Pháp.

Thế Kỷ 21 số này có bài đặc biệt về Phạm Duy, do Nguyên Sa viết, để mừng sinh nhật thứ 73 của người nhạc sĩ "đi nhiều nhất nước."

Nhạc sĩ Vũ Thành An, hiện định cư ở Oregon, sau một thời gian dài nghe thông reo, suối chảy, và gió hú mãi cũng buồn, mới về Orange County hát những *bài không tên tiếp nối*. Anh ra mắt một tập nhạc dưới sự bảo trợ của vũ trường Ritz.

Âm nhạc đón chào một khuôn mặt mới: nhạc sĩ Phạm Anh Dũng. Phải nói ngay anh là một bác sĩ có tâm hồn nhạc. Có lẽ nghề nghiệp y khoa đầy bận rộn cũng đã làm anh bị giới hạn nhiều trong việc sáng tác, do đó phần lớn anh phổ thơ của các thân hữu.

Đêm Chủ Nhật 5 tháng Chín, tại câu lạc bộ VAALA, Phạm Anh Dũng được hội VAALA bảo trợ ra mắt hai tác phẩm một lúc: Tập nhạc *Tình Khúc Hồi Hương* và CD *Đưa Người Về Phương Đông*. Buổi ra mắt thành công với sự tham dự của hơn 200 bằng hữu, với những tiếng hát Mai Hương, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Trọng Nghĩa, Văn Quân, đặc biệt là hai bác sĩ Phạm Gia Nghị và Vương Đức Hậu, và tiếng đàn dương cầm của Vũ Tuấn Đức, *keyboard* của Mộng Lan. Nhạc Phạm Anh Dũng nói chung không cầu kỳ. Những tình khúc lãng mạn bắt nguồn từ cảm hứng riêng thật bất ngờ chẳng hạn như "Tiếng Hát Liêu Trai" mà tác giả nói rằng khởi từ ngay chỗ làm

Phạm Duy

việc ở bệnh viện, nơi tật bệnh, sự sống và cái chết rất gần gũi với nhau. Tuy nhiên khi trả lời một câu hỏi rất tinh tế của người điều khiển chương trình (nhà báo Nguyễn Viết Hưng), Phạm Anh Dũng khẳng định là trong lúc hành nghề anh dồn hết tinh thần và sự tận tụy của người y sĩ chứ chẳng để hồn nhạc vương vấn trong tâm tưởng khi đang chữa bệnh!

Đêm nhạc giao hòa tại OCC

Gần 1,000 khán giả ngồi kín hội trường của rạp hát Robert Moore, đại học Orange Coast, thị xã Costa Mesa, tối thứ Bẩy 18 tháng Chín 1993, theo dõi chương trình ca nhạc do Đoàn Lạc Hồng và các cựu giáo sư và sinh viên trường Quốc gia Âm nhạc Saigon trình diễn suốt hơn ba tiếng đồng hồ.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi, nguyên Giám đốc trường QGÂN, trong lời chào mừng khách thưởng ngoạn, đã hoan nghênh sáng kiến của các cựu môn sinh khi thực hiện chương trình ca nhạc phối hợp cả đông tây kim cổ này.

Qua những lời giới thiệu bằng cả hai thứ tiếng Việt và Mỹ, với giọng nói truyền cảm, của nhà văn Trần Diệu Hằng, chương trình diễn tiến với hai phần: phần 1 là nhạc cổ truyền Việt Nam và Á đông, phần 2 nhạc thính phòng Tây phương.

Khán giả thích thú ngay với màn mở đầu, do các em tuổi từ năm tới 15 trình diễn dân ca Việt Nam có cả lời tiếng Anh. Những em bé mặc quốc phục là một hình ảnh đẹp, và những tiếng ca trong trẻo hợp cùng những điệu bộ nhí nhảnh đã làm sáng sân khấu và tạo ấn tượng đẹp. Chỉ tiếc hệ thống âm thanh hơi yếu khiến các khán giả ngồi ở nửa sau của hội trường nghe không rõ lắm. Khuyết điểm này còn làm chìm mất nhiều nét độc đáo của âm thanh nhạc cổ truyền Việt Nam qua những nhạc cụ mà âm lượng không mạnh bằng các nhạc cụ tây phương, như đàn tranh, tì bà, tam thập lục, v.v...

Phần ca, với Thúy Anh, Anh Dũng và ban hợp xướng Lạc Hồng đã làm hài lòng người nghe và cho thấy có sự tập luyện công phu. Chỉ với hơn mười người, dàn hợp xướng đã trình bày với sự hòa diệu của những bè âm thanh "tiếng

Hai bác sĩ, Phạm Gia Nghị và Vương Đức Hậu, song ca bài "Em Về" của Phạm Anh Dũng, trong đêm văn nghệ ra mắt CD "Đưa Người Về Phương Đông."

khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa." Những người đã từng đi nghe Đoàn Lạc Hồng những năm trước, cũng tại thính đường Robert Moore này, đều nhận thấy những tiến bộ trong kỹ thuật hợp ca của ban hợp xướng này.

Điểm độc đáo của chương trình năm nay nằm ở chỗ có sự phối hợp tổ chức và trình diễn của nhóm cựu sinh viên ngành nhạc Tây phương, với những tên tuổi quen thuộc như Cao Thanh Tùng, Nguyễn Mỹ Lệ, Nguyễn Khánh Hồng, v.v... Tiếng dương cầm của Mỹ Lệ, và vĩ cầm của Khánh Hồng lần này chinh phục khán thính giả qua bản Czardas bay bướm, vũ bão.

Bản nhạc hòa tấu kết thúc chương trình là một sáng tác mới nhất của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi, nhan đề "Fantasia," viết cho bảy nhạc khí vừa đông vừa tây, trong đó có vĩ cầm, trung vĩ cầm, trung hồ cầm, đàn nguyệt, đàn tranh và đàn bầu. Nét nhạc rất mới, rất lạ, khiến những người quen nghe ca khúc thấy hơi tẻ, nhưng những người thích loại nhạc không lời cảm thông dễ dàng với những quằn quại của âm thanh...

Được biết đêm nhạc giao hòa này do đại học Orange Coast tổ chức hàng năm, để giới thiệu những nét đẹp văn hóa Việt Nam với thính chúng gồm đủ mọi sắc dân ở miền nam California. Đoàn Lạc Hồng do hai giáo sư cổ nhạc Nguyễn Thị Mai và Nguyễn Văn Châu gây dựng và hướng dẫn, đã quy tụ được khoảng 50 thành viên phần lớn là các bạn trẻ sinh viên học sinh, sinh hoạt rất đều đặn và được cộng đồng tin cậy trong vai trò bảo tồn và phát huy nghệ thuật cổ truyền Việt Nam ở hải ngoại. Dù chỉ có những ngày cuối tuần để tập dượt, vì mọi người trong Đoàn đều phải đi làm hay đi học, những buổi biểu diễn của Đoàn cũng luôn luôn được tán thưởng nồng nhiệt.

Ra mắt sách "Hồ Sơ Vua Duy Tân"

Thực ra, đây không phải một cuốn sách mới. Chính tác giả Hoàng Trọng Thược, 84 tuổi, cho biết cuốn "Hồ Sơ Vua Duy Tân" in lần đầu từ năm 1984. Cái mới trong buổi ra mắt sách này là sự xuất hiện của con trai cả vua Duy Tân: Hoàng Tử Georges Vĩnh San Bảo Ngọc. Ông hiện là công dân Pháp, sinh ra, lớn lên, làm việc và hiện cư ngụ tại đảo Réunion, lãnh thổ Pháp trên Ấn Độ dương. Tuy nhiên, cuốn sách "Hồ Sơ Vua Duy Tân" in lần 2 này cũng được bổ sung bằng nhiều tài liệu mới như những nhận xét, đánh giá của nhiều viên chức Pháp về vua Duy Tân, quyết định của chính phủ Pháp mới đây lấy tên "Vĩnh San" đặt tên cho một đại lộ của thủ phủ Saint Denis của đảo Réunion.

Khoảng ba trăm tân khách đã tham dự buổi ra mắt sách tại vũ trường Can, trên đường Euclid, chiều Chủ Nhật 19 tháng Chín 1993. Người ta cũng chú ý tới sự có mặt của hai con của cựu hoàng Bảo Đại là hoàng tử Bảo Ân và công chúa Phương Mai — sự có mặt này giúp dánh tan dư luận cho rằng có sự rạn nứt trong các chi của hoàng tộc Nguyễn Phước. Chính hoàng tử Bảo Ngọc, trong những cuộc phỏng vấn của báo chí, và qua bài phát biểu (bằng tiếng Pháp) mở đầu buổi ra mắt sách, đã nhấn mạnh rằng ông "không có mưu đồ chính trị," mà chỉ xuất hiện ở nhiều nơi nhân dịp ra mắt sách để đáp lại thịnh tình của người viết sách (Hoàng trọng Thược) và nhà xuất bản (Mõ Làng) đã có một công trình giúp mọi người hiểu rõ về vua Duy Tân hơn.■

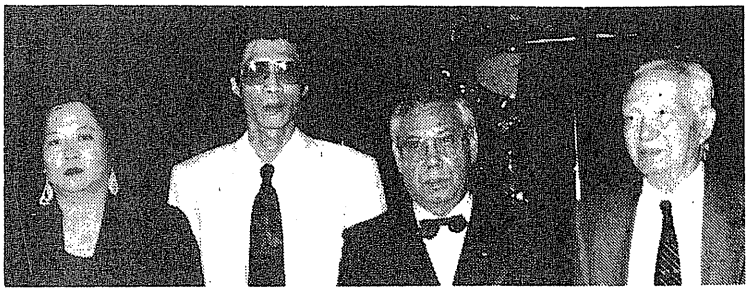

Công chúa Phương Minh và hoàng tử Bảo Ân (con vua Bảo Đại), hoàng tử Bảo Ngọc và tác giả Hoàng Trọng Thược.

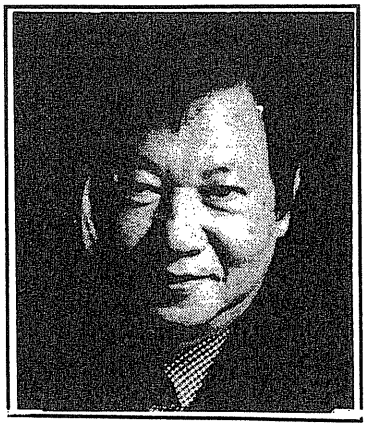

GS Nghiêm Phú Phi

Nguyễn Thị Mai

Nguyễn Khánh Hồng

Nguyễn Văn Châu

THẾ SỰ THĂNG TRẦM

VŨ ÁNH

Thủ tướng Yitzhak Rabin (Israel) bắt tay chủ tịch Yasser Arafat (PLO) trước sự chứng kiến của Tổng thống Bill Clinton (Hoa Kỳ).

Vầng thái dương mới trên bầu trời Trung Đông

Tin thời sự kết thúc một Mùa Hè nóng bỏng có lẽ là tin về thỏa hiệp hòa bình giữa Israel và Tổ Chức Giải Phóng Palestine PLO đã được ký kết. Các bản tin của 4 hãng thông tấn lớn nhất thế giới và mạng lưới truyền hình tại Mỹ đã truyền đi cả thế giới xem hình ảnh hai cựu thù trong gần nửa thế kỷ đã bắt tay nhau và sau đó cả hai cùng ngồi xuống đặt bút ký vào văn kiện lịch sử chấm dứt một cuộc đổ máu và hận thù đã " quá đủ."

Mười một giờ sáng ngày thứ Hai 13 tháng Chín, giờ Washington tức là 8 giờ sáng giờ California, bản tin AP và hệ thống truyền hình CNN tường thuật: Nghi lễ diễn ra ngoài trời, dưới sân cỏ phía Nam của Tòa Bạch Ốc. Trên bục danh dự kích thước 5métx8mét có 7 người: Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton, Thủ tướng Israel Yitzhac Rabin, Chủ tịch Tổ chức PLO Yasser Arafat, Ngoại trưởng Nga Andrei Kozyrev, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher, Ngoại trưởng Israel Shimon Peres và Phó Chủ tịch Tổ chức PLO Mahmoud Abbas tức Abu Mazen.

Văn kiện hòa bình được để trên chiếc bàn gỗ cổ 124 năm và cũng là chiếc bàn đã được dùng để ký thỏa ước hòa bình Camp David giữa Ai Cập và Israel năm 1979. Đó là chiếc bàn bằng cây óc chó (walnut) do Tổng Thống Grant đặt mua năm 1869.

Khán đài có sẵn mái che bằng nhựa để đề phòng trường hợp trời mưa. Ba ngàn ghế danh dự đã được dành cho quan khách, trong đó có các cựu Tổng Thống Jimmy Carter, George Bush, Ronald Reagan, bà Hillary Clinton Đệ nhất Phu Nhân Hoa Kỳ, hầu hết các Nghị Sĩ, Dân Biểu Quốc Hội Hoa Kỳ, các Bộ Trưởng Ngoại Giao của các nước, các cựu Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, các giới chức trong chính quyền Carter, Bush, các nhân viên phái đoàn từng tham dự hoà đàm Trung Đông v.v...

Một chi tiết đặc biệt: không có cảnh vẫy cờ, cử quốc thiều khi Thủ tướng Yitzhac Rabin và Chủ tịch PLO Yasser Arafat được Tổng thống Clinton đưa vào địa điểm hành lễ. Điều này đã được dàn xếp để tránh những khó khăn về mặt thủ tục vì cho đến bây giờ Palestine chưa phải là một quốc gia độc lập.

Buổi lễ đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Thủ tướng Rabin vẻ mặt nghiêm trang, không cười, trong khi Chủ tịch PLO Arafat đưa tay vẫy chào mọi người. Sau phát biểu ngắn của Tổng thống Clinton. Ngoại trưởng Israel Peres và Ủy Viên Abu Mazen của PLO, mỗi người ký tên vào hai bản văn kiện xác định cho 1.8 triệu người Palestine được có một chính quyền tự trị tại các vùng đất Israel tạm chiếm tại bờ Tây sông Jordan và dải Gaza. Sau đó hai Ngoại trưởng Mỹ Christopher và Ngoại trưởng Nga Kozyrev ký tên phó thự như là những nhân chứng. Thủ tướng Israel và Chủ tịch Arafat chỉ đứng để chứng kiến. Sau khi thỏa hiệp được ký, đến mục mà chương trình không thể dự liệu trước là Thủ Tướng Israel và Chủ tịch PLO bắt tay nhau ra sao. Arafat chủ động tiến một bước đưa tay qua trước mặt TT Clinton và sau một giây do dự, Rabin nắm lấy tay kẻ cừu địch cũ. Đây là hình ảnh lịch sử đã thay đổi cả hai bản đồ vừa chính trị vừa tâm lý trong vùng. Sự kiện lịch sử này chưa hẳn là đã mang hòa bình đến cho cả hai dân tộc Israel lẫn Palestin một cách suông sẻ, dễ dàng và mau chóng, nhưng chắc chắn nó sẽ qui định lại hình trạng của toàn vùng hơn bất kỳ một biến cố nào kể từ ngày Israel lập quốc năm 1948.

Cộng Đồng Thái Bình Dương Mới

Trước đó hành pháp Hoa Kỳ đã đánh dấu sự chú tâm của Hoa Kỳ vào vùng Thái Bình Dương khi ông Winston Lord, Thứ trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ đánh

dấu ghi nhận này bằng một bản tuyên bố.

Lên tiếng trong cuộc họp báo đặc biệt để trình bày chính sách của Hoa Kỳ với "Cộng đồng Thái Bình Dương Mới" (The New Pacific Community), ông Winston Lord cho hay Tổng thống Hoa Kỳ và Ngoại trưởng Warren Christopher đã đồng ý coi vùng Á Châu và Thái Bình Dương là vùng đất quan trọng nhất đối với Hoa Kỳ về nhiều phương diện khác nhau," đồng thời cũng là vùng "có tiềm năng phát triển mạnh nhất" của thế giới hiện nay.

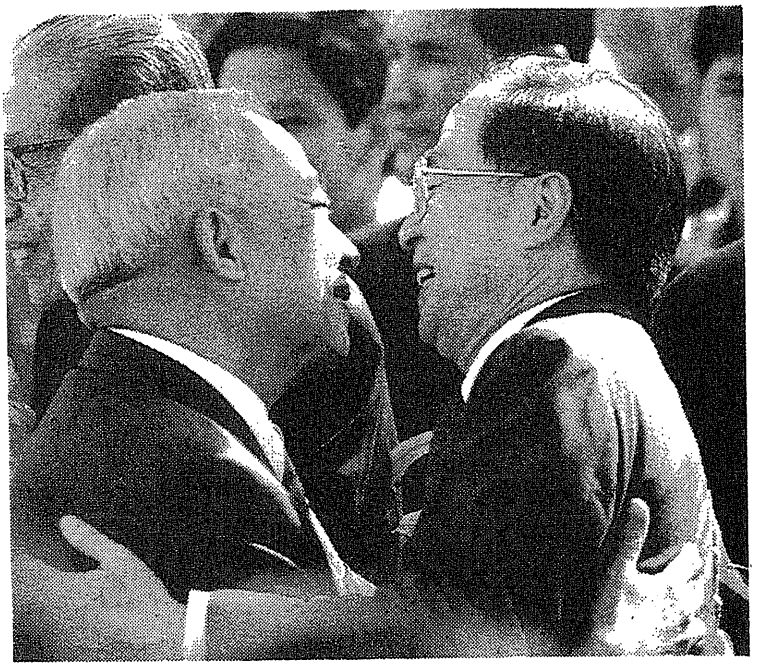

Ông Hoàng Norodom Sihanouk, bên trái, cùng ông Yasushi Akashi, người cầm đầu LHQ tại Kampuchia.

Hoa Kỳ tiếp tục cấm vận và tin tức mới về tù binh

Những nỗ lực vận động của CSVN không đem lại kết quả khi Tổng Thống Clinton đã lại duy trì việc lệnh cấm vận đối với Việt Nam thêm một năm nữa. Lệnh này tiếp tục có hiệu lực sau ngày 14-9-93.

Dư luận không mấy ngạc nhiên về quyết định trên vì trước đó đã có những nguồn tin mới về vấn đề tù binh được công bố, xuất phát từ một nguồn tin của hãng thông tấn Reuter. Theo tin Reuter, thì hôm 8-9-93, một tài liệu về tình báo của Liên Xô cũ cho biết rằng Hànội đã giữ hàng trăm tù binh Hoa Kỳ hơn mức mà họ đã nhìn nhận hồi đầu thập niên 1970.

Tài liệu tình báo này khi được công bố có thể làm cho những nỗ lực vận động của CSVN trở thành vô ích. Một giới chức trong giới ngoại giao Tây Phương nhìn nhận" Những tin này làm cho tình hình thêm phức tạp và dường như người ta có cảm tưởng rằng hiện nay vấn đề bang giao mau hay chậm là tùy thuộc vào Nga". Theo nhận định của giới ngoại giao thì mỗi khi người ta tưởng rằng vấn đề tới hồi kết cuộc thì Nga lại đưa ra một tài liệu mới từ trong văn khố mật của họ ra ánh sáng.

Tuy nhiên giới chức có thẩm quyền của CSVN cho rằng tài liệu tình báo trên do Ngũ Giác Đài trích thuật lại ở Hoa Thịnh Đốn là "không xác thực". Tuy nhiên lời bác bỏ chính thức sẽ chỉ được công bố sau khi Hànội nhận được đầy đủ các chi tiết của bản tài liệu.

Trong khi đó, người Việt Nam tại quận Cam bày tỏ sự tán thành khi nghe tin TT Clinton tiếp tục cuộc cấm vận đã tròn 18 tuổi đối với Việt Nam. Trần Hoàng, một chủ tiệm bán máy tính điện tử ngồi uống cà phê với bạn bè tại Asian Garden Mall tại Westminster, cho biết rằng ông ủng hộ quyết định của TT Clinton nhưng nói thêm "Duy trì lệnh cấm vận mà vẫn vẫn cho phép các công ty Hoa Kỳ làm ăn với VN một cách dễ dàng thì cũng vậy thôi." Nguyễn Vinh, một thợ hớt tóc tại Santa Ana nói: "Những gì chúng tôi mong mỏi là Hoa Kỳ tiếp tục duy trì cấm vận cho tới khi nào CSVN thực thi dân chủ và giải quyết cho xong vấn đề tù binh. Không có cấm vận tôi không tin là Mỹ có thể giải quyết ổn thỏa vấn đề tù binh và người Mỹ mất tích, một vấn đề mà cho tới nay dân chúng Mỹ vẫn còn đặt ra nhiều câu hỏi."

Thái tử Sihanouk lên làm vua

Thế là Thái tử Sihanouk đã trở thành Quốc Vương của Kampuchia sau khi bản Hiến pháp mới của Kampuchia đã dẫn đến việc phục hồi chế độ quân chủ như nền quân chủ hiện tại của Anh quốc.

Hồi đầu tháng chín, Thái tử Sihanouk giải thích rằng ông sẽ lên "trị vì chứ không phải là cai trị". Ông nói "Chế độ quân chủ tại Kampuchia là chế độ quân chủ đại nghị như của Anh quốc, tức vị quốc vương chỉ trị vì chứ không phải là cai trị. Việc Thái tử Sihanouk lập lại nền quân chủ tại Kampuchia đã làm cho CSVN có vẻ không được vui. Theo nhận định của một số nhà ngoại giao, việc lên ngôi vua của Thái tử Sihanouk có thể làm giảm hẳn ảnh hưởng của Việt Nam đối với Kampuchia, điều mà cho tới nay họ vẫn còn hy vọng sau khi có giải pháp hòa bình tại Kampuchia. Phong trào chống Việt Nam ngày càng lên cao.

Trong khi đó, nhân dân Kampuchia nhìn bản tân Hiến pháp với con mắt nghi ngại, dù rằng ông Hoàng Sihanouk đã cố gắng giải thích chế độ "quân dân chủ" tại Kampuchia. Ponleu Khmer, một liên minh gồm nhiều tổ chức phi chính phủ và các công dân Kampuchia đã tuyên bố họ không chấp nhận bản tân Hiến pháp. Họ cho rằng bản Hiến pháp đã được dự thảo trong bối cảnh không công khai.

Hoa Kỳ giảm bớt công chức và cải tổ Liên Bang

Tuần lễ thứ hai của tháng Chín được đánh dấu bằng một kế hoạch giảm bớt công chức và cải tổ chính quyền liên bang. Theo nguồn tin đặc biệt của AP, quyết định cải tổ này sẽ đưa tới sự sa thải bớt 252,000 nhân viên và tiết kiệm được 108 tỉ MK vào cuối thế kỷ này.

Dự án cải tổ dày đến 168 trang giấy sẽ được đem ra thảo luận tại Quốc Hội. Phó Tổng thống Al Gore được giao cho nhiệm vụ nghiên cứu vấn đề này từ sáu tháng qua cho biết có tới hơn phân nửa trong số 800 đề nghị của Ủy ban do ông cầm đầu đưa ra có thể sẽ được thi hành mà không cần phải có sự chấp thuận của Quốc hội. Phát ngôn viên Dee Dee Myers nói rằng 2/3 đề nghị chỉ cần sự chấp thuận của Tổng thống là đủ. Tuy nhiên Hành pháp hy vọng rằng, dựa vào lòng khao khát cải tổ nhanh chóng, Quốc hội sẽ thông qua những biện pháp cần thiết cho công cuộc cải tổ này.

Vấn đề gai góc mà hiện nay Hành pháp phải đối phó là tiến hành việc cắt giảm nhân viên theo đường lối nào. Trong tình hình kinh tế hiện nay, việc giảm 252,000 nhân viên gây ra mối lo ngại là chính phủ đang đi dần vào cái mê cung không có đường ra. Phó Tổng thống Al Gore trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo *New York Times* nói rằng "Chính phủ cũng cảm thấy khó khăn trong vấn đề này nhưng bắt buộc phải cải tổ. Chính phủ sẽ tìm cách kiếm việc làm cho những người mất việc hoặc tái huấn luyện để chuyển họ sang các lãnh vực làm việc khác."

Tòa Án Mỹ đòi Nguyễn Văn Hảo ra trình diện

Vụ tai tiếng đút lót tiền bạc để vận động bãi bỏ cấm vận, trong đó liên hệ đến một nhân vật của chánh quyền Saigon cũ là tiến sĩ Nguyễn Văn Hảo, Phó Thủ tướng đặc trách Kinh tế và Tổng đốc Quỹ Phát triển. Ông đã bị cáo buộc liên quan đến vụ được gọi là "Đưa hối lộ 700,000MK cho Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Ron Brown để vận động chính quyền bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam.

Vụ này cho tới nay bước sang một giai đoạn mới khi Đại Bồi thẩm đoàn Hoa Kỳ chính thức muốn nghe lời khai của một số nhân vật liên quan đến vụ này. Tin tức xuất phát từ Florida cho biết Đại Bồi thẩm đoàn đã gọi ông Nguyễn Văn Hảo ra trình diện để khai báo những liên hệ giữa ông và Bộ trưởng Thương mại Ron Brown, theo lời khai của một người Việt Nam khác là ông Lý Thanh Bình. Người được coi như đứng ra môi giới cho ông Hảo và ông Ron Brown gặp nhau là Marc Ashton cũng được mời ra trình diện tại Tòa Án.

Nguyễn Văn Hảo

Cho tới nay, Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Ron Brown vẫn nói làm gì có chuyện ông nhận hối lộ.

Kế hoạch Cải Tổ Y Tế của TT Clinton

Tổng thống Clinton vừa chính thức công bố kế hoạch cải tổ y tế của ông. Chương trình này có thể tóm gọn trong một nguyên tắc "Bảo đảm cho mọi người Mỹ đều được chăm sóc y tế qua chế độ bảo hiểm không nặng nề về giá cả chi phí như trong chế độ hiện tại." Đây là chương trình vô cùng quan trọng vì hiện nay còn tới 37 triệu rưỡi người Mỹ chưa có bảo hiểm y tế.

Chương trình được đưa ra lúc đầu gặp phải sự chống đối kịch liệt của giới bác sĩ, bệnh viện, luật sư và các hãng bảo hiểm. Nhưng nay Tổng thống Clinton đã trút bỏ được một số các chướng ngại và đã đưa ra trình bày trước Quốc Hội Mỹ vào tối ngày 22-9-93 vừa qua nhiều cơ quan truyền thông đã làm những cuộc thăm dò ý kiến dân chúng, cho biết có nhiều người ủng hộ dự án cải tổ y tế của Tổng thống Clinton.■

Tổng thống Clinton đọc đề án cải tổ y tế trước lưỡng viện quốc hội.

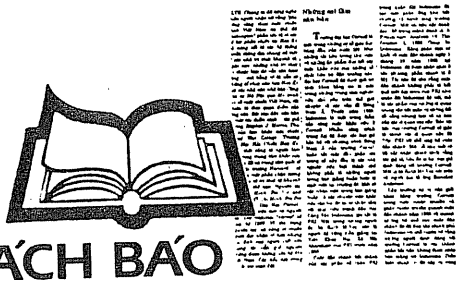

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

LÊ TAM CA
NGUYỄN NAM ANH

SÁCH

NGHỆ SĨ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI, Tập I, NGUYÊN SA, Đời xuất bản. Sách dày 332 trang. Đề giá 15 MK.

Nhà thơ Nguyên Sa khi viết cuốn sách này đã sử dụng chữ nghệ sĩ theo một nghĩa rất rộng. Ông gọi "nghệ sĩ gồm ca sĩ, nhạc sĩ sáng tác và nhạc sĩ trình diễn, người điều khiển chương trình, trong cả hai ngành tân nhạc và cổ nhạc."

Tuy nhiên ông nêu câu hỏi là có chăng một giới hạn cho từ nghệ sĩ của Nghệ Sĩ Việt Nam ở Hải Ngoại là không vượt ra ngoài thế giới trình diễn. Và cuốn sách này là "kỷ niệm của một thi sĩ lạc vào thế giới nghệ sĩ trình diễn."

Qua trên 300 trang sách, Nguyên Sa đã viết về Lệ Thu, Khánh Ly, Phạm Duy... và có cả Ngọc Chánh, Hương Lan, Linda Trang Đài. Nhiều hình ảnh quý. Sách trình bày đẹp.

Liên lạc:
Đời, P.O. Box 4658, Irvine, CA 92714.
Điện thoại (714) 552-7728

TÌNH YÊU TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA, NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn. Khai Trí xuất bản. Sách dày trên 600 trang. Đề giá 25 MK.

Như tựa đề, đây là một cuốn sách dành cho tình yêu, kho tàng của những tư tưởng, quan niệm, suy nghĩ về tình yêu. Một cuốn sách gối đầu giường của những người chưa yêu, đang yêu, sẽ yêu và đã yêu.

Sách gần nửa số trang là Danh Ngôn Tình Yêu với các mục Tình Yêu, Đàn Ông và Đàn Bà, Hôn Nhân, Hạnh Phúc yêu đương. Phần còn lại là những bài thơ Tình chọn lọc của nhiều nhà thơ Việt Nam và ngoại quốc.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Khai Trí
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 897-3356

XUÂN NGUYỆT, tiểu thuyết của BETTE BAO LORD, Hồng Giang dịch, Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày gần 700 trang. Đề giá 26 MK.

Người giới thiệu cuốn tiểu thuyết này là ông Trần Quốc Vượng, giáo sư sử học. Nguyên văn tựa đề cuốn sách là *Spring Moon* xuất bản ở New York, 1981. Cuốn sách đã được dịch ra 15 thứ tiếng và bản dịch tiếng Pháp *Lune de Printemps* của Pierre Alien do nhà xuất bản Club France Loisirs ấn hành năm 1983 được báo Figaro Madame coi là "quyển truyện hay nhất trong năm đã tới được nước Pháp."

Trong lời giới thiệu, ông Trần Quốc Vượng khiêm tốn nói rằng ông chỉ là người ham đọc truyện, chứ không phải là một chuyên gia về văn học nên không đủ tư cách giới thiệu cuốn truyện, chẳng qua là vì người bạn dịch giả tiếng Việt của ông thấy ông có chút ít tri thức về Trung Quốc Học nên mới nhờ ông hiệu đính.

Người bạn ông nói có thể xem Xuân Nguyệt như là một cuốn tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa. Nói một cách tóm tắt — như lời giới thiệu của nhà xuất bản Club France Loisirs — thì cuốn sách này đã tái hiện một cách tinh tế và sinh động bức tranh phức tạp về đời sống truyền thống ở nước Trung Hoa và những *tai họa* của cuộc cách mạng kéo dài kể từ cuối thế kỷ trước đến đầu những năm 70 (của thế kỷ 20).

Đây là một tiểu thuyết đòi hỏi người đọc phải bỏ nhiều thì giờ (tất nhiên vì chiều dày, và vì cuộc sống hối hả của Mỹ Quốc). Trong tủ sách gia đình của quý vị cũng cần có một cuốn.

HỒN TAN TRONG THƠ, tập thơ TRẦN VẤN LỆ, Khánh Hà xuất bản 1993, 200 trang, giá 10 MK.

Đây là tập thơ thứ hai của Trần Vấn lệ, cũng do "Trung Tâm Thơ Khánh Hà" ấn hành. Tập thứ nhất là "Bay Về Đâu Đó Ở Quê Hương" in năm 1992.

Trần Vấn Lệ làm thơ đã lâu, có thơ đăng trên hầu hết các báo Việt ngữ, ở trong nước trước 1975, và hải ngoại sau 1975.

Theo "Lời Ngỏ," Trần Vấn Lệ làm thơ rất dễ dàng, rất nhanh — chỉ trong hơn ba năm, ông đã viết được hơn ba ngàn bài thơ. Thơ của ông chải chuốt, không cầu kỳ nhưng rõ ràng, từ cách gieo vần đến cách dùng chữ, ông trân trọng ngôn ngữ và thi ca Việt. Thơ của ông, đúng như tên (Lệ) "lúc nào cũng ngập tràn nước mắt," nước mắt phẫn hận cho quê hương, nước mắt tủi hờn cho số kiếp, nước mắt xót xa của những cuộc tình lỡ...

"Hồn Tan Trong Thơ" gồm hơn 150 bài đủ thể loại, trong đó một số bài đã đăng trên *Thế Kỷ 21*.

Liên lạc: Khánh Hà
2008 Tobago Ave.
San Jose, CA 95122

NHỮNG GIỜ ĐÃ MẤT, quyển I (Lan Đại Nương Tử), của VÕ THÁNH TÂM, nhà Văn Nghệ phát hành, dày 402 trang, giá 10 MK.

Đây là quyển đầu trong một bộ trường thiên (?) năm quyển, viết từ năm 1958. Từ tựa sách đến tên các chương sách, và các đoạn văn, tác giả có văn phong nhuốm vẻ "truyện tàu," với chữ nghĩa khi bác học, khi nôm na. Vì chỉ là cuốn đầu của một bộ sách (có thể lên đến 2000 trang), người đọc chưa nắm bắt được kết cấu câu chuyện, nhưng mỗi đoạn, mỗi chương là những chi tiết cho thấy đời sống của một thời đại qua hành trạng của nhân vật chính xưng

"tôi."

Liên lạc: Văn Nghệ
P.O. Box 2031
Westminster, CA 92683

HỒ SƠ VUA DUY TÂN (Thân thế và sự nghiệp) của HOÀNG TRỌNG THƯỢC, Nhà Mõ Làng xuất bản 1993 (in lần thứ hai), dầy hơn 400 trang. Giá 20 MK.

Tập "hồ sơ" chứa đựng nhiều tài liệu do nhiều sử gia hoặc chứng nhân ghi chép. Soạn giả họ Hoàng đã gom góp, sắp xếp, tra cứu thêm, phỏng vấn các nhân vật, để "kể lại cuộc đời tranh đấu" của vị vua gần cuối của nhà Nguyễn, bị Pháp khống chế, bắt thoái vị và lưu dày ở đảo Réunion.

Đây là sách tái bản có bổ sung, nên so với bản in lần đầu năm 1984 có nhiều tài liệu mới, chẳng hạn lễ cải táng và đưa di cốt Duy Tân từ Trung Phi về Việt Nam, việc đặt tên đường "Vĩnh San" (tức vua Duy Tân) tại thành phố St. Denis, thủ phủ của đảo Réunion, và một số phát biểu của các nhà văn, nhà báo, nhà viết sử.

Liên lạc: Hoàng Trọng Thược
3214 S. Timber St.
Santa Ana, CA 92707

BÁO

ĐẶC SAN CHIU VĂN AN HÈ 1993, của Hội Ái Hữu cựu Học Sinh Bưởi & Chu Văn An (San Jose).

Báo dày trên 70 trang, khổ 8 1/2 x 11, bìa lọc màu với tranh của Mùi Quý Bồng, không đề giá bán. Đây là nhóm cựu HS Bưởi và Chu Văn An có hoạt động đều đặn nhất, thể hiện qua việc ấn hành đúng hạn kỳ mỗi năm một tờ đặc san (đã có các đặc san Hè 88, 89, 90, 91 và 92).

Liên lạc: Lê Duy San
650N Jackson Ave. # 13,
San Jose, CA 95133

ĐẶC SAN DÒNG VIỆT, số 1, chủ đề "Ngôn Ngữ Văn Tự Việt Nam." Báo do Hà Mai Phương chủ biên, có giáo sư Nguyễn Đình Hòa làm cố vấn, và nhiều cộng tác viên từ nhiều nơi trên thế giới như Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn Thế Anh, Phạm Văn Hải v.v... Số báo này cũng là số báo dành để tưởng niệm một nhà ngữ học uy tín, cố giáo sư linh mục Lê Văn Lý.

Báo dày 300 trang, khổ 6 x 9, giá $15.00.
Liên lạc: Dòng Việt
P.O. Box 1061
Campbell, CA 95009-1061

Báo nhận được:

Trong tháng qua, TK21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- *Góp Gió* đặc san tháng 9/93, P.O. Box 602, Station P. Toronto ONT, M5S 2JO, Canada.
- *Diễn Đàn*, số 22, BP50, 92340 Bourg là Reine, France.
- *Người Dân*, số 36, P.O. Box 2674, Costa Mesa, CA 92628.
- *Cánh Én*, số 26, Postlagend, W-8500 Nurnberg 82, Germany.
- *Sinh Hoạt Cộng Đồng*, số 4-5/93, Carlos - Grethe - Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- *Văn Học*, số 89, P.O. Box 1359 Graden Grove, CA 92642-1359.
- *Thế Giới Ngày Nay* (Wichita), số 113, 410 W 21ST St., Wichita KS 67203.
- *Dân Chúa* (Âu Châu), số 131, Pfizerstr.5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- *Việt Luận, các số từ 820 đến 827, P.O. Box 99 Bankstown, NSW 2200, Australia.*
- *Dân Việt*, các số 3, 4, 7 và 8, P.O. Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- *Cuộc Đời*, số 3, 10512 Bolsa Ave # 205, Westminster, CA 92683.
- *Thời Sự*, số 93, 1585 N 4th St. # F, San Jose, CA 95112.
- *Tin Nhà*, số 12, 54 Ave. Léon Blum 92160 Antony, France.
- *Thông Tin*, số 4, Postfach 6266, 30062 Hannover, Germany.
- *Thiện Chí*, số 9, Postlagernd 45667 Recklinghausen, Germany.
- *Vietnam Press*, số 1, P.O. Box 2454 - M8 Westminster, CA 92684.
- *Non Sông*, số 49, 15111 Moran St., Westminster, CA 92683.
- *Ngày Nay*, 3121 San Jacinto, Houston, TX 77004.■

NGUYEN TRONG KHOI
Recent Paintings

THE MAYOR'S OFFICER OF THE ARTS AND HUMANITIES
is pleased to invite you to the opening reception for artist
NGUYEN TRONG KHOI
exhibit in the SCOLLAY SQUARE GALLERY, etc.

October 7 - October 31, 1993
SCOLLAY SQUARE ART GALLERY
BOSTON CITY HALL
PLAZA LEVEL

OPENING RECEPTION
THURSDAY, OCT. 7, 1993
5:30 - 7:30 PM

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng.

VISA · AMERICAN EXPRESS Cards · MasterCard

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ
Cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt
Của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng

VÀ CÓ THÊM QUÀ TẶNG

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100.000 NGƯỜI ĐẾN.
MỘT NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.
MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

1310 W. STEWART DRIVE, SUITE # 606, ORANGE, CA 92668

(714) 997-9494

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

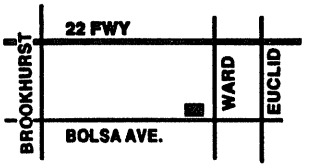

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

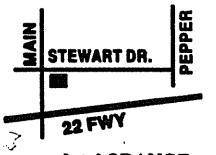

Phòng mạch tại WESTMINSTER
Thứ Ba, Năm, Bảy: 10AM - 6:00PM

Phòng mạch tại ORANGE
Thứ Hai, Tư, Sáu: 9:00AM - 5:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 ▪ 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương. Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.